

Dịch từ bản tiếng Anh: All The Pretty Horses
NXB Picador

All The Pretty Horses

Copyright © 1992 by Cormac McCarthy

Vietnamese language translation copyright © 2010 by Youbooks,
Imprint of MekongCom Corp.

Copyright arranged with ICM c/o Curtis Brown Group Limited.
All Rights Reserved

Bản dịch tiếng Việt do Youbooks thực hiện và xuất bản theo thỏa thuận
liên kết xuất bản với ICM c/o Curtis Brown Group Limited. Mọi sự sao
chép, trích dẫn, xuất bản hay phát hành dưới bất kỳ hình thức nào đều phải
được sự đồng ý bằng văn bản của Youbooks - Công ty Cổ phần TM-DV
MekongCom.

Địa chỉ: 119-121 Bàu Cát 3, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: 08.39492343 Fax: 08.39492344

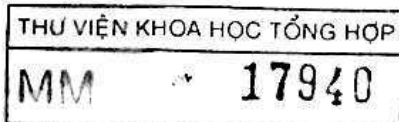
Website: www.vinabook.com

CORMAC MCCARTHY

Những Con Tuấn Mã

Nguyễn Quang dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN



I

Ánh nến phản chiếu le lói trong chiếc gương soi lớn và bỗng bất động khi cậu bước vào gian phòng rồi đóng cánh cửa lại. Cậu cời chiếc nón và bước chầm chậm về trước. Sàn thêm bằng gỗ ván kêu ken két dưới đôi ủng rê bước của cậu. Trong bộ comple đen, cậu đứng trước mặt kính tối mờ, nơi những cành hoa huệ ngả nghiêng rũ rượi trong chiếc lọ thủy tinh cổ. Dọc theo hành lang lạnh lẽo phía sau cậu là những bức chân dung ông bà tổ tiên mà trong cậu chỉ là ký ức mơ hồ, tất cả được đặt trong những khung kính và được thắp sáng mờ mờ phía trên mặt ván ốp chân tường. Nhìn xuống cái tàn nến sắp sửa tắt, cậu nhấn ngón tay cái của mình vào chỗ sáp âm ỉm chảy tràn xuống mặt gỗ sồi. Cuối cùng cậu nhìn vào khuôn mặt hăm sâu và khổ sở giữa những nếp gấp của chiếc khăn liệm, hàm râu úa vàng, mi mắt mảnh mai như lá liễu. Không phải đang ngủ.

Bên ngoài trời tối đen, lạnh cóng và lặng gió. Từ đằng xa vọng lại tiếng kêu oang oang của con bê. Cậu đứng đó với

chiếc nón trong tay. Cả đời ông không bao giờ chải tóc như thế này. - Cậu nói.

Bên trong ngôi nhà không có âm thanh nào ngoại trừ tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ con lắc phía trên lò sưởi trong gian phòng trước. Cậu bước ra ngoài và đóng cửa lại.

Trời tối đen, lạnh lẽo và lặng gió, và một con đường xám xịt mờ mờ trải dọc theo rìa phía đông của địa cầu. Cậu bước ra ngoài giữa đồng cỏ bao la, đứng cầm chiếc nón như một kẻ cầu khẩn trong cái bóng tối dày đặc bao trùm, và cậu đứng đó một lúc lâu.

Khi bắt đầu bước đi, cậu nghe tiếng còi tàu. Cậu dừng lại và đợi. Cậu có thể cảm nhận chuyển động đó dưới chân mình. Con tàu lộ lộ từ hướng đông như một vệt tinh của mặt trời rạng sáng găm rú ở xa xa và một vệt ánh sáng dài từ bóng đèn pha phía trước, di chuyển xuyên qua những vũng đầm lầy dây leo chằng chịt, hướng theo dây hàng rào bất tận trong màn đêm sâu thẳm dẫn thẳng vào đường ray ưu tiên, và rồi lấy hơi tiếp tục từng chặng tiến sâu vào bóng đêm, để lại phía sau một cột khói hỗn độn và tan dần vào một chân trời mới xa xăm, âm thanh còi tàu vẫn vang vọng phía sau, và cậu đứng đó, hai tay vẫn giữ chiếc nón trong sự rung chuyển còn đọng lại của con tàu, cậu quan sát cho đến khi con tàu hoàn toàn biến mất. Rồi cậu quay trở lại căn nhà.

Khi cậu bước vào, từ nhà bếp bà ngược mắt nhìn và quan sát cậu từ trên xuống dưới trong bộ comple đang khoác trên người. - *Chào buổi sáng* (*) - Bà nói.

(*) Những đoạn hội thoại được in nghiêng trong quyển sách này là để biểu thị nhân vật nói chuyện với nhau bằng tiếng Tây Ban Nha.

Cậu treo chiếc nón lên cái mắc bên cạnh cánh cửa ra vào giữa những chiếc áo mưa dài tay, áo bành tô và những bộ yên cương cũ kỹ rồi đến bếp lò, lấy cà phê và mang lại bàn. Bà mở nắp lò nướng và lấy ra một mẩu bánh ngọt mà bà đã làm sẵn rồi mang đến đặt trước mặt cậu cùng với một con dao cắt bơ. Bà đưa tay sờ phía sau đầu cậu trước khi trở lại bếp.

- Cháu thần phục cách thấp nển của bà đấy. - Cậu nói.

- Cái gì?

- Cây nển. Cây nển.

- Không phải tôi đâu. - Bà cụ nói.

- Bà ấy ư?

- Dĩ nhiên rồi.

- Bà ấy dậy chưa?

- Trước mặt tôi đây.

Cậu uống tách cà phê. Bên ngoài trời vẫn mờ tối và Arturo đang tiến về phía ngôi nhà.



Cậu gặp mặt cha mình trong buổi tang lễ. Đứng một mình bên kia con đường rải sỏi nhỏ gần hàng rào. Ngay lúc ông bước đến chiếc xe đang đậu trên đường, cậu quay trở lại. Một ngọn gió bắc dữ dội kéo đến mang theo những cơn mưa tuyết và tro bụi bão bùng trong khí trời giữa buổi sáng. Những người phụ nữ ngồi giữ chặt những chiếc nón của mình. Họ dựng một mái che phía trên phần mộ nhưng cơn gió hất ngang và vì vậy xem ra cũng chẳng ăn thua gì. Tầm vãi bạt phần phật và lạch cạch liên hồi trong ngọn gió mạnh át lời tạ ơn của ông mục sư. Khi nghi lễ kết thúc cũng

là lúc những người than khóc đứng dậy ra về, và những chiếc ghế họ ngồi thì nhau ngã nhào ngổn ngang giữa những tấm bia mộ

Tối đêm đó, từ ngôi nhà, cậu đóng cương ngựa và phi thẳng về hướng tây. Ngọn gió đã dịu đi nhiều và trời lạnh cóng, mặt trời ngã màu đỏ rực rồi chuyển sang hình êlip dưới những áng mây màu máu trước mắt cậu. Cậu đi về nơi cậu muốn đến, về nơi khúc rẽ hướng tây của con đường Comanche già cỗi dẫn xuống từ địa hạt Kiowa về phía bắc, băng xuyên qua vùng cực tây của nông trại. Bạn có thể nhìn thấy dấu vết mờ mờ của nó ở hướng nam phía trên vùng đồng cỏ trũng thấp nằm giữa hướng bắc và ngã rẽ chính giữa của sông Concho. Vào cái giờ phút ấy, cậu luôn chọn lúc những chiếc bóng trải dài và con đường cũ mòn được định sẵn trước mặt cậu trong cái bóng xế tà đỏ rực như một giấc mơ của quá khứ, nơi những con ngựa bông và người cưỡi từ một bộ tộc bị tước đoạt xuất hiện từ phương bắc với những khuôn mặt trát phấn và những mái tóc dài được bện thành lọn, mỗi người đều được trang bị cho cuộc chiến vốn là cuộc sống của họ, phụ nữ và trẻ em, và phụ nữ với những em bé đang ẵm trên tay, tất cả họ cùng thể đổ máu và chỉ có thể cứu chuộc bằng máu. Khi ngọn gió thổi từ hướng bắc, bạn có thể nghe tiếng họ; những con ngựa và hơi thở của chúng, móng chúng được đóng trong những đôi giày bằng da sống; tiếng lách cách lách cách của những cây thương; tiếng loạt xoạt không dứt trong cát của những cây cọc kéo gấn vào hông ngựa như tiếng băng ngang của loài bò sát khổng lồ nào đó; những thằng bé trần truồng trên những con ngựa hoang hí hửng như những người biểu diễn xiếc ngựa, và dùng roi thúc chúng tiến nhanh về trước; những con chó chạy lóc cóc phía

sau, nửa thân trần trụi, nặng nề, và hơn hết là tiếng ngâm r
trăm trăm của bài ca du hành mà họ cất lên khi cưỡi ngựa,
tộc và hình bóng của bộ tộc...

Cậu cưỡi đi trong ánh mặt trời đỏ rực và ngọn g
mạnh thổi đến từ hướng tây. Cậu rẽ theo hướng nam đ
theo con đường mòn và người ngựa leo lên đỉnh một ng
đồi nhỏ. Cậu xuống ngựa, buông dây cương, bước đi
đứng lại như một người đàn ông tìm đến điểm tận cùng c
một cái gì đó.

Một cái sọ ngựa lâu năm trong bụi rậm, cậu ngồi xổ
xuống và nhặt lên, lật qua lật lại trong hai bàn tay. Mỏ
mảnh và dễ vỡ. Màu trắng giấy đã bạc màu. Cậu ngồi xổ
xuống dưới một khe sáng trải dài và cảm nó, những chi
răng lung lay ở các lỗ hốc. Những khớp nối trong chiếc
như một mối hàn rời rạc giữa các mảnh xương. Một nă
nhỏ cát cầm lặng đổ ra khi cậu lật chiếc hộp sọ.

Những gì cậu yêu ở ngựa cũng chính là những gì cậu y
ở con người, máu và sức nóng của máu đã chảy trong chứ
Tất cả sự quý trọng của cậu, sự yêu mến và hiểu biết của c
về cuộc đời mình tạo nên một sức sống mãnh liệt, chú
luôn luôn là như vậy và sẽ không bao giờ khác đi.

Cậu cưỡi ngựa quay lại trong màn đêm. Con ngựa tắ
tốc. Những ánh sáng cuối cùng trong ngày từ từ tan đ
trên đồng cỏ bao la phía sau cậu, và rồi thu về đến tận ch
trời trong sự chán chường ảm đạm của bóng tối, màn đê
và lạnh lẽo, và một vài tiếng riu rít của những chú chim
khuất đầu đó trong cái bụi rậm mờ mờ. Cậu lại băng qua c
đường mòn, thúc ngựa chạy lên đồng cỏ và hướng về nh
nhưng các chiến binh sẽ tiếp tục trong màn đêm đó, hùng

tiến bước với những khí cụ thời đồ đá của họ rồi dịu dàng hát lên với một tâm huyết và khát khao vượt qua những đồng cỏ bao la tiến về Mexico.



Ngôi nhà được xây dựng vào năm 1872. Bảy mươi bảy năm sau, ông ngoại cậu vẫn là người đầu tiên yên nghỉ nơi đây. Những người khác nằm trang nghiêm trong gian phòng đó đều được mang về trên một tấm ván che, hoặc được phủ bởi tấm phủ của xe ngựa, hoặc được chuyển đến trong một cái thùng bằng gỗ thông thô sơ với người cưỡi ngựa đứng ở cửa, tờ vận đơn trong tay. Những người đã ra đi. Một bức thư. Một bức điện tín. Trang trại nguyên sơ rộng 2.300 mẫu Anh theo hiệp ước Meusebach cũ về quyền cấp đất Fisher-Miller, ngôi nhà trước đó chỉ là một cái chòi nhếch nhác làm bằng gỗ vụn, phen liếp. Đó là vào năm 1866. Năm mà đoàn gia súc đầu tiên được lùa qua vùng đất mà giờ đây vẫn gọi là Địa hạt Bexar và băng qua vùng cực bắc của trang trại, đến Thành lũy Sumner và Denver. Năm năm sau, ông cố ngoại cậu đã gửi đi sáu trăm con bò đực thiến di chuyển qua cùng con đường mòn này và với số tiền có được ông đã xây dựng ngôi nhà; lúc ấy trang trại rộng 18.000 mẫu Anh. Vào năm 1883, họ dựng hàng rào kẽm gai đầu tiên. Khoảng năm 1886, toàn bộ trâu chết rụi. Cũng cái mùa đông ác nghiệt đó. Vào năm 1889 Thành lũy Concho bị tan rã.

Ông ngoại của cậu là anh cả trong tám người con trai và cũng là người duy nhất sống qua cái tuổi hai mươi lăm. Họ chết đuối, bị bắn hoặc bị ngựa đá. Họ bỏ mạng trong hỏa hoạn. Dường như họ sợ phải chết trên giường. Hai người cuối cùng thiệt mạng ở Puerto Rico vào năm 1898, và trong

năm đó ông ngoại đã lấy vợ rồi mang cô dâu về nhà để trông nom trang trại, và hẳn ông đã muốn bỏ đi ra ngoài để đứng nhìn gia sản của mình và ngắm nghĩ rất lâu về đường lối của Chúa, về luật thừa kế cho con trai cả. Mười hai năm sau khi vợ ông bị dịch cúm cuốn mất, họ vẫn chưa có đứa con nào. Một năm sau ông lấy bà chị gái của người vợ quá cố; một năm sau nữa mẹ của cậu bé ra đời và đó là đứa con duy nhất mà ông có. Cái tên Grady bị chôn vùi cùng với ông cụ vào cái ngày mà ngọn gió bắc thổi ngã những chiếc ghế trên bãi cỏ nghĩa trang. Tên của cậu bé là Cole. John Grady Cole.



Cậu gặp cha mình ở hành lang nhà thờ St Angelus và họ cùng bước trên con đường Chadbourne đến quán cà phê Chim Ưng, họ ngồi ở một góc phía sau. Một vài người đã đến trước đó ngừng nói chuyện khi thấy họ bước vào. Vài gã gật gù với cha cậu và có gã thốt lên cái tên của ông ấy.

À hầu bàn gọi mọi người là búp bê yêu. À tiếp nhận yêu cầu của họ và tán tỉnh cậu. Cha cậu rút ra gói thuốc và đốt một điếu, đặt gói thuốc lên bàn rồi đặt chiếc bật lửa Zippo Sư Đoàn Ba Bộ Binh lên gói thuốc, ngửa người về phía sau, hút thuốc và nhìn cậu. Ông nói rằng chú Ed Alison của cậu đã đến gặp mục sư sau khi tang lễ được tuyên bố và bắt tay ông ấy. Cả hai cùng đứng đó nắm chặt những chiếc nón trong tay và nghiêng người ba mươi độ trong ngọn gió giống như hai danh hài thuộc loại kịch vôđơvin trong khi tấm vải bạt bay phấn phật, va đập dữ dội, và những người dự tang lễ đuổi theo những chiếc ghế ngã đổ xuống mặt đất. Ông quay nhìn vị mục sư và nói lớn rằng thật là một điều tốt lành khi họ đã tổ chức việc an táng vào sáng hôm đó bởi

tình hình này có thể chuyển thành một cú sốc thực sự trước khi ngày đó trôi qua.

Ông bố lặng lẽ cười. Rồi ông chuyển sang ho. Ông nhấp miếng nước, hút thuốc và lắc đầu.

- Một người bạn thân của cha, khi trở về từ vùng cán xoong, đã có lần nói với cha rằng nếu ở đó trời ngưng gió thì đàn gà sẽ chết.

À hầu bàn mang cà phê đến. Của các anh đây, những con búp bê yêu. - À nói. - Tôi sẽ xử lý tất cả yêu cầu của các anh chỉ trong vòng một phút.

- Bà ấy đã từng đến San Antonio. - Cậu nói.

- Đừng gọi là bà ấy.

- Mẹ.

- Ừ.

Họ uống cà phê.

- Con định làm gì?

- Về chuyện gì?

- Bất cứ chuyện gì.

- Bà có thể đi đâu bà muốn.

Chàng trai nhìn ông: Bố không nên hút thuốc nhiều như vậy.

Bố cậu bĩu môi, gõ những ngón tay lên bàn và ngược lên. Khi bố muốn hỏi con rằng bố sẽ làm gì đây thì con phải hiểu rằng con đủ lớn để nói cho bố biết. - Ông nói.

- Dạ, thưa bố.

- Con có cần tiền không?

- Không.

Ông nhìn chàng trai trẻ và nói: Con sẽ ổn thôi.

À hầu bàn mang bữa tối đến, những chiếc đĩa dày cộm bằng sứ với thịt nướng, nước sốt, đậu và khoai tây.

- Con sẽ ăn hết bánh mì của bố.

Ông bố nhét chiếc khăn ăn vào áo.

- Không phải con là người phải lo lắng. - Chàng trai nói.

- Con có thể nói thế chứ?

Ông bố cầm lấy con dao và cắt miếng thịt. Ừ. - Ông nói.

- Con có thể nói điều đó.

À hầu bàn mang một ổ xúc xích đến, đặt lên bàn rồi bỏ đi. Họ ăn. Ông bố không ăn nhiều. Sau một hồi ông đẩy ngược chiếc đĩa lại bằng ngón tay cái của mình, với lấy một điều thuốc khác, đưa lên miệng, dùng tay búng nhẹ vào chiếc bật lửa và đốt.

- Con có thể nói bất cứ điều gì trong đầu con. Quý thật. Con có thể chê bai bố về thói quen hút thuốc của bố nếu con muốn.

Chàng trai không trả lời.

- Đó không phải là điều bố muốn, con biết chứ?

- Vâng. Con biết điều đó.

- Con chăm sóc Rosco tốt chứ?

- Nó chưa thể cưỡi được.

- Tại sao chúng ta không đi vào thứ bảy?

- Được ạ.

- Con không nên đi nếu có việc khác phải làm.

- Con chẳng có gì để làm cả.

Bố cậu lại hút thuốc, ông nhìn cậu.

- Con không phải đi nếu con không muốn. - Ông nói.

- Con muốn.

- Con và Arturo có thể đón bố ở phố được không?

- Được ạ.

- Máy giờ?

- Tùy bố?

- Bố sẽ đến đó.

- Chúng ta sẽ có mặt ở đó vào lúc tám giờ.

- Bố sẽ đến.

Chàng trai gật đầu. Cậu lại ăn. Ông bố nhìn quanh. Bố không hiểu con có thể gặp ai ở nơi này để mua một ít cà phê.
- Ông nói.



Cậu và Rawlins tháo yên và thả ngựa ra trong màn đêm; cả hai nằm trên những tấm vải của yên ngựa và dùng chính những chiếc yên ngựa đó làm gối. Đêm lạnh và quang đãng, những tia lửa bắn lên từ đồng lửa, nóng và đỏ rực giữa các vì sao. Họ có thể nghe tiếng những chiếc xe tải chạy trên đường và họ có thể nhìn thấy những ánh đèn của thành phố phản chiếu qua vùng đất hoang sơ mười lăm dặm về hướng bắc.

- Cậu định làm gì? - Rawlins nói.

- Tôi không biết. Chẳng gì cả.

- Tôi không biết cậu muốn gì. Gã lớn hơn cậu hai tuổi. Có xe riêng và mọi thứ.

- Chẳng có gì liên quan đến gã ấy cả. Chẳng hề.

- Bà ấy nói gì?

- Bà ấy chẳng nói gì. Nói gì ư? Chẳng có gì để nói cả.

- Ủ, tôi chẳng hiểu cậu muốn gì.

- Tôi không muốn gì cả.

- Thứ bảy này cậu có đi không?

- Không.

Rawlins lấy từ túi áo một điều thuốc và ngồi dậy, gấp một que than từ đồng lửa và đốt. Anh ta ngồi hút. Tôi không để bà ấy qua mặt đâu. - Anh ta nói.

Anh ta chậm đầu tàn thuốc vào gót của chiếc ủng.

- Bà ấy không đáng được như vậy. Không ai trong họ là đáng cả.

Im lặng một hồi. Rồi cậu nói: Phải, đúng vậy.

Khi trở về, cậu chải cho ngựa, đưa nó vào chuồng và bước thẳng xuống nhà bếp. Luisa đã đi ngủ và ngôi nhà trở nên tĩnh lặng. Cậu đặt bàn tay lên bình cà phê để kiểm tra, rồi lấy xuống một chiếc tách, đổ cà phê vào và bước ra ngoài đến gian phòng trước.

Cậu bước vào phòng của ông ngoại, đến bên chiếc bàn làm việc của ông, bật đèn bàn và ngồi xuống chiếc ghế xoay bằng gỗ sồi cũ kỹ. Trên bàn là một cuốn lịch nhỏ bằng đồng được gắn trên những chiếc bánh xoay, có thể thay đổi ngày tháng khi bạn lật ngược nó trên một cái giá cố định. Lúc này cuốn lịch vẫn để ngày 13 tháng 9. Một cái chặn giấy bằng

thủy tinh. Một xấp giấy thấm ghi Palmer Feed & Supply. Bức ảnh tốt nghiệp trung học của mẹ cậu trong chiếc khung nhỏ bằng bạc.

Căn phòng thoáng mùi thuốc lá cũ. Cậu nghiêng người, tắt cây đèn nhỏ bằng đồng và ngồi trong bóng đêm. Qua cánh cửa sổ phía trước cậu có thể nhìn thấy đồng cỏ đầy sao nghiêng dốc đột ngột về hướng bắc. Những hình thập giá màu đen của những trụ điện báo liên kết với nhau ngang qua chòm sao từ đông sang tây. Ông ngoại đã từng nói rằng người Comanche sẽ cắt những sợi dây điện đó và nối chúng lại bằng những sợi lông ngựa. Cậu ngả người ra sau, bắt chéo hai chiếc ủng lên bàn. Những tia chớp khô về hướng bắc, cách xa bốn mươi dặm. Chiếc đồng hồ ở căn phòng nằm bên kia gian phòng lớn điểm mười một giờ.

Bà bước xuống cầu thang và đứng ở cửa phòng, bật đèn được gắn sẵn trên tường. Bà mặc chiếc áo choàng và đứng khoanh tay, hai cùi chỏ nằm trong hai lòng bàn tay. Cậu nhìn bà và rồi nhìn ra cửa sổ.

- Cháu làm gì ở đây? - Bà hỏi.

- Ngồi.

Bà đứng đó một hồi lâu trong chiếc áo choàng của mình. Rồi bà trở ra, đi xuống gian phòng lớn rồi lên lại cầu thang. Khi nghe tiếng cửa đóng, cậu đứng dậy và tắt đèn.

Vẫn còn một vài ngày ấm áp cuối cùng và thỉnh thoảng, vào buổi chiều, cậu và bố cậu ngồi trong phòng khách sạn có nội thất màu trắng bằng liễu gai, cửa sổ mở và bức màn mỏng được đan bằng kim móc bay phấp phật vào trong; họ uống cà phê, ông bố đổ một ít whisky vào chiếc tách của mình, ngồi nhâm nhi, hút thuốc và nhìn xuống con đường.

Những chiếc ô tô của nhóm trinh sát giếng dầu đậu dọc theo con đường trông như đang nằm ở vùng chiến.

- Nếu có tiền bố sẽ mua chứ? - Cậu nói.
- Bố có tiền nhưng bố không mua.
- Ý bố là tiền lương trả chậm trong quân đội?
- Không. Kể từ đó.
- Bố đã từng thắng được nhiều nhất là bao nhiêu?
- Con không cần biết. Học chỉ những thói quen xấu.
- Tại sao bố không chơi cờ vào một buổi chiều nào đó?
- Bố không có kiên nhẫn để chơi.
- Bố có kiên nhẫn để chơi bài poker.
- Đó là sự khác nhau.
- Khác ở chỗ nào?
- Tiền.

Họ ngồi xuống.

- Vẫn còn rất nhiều tiền ở khu đất dưới kia. - Ông nói.

Ông nhấp cà phê. Ông chồm xuống và lấy gói thuốc đã rơi xuống bàn, đốt một điếu, nhìn cậu con trai, rồi lại nhìn xuống đường. Sau một hồi, ông nói:

- Bố đã thắng hai mươi sáu ngàn đôla trong hai mươi hai giờ chơi bài. Ván cuối cùng đặt cược đến bốn ngàn đôla, ba người chơi. Hai gã từ Houston. Bố đã thắng chắc gã kia với ba con đấm.

Ông quay người nhìn cậu. Cậu ngồi với tách cà phê đang đưa lên miệng. Ông bật quay trở lại và nhìn ra ngoài cửa sổ. Bố không có một xu nào trong đó. - Ông nói.

- Thế bố nghĩ con nên làm gì?

- Bố không nghĩ có nhiều điều con có thể làm.

- Bố sẽ nói chuyện với mẹ chứ?

- Bố không thể nói chuyện với bà ấy.

- Bố có thể mà.

- Lần gặp nhau cuối cùng giữa bố và mẹ con là ở San Diego California vào năm 1942. Không phải lỗi của mẹ con. Bố không còn là bố trước đó. Bố mong mình như thế. Nhưng bố không phải như thế.

- Chính là bố. Vẫn là bố đấy thôi.

Ông bố ho. Ông uống tách cà phê của mình. Bên trong.
- Ông nói.

Họ ngồi một hồi lâu.

- Bà ấy như trong một vở kịch hoặc một điều gì đó ở đằng kia.

- Vâng. Con biết.

Cậu cúi người nhặt chiếc nón của mình đang nằm trên sàn và đặt nó lên đầu gối. Thôi con về đây. - Cậu nói.

- Con hiểu bố nghĩ về thế giới của ông chứ?

Cậu nhìn ra ngoài cửa sổ. Vâng. - Cậu nói.

- Bây giờ đừng có mà khóc lóc với bố nữa.

- Con sẽ không.

- Tốt lắm.

- Ông không bao giờ nhượng bộ. - Cậu nói. - Ông là người cuối cùng bảo con đừng như vậy. Ông nói chúng ta sẽ

không có một đám ma nào cho đến khi chúng ta có một cái gì đó để chôn.

Ông bố mỉm cười.

- Điều duy nhất hợp với bố là hai chiếc ủng.

- Ông luôn nghĩ bố mẹ sẽ quay lại với nhau.

- Ừ, bố biết là có.

Cậu đứng dậy và đội chiếc nón lên đầu. Tốt nhất là con về đây. - Cậu nói.

- Ông từng dính vào những cuộc ẩu đả vì bà. Ngay cả khi đã là một cụ già. Bất cứ ai nói động đến bà ấy. Nếu ông nghe được. Ngay cả phẩm hạnh con người cũng không ngăn được.

- Thôi con đi đây.

- Ừ.

Ông rút hai bàn chân khỏi ngưỡng cửa sổ.

- Bố cùng xuống với con. Bố cần đọc một tờ báo.

Họ đứng trong hành lang có lợp ngói, trong khi ông bố lướt nhanh qua các mục tin chính.

- Làm sao mà Shirley Temple có thể ly dị được chứ? -

Ông nói.

Cậu nhìn lên. Ngoài đường, khung cảnh chạng vạng tối của mùa đông đến sớm. Có lẽ con phải đi hớt tóc đây.

- Cậu nói.

Ông nhìn vào mặt cậu.

- Bố biết tâm trạng của con thế nào. Bố cũng vậy.

Cậu gật đầu. Ông bố lại nhìn vào tờ báo và gấp lại.

- Kinh Thánh có chép rằng kẻ hiền lành sẽ được thừa hưởng đất đai và bố nghĩ có thể đó là chân lý. Bố không phải là người suy nghĩ độc lập, nhưng bố sẽ cho con biết điều gì. Phải mất rất lâu bố mới tin rằng tất cả đó là một điều tốt.

Ông nhìn cậu. Ông rút chiếc chìa khóa từ túi áo khoác và đưa cho cậu.

- Đi đến đó. Có một cái gì đó cho con trong buồng chứa đồ.

Cậu bé cầm chiếc chìa khóa. Cái gì vậy? - Cậu hỏi.

- Chỉ là một thứ gì đó bố mua cho con. Bố tặng nó cho con nhân dịp Giáng sinh nhưng bố mệt mỏi phải tới đó.

- Vâng.

- Dù sao trông con có vẻ như cần có một sự khích lệ nào đó. Cứ để chìa khóa ở bàn làm việc khi con đi xuống.

- Vâng.

- Hẹn gặp lại con.

- Vâng.

Cậu bước vào thang máy và đi xuống gian phòng lớn, tra chìa khóa vào cánh cửa rồi bước vào. Cậu đến buồng chứa đồ và mở ra. Trên sàn nhà cùng với hai đôi ủng và một đồng quần áo bẩn là chiếc yên ngựa Hamley Formfitter mới cấu cạnh. Cậu nhắc chiếc yên ngựa lên, đóng cửa buồng lại rồi mang nó đến giường, xốc nó lên đó rồi đứng nhìn.

- Quỷ tha ma bắt. - Cậu nói.

Cậu để chiếc chìa khóa lên bàn và lên xuyên qua cánh cửa đi xuống con đường với chiếc yên ngựa trên vai.

Cậu đi bộ xuống đường South Concho, thả chiếc yên ngựa xuống và đặt trước mặt mình. Trời mờ tối và đèn đường đã sáng. Phương tiện cơ giới đầu tiên trên đường là chiếc xe tải hiệu Model A Ford và chiếc xe thắng kít, dừng lại. Tay tài xế chồm người kéo cánh cửa sổ xe xuống và ném cái nhìn vào mặt cậu trong một giọng nói sắc mùi whisky. Bỏ cái thứ đó lên thùng sau và lên xe đi, anh bạn ạ.

- Vâng, thưa ông. - Cậu nói.



Trời mưa suốt cả tuần mới dứt. Rồi lại mưa. Mưa trút nước lên những đồng cỏ phẳng thò rập một cách không thương tiếc. Nước ngập cả chiếc cầu bắc qua xa lộ nằm ở Christoval và con đường phải đóng lại. Lũ tràn vào San Antonio. Trong chiếc áo mưa tay dài của ông ngoại, cậu cười qua đồng cỏ Alicia nơi hàng rào phía nam bị ngập hoàn toàn trong nước. Bầy gia súc hỗn độn trong sự cô lập, nhìn chăm chăm một cách vô vọng vào người cưỡi ngựa. Con Redbo cũng nhìn bầy gia súc với cùng sự thất vọng chán chường đó. Cậu dùng hai gót ủng đập mạnh vào cạnh sườn con ngựa. Đi nào. - Cậu nói. - Tao không muốn nhìn thấy cảnh này, mày chẳng làm được gì đâu.

Cậu, Luisa và Arturo ngồi trong nhà bếp lúc bà ấy đi vắng. Thịnh thoảng, sau bữa tối, cậu đi bộ xuống đường và quá giang xe vào thành phố, rồi đi dọc theo các con đường hoặc đứng bên ngoài khách sạn trên đường Beauregard nhìn lên căn phòng ở tầng bốn, nơi cái bóng hoặc vóc dáng của cha cậu đi qua đi lại phía sau những bức màn cửa sổ mỏng nhẹ tựa như một con gấu bằng lá sắt trong phòng tập bắn, chậm chạp hơn, gầy hơn và khổ sở hơn.

Khi bà ấy quay về, họ lại cùng ăn với nhau trong phòng ăn, hai người ngồi ở hai đầu đối diện của chiếc bàn dài làm bằng gỗ óc chó trong lúc Luisa phục vụ. Cô mang món ăn cuối cùng và ngoảnh lại ở cửa.

- Còn gì nữa không, thưa bà?

- Không, Luisa. Cảm ơn.

- Chào bà.

- Chào.

Cánh cửa đóng lại. Đồng hồ gõ tích tắc. Cậu nhìn lên.

- Tại sao mẹ không cho con thuê trang trại này?

- Thuê trang trại ư?

- Vâng.

- Mẹ không muốn thảo luận về chuyện này.

- Đây là một đề tài mới mà.

- Không, không phải.

- Con sẽ đưa cho mẹ tất cả tiền bạc. Con có thể làm bất cứ điều gì mẹ muốn.

- Tất cả tiền. Con không biết con đang nói gì đâu. Không có tiền nào cả. Nơi này đủ trả chi phí trong hai mươi năm. Kể từ trước chiến tranh, không có một người da trắng nào làm việc ở đây. Dù sao con chỉ mới mười sáu tuổi, con không thể cai quản trang trại.

- Không, con có thể mà.

- Con buồn cười thật. Con phải đi học.

Bà đặt chiếc khăn ăn lên bàn, đẩy chiếc ghế lùi lại và đứng dậy đi ra ngoài. Trên bức tường đối diện phía trên tủ

búp phê là một bức tranh sơn dầu về ngựa. Sáu con đang lao xuyên qua cổng chuồng, bồm chúng dài và tung bay trong gió, mắt chúng hoang dại. Chúng được sao chép từ một cuốn sách. Chúng có cái mũi thuộc giống ngựa Andalusia và xương mặt chúng mang nét của giống Barb. Bạn có thể nhìn thấy thân sau của chúng, thuộc rất ít những giống ngựa có thân sau to khỏe nhất và đủ nặng để có thể làm ngựa chẵn dất. Có thể chúng mang một ít dòng máu Steeldust. Nhưng không có gì khác sánh được và không có con ngựa nào như thế cậu đã từng nhìn thấy. Có lần cậu hỏi ông ngoại đây là những con ngựa thuộc giống gì. Ông nhìn lên bức tranh từ cái đĩa đồ ăn của mình và nói rằng chúng là những con ngựa chỉ có trong sách tranh, rồi tiếp tục ăn.



Bước lên cầu thang đến tầng gác lửng và nhìn thấy cái tên Franklin được khắc theo hình vòng cung bên trên mặt kính thạch anh của cánh cửa, cậu lấy nón ra, xoay tay nắm và bước vào. Cô gái ngược mắt nhìn từ chiếc bàn làm việc.

- Tôi đến đây để gặp ông Franklin. - Cậu nói.

- Cậu có hẹn trước không?

- Không, thưa cô. Ông ấy biết tôi.

- Tên cậu là gì?

- John Grady Cole.

- Đợi một phút.

Cô gái bước vào căn phòng khác. Sau đó cô trở ra và gạt đầu.

Cậu đứng dậy và bước đến căn phòng.

- Vào đi cháu. - Franklin nói.

Cậu bước vào.

- Ngồi xuống đi.

Cậu ngồi xuống.

Khi cậu nói những điều cậu phải nói, Franklin ngả người về sau và nhìn ra cửa sổ. Ông lắc đầu. Ông quay lại và chấp tay lên bàn. Trước hết. - Ông nói. - Ta thật sự không có quyền khuyên cháu. Đây được gọi là sự xung đột về quyền lợi. Nhưng ta có thể nói với cháu rằng đó là tài sản của bà ấy và bà có thể làm bất cứ điều gì bà muốn.

- Cháu không có quyền quyết định sao?

- Cháu là một người vị thành niên.

- Còn bố cháu thì sao?

Franklin lại ngả người về sau. Đó là một vấn đề khó khăn. - Ông nói.

- Họ chưa ly dị mà.

- Không, họ đã ly dị rồi.

Cậu bé nhìn lên.

- Đó là vấn đề được ghi chép công khai nên ta nghĩ nó không còn là chuyện riêng nữa. Nó đã được công bố trên báo chí.

- Khi nào?

- Lần cuối cùng cách đây ba tuần.

Cậu nhìn xuống. Franklin quan sát cậu.

- Lần cuối cùng trước khi ông cháu chết.

Cậu gật đầu: Cháu hiểu những gì ông đang nói.

- Đó là một thương vụ đáng tiếc cháu à. Nhưng ta nghĩ cách nó như thế thì nó sẽ như thế.

- Ông không thể nói chuyện với mẹ cháu sao?

- Ta đã nói với mẹ cháu.

- Ông đã nói gì?

- Chẳng có vấn đề gì về việc mẹ cháu nói cả. Mẹ cháu sẽ không thay đổi ý định của mình.

Cậu gật đầu, ngồi nhìn xuống chiếc nón của mình.

- Cháu à, không phải ai cũng nghĩ rằng cuộc sống trên một trang trại gia súc ở miền Tây Texas là điều tốt đẹp thứ hai để chết và về với Chúa đâu. Bà ấy không muốn sống ở đó, vậy thôi. Giá như nó gọi lên vấn đề lương bổng. Nhưng không phải thế.

- Điều đó có thể.

- Phải, ta không có ý định thảo luận về vấn đề này. Dù sao, bà ấy là một phụ nữ trẻ, và ta đoán là bà ấy muốn có một cuộc sống cởi mở hơn những gì bà đã từng quen thuộc.

- Mẹ cháu ba mươi sáu tuổi.

Vị luật sư ngả người ra sau. Ông xoay nhẹ người trong chiếc ghế, ông gõ ngón tay trở vào môi dưới của mình.

- Đó là cái lỗi chết tiệt của cha cháu. Ông ta ký vào bất cứ tờ giấy nào đặt trước mặt mình. Không bao giờ nhắc tay lên để tự cứu mình. Quý tha ma bất, ta không thể nói ông ấy được. Ta bảo ông ấy lấy bằng luật sư. Hiểu không? Ta năn nỉ ông ấy.

- Vâng, cháu hiểu.

- Wayne nói với ta ông ấy từ bỏ việc đeo đuổi ngành y.

Cậu gật đầu.

- Vâng, cảm ơn vì thời gian của ông.

- Ta lấy làm tiếc vì không có tin vui cho cháu. Cháu cứ thoải mái mà trao đổi với bất cứ ai khác.

- Dạ được.

- Hôm nay nghỉ học cháu định làm gì?

- Cháu giết thời gian.

Ông luật sư gật đầu. Phải. - Ông nói. - Điều đó sẽ tự lý giải.

Cậu bé đứng dậy và đội mũ vào. Cảm ơn ông. - Cậu nói.

Ông luật sư đứng dậy.

- Một vài điều trên thế giới này không thể được cứu giúp.

- Ông nói. - Và ta tin đây có thể là một trong số đó.

- Vâng. - Cậu bé nói.

Sau mùa Giáng sinh bà ấy thường xuyên đi vắng. John Grady, Luisa và Arturo ngồi trong nhà bếp. Luisa không thể nói về chuyện này mà không bật khóc, vì vậy họ không nói đến nữa. Thậm chí không ai nói với mẹ bà, người đã ở trang trại này kể từ trước đầu thế kỷ. Cuối cùng thì Arturo cũng phải nói với bà. Bà lắng nghe, gật đầu và ngoảnh mặt đi, và đó là tất cả.

Vào buổi sáng hôm ấy, cậu đứng bên lề đường từ lúc rạng đông với một chiếc áo sơmi sạch và một đôi vớ trong chiếc cặp đeo bằng da thuộc cùng với bàn chải đánh răng, dao cạo râu và chiếc chổi cạo. Chiếc cặp da đeo trên vai là của ông ngoại và chiếc áo khoác lông vịt nhồi bông mà cậu mặc là của cha cậu. Chiếc xe đầu tiên dừng lại. Cậu lên xe, đặt chiếc cặp xuống sàn và chà chà hai bàn tay với nhau giữa hai đầu gối. Người tài xế chồm người đóng cánh cửa và gạt cần số về số một. Họ khởi hành.

- Cửa xe đóng không đủ chặt. Cậu đi đâu?

- San Antonio.

- Ừ, tôi đến tận Brady Texas.

- Tôi cảm kích điều đó.

- Cậu là người mua gia súc à?

- Còn ông?

Người đàn ông gạt đầu nhìn chiếc cặp với những sợi dây đeo và chiếc quai cầm bằng đồng.

- Tôi hỏi cậu có phải là người mua gia súc không.

- Không, thưa ông. Đó chỉ là vali của tôi.

- Tôi tưởng cậu là người mua gia súc. Cậu đứng đó có lâu không?

- Chỉ vài phút.

Người đàn ông chỉ vào cái nắm tay bằng nhựa dẻo trên bảng chỉ dẫn sáng lên một màu cam mờ mờ: Trong đó là hệ thống sưởi ấm nhưng nó tỏa nhiệt không nhiều lắm. Cậu có cảm nhận được hơi ấm của nó không?

- Vâng, thưa ông. Tôi cảm thấy khá tốt.

Người đàn ông gật đầu nhìn vào cái bình minh xám xịt và hiem ác. Ông cử động bàn tay ở cần gạt một cách chậm chạp phía trước mặt. Cậu có thấy vậy không? - Ông nói.

- Vâng, thưa ông.

Ông ta lắc đầu. Tôi cảm ghét mùa đông. Tôi chẳng bao giờ nhìn thấy sự hữu ích nào trong mùa này thậm chí chỉ một thôi.

Ông nhìn John Grady.

- Cậu không nói nhiều, có phải thế không? - Ông hỏi.

- Không nhiều lắm.

- Đó là một đặc tính tốt cần có.

Chặng đường đến Grady mất khoảng hai giờ đồng hồ.

Họ lái xuyên qua thành phố và người đàn ông thả cậu bên kia đường.

- Cậu dừng ở đường Tám mươi bảy khi cậu muốn đến Fredericksburg. Dừng xuống đường Hai chín mươi, cậu sẽ lẩn quẩn ở Austin. Cậu hiểu chứ?

- Vâng, thưa ông. Tôi vô cùng cảm kích về sự tận tình của ông.

Ông đóng cửa xe, gạt đầu và đưa bàn tay lên. Chiếc xe quẹo hình chữ U và chạy ngược lại. Chiếc xe tiếp theo dừng lại và cậu bước lên.

- Cậu định đi bao xa? - Người đàn ông nói.

Tuyết rơi trên thị trấn San Saba, vùng cao nguyên Edwards và trên các đỉnh đồi Balcones khi họ đi ngang qua,

đá vôi tuyết phủ trắng xóa và cậu ngồi nhìn ra ngoài cùng với những bông tuyết mờ mờ phủ khắp mặt kính chống gió theo vòng quét của hai chiếc cần gạt. Những mảng tuyết rơi trắng đục bắt đầu hình thành dọc theo lề đường nhựa và băng phủ khắp mặt cầu bắc qua con sông Pedernales. Mặt nước xanh lững lờ trôi qua những hàng cây mọc dọc hai bên bờ trong màn đêm. Những bụi cây gai bên đường rậm rịt với loài tầm gửi trông tựa như những ụ sỏi xanh. Anh tài xế ngồi khom người trên chiếc vô lăng khe khẽ huýt sáo. Họ đến San Antonio vào lúc ba giờ chiều trong một trận bão tuyết dữ dội và cậu bước xuống xe, cảm ơn người đàn ông rồi đi bộ xuống con đường bước vào quán cà phê đầu tiên mà cậu nhìn thấy và ngồi ở quầy bar, đặt chiếc cặp trên chiếc ghế cao bên cạnh mình. Cậu với tay rút tờ thực đơn từ chiếc hộp đựng, mở ra xem, rồi cậu nhìn chiếc đồng hồ con lắc trên bức tường màu đen. Cô hầu bàn đặt ly nước trước mặt cậu.

- Giờ giấc ở đây có cùng với San Angelo không? - Cậu hỏi.

- Tôi biết là cậu sẽ hỏi tôi một điều gì đó như thế. - Cô hầu bàn nói. - Cậu có vẻ mặt như thế.

- Cô không biết sao?

- Tôi chưa bao giờ ở San Angelo Texas.

- Tôi muốn một ít thịt băm pho mát và sữa sôcôla.

- Cậu đến đây để xem lễ hội đua bò?

- Không.

- Cùng giờ đấy. - Một gã ngồi ở cuối quầy bar nói vọng lại.

Cậu cảm ơn gã.

- Cùng giờ đấy. - Gã lại nói. - Cùng giờ.

Cô hầu bàn cầm cúi ghi vào cuốn sổ nhỏ và nhìn lên.

- Tôi đi không vì chuyện gì cả. - Cậu nói.

Cậu đi vòng quanh thị trấn trong màn tuyết trắng xóa. Trời trở tối sớm. Cậu đứng trên chiếc cầu của phố Thương Mại và ngắm nhìn tuyết tan biến trong dòng sông. Tuyết phủ khắp trên những chiếc xe đang ngủ trên bãi đậu; và mật độ đi lại trên đường trong khung cảnh về đêm từ từ thưa thớt dần cho đến khi không còn một bóng người. Một vài chiếc taxi hoặc xe tải, những ánh đèn pha lẻ loi di chuyển chậm chậm xuyên qua màn tuyết rơi trong tiếng rì rào êm ả của lớp xe. Cậu đăng ký khách sạn YMCA trên đường Martin và trả hai đôla cho căn phòng của mình rồi bước lên cầu thang. Cậu cởi đôi ủng và đặt lên lò sưởi rồi đến lượt đôi tất, cậu cũng cởi ra và phơi lên lò sưởi bên cạnh đôi ủng. Cậu móc chiếc áo khoác lên và đuổi thẳng người trên giường, mũ trùm kín đôi mắt.

Lúc tám giờ kém mười, cậu đứng trước quầy bán vé trong chiếc áo sơmi sạch bong, tiền cầm trong tay. Cậu mua một chỗ ngồi ở hàng thứ ba trên ban công với giá 1.25 đôla.

- Trước đây tôi chưa bao giờ đến nơi này. - Cậu nói.

- Một chỗ ngồi tốt. - Cô gái nói.

Cậu cảm ơn cô gái và bước vào rồi đưa chiếc vé cho người hướng dẫn chỗ ngồi. Ông ta dẫn cậu đến bậc tam cấp có trải thảm đỏ và trả lại chiếc vé cho cậu. Cậu bước lên tam cấp và tìm thấy chỗ ngồi của mình. Cậu ngồi xuống

đội, chiếc mũ đặt trên đùi. Rạp hát trống phân nửa. Khi ánh đèn mờ tối, một số người ở ban công xung quanh cậu đứng dậy và dời lên những chỗ ngồi ở phía trước. Rồi bức màn kéo lên và trên sân khấu, mẹ cậu bước xuyên qua một cánh cửa và bắt đầu nói chuyện với một người phụ nữ đang ngồi trong ghế.

Lúc giải lao giữa chừng cậu đứng dậy và đội mũ, đi xuống tiền sảnh và đứng ở một góc tường được trang trí cầu kỳ, rút ra một điếu thuốc và hút, một chiếc ủng tựa vào bức tường phía sau cậu. Cậu không nhận biết những ánh mắt từ những người xem kịch đang dõi theo từng cử chỉ của cậu. Cậu vén một ống quần jean của mình thành một chiếc gấu nhỏ và thỉnh thoảng cậu cúi người, rẩy vào chỗ hôm nay cái tàn tro trắng mịn của điếu thuốc. Cậu nhìn thấy một vài người đàn ông trong những đôi ủng và mũ, và cậu gật đầu chào họ một cách trang trọng, rồi họ cũng chào lại. Sau một hồi, đèn trong tiền sảnh lại tắt.

Cậu ngồi khom người về trước hai khuỷu tay đặt lên tựa lưng của chiếc ghế trống không trước mặt, cảm cậu tì lên hai cẳng tay và cậu theo dõi vở kịch với sự tập trung cao độ. Cậu cho rằng có một điều gì đó trong chính câu chuyện này muốn mách bảo với cậu về cách thức mà thế giới đang hiện hữu hoặc sẽ hướng đến nhưng không có. Chẳng có gì trong đó cả. Khi ánh đèn sáng lên là tiếng vỗ tay tán thưởng, và mẹ cậu đôi lần bước về phía trước cùng tất cả các diễn viên tập trung thành hàng ngang trên sân khấu, nắm chặt tay và cúi đầu chào, rồi bức màn khép lại; và khán giả đứng dậy lần lượt bước lên lối đi giữa những dãy ghế. Cậu ngồi đó một hồi lâu trong cái rạp hát không một bóng

người và rồi cậu đứng dậy, đội mũ và bước ra ngoài trong cái lạnh cắt da.

Sáng hôm đó khi cậu bắt đầu bữa điểm tâm, trời vẫn tối đen và thang nhiệt độ dừng ở con số không. Tuyết phủ dày gần một gang tay trên mặt đất ở Travis Park. Quán cà phê duy nhất mở cửa là của người Mexico; cậu gọi món trứng rán và cà phê, và lướt qua tờ báo. Cậu nghĩ sẽ có một điều gì đó trong tờ báo để cập đến mẹ cậu, nhưng không. Cậu là khách hàng duy nhất trong quán cà phê này. Phục vụ bàn là một cô gái trẻ, và cô ta nhìn cậu. Khi cô đặt đĩa trứng lên bàn, cậu hất tờ báo sang một bên và đẩy chiếc tách của mình về trước.

- *Thêm cà phê à?* - Cô ấy nói.

- *Vâng, xin vui lòng.*

Cô mang cà phê đến. *Trời lạnh quá.* - Cô nói.

- *Vừa đủ.*

Cậu đi bộ lên Broadway, hai bàn tay đút vào túi áo khoác, cổ áo dựng lên chống lại cơn gió. Cậu đi vào hành lang của khách sạn Menger và ngồi vào một trong những chiếc ghế phòng khách, bắt chéo một chân qua chân kia và mở tờ báo.

Khoảng chín giờ, bà xuất hiện từ phía hành lang, trong vòng tay của một gã đàn ông, với bộ y phục và chiếc mũ chóp cao, rồi họ đi ra khỏi cánh cửa và bước vào một chiếc taxi.

Cậu ngồi đó một hồi lâu. Sau đó cậu đứng dậy, gấp tờ báo lại và đến bàn tiếp tân. Người giúp việc khách sạn nhìn cậu.

- Ông có biết bà Cole đăng ký ở đây không? - Cậu nói.

- Cole?

- Vâng.

- Đợi một phút.

Nhân viên tiếp tân quay mặt đi và kiểm tra danh sách đăng ký. Ông ta lắc đầu. Không. - Ông nói. - Không có tên Cole.

- Cảm ơn. - Cậu nói.



Lần cuối cùng họ cưỡi ngựa với nhau vào ngày đầu tháng ba, khi thời tiết đã ấm hơn và những cánh hoa hình chiếc mũ Mexico màu vàng cũng đã nở rộ hai bên đường. Họ xuống ngựa ở McCullough và tiếp tục cưỡi xuyên qua vùng đồng cỏ trung tâm dọc theo Grape Creek, đi vào những con đồi thấp. Con lạch trong vạt và rục lên một màu xanh bởi lớp rêu phủ kín các bờ đá ngầm. Họ chậm chậm cưỡi xuyên qua một vùng đất thoáng rộng giữa những bụi dây leo và các loài tay tiên. Họ băng ngang qua địa hạt Tom Green và vào địa hạt Coke. Họ băng qua con đường mòn Schoonover và cưỡi xuyên qua những con đồi sạt lở với lác đác những cây tuyết tùng nơi mặt đất rải đầy đá tráp; và họ có thể nhìn thấy tuyết rơi trên những dãy núi xanh mờ mờ một trăm dặm về phía bắc. Suốt cả ngày họ hiếm khi nói chuyện gì với nhau. Bố đang cưỡi ngựa, dáng ông hơi nghiêng về trước trong chiếc yên ngựa, một tay cầm sợi dây cương dài cách sừng yên ngựa khoảng năm centimet. Trông ông ốm yếu và bạc nhược, chìm chìm trong bộ quần áo của mình. Nhìn khắp vùng đất với đôi mắt hờn sâu như thể thế giới ngoài kia đã biến đổi, hoặc trở nên hoài nghi bởi điều mà ông đã nhìn thấy nó ở một nơi khác. Như thể ông không bao giờ nhìn

Hoặc tệ hơn, lần cuối cùng ông đã nhìn thấy thế giới như thế nó luôn luôn là như vậy. Còn cậu, cưỡi phía trước bố một tí, ngựa không những như thế cậu được sinh ra, mà còn như thế cậu được tạo ra bởi hạnh phúc trong một vùng đất bất ổn nào đó, bao giờ có thì cậu vẫn tìm thấy chúng. Một điều gì đó thiếu sót để thế giới trở nên để cậu có quyền trong thế giới đó và cậu hành trình đến bất cứ nơi đâu cần đến, bất chợt tìm thấy một điều gì đó và cậu sẽ cậu tìm kiếm.

Họ đi ngang qua những đồng cỏ rai cũ nằm trên đỉnh núi đá bằng phẳng, rào bị hư hỏng được chống đỡ giữa tàn tích của dây điện tín mà nhiều năm trước thấy ở vùng đất này. Một ngôi nhà cộc đồng đồ nát của chiếc cối xay gió bằng gỗ giữa những tảng đá. Họ tiếp tục cưỡi. Họ đi sâu và tối đến họ cưỡi ngựa xuống những con đường thoải và băng ngang qua đồng bằng của thị trấn Robert Lee.

Đến khi con đường được khai thông trước mắt. Con sông ngầu đỏ bởi bùn. Họ tiếp tục đi xuống Mũi và đến con đường Thứ Bảy rồi băng ngang qua bờ sông, xuống ngựa, cột ngựa và bước vào.

Họ bước đến tiếp nhận yêu cầu của họ. Ông nhìn lên từ tờ thực đơn.

- Nào gọi gì đi. - Ông nói. - Ông ta chẳng ở đây đến một tiếng đồng hồ đâu.

- Ông có gì?

- Tôi nghĩ tôi chỉ có một ít bánh patê và cà phê.

- Ông có loại patê gì vậy? - Cậu nói.

Ông chủ quán đưa mắt nhìn về phía quầy.

- Nào, gọi một thứ gì đó để ăn đi. - Bố cậu nói. - Bố biết là con đang đói.

Họ vừa gọi xong và ông chủ quán mang cà phê đến rồi trở lại quầy. Bố cậu lấy một liều thuốc từ túi áo của mình.

- Con có nghĩ về việc rong ruổi trên con ngựa của mình không?

- Có. - Cậu nói. - Con đã nghĩ về điều đó.

- Con giúp Wallace cho ngựa ăn và rửa chuồng. Vậy cũng hay đấy.

- Nó sẽ không thích.

- Ai, Wallace à?

- Không. Redbo.

Vừa hút thuốc, người bố vừa nhìn con.

- Con vẫn còn gặp cô gái Barnett đó chứ?

Cậu lắc đầu.

- Cô ấy bỏ con hay con bỏ cô ấy?

- Con không biết.

- Có nghĩa là cô ấy bỏ con.

- Vâng.

Ông bố gật đầu. Ông lại hút thuốc. Bên ngoài, hai người cưỡi ngựa đi ngang qua trên đường và hai cha con nhìn họ chăm chú rồi nhìn những con vật mà họ cưỡi. Bố cậu khuấy cà phê một hồi lâu. Chẳng có gì để khuấy cả bởi ông uống đen. Ông lấy cái muỗng ra, đặt nó trên chiếc khăn giấy và nâng chiếc tách lên, mắt nhìn vào chiếc tách rồi uống. Ông vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ mặc dù chẳng có gì ngoài đó để nhìn cả.

- Mẹ con và bố chưa bao giờ hòa hợp trên nhiều vấn đề. Bà ấy thích ngựa. Bố nghĩ như vậy là đủ. Đó lý do tại sao bố cảm lạnh. Bà ấy trẻ, bố nghĩ bà ấy sẽ bỏ đi những suy nghĩ của mình nhưng bà đã không làm thế. Có thể đó cũng chỉ là những ý niệm đối với bố. Không phải là do cuộc chiến. Bố mẹ đã cưới nhau mười năm trước khi xảy ra chiến tranh. Mẹ con đã bỏ nơi ấy. Bà mất hút từ lúc con chỉ mới sáu tháng tuổi cho đến khi con lên ba. Bố hiểu con cũng biết chút ít về chuyện này, và đó là một thiếu sót khi không cho con biết. Bố mẹ đã chia tay. Bà ở California. Luisa chăm sóc con. Cô ấy và Abuela.

Ông nhìn cậu và lại nhìn ra ngoài cửa sổ.

- Bà ấy muốn bố cùng đi đến đó. - Ông nói.

- Tại sao bố không đi?

- Có. Nhưng bố đã không ở lâu.

Cậu gật đầu.

- Bà ấy trở lại là vì con, chứ không phải vì bố. Chắc đó là điều bố muốn nói.

- Vâng.

Ông chủ quán mang bữa tối và bánh patê cho cậu. Cậu chồm người lấy hộp muối và tiêu. Cậu không nhìn lên. Ông chủ quán mang bình cà phê đến, đổ đầy vào cốc họ rồi quay người đi. Người bố dập tắt điều thuốc, cầm chiếc nĩa và đâm vào chiếc bánh patê.

- Bà ấy sẽ lãng vãng ở đây lâu hơn bố. Bố muốn thấy mẹ và con hòa giải những bất đồng.

Cậu không trả lời.

- Bố sẽ không có mặt ở đây nếu không phải vì bà ấy. Khi ở Goshee, bố nói chuyện với bà ấy cả tiếng đồng hồ. Bố nhận ra bà ấy giống một người nào đó có thể làm bất cứ chuyện gì. Bố nói với bà ấy về những anh bạn già khác mà bố không nghĩ là họ sẽ làm điều đó, và bố yêu cầu bà ấy phải để ý và cầu nguyện cho họ. Một số người đã làm vậy. Bố nghĩ mình hơi điên khùng. Dù sao thì cũng một phần thời gian của mình. Nhưng nếu không phải vì bà ấy thì bố đã không làm vậy. Không còn cách nào khác trên thế gian này. Bố không bao giờ kể chuyện đó cho bất cứ ai. Bà ấy thậm chí cũng không biết.

Cậu tiếp tục ăn. Bên ngoài trời tối dần. Bố cậu uống cà phê. Họ đợi Arturo đến cùng với chiếc xe tải. Điều cuối cùng mà bố cậu nói là địa hạt này sẽ không như trước đây.

- Mọi người không cảm thấy an toàn. - Ông nói. - Chúng ta cũng sẽ chẳng khác gì những chiến binh da đỏ Comanches cách đây hai trăm năm. Chúng ta không biết điều gì sẽ xảy ra khi bình minh đến. Chúng ta thậm chí không biết chúng màu gì.



Trời đêm như ẩm áp. Cậu và Rawlins nằm trên đường nơi họ có thể cảm nhận hơi nóng phát ra từ nhựa đường dưới lưng, và họ ngắm những ngôi sao đang rơi xuống một chân trời đen trải dài thoải thoải. Từ đằng xa họ nghe tiếng cửa đóng sầm. Một tiếng gọi. Một con sói đang càu nhàu ở nơi nào đó trên những ngọn đồi về hướng nam thì dừng lại. Rồi bắt đầu lại.

- Có ai đó đang quát mắng cậu phải không? - Cậu hỏi.

- Có thể. - Rawlins nói.

Họ nằm soài trên mặt nhựa đường giống như những kẻ bị bắt giữ chuẩn bị đón nhận một hình phạt nào đó vào lúc rạng đông.

- Cậu đã nói chuyện với ông già của mình chưa? - Rawlins nói.

- Chưa.

- Vậy cậu sẽ nói chứ?

- Vấn đề chính của nó là gì?

- Mẹ con cậu khi nào phải kết thúc đây?

- Ngày 1 tháng 6.

- Cậu có thể đợi đến lúc đó.

- Để làm gì chứ?

Rawlins đặt gót chiếc ủng lên trên ngón chân kia. Như thể đang đo chiều dài của chân trời xa xăm bằng những bước chân của mình.

- Bố tôi bỏ nhà đi khi ông mười lăm tuổi. Nếu không thì tôi được sinh ra ở Alabama.

- Cậu chẳng được sinh ra ở đâu cả.
- Điều gì khiến cậu nói như thế?
- Bởi mẹ cậu từ San Angelo và ông ấy không bao giờ gặp bà ấy.

- Ông ấy đã gặp ai đó.
- Bà ấy cũng vậy.
- Vậy là...?
- Vậy là cậu chẳng được sinh ra.
- Tôi không hiểu tại sao cậu nói như thế. Tôi được sinh ra ở một nơi nào đó.

- Bằng cách nào?
- Hử, tại sao lại không chứ?
- Nếu mẹ cậu có con với một người chồng khác và cha cậu có con với người vợ khác thì cậu sẽ thuộc bên nào?
- Tôi sẽ không thuộc bên nào cả.
- Được đấy.

Rawlins nằm ngẫm các ngôi sao. Sau một hồi anh ta nói: Tôi vẫn có thể được sinh ra. Tôi có thể trông khác đi hoặc một điều gì đó. Nếu Chúa muốn tôi được sinh ra thì tôi sẽ được sinh ra.

- Và nếu Ngài không muốn thì cậu cũng sẽ không được sinh ra.

- Cậu đang khiến cái đầu chết tiệt của tôi đau quá.
- Tôi hiểu điều đó. Tôi cũng đang tự làm đau chính mình.

Họ nằm nhìn những ngôi sao.

- Vậy cậu nghĩ gì? - Cậu hỏi.

- Tôi không biết. - Rawlins nói.

- Ừ.

- Tôi có thể hiểu rằng nếu đến từ Alabama, cậu sẽ có lý do để chạy đến Texas. Nhưng nếu cậu đã ở Texas. Tôi không biết. Cậu có nhiều lý do để đi hơn tôi.

- Cái lý do chết tiệt nào để cậu phải ở lại chứ? Cậu nghĩ rằng một ai đó chết đi sẽ để lại cho cậu một cái gì đó à?

- Không, không.

- Tốt đấy. Bởi vì họ không.

Cánh cửa đóng sầm. Tiếng gọi lại vang lên.

- Thôi tốt nhất là tôi về nhà đây. - Rawlins nói.

Anh ta đứng dậy và dùng một tay vỗ mạnh vào đũng quần jean rồi đội mũ lên.

- Nếu tôi không đi, cậu sẽ đi chứ?

John Grady ngồi dậy và đội mũ lên.

- Tôi đã chuẩn bị rồi. - Cậu nói.

Cậu gặp cô ấy lần cuối ở thành phố. Cậu đến cửa hiệu Cullen Cole ở đường North Chadbourne để hàn sợi dây cương đã bị đứt và rồi chuyển sang đường Twohig thì cô ấy xuất hiện từ hiệu thuốc Cactus. Cậu băng qua đường nhưng cô ấy gọi cậu. Cậu dừng lại và đợi trong lúc cô ấy bước đến

- Anh định tránh em đó à? - Cô ấy hỏi.

Cậu nhìn cô: Anh đoán là mình sẽ không còn suy nghĩ gì nữa về việc đó theo cách này hay cách khác.

Cô nhìn cậu.

- Một người không thể giúp theo cách họ cảm nhận. -
Cô nói.

- Trước sau như một điều đó vẫn tốt, có phải thế không?

- Em nghĩ chúng ta có thể là bạn của nhau.

Cậu gật đầu.

- Được mà. Anh sẽ không còn ở đây lâu nữa.

- Anh đi đâu?

- Anh không được phép nói điều này.

- Tại sao không?

- Chỉ không được phép mà thôi.

Cậu nhìn cô. Cô quan sát rất kỹ khuôn mặt cậu.

- Anh nghĩ anh ấy sẽ nói gì nếu nhìn thấy anh đứng đây nói chuyện với em?

- Anh ta không ghen.

- Tốt lắm. Đó là một điểm tốt cần có. Giúp anh ta tránh được rắc rối còn hệ trọng hơn.

- Ý đó là sao?

- Em không hàm ý gì cả. Em phải đi đây.

- Em có ghét anh không?

- Không.

- Em không thích anh à.

Cậu nhìn vào mặt cô. Em làm anh hao kiệt, cô bé à. -
Cậu nói. - Chuyện đó có hệ trọng gì chứ? Nếu em có một
lương tâm xấu xa nào, hãy cho anh biết điều em muốn anh
phải nói ra thì anh sẽ làm.

- Không phải việc anh phải nói điều gì. Dù sao em không
có một lương tâm xấu xa. Em chỉ nghĩ chúng ta có thể là
những người bạn.

Cậu lắc đầu: Chỉ là lời nói suông, Mary Catherine à. Anh
phải đi đây.

- Điều gì xảy ra nếu đó chỉ là lời nói suông? Mọi thứ là
lời nói suông sao?

- Không phải mọi thứ.

- Anh thật sự rời San Angelo à?

- Ừ.

- Anh sẽ trở lại chứ.

- Có thể.

- Em không có bất kỳ một cảm nhận xấu xa nào về anh.

- Em không có lý do để làm vậy.

Cô nhìn lên con đường nơi cậu đang hướng đến nhưng
chẳng có gì ở đó đáng để nhìn cả. Cô quay lại và cậu nhìn
vào mặt cô, nhưng nếu đôi mắt ấy ướt đẫm thì cũng chỉ bởi
gió mà thôi. Cô đưa tay ra. Lúc đầu cậu không biết cô đang
làm gì.

- Em không chúc anh bất cứ thứ gì ngoại trừ những điều
tốt đẹp nhất. - Cô nói.

Cậu nắm lấy tay cô, bàn tay nhỏ nhắn trong bàn tay
mình, quen thuộc. Cậu chưa bao giờ bắt tay bất kỳ người
phụ nữ nào trước đây.

- Bảo trọng nhé. - Cô nói.

- Cảm ơn em. Anh sẽ bảo trọng.

Cậu lùi lại và chạm tay vào vành mũ, quay người và tiếp tục bước đi trên con đường đó. Không ngoái lại nhưng cậu có thể nhìn thấy cô đang đứng trong những cánh cửa sổ của Tòa nhà Liên bang bên kia đường, và cô vẫn đứng đó cho tới khi cậu đến góc đường và biến mất khỏi mặt kính phản chiếu đó mãi mãi.

Cậu xuống ngựa và mở cánh cổng rồi dắt con ngựa đi xuyên qua. Rồi cậu đóng cổng lại và dẫn con ngựa bước dọc theo hàng rào. Cậu cúi người xuống để xem liệu có nhìn thấy Rawlins không, nhưng Rawlins không có ở đó. Cậu thả dây cương ở góc hàng rào và nhìn ngôi nhà. Con ngựa thở khụt khịt và dúi cái mũi vào khuỷu tay cậu.

- Cậu đó à? - Rawlins thì thầm.

- Tốt nhất là hy vọng vậy.

Rawlins dẫn con ngựa xuống, đứng lại rồi quay đầu nhìn ngôi nhà.

- Cậu sẵn sàng rồi chứ? - John Grady hỏi.

- Ừ.

- Họ có nghi ngờ gì không?

- Không.

- Nào, chúng ta đi thôi.

- Đợi một phút. Tôi phải chắt mọi thứ lên lưng ngựa và dẫn nó ra kia.

John Grady cầm lấy dây cương và xốc lên yên ngựa. Ánh đèn đằng kia. - Cậu nói.

- Chết tiệt.
- Cậu sẽ trễ cho cái đám tang của mình rồi đó.
- Vẫn chưa đến bốn giờ mà. Cậu đến sớm đấy.
- Nào đi thôi. Đó là nhà kho.

Rawlins cố cột tấm chắn phía sau yên ngựa. Công tắc đèn ở nhà bếp. Ông ấy chưa đến nhà kho. Ông ấy thậm chí cũng không buồn đến đó. Có thể ông chỉ làm cho anh ta một ly sữa hoặc một thứ gì đó.

Có thể ông chỉ nạp đạn cho khẩu súng ngắn hoặc một thứ gì đó.

Rawlins phóng lên lưng ngựa. Cậu sẵn sàng chưa? - Anh ta nói.

- Rồi.

Họ cười dọc theo dây hàng rào và băng ngang qua đồng cỏ bao la. Tiếng kéo kẹt của các vật dụng bằng da cọ vào nhau trong cái lạnh buổi sáng. Họ thúc ngựa phóng đi. Những ánh đèn xa dần phía sau họ. Họ phóng lên vùng cao nguyên rộng thoáng rồi chuyển sang phi nước kiệu giữa những vì sao dày đặc bao quanh họ trong bầu trời tối đen. Họ nghe đầu đó trong màn đêm tĩnh mịch hiu quạnh vang lên một tiếng chuông và dừng lại khi tiếng chuông không còn nữa. Họ cười trên cái bề mặt cong vồng của quả đất đơn độc tối đen đang mang hình bóng họ và đưa họ vào những chòm sao dày đặc, vì thế họ cười ngựa không phải phía dưới chúng mà như hòa cùng với chúng. Họ cười đi vừa thong dong vừa cẩn trọng, như những tên trộm vừa mới được thả trong bầu

trời tối đen, như những tên trộm trẻ trong một khu vườn rực rỡ, được bảo bọc qua loa trước cái lạnh thấu xương cùng với mười ngàn điều phải chọn lựa.



Trưa hôm sau họ trải qua một cuộc hành trình khoảng bốn mươi dặm. Vẫn thuộc vùng đất họ đã từng biết. Đêm về, họ băng qua trang trại Mark Fury cũ kỹ và dừng trước một hàng rào chắn. John Grady dùng cái móc câu kéo những đinh móc hàng rào xuống và giẫm lên trên những dây kẽm gai để Rawlins dắt ngựa bước qua rồi thả đám kẽm gai về lại vị trí cũ, đóng các đinh móc vào những cây cọc, bỏ cái móc câu vào lại túi yên ngựa và tiếp tục lên đường.

- Làm sao họ có thể mong chờ một người đàn ông cưỡi ngựa trong một vùng đất như thế này chứ? - Rawlins nói.

- Họ không nghĩ vậy. - John Grady nói.

Họ tiếp tục cưỡi ngựa khi mặt trời lên cao và ăn sandwich mà John Grady mang theo. Giữa trưa, họ tắm ngựa ở một bồn nước bằng đá cũ kỹ rồi dắt chúng xuống một thung lũng khô ráo giữa những con đường mòn của gia súc và lợn cỏ pecari dẫn đến một địa điểm của rừng dương. Những bầy gia súc nằm dưới những gốc cây bật dậy khi họ lại gần; chúng đứng nhìn họ và rồi chen nhau chạy mất.

Họ nằm trên một bãi rơm khô dưới những gốc cây, những chiếc áo khoác cuộn lại gối dưới đầu và những chiếc mũ phủ lên khuôn mặt trong lúc những con ngựa đang nhai cỏ trên một bãi cỏ dọc theo đáy thung lũng.

- Cậu có mang theo thứ gì để bán không? - Rawlins hỏi.

- Chỉ có khẩu thumb-buster cũ rích của ông ngoại.

- Cậu có bắn thử vật gì với khẩu súng đó chưa?

- Chưa.

Rawlins cười to: Chúng ta sử dụng nó sao?

- Ừ.

- Cậu có nghĩ họ sẽ đuổi theo chúng ta?

- Để làm gì?

- Tôi không biết. Dường như quá dễ dàng theo một cách nào đó.

Họ nghe tiếng gió và âm thanh của ngựa đang gặm cỏ.

- Tôi sẽ cho cậu biết cái gì. - Rawlins nói.

- Nói đi.

- Tôi chẳng màng.

John Grady ngồi dậy, rút gói thuốc từ túi áo và bắt đầu làm một điếu. Về chuyện gì? - Cậu nói.

Cậu thấm ướm điếu thuốc và đưa lên miệng rồi lấy ra những que diêm, đốt rồi ném cái tàn diêm đã tắt xuống đất. Cậu quay đầu nhìn Rawlins nhưng anh ta đã ngủ.

Họ tiếp tục cưỡi ngựa đi trong buổi chiều chạng vạng. Lúc gần tối, họ nghe tiếng những chiếc xe tải trên xa lộ từ đằng xa. Và trong đêm tối lạnh lẽo lê thê đó, họ cưỡi ngựa về hướng tây, dọc theo một con dốc mà từ đó họ có thể nhìn thấy những ánh đèn pha trên xa lộ quét ngược quét xuôi một cách ngẫu nhiên và đều đặn, không mấy vội vã. Họ đến một con đường trang trại dẫn ra ngoài xa lộ nơi có một cánh cổng. Họ ngồi trên lưng ngựa. Họ không nhìn thấy cánh cổng nào

ở đầu bên kia của xa lộ. Họ thấy những ánh đèn của xe tải chạy dọc theo hàng rào đông và tây nhưng không có cánh cổng nào ở đó.

- Cậu muốn làm gì? - Rawlins nói.

- Tôi chẳng biết. Nội đêm nay tôi muốn làm sao phải vượt qua được chỗ này.

- Tôi chẳng thể dẫn ngựa xuống xa lộ đó vào ban đêm.

John Grady nghiêng người và lau bầu. Tôi cũng vậy. - Cậu nói.

Trời bắt đầu lạnh hơn. Gió rung cánh cổng kêu lách cách và hai con ngựa bước đi một cách nặng nhọc.

- Ánh đèn gì kia? - Rawlins hỏi.

- Tôi nghĩ nơi đó là Eldorado.

- Theo cậu, từ đây đến đó phải mất bao xa nữa?

- Mười hoặc mười lăm dặm.

- Cậu muốn làm gì?

Họ trải những chiếc túi ngủ trên một bề mặt khô ráo, tháo yên ngựa, cột chúng lại rồi đánh một giấc cho đến rạng sáng. Khi Rawlins tỉnh dậy, John Grady đã thẳng yên ngựa và cột chiếc túi ngủ của mình bằng sợi dây da.

- Có quán cà phê đầu đường bên kia. - John Grady nói.

- Cậu có thể ăn một ít điểm tâm ở đó chứ?

Rawlins đội mũ lên và với tay lấy đôi ủng của mình: Cậu nói đúng ý tôi đấy.

Họ dẫn ngựa đi xuyên qua một đồng hồm độn gồm những cánh cửa xe tải cũ kỹ, những bộ phận truyền động

và các bộ phận rời vứt đi ở phía sau quán cà phê. Sau đó họ tắm cho ngựa ở một bồn nước kim loại được dùng để tìm lỗ xì của ruột xe. Một gã Mexico đang thay vỏ cho một chiếc xe tải và John Grady bước đến để hỏi ông ấy phòng vệ sinh nam ở đâu. Ông ta hất đầu về hướng bên kia của tòa nhà.

Cậu lấy những vật dụng cạo râu ra khỏi túi yên ngựa và đi vào phòng vệ sinh. Cậu cạo râu, rửa mặt, đánh răng và chải tóc. Khi cậu bước ra, ngựa đã được cột vào một chiếc bàn ăn ngoài trời đặt phía dưới vài gốc cây; Rawlins đang ngồi nhâm nhi cà phê bên trong.

John Grady bước vào. Cậu gọi gì chưa? - John hỏi.

- Đang đợi cậu.

Ông chủ quán bước đến với một cốc cà phê khác. Các cậu có dùng gì không? - Ông ta nói.

- Nào. - Rawlins nói.

John gọi ba quả trứng, một ít giăm bông, đậu và bánh quy; Rawlins cũng gọi món đó nhưng có thêm vài mẩu bánh nóng và xirô.

- Tốt nhất là cậu phải nạp cho đủ đấy.

- Cậu quan sát tôi đấy à? - Rawlins nói.

Họ ngồi chống khuỷu tay lên bàn và nhìn ra ngoài cửa sổ về hướng nam, ngang qua những đồng bằng, đến những ngọn núi xa xa bao phủ trong cái bóng của chúng dưới ánh nắng.

- Đó là nơi chúng ta hướng đến. - Rawlins nói.

Cậu gặt đầu. Họ uống cà phê. Người đàn ông mang điểm tâm trên những chiếc đĩa sành màu trắng cố gắng rồi quay lại với bình cà phê. Rawlins rắc tiêu lên món trứng của mình cho đến khi chúng toàn là màu đen. Anh ta phết bơ lên trên những chiếc bánh nóng.

- Có một người thích trứng với tiêu. - Ông chủ quán nói.

Ông ta rót cà phê vào tách cho họ rồi trở lại nhà bếp.

- Lúc này cậu phải quan tâm đến ông già của mình đấy.

- Rawlins nói. - Tôi sẽ chỉ cho cậu cách xử lý một bữa điểm tâm cho loại bất kham đây.

- Làm đi. - John Grady nói.

- Có thể gọi lại mọi thứ.

Kho không có thứ gì cho ngựa. Họ mua một thùng yến mạch khô và trả tiền rồi bước ra ngoài. John Grady dùng dao cắt thùng giấy thành hai phần và họ đổ yến mạch vào một vài chiếc mâm bánh xe hư. Họ ngồi lên bàn ăn ngoài trời, hút thuốc và đợi chúng ăn. Gã Mexico bước đến và nhìn những con ngựa. Hắn ta chẳng lớn hơn Rawlins bao nhiêu.

- Các cậu đi đâu? - Gã hỏi.

- Mexico.

- Để làm gì?

Rawlins nhìn John Grady: Cậu nghĩ hắn ta có thể tin được không?

- Được. Trông gã chẳng có gì.

- Chúng tôi đang trốn chạy luật pháp. - Rawlins nói.

Gã Mexico quan sát kỹ họ.

- Chúng tôi cướp nhà băng.

Gã đứng nhìn những con ngựa. Các cậu chẳng cướp nhà băng nào cả. - Gã nói.

- Ông có biết vùng đất dưới kia không? - Rawlins nói.

Gã Mexico lắc đầu và nhổ nước bọt: Cả đời tôi chưa bao giờ đến Mexico.

Khi ngựa đã ăn xong, họ thẳng yên trở lại và dẫn chúng vòng qua trước quán cà phê, đi dọc xuống đường cái và băng ngang qua xa lộ. Họ dắt ngựa dọc theo con mương, vào đến cánh cổng, bước qua rồi đóng cổng lại. Họ tiếp tục lên ngựa và phi trên con đường trang trại mịt mù bụi cát. Họ cười được khoảng một dặm thì con đường rẽ sang hướng đông, họ dừng lại và nhắm về hướng nam, băng ngang qua những vùng đồng bằng tuyết tùng thoải thoải.

Lúc tảng sáng họ đến sông Devil. Họ tắm cho ngựa rồi thả dài người dưới bóng râm của cây liễu đen và nhìn vào tấm bản đồ. Đó là một bản đồ chỉ đường của công ty dầu mà Rawlins đã lấy ở quán cà phê. Anh ta nhìn tấm bản đồ và rồi hướng mắt nhìn con đèo nằm giữa những ngọn đồi thấp về phía nam. Có đường sá, sông hồ và dân cư ở mặt bên kia của tấm bản đồ nước Mỹ xa tận phía nam như Rio Grande, và vượt xa hơn nữa chỉ là một màu trắng.

- Chẳng thấy gì ở khu vực dưới đây cả? - Rawlins nói.

- Ừ.

- Cậu có cho rằng nó chưa bao giờ được ghi trên bản đồ không?

- Có những bản đồ khác. Không phải cái này. Tôi có một cái trong túi yên ngựa.

Rawlins quay lại với tấm bản đồ và ngồi bệt xuống đất rồi dùng ngón tay lần theo con đường. Anh ta nhìn lên.

- Sao? - John Grady nói.

- Chẳng thấy quái gì ở đây cả.

Họ rời con sông và bám theo thung lũng khô về phía tây. Vùng đất thoải thoải trải dài và đầy cỏ rậm. Trời ban ngày mát mẻ dưới ánh nắng mặt trời.

- Cậu có nghĩ còn có nhiều gia súc nữa ở vùng đất này không? - Rawlins hỏi.

- Cậu nghĩ vậy ư?

Họ đi dọc theo rặng núi dài khiến những chú chim câu và chim cút hốt hoảng bay lên từ những bụi cỏ. Thịnh thoảng là một con thỏ. Rawlins xuống ngựa, rút khẩu carbin 25-30 từ vỏ giày ống của mình rồi đi bộ dọc theo rìa núi. John Grady nghe tiếng súng của anh ta. Một lát sau, anh ta trở lại với một con thỏ và nhét khẩu carbin vào lại vỏ giày ống. Anh ta rút dao, nâng con vật đi và ngồi xổm xuống moi ruột nó. Rồi anh ta đứng dậy, chùi lưỡi dao vào ống quần và gấp nó lại, bước đến con ngựa, cột hai chân sau của nó vào cái quai của chiếc túi ngủ rồi phóng lên ngựa tiếp tục cuộc hành trình.

Cuối buổi chiều họ băng qua một con đường dẫn về hướng nam, và tối hôm đó họ đến con lạch Johnson, cắm trại bên cạnh một cái hồ nằm dưới con suối đầy sỏi, lúc này đã khô nước. Họ tắm cho ngựa rồi dẫn chúng về máng cỏ. Họ đốt lửa và lột da con thỏ rồi xiên nó bằng một cành cây lớn và nướng ở mé ngoài của ngọn lửa. Grady mở túi cắm trại bằng vải bạt màu đen và lấy ra một chiếc bình cà phê

nhỏ bằng thiếc tráng men, đi đến con suối và mức đầy nước. Họ ngồi và ngắm nhìn ngọn lửa. Họ ngắm nhìn mặt trăng hình lưỡi liềm mỏng manh phía trên những ngọn đồi đen kịt về hướng tây.

Rawlins cuộn một điếu thuốc và đốt bằng một mẩu than nhỏ rồi nằm dựa trên chiếc yên ngựa của mình.

- Tôi sẽ nói với cậu một chuyện.

- Nói đi.

- Tôi có thể quen với cuộc sống này.

Anh ta rút một hơi thuốc, lấy điếu thuốc ra để sang bên và dùng ngón tay trở rầy nhẹ tàn xuống đất: Tôi chẳng phải mất nhiều thời gian lắm đâu.

Họ cưỡi ngựa đi suốt cả ngày hôm sau, xuyên qua vùng đất đồi núi thoải thoải, xuyên qua những ngọn núi phẳng với đá cứng thấp, lác đác những cây tuyết tùng, cây ngọc giá rực rỡ, những đóa hoa trắng ngà mọc dọc theo những con dốc nghiêng về hướng tây. Tối đến, họ dừng phải con đường Pandale và rẽ sang hướng nam rồi tiếp tục bám theo con đường dẫn vào thị trấn.

Chín tòa nhà bao gồm cả một cửa hàng bách hóa và một trạm đồ xăng. Họ cột ngựa phía trước cửa hàng và bước vào. Minh mảy đầy bụi bẩn, Rawlins râu ria xồm xoàm, người họ bốc toàn mùi ngựa, mùi mồ hôi và khói củi. Khi họ bước vào, vài gã ngồi trên ghế đặt sau cửa hàng ngược mắt nhìn rồi tiếp tục nói chuyện.

Họ đứng ở quầy thịt. Người phụ nữ từ quầy thu tiền bước ra và đến sau quầy thịt, đeo tạp dề và kéo sợi dây để bật ngọn đèn ở trần nhà.

- Trông cậu giống một kẻ liều mạng tuyệt vọng nào đó.
- John Grady nói.

- Cậu thì trông chẳng giống một trưởng đội đồng ca tí nào. - Rawlins nói.

Người phụ nữ cột dây phía sau của tạp dề rồi quay sang nhìn họ qua chiếc nắp trắng men trắng của quầy thịt. Các cậu cần gì? - Bà hỏi.

Họ mua xúc xích, phômai, một ổ bánh mì và một hũ sốt mayonnaise. Họ mua một hộp bánh quy và mười hai lon xúc xích viên. Họ còn mua mười hai gói koolaid, một khúc thịt hông lợn xông khói, một vài lon đậu, một bao bột bắp nặng năm cân Anh và một chai nước chấm cay. Người phụ nữ gói riêng thịt và phômai rồi dùng lưỡi liềm đầu bút chì, cộng lại tất cả các món hàng và bỏ chung vào một cái túi đựng tạp hóa số bốn.

- Các cậu từ đâu đến? - Bà hỏi.

- Từ San Angelo.

- Các cậu cưỡi ngựa đến tận đây à?

- Vâng, thưa bà.

- Được rồi, tôi sẽ báo số tiền. - Bà nói.

Khi thức dậy vào buổi sáng, họ nhìn thấy một ngôi nhà bằng gạch sẫm. Một người phụ nữ bước ra từ ngôi nhà và đặt một thau nước rửa chén xuống mặt sân. À nhìn họ và rồi lại quay vào nhà. Họ phơi yên ngựa lên hàng rào; trong lúc họ đang làm, một gã đàn ông xuất hiện và đứng nhìn họ. Họ chuẩn bị yên cương, sau đó dẫn ngựa xuống đường, leo lên lưng ngựa và rẽ về hướng nam.

- Không biết lúc này họ đang làm gì ở nhà nhỉ ? -
Rawlins nói.

John Grady cúi người và nhổ một bãi nước bọt. Ủ. - Cậu nói. - Có thể họ đang tận hưởng thời gian tuyệt vời nhất trên thế gian này. Có thể đào trúng mỏ dầu nào đấy. Tôi muốn nói lúc này họ đang ở thị trấn cặp kè bên nhau trong những chiếc xe mới và tất cả là vậy đấy.

- Chết tiệt. - Rawlins nói.

Họ cuỡi ngựa đi.

- Cậu có cảm thấy bất an không? - Rawlins nói.

- Về chuyện gì?

- Tôi không biết. Về một điều gì đó. Chỉ bất an thôi.

- Thịnh thoảng. Nếu cậu ở một nơi nào đó mà lẽ ra không phải ở thì tôi cho rằng cậu sẽ cảm thấy bất an. Luôn luôn là như vậy.

- Ủ, cứ nghĩ là cậu bất an và không biết tại sao. Điều đó có nghĩa là cậu có thể ở một nơi nào đó mà lẽ ra không phải ở và cậu cũng không hiểu tại sao?

- Cái quái gì với cậu thế?

- Tôi cũng chẳng biết nữa. Không có gì cả. Tôi nghĩ mình đang hát.

Và anh ta đã hát. Anh ta hát rằng: Em có nhớ anh không, em sẽ nhớ anh chứ. Em sẽ nhớ đến anh khi anh ra đi.

- Cậu biết đài phát thanh Del Rio chứ? - John hỏi.

- Ủ, biết.

- Nghe nói vào ban đêm, nếu cậu có thể dùng răng cắn vào một sợi dây kẽm hàng rào thì cậu có thể nhận được tín hiệu. Thậm chí không cần đến một chiếc radio.

- Cậu tin điều đó à?

- Tôi không biết.

- Cậu đã thử bao giờ chưa?

- Rồi. Một lần.

Họ tiếp tục cưỡi ngựa. Rawlins hát. Loài cây có hoa chết tiệt nào mọc dọc biên giới đây? - Anh ta nói. - Cậu hiểu tôi chứ, người anh em?

Họ vượt qua bên dưới một dốc núi đá vôi cao chót vót, nơi một con lạch chảy xuống và họ băng ngang qua một lớp đất bồi rộng lớn đầy sỏi. Từ phía thượng nguồn có những hốc sâu do các cơn mưa mới đây tạo thành, nơi đó hai con diệc đứng co một chân lên cái thân hình dài thườn của chúng. Một con vụt dậy và bay mất, một con đứng lại. Một giờ sau họ băng qua con sông Pecos, đưa ngựa đến chỗ nước cạn, nước trong và hơi mặn chảy qua nền đá vôi. Những con ngựa nhìn chăm chăm vào mặt nước trước mặt chúng rồi cẩn thận đặt chân lên những phiến đá trập lớn, và quan sát hình dạng của lớp rêu ở chỗ nước xoáy phía dưới nơi chúng tỏa ra và long lanh một màu xanh rực rỡ trong ánh nắng buổi sáng. Rawlins từ trên yên ngựa cúi người xuống và nhúng bàn tay vào dòng nước rồi nếm thử. Nước cứng. - Anh ta nói.

Họ xuống ngựa dưới những cây liễu phía tận bên kia, làm món sandwich với thịt và phômai; ăn xong ngồi hút thuốc và ngắm nhìn con sông chảy qua.

- Có ai đó đang bám theo chúng ta. - John Grady nói.

- Cậu có thấy họ không?

- Chưa.

- Một người nào đó trên lưng ngựa?

- Ừ.

Rawlins quan sát kỹ con đường dẫn ngang qua con sông.

- Tại sao không thấy ai cưỡi ngựa?

- Bởi vì lúc này họ ở chỗ con sông.

- Có thể họ rẽ hướng khác.

- Về đâu?

Rawlins hút thuốc.

- Cậu nghĩ họ muốn gì?

- Tôi không biết.

- Cậu muốn làm gì đây?

- Nào chúng ta đi thôi. Họặc là họ xuất đầu lộ diện, hoặc không.

Họ ra khỏi nhánh sông và phi nước kiệu cạnh nhau dọc theo con đường đầy bụi, đi vào vùng cao nguyên có thể nhìn thấy toàn bộ vùng đất về hướng nam, một vùng đất thoải thoải phủ đầy cỏ và hoa cúc dại. Về hướng tây một dặm là một hàng rào kẽm gai được kéo căng từ cột này đến cột kia trông chẳng khác một đường khâu tối tẻ vắt ngang qua những bãi cỏ xám xịt và xa hơn nữa là một bầy linh dương đang nhìn họ chằm chằm. John Grady giật ngựa sang một bên và ngoảnh mặt nhìn lại con đường phía sau. Rawlins đợi.

- Hắn kia phải không? - John hỏi.

- Ừ. Ở đâu đó.

Họ đến một vùng đất trũng ẩm ướt trong cao nguyên. Hơi chênh vế bên phải là nơi tuyết tùng phát triển dày đặc và Rawlins gật đầu nhìn những cây tuyết tùng rồi ghi cương ngựa chậm lại.

- Tại sao chúng ta không dừng ở đằng xa kia và đợi hần?

John Grady lại quay mặt nhìn phía sau. Được đấy. - Cậu nói. - Chúng ta hãy đi một đoạn nữa và cùng theo dõi phía sau nhé. Hần sẽ nhìn thấy dấu vết của chúng ta, bỏ con đường này nếu không hần sẽ biết nơi chúng ta hướng đến.

- Ừ.

Họ tiếp tục đi thêm nửa dặm nữa và rồi dừng lại và cắt lui về theo hướng những cây tuyết tùng, xuống ngựa, cột chúng rồi ngồi bệt xuống đất.

- Cậu có nghĩ chúng ta có thời gian để làm một điều thuốc không? - Rawlins nói.

- Cứ việc hút nếu cậu muốn. - John Grady đáp.

Họ ngồi hút thuốc và quan sát con đường phía sau. Họ đợi một thời gian khá lâu nhưng chẳng thấy ai xuất hiện. Rawlins nằm ngửa ra và lấy chiếc mũ trùm hai con mắt. Tôi không ngủ. - Anh nói. - Tôi chỉ nghỉ một một tí.

Anh ta nằm thức tỉnh rất lâu trước khi John Grady đá vào chiếc ủng của anh. Anh ta ngồi dậy, đội mũ vào và ngó quanh. Một người cưỡi ngựa đang đến dọc theo con đường. Thậm chí ở một khoảng cách xa, hai người họ vẫn có thể nhận thấy một ai đó trên lưng ngựa.

Hần tiếp tục cưỡi đi cho đến khi chỉ cách cuối con đường không quá chín mươi mét. Hần đội chiếc nón rộng vành và

chiếc áo trùm hai dây. Hắn ghi con ngựa chạy chậm lại và nhìn xuống khu đất trũng ẩm ướt trực diện với họ. Rồi hắn tiếp tục cười đi.

- Một thằng nhóc nào đó. - Rawlins nói.

- Một con ngựa khiếp thật. - John Grady nói.

- Không đến nỗi nào đâu.

- Cậu có nghĩ hắn nhìn thấy chúng ta?

- Không.

- Cậu muốn làm gì bây giờ?

- Cho hắn một phút và rồi chúng ta sẽ cười vào con đường ngay phía sau hắn.

Đợi cho đến khi hắn gần như mất hút khỏi tầm nhìn, họ mới tháo ngựa, phóng lên và cười ra khỏi những lùm cây, tiến vào con đường.

Khi nghe tiếng họ, hắn dừng lại và ngoái nhìn. Hắn đội lại mũ và ngồi vững trên lưng ngựa, nhìn họ trên đường. Họ thúc ngựa đến bên cạnh hắn.

- Cậu đuổi theo chúng tôi đấy à.

- Không. - Hắn nói. - Tôi không sẵn lòng các anh.

- Làm thế nào mà cậu đuổi theo chúng tôi?

- Tôi không đuổi theo các anh.

Rawlins nhìn John Grady. John Grady đang quan sát thằng bé. Cậu ném cái nhìn về phía những ngọn núi xa xa rồi lại nhìn thằng bé và cuối cùng là nhìn Rawlins. Rawlins ngồi khum hai bàn tay lại với nhau phía trên quả táo yên ngựa. Cậu không đuổi theo chúng tôi đấy chứ? - Anh ta nói.

- Tôi đến Langtry. - Thằng bé đáp. - Tôi không biết các anh là ai.

Rawlins nhìn John Grady. John Grady cuốn một điều thuốc và nhìn chăm chăm vào mặt thằng bé, con ngựa và bộ đồ trên người nó.

- Cậu mua con ngựa này ở đâu? - John cất tiếng.

- Đó là con ngựa của tôi.

Cậu đưa điều thuốc lên miệng, lấy một que diêm từ túi áo và dùng móng tay cái của nó đánh bóp đến bật cháy và châm. Mũ của cậu à? - John hỏi.

Thằng bé ngược nhìn vào cái vành nón trước mắt nó. Nó nhìn Rawlins.

- Cậu bao nhiêu tuổi? - John Grady hỏi.

- Mười sáu.

Rawlins phun nước bọt: Chú mày chỉ là cái bị phân xanh nói dõc.

- Các anh không biết gì cả.

- Tao biết chú mày chưa đến cái tuổi mười sáu chết tiệt đó đâu. Thế chú mày đến từ đâu?

- Pandale.

- Tối qua có phải chú mày đã nhìn thấy bọn tao ở Pandale?

- Phải.

- Mày làm gì, tẩu thoát à?

Nó lướt mắt nhìn từ người này đến người kia: Nếu thế thì sao?

Rawlins nhìn John Grady.

- Cậu muốn làm gì đây?

- Tôi không biết.

- Chúng ta có thể bán con ngựa đó ở Mexico.

- Ừ.

- Tao chẳng phải đào mồ như đã từng làm với người cuối cùng.

- Chết tiệt. - John Grady nói. - Đó là ý kiến của cậu. Tôi là người muốn nói rằng hãy mặc xác hân cho những con chim ó bướm.

- Anh có muốn búng đồng xu để biết ai sẽ bắn hân không?

- Ừ. Được đấy.

- Nào, chọn đi. - Rawlins nói.

- Đầu.

Đồng tiền được đánh xoay tít trên không. Rawlins chớp lấy và vỗ nó xuống trên mu bàn tay mình và giữ cổ tay đó để họ có thể nhìn thấy và rút bàn tay ra.

- Đầu. - Rawlins thông báo.

- Đưa khẩu súng trường của cậu cho tôi.

- Không công bằng. - Rawlins nói. - Cậu đã bắn thành cuối cùng ba phát rồi.

- Vậy thì làm đi. Cậu có thể nợ tôi.

- Này, giữ chặt con ngựa của nó nhé. Có thể nó sợ súng và chạy mất đấy.

- Các anh đang đùa đấy thôi. - Thằng bé nói.
 - Cái gì khiến mày chắc chắn như vậy?
 - Các anh chẳng bắn ai cả.
 - Điều gì khiến mày nghĩ rằng mày không phải là một người nào đó béo tốt để chúng tao xơi?
 - Các anh chỉ đùa thôi. Tôi biết rõ các anh mà.
 - Chắc thế chứ. - Rawlins nói.
 - Ai đang săn mày? - John Grady hỏi.
 - Chẳng có ai cả.
 - Ít ra thì họ cũng săn con ngựa đó, phải vậy không?
- Thằng bé không trả lời.
- Mày có thật sự đến Langtry không?
 - Có.
 - Mày đừng đi chung với bọn tao. - Rawlins nói. - Mày sẽ khiến cả lũ bị ném vào nhà lao đấy.
 - Đó là việc của tôi. - Thằng bé nói.
 - Này nhóc. - Rawlins nói. - Tao không cần biết đó là việc của thằng nhãi nào cả. Nhưng tao chắc rằng nó chẳng phải là việc của mày. Nào, chúng ta đi thôi, người anh em.
- Họ quay ngựa, chặc lưỡi và thả nước kiệu dọc theo con đường về hướng nam. Họ không buồn nhìn lại.
- Tôi nghĩ nó chỉ kích thêm sự tranh cãi mà thôi. - Rawlins nói.
- John Grady búng tàn thuốc xuống đường trước mặt.
- Chúng ta sẽ gặp lại nó.

Khoảng giữa trưa họ rời bỏ con đường và tiếp tục đi về hướng tây-nam xuyên qua một đồng cỏ rộng thoáng. Họ tắm ngựa tại một bồn nước làm bằng thép phía dưới một cối xay gió của hãng F W Axtell đang phát ra tiếng kêu ken két nặng nề trong gió. Về phía nam là đàn gia súc đang thơ thẩn dưới bóng mát của cây sồi emory. Họ hướng về Langtry và bàn về việc băng qua con sông vào ban đêm. Trời ban ngày ảm áp, họ giặt quần áo và mặc lại khi chúng còn đang ướt, rồi lên ngựa và tiếp tục cuộc hành trình. Họ có thể nhìn thấy con đường phía sau cách xa vài dặm theo hướng đông-bắc, nhưng họ chẳng nhìn thấy một người cưỡi ngựa nào.

Tối hôm đó họ băng qua những con đường mòn Nam Thái Bình Dương về phía đông Pumpville thuộc Texas và dựng lều trại cách bên kia của con đường ưu tiên nửa dặm. Thời gian này họ chải chuốt cho ngựa, cột chúng ở cọc và thắp lửa khi trời đã tối đen. John Grady đặt chiếc yên ngựa của mình ngay trên ngọn lửa và bước ra giữa đồng cỏ rồi đứng lắng nghe. Cậu có thể nhìn thấy bồn nước ở Pumpville sừng sững giữa bầu trời tím. Bên cạnh đó là mặt trăng lưỡi liềm. Cậu có thể nghe tiếng ngựa gặm cỏ cách xa gần một trăm mét. Cảnh đồng cỏ bên này tỏa một vẻ tĩnh mịch và ảm đạm.

Họ băng qua xa lộ 90 vào giữa buổi sáng của ngày hôm sau và tiếp tục cưỡi lên một vùng đồng cỏ lác đác những đàn gia súc đang gặm cỏ. Xa xa về phía nam là những ngọn núi Mexico lúc ẩn lúc hiện giữa cái ánh sáng thay đổi liên tục của một đám mây di chuyển như những hồn ma của núi đồi. Hai giờ sau họ có mặt ở con sông. Họ ngồi trên một vách đá thấp, cời nón ra và nhìn dòng sông. Mặt nước đục ngầu một màu của bùn và họ có thể nghe tiếng nước xối xả ở những chỗ

nước xoáy ở hạ nguồn. Một dải cát dưới chân họ mọc lên dày đặc với những cây liễu và mía carrizo, và những vách đá xa xa bên kia in một dấu vết của vô vàn không ngớt những con chim nhận bay ngang qua. Xa nữa là vùng sa mạc nhấp nhô như trước. Họ quay mặt nhìn nhau và đội nón lên.

Lên thượng nguồn con sông, đến nơi một con lạch cắt ngang, họ bám theo con lạch hướng xuống và vào một cồn đá sỏi. Họ ngồi trên lưng ngựa và nhìn chăm chăm vào dòng nước cùng toàn bộ vùng đất này. Rawlins cuốn một điếu thuốc và vắt một chân qua quả táo yên ngựa rồi ngồi hút thuốc.

- Chúng ta đang chạy trốn ai vậy? - Anh ta nói.

- Tôi không nhìn thấy nơi mà bất cứ ai có thể ẩn nấp ở đây.

- Họ có thể nói cùng một điều khi nhìn vào khía cạnh này đấy.

Rawlins ngồi hút thuốc. Anh ta không trả lời.

- Chúng ta có thể vượt qua bãi cát ngầm đằng kia. - John Grady nói.

- Tại sao chúng ta không làm ngay bây giờ?

John Grady nghiêng người và phun nước bọt vào con sông. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì cậu muốn. - John nói. - Tôi nghĩ chúng ta cùng nhất trí phải chắc ăn đấy nhé.

- Chắc chắn tôi sẽ để chuyện đó sang một bên khi chúng ta đến đó.

- Tôi cũng vậy, người anh em. - Cậu quay mặt nhìn Rawlins.

Rawlins gật đầu. Được rồi. - Anh ta nói.

Họ lại đi ngược lên con lạch và đến chỗ bãi sỏi thì xuống ngựa, tháo yên cương và cột chúng ở bãi cỏ bên cạnh con lạch. Họ ngồi dưới bóng mát của những cây liễu, ăn xúc xích viên, bánh quy và uống koolaid được pha từ nước con lạch.

- Cậu có nghĩ họ có xúc xích viên ở Mexico không? - Rawlins hỏi.

Cuối buổi chiều hôm đó, cậu đi bộ lên con lạch rồi đứng trên đồng cỏ bằng phẳng cầm chiếc nón trong tay và phóng tầm mắt về hướng tây-bắc, ngang qua bãi cỏ xào xạc trong gió. Một người cưỡi ngựa đang vượt qua vùng đồng cỏ cách xa một dặm. Cậu nhìn hẩn.

Khi trở về trại, cậu đánh thức Rawlins.

- Gì vậy? - Rawlins ngái ngủ hỏi.

- Có ai đó đang đến. Tôi nghĩ là một gã găngxtơ.

Rawlins sửa lại chiếc mũ, trèo lên bờ và đứng nhìn.

- Cậu có nhận ra hẩn không? - John Grady gọi.

Rawlins gật đầu. Anh ta cúi người và phun nước bọt.

- Nếu không nhận ra hẩn thì chắc chắn tôi cũng nhận ra con ngựa.

- Hẩn có thấy cậu không?

- Tôi không biết.

- Hẩn cưỡi theo hướng này.

- Có thể hẩn nhìn thấy tôi.

- Tôi nghĩ chúng ta cần phải khử hẩn đi.

Rawlins lại quay đầu nhìn John Grady.

- Tôi có một cảm giác bất an về thằng nhóc đáng chết kia.

- Tôi cũng vậy.

- Hắn không non nớt như vẻ bề ngoài đâu.

- Hắn đang làm gì vậy? - John Grady nói.

- Cưỡi ngựa.

- Nào, lui xuống đi. Có thể hắn không nhìn thấy ta.

- Hắn dừng lại kia. - Rawlins nói.

- Hắn làm gì thế?

- Lại cưỡi ngựa.

Họ đợi xem hắn có tiến tới không. Không lâu sau, hai con ngựa ngẩng đầu và đứng nhìn chằm chằm xuống dòng nước. Họ nghe tiếng hắn cưỡi ngựa đi xuống con lạch, tiếng loạt xoạt của đá sỏi và tiếng loảng xoảng yếu ớt của kim loại.

Rawlins cầm lấy khẩu súng trường của mình và đi xuống con lạch đổ ra sông. Thằng bé đang ngồi trên con ngựa hồng to lớn ở chỗ nước cạn ngoài bãi sỏi và nhìn qua bên kia sông. Khi quay người và nhìn thấy họ, nó dùng ngón tay cái hất ngược chiếc mũ lên.

- Tôi biết các anh không băng qua được. - Nó nói. - Có hai con nai đang ăn dọc theo những bụi dây leo mesquite bên kia các anh kia.

Rawlins nằm bẹp xuống bãi sỏi và đặt khẩu súng trường trước mặt, giữ chặt và tựa cằm vào báng súng. - Bọn tao có làm quái gì với mày cơ chứ? - Anh ta nói.

Thằng bé nhìn anh và rồi nhìn sang John Grady.

- Ở Mexico chẳng có ai săn đuổi tôi cả.
- Tất cả tùy thuộc vào những gì mày làm. - Rawlins nói.
- Tôi chẳng làm gì cả.
- Tên mày là gì? - John Grady hỏi.
- Jimmy Blevins.
- Nhảm nhí. - Rawlins nói. - Jimmy Blevins là người giảng đạo trên đài phát thanh.
- Đó là Jimmy Blevins khác.
- Có ai đang theo mày à?
- Chẳng có ai cả.
- Làm sao mày biết?
- Bởi chẳng có ai cả.

Rawlins nhìn John Grady và rồi lại nhìn thằng bé. Mày có gì để chén không? - Anh ta nói.

- Không.
- Mày có tiền không?
- Không.
- Chú mày chỉ có cái mạng không.

Thằng bé nhún vai. Con ngựa bước một bước xuống nước và dừng lại.

Rawlins lắc đầu, phun nước bọt và nhìn qua bên kia con sông.

- Cho tao biết một điều.
- Được.
- Mày muốn đi cùng bọn tao vì cái quái gì?

Nó không trả lời. Nó nhìn vào mặt nước màu cát chảy ngang qua rồi nhìn vào những chiếc bóng hình kim mỏng manh của những cây liễu phủ xuống cồn cát trong ánh sáng buổi tối. Nó hướng mắt nhìn ra những dải núi màu xanh trải dài về hướng nam và kéo cái dây áo liến thân lên vai, ngồi móc ngón tay cái vào chiếc tạp dề và quay sang nhìn họ.

- Bởi vì tôi là người Mỹ. - Nó nói.

Rawlins ngó sang chỗ khác và lắc đầu.

Họ băng qua con sông dưới vầng trăng khuyết trong vạt trơ trụi, yếu ớt và mong manh phía trên đầu ngựa. Họ nhét những đôi ủng chống ngược lên vào quần jean và rồi đến những chiếc áo sơ mi và áo khoác cùng với những chiếc túi xách dã chiến đựng bộ dụng cụ cạo râu và đồ quân dụng. Họ dùng nịt thắt chặt lưng quần jean, cột hờ hai ống quần phía trên cổ và chỉ đội duy nhất chiếc mũ trên đầu. Họ nói lỏng những sợi dai yên, leo lên lưng ngựa và hướng chúng xuống nước với những gót móng sắt.

Ở giữa sông, những con ngựa bắt đầu bơi, thở phì phì và đuôi thẳng cổ lên trên mặt nước, đuôi chúng nổi lênh bênh phía sau. Họ xuôi theo dòng nước, những anh chàng cười ngựa trần trụi cúi người về trước và vỗ về những con ngựa; Rawlins dùng một tay giơ khẩu súng trường lên cao, lần lượt từng người một phía sau nối đuôi nhau và khiến cho bến bờ xa lạ bên kia giống như một bữa tiệc của những kẻ cướp.

Họ ra khỏi con sông giữa những cây liễu và cười thành hàng một đi về phía thượng nguồn xuyên qua những vũng nước cạn vào một bờ sỏi dài nơi họ cởi mũ và quay lại nhìn về vùng đất mà họ đã bỏ phía sau. Không ai nói lời nào. Rồi đột nhiên họ thúc ngựa phi nước đại trên bãi cát, quay đầu

ngựa và phóng đi, những chiếc mũ tung bay trong gió, họ cười khoái trá và thúc ngựa nhanh hơn rồi cúi người vỗ vào chúng.

- Chết tiệt. - Rawlins nói. - Mày biết nơi bọn tao muốn đến rồi đấy?

Họ ngồi trên lưng ngựa dưới ánh trăng, hút thuốc và nhìn nhau. Rồi họ lặng lẽ xuống ngựa và tháo đồ đạc còn cột trên cổ, họ mặc đồ vào và dẫn ngựa ra khỏi rừng liễu thưa thớt cùng những dải sỏi cát rồi hướng lên vùng đồng cỏ. Tại đó, họ lên ngựa và đi về hướng nam, về những vùng đầy bụi rậm của Coahuila.

Họ cắm trại ở rìa đồng cỏ mesquite và sáng hôm sau họ nấu thịt lợn, đậu và bột bắp được chế biến từ bột thô và nước. Họ ngồi ăn và cùng nhìn về vùng đất mới.

- Lần cuối cùng mày ăn là khi nào? - Rawlins hỏi.

- Ngày hôm trước. - Cậu bé Blevins nói.

- Ngày hôm trước à?

- Ừ.

Rawlins nhìn nó chăm chăm: Tên mày không phải là Blivet sao?

- Blevins.

- Mày có biết *blivet* là gì không?

- Là gì?

- Một *blivet* là mười cân phân đựng trong một cái bị năm cân.

Blevins ngừng nhai. Nó nhìn về vùng đất mới theo hướng tây, nơi gia súc đổ ra từ những vùng trống trải của

rừng liễu và dừng lại trên đồng cỏ trong ánh nắng mặt trời buổi sáng. Rồi nó tiếp tục ăn

- Các anh chưa nói tên. - Blevins nói.

- Mày có bao giờ hỏi đâu.

- Đó không phải là cách tôi được dạy. - Blevins đáp.

Rawlins nhìn nó một cách chán chường và quay mặt đi.

- John Grady Cole. - John Grady nói. - Đây là Lacey Rawlins.

Thằng bé gật đầu. Nó tiếp tục ăn.

- Bọn tao đến từ San Angelo. - John Grady nói.

- Tôi chưa bao giờ đến đó.

Họ đợi nó nói về nơi xuất thân của nó, nhưng nó vẫn lặng thinh.

Rawlins dốc hết mớ bột bắp còn vơi trên đĩa ra bàn tay và ăn. Mày nghĩ sao? - Anh ta nói. - Việc bọn tao muốn đổi con ngựa đó để lấy con khác, cốt chỉ hạn chế khả năng bọn tao bị bắn.

Thằng bé nhìn John Grady và rồi nhìn ra chỗ đàn gia súc đứng. Tôi không kinh doanh ngựa. - Nó nói.

- Vậy mày không đoái hoài việc bọn tao phải trông chừng mạng sống của mày sao?

- Tôi có thể tự bảo trọng mình.

- Mày chắc là có thể chứ. Tao đoán là mày có súng.

Nó không trả lời trong một phút. Sau đó nó nói: Tôi có súng.

Rawlins nhìn lên. Rồi anh ta dùng thìa múc bột bắp. Loại súng gì? - Anh ta hỏi.

- Colt 32-20.

- Chết tiệt. - Rawlins nói. - Đó là đạn súng trường.

Thằng bé ăn xong và dùng một nhúm cỏ quét sạch cái đĩa của mình.

- Để tao xem thử. - Rawlins nói.

Nó đặt chiếc đĩa xuống. Nó nhìn Rawlins và rồi nhìn John Grady. Rồi nó thọc bàn tay vào tạp dề của chiếc áo liền thân và rút ra một khẩu súng. Nó xoay xoay khẩu súng trong bàn tay với một cái búng nhẹ về trước và rồi đưa cho Rawlins với nòng súng chĩa xuống đất.

Rawlins nhìn nó và khẩu súng. Anh ta đặt cái đĩa của mình xuống bãi cỏ và cầm lấy khẩu súng rồi dùng tay xoay xoay. Đó là loại Colt Bisley cũ với chuôi súng làm bằng nhựa kết bị mòn nhẵn bóng ở phần gỗ trang trí. Phần kim loại là một màu xám mờ. Anh ta lật cây súng ngược lại để đọc dòng chữ khắc trên đỉnh của nòng súng. Nó ghi 32-20. Anh ta nhìn thằng bé và dùng ngón tay cái búng cái nắp đẩy bật mở rồi cài cò súng ở chốt an toàn, xoay tròn cái vòng trượt để đẩy một trong những viên đạn rớt xuống lòng bàn tay bằng cái cần đẩy và nhìn kỹ. Rồi anh ta nạp đạn vào lại, đóng nắp mở và trả cò súng về vị trí cũ.

- Mày mua khẩu súng loại này ở đâu? - Anh hỏi.

- Mày đã bắn bao giờ chưa?

- Rồi.

- Mày có bắn trúng vật gì với khẩu súng này không?

Thằng bé chìa tay để lấy khẩu súng. Rawlins nhắc khẩu súng lên trong lòng bàn tay, xoay xoay và rồi đưa cho nó.

- Anh có muốn ném vật gì lên không, tôi sẽ bắn nó. -
Thằng bé nói.

- Chết tiệt.

Thằng bé nhún vai và bỏ khẩu súng lại trong tạp dề của chiếc áo liền thân.

- Ném lên trên cao à? - Rawlins nói.

- Bất cứ vật gì anh muốn.

- Bất cứ vật gì tao ném lên mây đều có thể bắn trúng à?

- Vâng.

- Chết tiệt.

Thằng bé đứng dậy. Nó chùi cái đĩa lên ống quần và nhìn Rawlins.

- Anh ném cuốn sổ tay lên không và tôi sẽ đặt một cái lỗ vào đó. - Nó nói.

Rawlins đứng dậy. Anh ta thọc tay vào túi áo và lấy ra chiếc ví. Thằng bé cúi người, đặt chiếc đĩa xuống bãi cỏ và rút khẩu súng ra. John Grady bỏ cái muỗng vào đĩa của mình và rồi đặt xuống đất. Ba người họ, như những tay đấu súng, bước ra giữa đồng cỏ trong ánh nắng của buổi sáng sớm.

Nó đứng quay lưng về phía mặt trời và khẩu súng lơ lửng dọc theo chân nó. Rawlins quay mặt nhìn John Grady và cười to. Anh cầm chiếc ví giữa ngón cái và các ngón còn lại.

- Chuẩn bị chưa, Annie Oakley? - Anh ta nói.

- Đang đợi anh đấy.

Anh ta ném nó lên cao từ dưới vai. Chiếc ví vụt bay lên xoay tít trên không, bé tí giữa bầu trời xanh. Họ nhìn chiếc ví, đợi nó bắn. Rồi nó bóp cò. Chiếc ví giật mạnh sang một bên, bung ra và loạng choạng rơi xuống đất như một con chim gãy cánh.

Âm thanh của tiếng súng tan đi hầu như tức khắc giữa khung cảnh tĩnh mịch bao la đó. Rawlins bước ra giữa bãi cỏ, cúi người nhặt chiếc ví lên, nhét lại vào túi rồi trở lại.

- Tốt nhất chúng ta đi thôi. - Anh ta nói.

- Đưa tôi xem nào. - John Grady nói.

- Chúng ta đi thôi. Chúng ta cần đi khỏi con sông này.

Họ dắt ngựa và chuẩn bị yên cương. Thằng bé dập tắt ngọn lửa và lên ngựa. Họ cưỡi ngựa cạnh nhau trên vùng đồng cỏ sỏi đá mênh mông nhấp nhô dọc theo rìa của dòng thượng lưu trong vùng đất đầy cây bụi. Họ cưỡi mà không nói với nhau lời nào và nhìn về một đất nước mới. Một con diều hâu đậu trên đầu cây mesquite chúc xuống, bay là là và rồi vụt bay lên một cành cây cao cách xa nửa dặm về hướng đông. Khi họ đi ngang qua, nó bay ngược trở lại.

- Mày cất khẩu súng đó trong áo lúc còn ở Pecos phải không? - Rawlins hỏi.

Thằng bé nhìn anh ta dưới chiếc mũ rộng vành của mình. Ừ. - Nó đáp.

Họ tiếp tục đi. Rawlins cúi người phun nước bọt và nói: Tao đoán mày suýt bắn tao với khẩu súng đó.

Thằng bé cũng phun nước bọt. Tôi không muốn bị bắn chết. - Nó nói.

Họ đi xuyên qua những ngọn đồi thấp đầy cây tay tiên và thảo mộc creozot. Khoảng xế trưa, họ đến một con đường mòn với những dấu chân ngựa còn in trên đó và rẽ về hướng nam. Đến trưa họ đã có mặt trong thị trấn Reforma.

Họ đi thành hàng xuống con hẻm dành cho xe kéo gia súc được dùng làm đường tạm. Gần một chục ngôi nhà lụp xụp với những bức tường làm bằng gạch bùn đổ sụp xuống thành đồng đổ nát. Một vài túp lều được xây bằng bùn và rơm rạ có mái lợp bằng rơm, một bãi quây gia súc nhốt năm con ngựa còm cõi với những cái đầu to khoan thai đứng nhìn những con ngựa chạy qua trên đường.

Họ xuống ngựa và cột chúng ở một quán tạp hóa nhỏ được xây bằng bùn rồi bước vào. Một cô gái đang ngồi trong chiếc ghế lưng dựa thẳng, đặt đặt cạnh lò sưởi bằng thép lá gắn chính giữa nhà, đọc cuốn truyện tranh bên cạnh bóng đèn ở cánh cửa ra vào. Cô ta nhìn lên và rồi nhìn cuốn sách và rồi lại nhìn lên. Cô đứng dậy và ném cái nhìn về phía sau quán nơi một bức màn xanh giăng ngang lối ra vào. Cô đặt cuốn sách xuống ghế và bước trên sàn nhà nền đất sét đến chỗ quầy hàng, rồi trở lại và đứng nhìn. Trên mặt quầy là ba chiếc bình làm bằng đất sét hoặc ba nổi đất. Hai trong số đó không có gì còn chiếc thứ ba có cái nắp đầy bằng thiếc, đeo hình chữ V, nhờ đó quai cầm của cái môi bằng thiếc được tráng men có thể xuyên qua. Dọc theo bức tường phía sau cô là ba hoặc bốn cái kệ lớn đựng những mặt hàng đóng lon, quần áo, chỉ và kẹo. Tựa vào bức tường ở xa xa là một thùng bột xay thô bằng ván thông được làm thủ công. Phía trên đó là một tấm lịch được đóng chặt vào bức tường bùn bằng que củi. Tất cả chỉ có vậy ngoài cái lò sưởi và chiếc ghế.

Rawlins lấy nón xuống và dùng cẳng tay chùi mồ hôi trên trán rồi đội mũ lên lại. Anh ta nhìn John Grady, nói: Cô ta có gì để uống không?

- Cô có gì uống không? - John Grady hỏi.

- Có ạ. - Cô gái đáp. Cô đi đến khu vực bán hàng phía sau những chiếc bình và mở nắp đây ra. Ba chàng cao bồi đứng ở quầy nhìn theo.

- Cái gì vậy? - Rawlins nói.

- Rượu táo. - Cô gái nói.

John Grady nhìn cô hỏi: - Nói tiếng Anh được không?

- Ổ, không. - Cô nói.

- Cái gì vậy? - Rawlins nói.

- Rượu táo đấy.

Anh ta nhìn vào chiếc bình và nói: Chúng ta thử xem. Cho chúng ta ba cốc.

- Phục vụ chứ?

- Ba. - Rawlins nói. - Ba. - Anh giơ lên ba ngón tay.

Anh ta rút chiếc ví ra. Cô gái với tay lấy ba chiếc cốc vại trên kệ phía sau, đặt chúng lên quầy, cắm môi mức lên thứ chất lỏng màu nâu nhạt và đổ vào cốc. Rawlins đặt tờ một đôla lên quầy. Nó bị lũng một lỗ ở cuối cạnh bên. Họ với lấy những cốc vại và John Grady gật đầu nhìn tờ bạc.

- Nó xoáy một lỗ ở giữa chiếc ví cậu phải không?

- Ừ. - Rawlins nói.

Nó nâng chiếc vại của mình lên và họ uống. Rawlins đứng với vẻ trầm tư.

- Tôi chẳng biết cái quái gì đây. - Anh ta nói. - Nhưng vị của nó khá tốt cho một gã cao bồi. Chúng ta làm ba cốc nữa nhé.

Họ đặt ba chiếc cốc xuống và cô ta lại đổ đầy.

- Chúng tôi trả bao nhiêu? - Rawlins nói.

Cô nhìn John Grady.

- Bao nhiêu tiền? - John Grady nói.

- Tính hết à?

- Ừ.

- 15 xu.

- Bao nhiêu vậy? - Rawlins hỏi.

- Khoảng ba xu một cốc.

Rawlins đẩy tờ bạc nằm trên chiếc quầy. Anh để bố già anh trả nhé. - Anh ta nói.

Cô ta lấy bạc lẻ từ một hộp thuốc xì gà phía dưới quầy, bỏ những đồng các Mexico lên trên và ngược mắt nhìn. Rawlins đặt chiếc cốc trống không của mình xuống và ra dấu gọi thêm ba cốc nữa, nhận lấy tiền lẻ và họ cầm ba cốc rượu táo rồi đi ra ngoài.

Họ ngồi dưới bóng râm của cái chòi rơm phía trước quán tạp hóa, nhâm nhi nước uống của mình và nhìn ra ngoài khung cảnh yên tĩnh hoang vắng với những con đường nhỏ giao nhau trong cái nắng giữa trưa. Những túp lều bằng bùn đất. Những cây thù bám đầy bụi cát và những đôi sò cằn cỗi xa xa ở tận bên kia. Một con lạch nhỏ chứa nước mưa chảy xuống cái máng bằng đất sét phía trước quán tạp hóa, một con dê đứng trên con đường đất đá gồ ghề nhìn những con ngựa.

- Ở đây không có điện. - Rawlins nói.

Anh nhắm một hộp rượu rồi nhìn ra con đường.

- Tôi nghĩ thậm chí cũng chẳng có chiếc xe nào ở đây.

- Tôi chẳng biết nó xuất phát từ đâu. - John Grady nói.

Rawlins gật đầu. Anh ta giơ chiếc cốc vại ra giữa ánh sáng, lắc lắc và nhìn nước rượu táo.

- Cậu có nghĩ đây là nước cất từ cây xương rồng không?

- Tôi không biết. - John nói. - Thứ rượu này mạnh đó, đúng không?

- Tôi cũng nghĩ vậy.

- Nào tốt hơn là đừng để cậu nhóc kia uống thêm một tí nào nữa.

- Tôi đã từng uống whisky. - Blevins nói. - Thứ này chẳng ăn thua gì.

Rawlins lắc đầu. Uống nước xương rồng ở vùng đất Mexico cổ này. - Anh ta nói. - Cậu nghĩ họ đang nói chuyện gì ở nhà lúc này?

- Tôi nghĩ họ nói về việc chúng ta bỏ đi. - John nói.

Rawlins ngồi, hai chân duỗi thẳng về trước, hai chiếc ủng gác lên nhau, chiếc nón chụp lên một đầu gối và nhìn về vùng đất xa lạ rồi gật đầu. Chúng ta à? - Anh ta nói.

Họ tắm cho ngựa và nói lòng dai yên để chúng lấy hơi, rồi theo con đường về hướng nam, họ phi thành hàng một trong bụi cát mịt mù. Trên đường là những dấu vết của bò, lợn rừng, nai, chó sói Bắc Mỹ. Lúc chiều tối họ đi ngang qua một khu vực với những túp lều nhưng họ không dừng lại.

Con đường hằn sâu những khe rãnh và bị xói mòn thành những cái hố, nơi hàng đàn gia súc bị hủy diệt do một trận hạn hán trước đây, mà nay chỉ còn là những mẩu xương chống chéo lên nhau với những mảnh da đen úa và khô cứng.

- Vùng đất này phù hợp thế nào được với cậu chứ? - John Grady nói.

Rawlins nghiêng người và phun nước bọt nhưng không trả lời.

Tối đến họ dừng chân tại một ngôi nhà nhỏ và cột ngựa ở hàng rào. Phía sau ngôi nhà rải rác một vài tòa nhà và một bãi quây gia súc với hai con ngựa được nhốt trong đó. Hai cô gái nhỏ trong những chiếc áo dài trắng đứng ở trong sân. Họ nhìn mấy chàng cao bồi và rồi quay người chạy vào nhà. Một người đàn ông xuất hiện.

- Chào buổi chiều. - Ông nói.

Ông ta bước ra ngoài hàng rào đến cái cổng và ra dấu mời họ vào rồi chỉ cho họ chỗ để tắm ngựa. *Mời vào.* - Ông nói. - *Mời vào.*

Họ ăn bên cạnh bóng đèn dầu ở một chiếc bàn nhỏ bằng gỗ thông được trang trí cầu kỳ. Những bức tường bùn đất xung quanh treo những tấm lịch cũ kỹ và những tấm ảnh từ tạp chí. Trên một bức tường là bức ảnh nghệ thuật Đức Mẹ Đồng Trinh được đóng khung. Dưới đó là một tấm bảng được đỡ bởi hai cái tắc-kê đóng chặt vào tường và trên tấm bảng là một mặt kính nhỏ màu xanh với một chân nến úa đen bên trong. Những anh chàng người Mỹ ngồi cạnh nhau dọc theo cạnh bàn, và hai cô gái nhỏ ngồi ở mặt bàn bên kia nhìn họ trong một trạng thái gần như nín thở. Người phụ nữ

khác cúi đầu ăn, người đàn ông đùa giỡn với họ và chuyển các đĩa thức ăn. Họ ăn đậu, bánh ngô và một món thịt dê được múc ra từ một cái nồi bằng đất sét. Họ uống cà phê bằng những chiếc cốc thiếc tráng men và người đàn ông đẩy những cái chén về phía họ rồi ra dấu một cách tinh tế. *Các anh phải ăn đấy.* - Ông ta nói.

Ông ta muốn biết về nước Mỹ, ba mươi dặm về hướng bắc. Ông đã từng nhìn thấy nó khi còn là một cậu bé, bên kia con sông ở thành phố Acuna. Ông có những người anh em làm việc ở đó, một người chú đã sống vài năm ở Uvalde Texas nhưng ông nghĩ rằng ông ấy đã chết.

Rawlins ăn xong phần thức ăn trong đĩa của mình và cảm ơn người phụ nữ. John Grady nói lại cho bà điều mà Rawlins nói và bà ấy mỉm cười, gật đầu một cách e dè. Rawlins làm trò tháo ngón tay của mình ra rồi ráp nó vào lại trước mặt hai cô bé trong khi Blevins đặt bộ dụng cụ ăn lên chiếc đĩa trước mặt, dùng cánh tay áo chùi miệng và dựa người ra phía sau. Chiếc ghế dài không có cái tựa lưng và Blevins chơi với quay cuống trong một chốc và rồi ngã dúi xuống đất phía sau, chân nó đá cái bàn từ phía dưới và làm chén đĩa văng đổ hỗn độn khắp bàn, suýt nữa thì đã kéo ngã chiếc ghế cùng với Rawlins và John Grady. Hai cô bé đứng dậy ngay lập tức, vỗ tay và hét lên với cả sự thích thú. Rawlins bám chặt vào thành bàn để tự giữ mình và nhìn xuống cậu bé đang nằm sổng soài dưới mặt đất. Trời đánh thánh đâm tôi mất. - Thằng bé nói. - Xin lỗi, thưa bà.

Blevins loạng choạng đứng dậy, chỉ có người đàn ông ngó ý giúp nó.

- Không sao chứ? - Ông ta nói.

- Nó ổn mà. - Rawlins nói. - Ông không thể làm đau một gã khờ.

Người phụ nữ chồm người dựng lại chiếc tách và bảo bọn trẻ thôi ngay trò âm ỉ. Bà không cười trước cảnh trái mắt này nhưng ánh rực sáng trong mắt bà không giấu được, thậm chí là với Blevins. Nó bước qua chiếc ghế và rồi ngồi lại.

- Các anh đã chuẩn bị đi chưa? - Nó thì thầm.

- Chúng ta chưa ăn xong mà. - Rawlins nói.

Nó nhìn quanh một cách bất an. Tôi không thể ngồi đây.
- Nó nói.

Nó ngồi, đầu chùn thấp xuống và thì thầm với cái giọng khàn khàn.

- Tại sao mày không thể ngồi đây? - Rawlins nói.

- Tôi không muốn mọi người cười vào mặt tôi.

Rawlins nhìn hai cô bé. Chúng đã ngồi lại vào bàn, mắt tròn xoe và nghiêm nghị trở lại. Chết tiệt. - Anh ta nói. - Đúng là trẻ con.

- Tôi không muốn mọi người cười tôi. - Blevins thì thầm.

Cả người đàn ông và người phụ nữ kia nhìn họ với sự lo lắng.

- Nếu mày không muốn bị cười vào mặt thì đừng ngà phệt đít như vậy. - Rawlins nói.

- Các anh bỏ qua cho tôi. - Blevins nói.

Nó bước ra khỏi ghế, cầm chiếc nón, đội lên và đi khỏi. Ông chủ nhà tỏ vẻ lo lắng rồi cúi người thì thầm dò hỏi gì đó vào tai John Grady. Hai cô bé ngồi ngó đĩa thức ăn của mình.

- Cậu có nghĩ nó sẽ cưỡi ngựa đi mất không? -
Rawlins nói.

John Grady nhún vai: Tôi không chắc.

Ông bà chủ nhà dường như đợi một người trong họ đứng dậy và bám theo nó, nhưng họ đã không làm. Họ uống cà phê và sau một hồi người phụ nữ đứng dậy dọn dẹp bát đĩa trên bàn.

John Grady nhìn thấy nó đứng dưới đất như một bóng người đang trầm tư mặc tưởng.

- Mà đang làm gì thế? - Cậu nói.

- Chẳng làm gì cả.

- Tại sao mà không quay lại?

- Tôi ổn mà.

- Họ ngờ ý cho chúng ta ở lại qua đêm.

- Vậy thì cứ ở lại.

- Mà định làm gì?

- Tôi ổn mà.

John Grady đứng nhìn nó. Thôi được. - Cậu nói. -
Tùy mày.

Blevins không trả lời và cậu để mặc nó ngồi đó.

Căn phòng nơi họ ngủ nằm phía sau ngôi nhà, và nó bốc mùi cỏ khô hoặc rơm rạ. Căn phòng nhỏ ấy không có cửa sổ và trên sàn nhà là hai ổ rơm cùng với bao bố được trùm lên bằng những tấm khăn choàng của người Tây Ban Nha ở Mỹ. Họ cầm ngọn đèn mà ông chủ nhà đã đưa và nói lời cảm ơn. Ông ta cúi người bước ra khỏi cánh cửa ra

vào thấp lụp xụp và chúc họ ngủ ngon. Ông ta chẳng hỏi gì về Blevins.

John Grady đặt ngọn đèn xuống sàn nhà, họ ngồi trên những bao rơm rồi tháo ủng ra.

- Tôi muốn kiệt sức ra đây. - Rawlins nói.

- Hiểu mà.

- Ông già đó nói thế nào về công việc ở vùng này?

- Ông ta nói có một vài trang trại lớn ở phía bên kia dãy núi Sierra del Carmen. Khoảng ba trăm kilômét.

- Bao xa?

- Một trăm sáu mươi, một trăm bảy mươi dặm.

- Cậu có nghĩ ông ta coi chúng ta như là những kẻ liều mạng tuyệt vọng không?

- Tôi không biết. Nếu có thể thì cũng tốt thôi.

- Tôi sẽ nói như thế.

- Ông ta nói nghe có vẻ như vùng đất đó là Ngọn núi Big Rock Candy. Rằng ở đó có sông hồ, nước chảy, cỏ lá và cả bàn đạp ngựa. Tôi không thể hình dung một vùng đất nào như thế ở đây từ những gì mà tôi đã chứng kiến cho đến lúc này, có phải không?

- Có lẽ ông ấy cố thuyết phục ta tiếp tục hành trình.

- Có thể là vậy. - John Grady nói. Cậu cởi nón và nằm ngửa xuống, kéo tấm khăn choàng đắp lên người.

Thằng nhãi đó định sẽ làm cái quái gì vậy? - Rawlins nói.
- Ngủ ngoài sân à?

- Tôi cho là vậy.

- Có lẽ nó sẽ chuẩn vào sáng mai.

- Có thể.

Anh ta nhắm mắt. Đừng để ngọn đèn đó cháy. - Anh ta nói. - Nó sẽ thui đen cả cái nhà này đấy.

- Một phút nữa tôi sẽ thổi tắt.

Cậu nằm lắng nghe. Xung quanh yên tĩnh không có một âm thanh nào.

- Cậu đang làm gì vậy? - Rawlins hỏi.

Cậu mở mắt, quay đầu nhìn Rawlins. Rawlins mở chiếc ví của mình ra trên tấm chăn đang đắp.

- Cậu làm gì vậy?

- Tôi muốn xem cái bằng lái xe chết tiệt.

- Cậu chẳng cần cái thứ đó ở đây.

- Còn đây là thẻ thành viên bida lỗ của tớ. Nó cũng bị thủng rồi.

- Ngủ đi.

- Nhìn cái quái này nữa nè. Nó bắn ngay giữa hai mắt của Betty Ward.

- Cô ta làm gì ở nhà? Tôi không biết cậu thích cô ta đấy.

- Cô ta cho tôi bức ảnh đó. Đó là bức ảnh thời còn đi học của cô ấy.

Sáng hôm sau họ ăn một bữa điểm tâm lớn với trứng, đậu và bánh bắp trên cùng một chiếc bàn hôm trước. Không ai ra ngoài để gọi Blevins và cũng chẳng có ai hỏi han gì về nó. Người phụ nữ gói cho họ một bữa trưa trong một chiếc khăn vải và họ cảm ơn bà ấy, bắt tay người đàn ông và bước

đi trong một buổi sáng mát mẻ. Con ngựa của Blevins không có trong bãi quây.

- Cậu có nghĩ chúng ta được may mắn như thế này không? - Rawlins hỏi.

John Grady lắc đầu một cách hồ nghi.

Họ chuẩn bị yên cương và ngỏ ý trả tiền các bữa ăn, nhưng người đàn ông cau mày và vẫy tay bảo họ đi. Họ lại bắt tay ông và ông chúc họ một chuyến đi tốt đẹp. Họ lên ngựa, phi xuống con đường mòn gập ghềnh thẳng về hướng nam. Một con chó đuổi theo họ ra ngoài một đoạn rồi đứng dõn mắt nhìn theo.

Buổi sáng thật trong lành, mát mẻ và phẳng phất đầu đó mùi khói củi bay là đà trong không khí. Khi họ lên đến đỉnh ngọn đồi đầu tiên, Rawlins phun nước bọt trong sự khinh miệt. Nhìn kia kìa. - Anh ta nói.

Blevins ngồi một bên trên lưng con ngựa hồng đang đứng giữa đường.

Họ cười ngựa chậm lại. Theo cậu, điều chết tiệt gì xảy đến với nó? - Rawlins nói.

- Nó chỉ là một thằng bé.

- Nhảm nhí. - Rawlins nói.

Khi họ đi tới, Blevins cười. Nó đang nhai kẹo thuốc lá, củi người phun nước bọt và dùng mặt dưới của cánh tay áo chùi miệng.

- Mà cười gì thế?

- Chào buổi sáng. - Blevins nói.

- Mà mua kẹo thuốc lá đó ở đâu vậy? - Rawlins nói.

- Ông chủ nhà cho tôi.
- Ông chủ nhà cho mày à?
- Ủ. Thế các anh ở đâu?

Họ đi hai bên, qua mặt nó và nó tụt lại phía sau.

- Các anh có gì để ăn không? - Nó hỏi.
- Một bữa ăn trưa bà ấy gói cho bọn tao. - Rawlins nói.
- Món gì thế?
- Không biết. Chưa xem.
- Sao không xem thử?
- Có vẻ như đã đến giờ ăn trưa của mày sao?
- Joe, bảo anh ấy đưa tôi chút gì để ăn đi.
- Tên anh ta không phải là Joe. - Rawlins nói. - Và ngay cả nếu là Evelyn, anh ta cũng sẽ không cho mày ăn trưa vào bảy giờ sáng như thế này.
- Chết tiệt. - Blevins nói.

Họ cười đi cho đến giữa trưa rồi xế chiều. Chẳng nhìn thấy gì dọc con đường ngoại trừ vùng đất mà họ băng qua và cũng chẳng có gì ở vùng đất đó. Âm thanh duy nhất là tiếng lộc cộc đều đặn của những con ngựa trên con đường và thỉnh thoảng là tiếng phun bã thuốc lá của Blevins phía sau. Rawlins cưỡi ngựa, một chân vắt lên phía trước, tựa người lên đầu gối và vừa trầm ngâm hút thuốc vừa chăm chú nhìn về vùng đất mới.

- Tôi tin là mình đã nhìn thấy những khu rừng bông xa xa bên kia. - Anh ta nói.

- Tôi cũng tin vậy. - John Grady nói.

Họ ăn trưa dưới những gốc cây ở rìa của một vùng lầy nhỏ. Những con ngựa đứng trong bãi cỏ đầm lầy và lặng lẽ nhúng mõm vào mặt nước và uống. Bà ấy đã gói thức ăn trong một tấm khăn vuông bằng vải muslin. Họ trải tấm khăn xuống đất và chọn lựa giữa các món quesadillas, bánh thịt chiên giòn Mexico và món bizcochos như những người du lịch dã ngoại. Họ chống khuỷu tay, ngả người ra sau dưới bóng râm, bắt chéo chân trước mặt, miệng nhai thông thả và mắt nhìn bầy ngựa.

- Hồi xưa, - Blevins nói. - Đây là nơi mà những chiến binh da đỏ Comanches nằm đợi và phục kích.

- Tao hy vọng họ có mang theo bộ bài hoặc bàn cờ đam trong lúc chờ đợi. - Rawlins nói. - Đường như đối với tao, chẳng có một mống nào bén mảng trên con đường này trong một năm trời.

- Những ngày ấy du khách lai vãng đến đây rất nhiều. - Blevins nói.

Rawlins hồ nghi nhìn vào cái đã khiến cho địa hình này trở nên cứng cỏi. Làm cái quái gì mà mày biết về những ngày xa xưa đó? - Anh ta nói.

- Dùng thêm thứ này không? - John Grady hỏi.

- Tôi no càn hông rồi.

Nó cột cái khăn vải lại, đứng lên, cởi hết quần áo và mình trần bước xuyên qua bãi cỏ, ngang qua bầy ngựa rồi lội xuống nước; nó ngồi dưới mực nước ngang hông. Nó dang hai cánh tay, nằm ngửa ra sau và biến mất. Bầy ngựa nhìn nó. Nó ngồi dậy khỏi mặt nước, hất mái tóc ra sau và dụi mắt. Rồi nó ngồi đó.

Đêm đó, họ cắm trại ở thềm của một bãi đất bồi mé ngoài con đường và thắp một ngọn lửa, ngồi trên bãi cát và nhìn chăm chăm vào những cục than hồng.

- Blevins, mày có phải là dân cao bồi không? - Rawlins hỏi.

- Tôi thích được như vậy lắm.

- Ai chả thích.

- Tôi không muốn nói mình là tay cừ. Nhưng tôi có thể cười ngựa.

- Ủa? - Rawlins nói.

- Anh chàng đằng kia có thể cười. - Blevins nói. Nó gạt đầu và ném cái nhìn qua đồng lửa về phía John Grady.

- Điều gì khiến mày nói như thế?

- Anh ta có thể cười, vậy thôi.

- Giả sử tao nói với mày rằng anh ta chỉ mới tập tành. Giả sử anh ta chưa bao giờ ngồi lên lưng một con ngựa mà con gái không thể cười.

- Tôi cho rằng anh đang kéo chân tôi.

- Giả sử tao nói với mày rằng anh ta là thằng cừ nhất mà tao từng biết.

Blevins phun nước bọt vào đồng lửa.

- Mày nghi ngờ à?

- Không, tôi không nghi ngờ. Tùy vào người anh nhìn thấy họ cười.

- Tao đã từng nhìn thấy Booger Red phi ngựa rồi. - Rawlins nói.

- Thật à? - Blevins nói.

- Ừ.

- Anh có nghĩ anh ta vượt qua nó?

- Thật ra tao biết là có.

- Có thể có và có thể không.

- Mà chẳng biết quái gì ngoài cái thứ nước tương. -
Rawlins nói. - Booger Red đã chết lâu rồi.

- Đừng chú ý đến nó. - John Grady nói.

Rawlins bắt chéo chân qua lại và gật đầu nhìn John
Grady: Nó không thể đứng về phía tôi mà không phải tự hào
về chính mình, phải không?

- Nó chỉ là cái thứ chết tiệt. - John Grady nói.

- Cậu nghe điều đó à? - Rawlins nói.

Blevins hướng cầm về phía ngọn lửa và phun nước bọt.
- Tôi chẳng hiểu làm thế nào mà anh có thể nói một người
nào đó là tài giỏi nhất.

- Cậu không thể đâu. - John Grady nói. - Thành nhóc đó
không biết, vậy thôi.

- Có nhiều tay cưỡi ngựa tài giỏi. - Blevins nói.

- Đúng đó. - Rawlins nói. Có nhiều tay cưỡi ngựa tài
giỏi. Nhưng chỉ có một người là cừ nhất. Và người đó tình
cờ ngồi ở đây này.

- Mặc xác nó đi. - John Grady nói.

- Tôi không làm phiền nó. - Rawlins nói. - Tôi đang làm
phiền cậu phải không?

- Không.
- Hãy bảo với Joe rằng tao không làm phiền mày.
- Tôi đã nói rồi.
- Để nó yên đi. - John Grady nói.



Những ngày tiếp sau đó họ cưỡi xuyên qua những ngọn núi và đến một thung lũng khô cằn. Họ cột ngựa giữa những tảng đá và nhìn qua vùng đất về hướng nam, nơi những chiếc bóng cuối cùng đang phủ lên vùng đất trước khi cơn gió và ánh nắng mặt trời về hướng tây chuyển sang màu máu giữa những đám mây đang thu dần, và những ngọn núi đằng xa trải dài xuống chân trời phai dần từ màu tái đến tái xanh và rồi mất hút hoàn toàn.

- Cậu nghĩ cái thiên đường đó nằm ở đâu? - Rawlins hỏi.

John Grady cởi nón để gió thổi mát đầu tóc. Cậu chẳng thể biết gì cả trong một vùng đất như thế cho đến khi xuống tận đó. - John nói.

- Chắc là có đủ thứ trong đó.

John Grady gật đầu: Đó là lý do vì sao tôi đến đây.

- Tôi hiểu cậu, anh bạn ạ.

Họ đi xuống, xuyên qua vùng đất xé bóng lạnh lẽo tĩnh mịch của sườn dốc thoải thoải về hướng bắc. Những cây tần xanh tươi mọc lên từ những rãnh đá. Cây hồng vàng, cây bạch đàn núi. Một con diều hâu phía dưới họ bắt đầu bay đi tìm mồi; nó lượn vòng tròn trong màn sương

mù dày đặc rồi đậu xuống. Họ thúc bàn đạp vào hông ngựa và hướng chúng về phía trước với sự cẩn trọng khi di chuyển xuống những dốc đá phiến sét dễ vỡ. Lúc trời tối họ dừng chân trên một thềm sỏi rồi dựng trại ở đó, và khi đêm về họ nghe điều mà họ chưa bao giờ được nghe trước đây, ba tiếng hú dài từ hướng tây nam và sau đó là sự yên lặng.

- Cậu có nghe gì không? - Rawlins hỏi.

- Có.

- Đó là một con sói hả?

- Ừ.

Nó nằm ngửa trong tấm chăn của mình và nhìn ra ngoài nơi vắng trăng khuyết chếch về phía chân núi. Trong buổi sớm tinh mơ tinh mịch giả tạo đó, quần tinh Pleiades dường như rực sáng lên trên bầu trời đen bao trùm lấy cả thế giới này và kéo theo tất cả những ngôi sao khác, viên kim cương lớn của chòm sao Orion và Cepella cùng dấu vết của sao Cassiopeia, tất cả bừng sáng như một tấm lưới biển. Nó nằm rất lâu lắng nghe những người khác đang thờ trong lúc ngủ và ngắm nhìn cảnh tượng hoang dã bao quanh nó, sự hoang dã đến từ bên trong.

Đêm hôm đó trời rất lạnh và lúc rạng sáng trước khi mặt trời mọc, họ thúc dậy thì Blevins đã dậy trước đó, nhóm một ngọn lửa dưới mặt đất rồi ngồi co cụm cạnh ngọn lửa trong bộ đồ mỏng manh của mình. John Grady bò ra khỏi trại, mang ủng và mặc áo khoác vào rồi bước ra ngoài nhìn kỹ vùng đất mới khi nó tự định hình từ cái màn đêm phía dưới họ.

Họ uống phần cà phê cuối cùng và ăn những mẩu bánh bắp nguội với một sọc mỏng nước sốt cay đóng chai quét qua chính giữa.

- Theo cậu, chúng ta sẽ mất bao lâu nữa để xuống con đường kia? - Rawlins nói.

- Tôi không lo. - John Grady nói.

- Anh bạn của cậu đằng kia trông có vẻ hơi lo lắng.

- Nó chẳng còn nhiều thịt hông khổi để chia sẻ.

- Cậu cũng vậy.

Họ ngắm nhìn mặt trời đang mọc lên phía dưới họ. Những con ngựa đứng ngoài gặm cỏ ngẩng đầu lên nhìn. Rawlins uống nốt chỗ cà phê còn lại và lắc lắc cái tách của mình, thọc tay vào túi áo lấy thuốc lá.

- Có bao giờ cậu nghĩ sẽ có một ngày mặt trời không mọc không?

- Có. - John Grady nói. - Ngày Phán Xét.

- Cậu nghĩ đó là khi nào?

- Bất cứ lúc nào Người quyết định thu lại thế giới này.

- Ngày Phán Xét. - Rawlins nói. - Cậu tin vào điều đó à?

- Tôi không biết. Vâng, tôi cho là vậy. Còn cậu?

Rawlins đưa điếu thuốc vào khẻ miệng, đốt và ném cái tàn diêm: Tôi không biết. Có thể.

- Tôi biết anh là người ngoại đạo. - Blevins nói.

- Mà chẳng biết một chuyện vợ vắn nào cả. - Rawlins nói. - Hãy cầm mồm và đừng làm to thêm cái trò lơ bịch của mày hơn một tí nào nữa.

John Grady đứng dậy, bước đến chỗ chiếc yên ngựa của mình và cầm sừng nhấc nó lên rồi ném tẩm chăn qua vai, ngoảnh đầu lại nhìn. Chúng ta đi thôi. - Cậu nói.

Lúc giữa sáng, họ di chuyển xuống hết những ngọn núi và đi trên một cao nguyên lớn với đầy các loài cỏ grama, cỏ mây và lác đặc những bụi rau diếp dại. Ở đây họ chạm mặt những người cưỡi ngựa đầu tiên mà họ từng nhìn thấy. Họ dừng lại và quan sát trong khi những người cưỡi ngựa tiến lên một vùng đồng cỏ cách xa một dặm, ba người đàn ông trên lưng ngựa kéo theo một đoàn gia súc thổ mang những chiếc rổ trống không.

- Cậu nghĩ họ làm gì thế? - Rawlins nói.

- Chúng ta không để phải bị chặn lại như thế này. - Blevins nói. - Nếu chúng ta có thể nhìn thấy họ, họ cũng có thể nhìn thấy chúng ta.

- Mà muốn ám chỉ điều chết tiệt gì thế? - Rawlins nói.

- Anh nghĩ gì nếu anh nhìn thấy bọn họ dừng lại?

- Nó đúng. - John Grady nói. - Chúng ta cứ việc đi.

Họ là những người thu nhặt cỏ khô, tìm đến những ngọn núi này để gặt cỏ chino. Nếu có ngạc nhiên khi nhìn thấy người Mỹ trên lưng ngựa trong vùng đất đó thì họ cũng chẳng tỏ dấu hiệu gì. Họ hỏi những anh chàng cao bồi có nhìn thấy một người anh em của họ đến ngọn núi này cùng vợ và hai đứa con gái mới lớn không, nhưng mấy anh cao bồi nói không nhìn thấy ai cả. Những người Mexico bắt đầu cột ngựa và mặc những bộ đồ chuyên dụng với ánh mắt lơ dờ đen nhánh. Bản thân họ khá nhọc nhằn, quần áo tả tơi, mũ dính đầy dầu mỡ và mồ hôi, ủng được đóng chặt thêm

với loại da bò sống. Họ cưỡi những chiếc yên ngựa cũ kỹ với phần gỗ bị mài mòn do cọ xát thường xuyên với các sợi dây da. Họ cuốn những liều thuốc bằng mảnh vỏ bắp rồi châm lửa theo cách nện đá lửa và thép cùng một ít bông mềm trong một cái vỏ đạn rỗng. Một trong số họ giắt khẩu Colt mòn cũ ở thắt lưng, cái nắp mở bật lên để giữ cho nó khỏi trượt xuống; mình mấy họ sặc mùi khói, mỡ động vật và mồ hôi; trông họ mạnh mẽ và khác lạ như chính mảnh đất mà họ đang sống.

- Các anh đến từ Texas à? - Họ hỏi.

- Vâng. - John Grady trả lời.

Họ gật đầu.

John Grady hút thuốc và nhìn họ. Dù là những con người xoàng xĩnh, song họ được trang bị rất kỹ, và cậu nhìn những đôi mắt đen nhánh đó để đoán xem họ đang nghĩ gì nhưng không thể đoán được. Họ nói về đất nước và thời tiết, nói rằng trên núi trời vẫn còn lạnh. Họ nhìn ra khắp địa hình như thể đó là một vấn đề đối với họ. Một điều gì đó mà họ không hoàn toàn quyết định được. Những con la nhỏ kéo theo phía sau họ ngủ gà ngủ gật gần như ngay khi họ dừng lại.

Gã trưởng nhóm hút xong liều thuốc và ném cái tàn xuống con đường mòn. *Nào.* - Gã nói. - *Chúng ta đi thôi.*

Gã gật đầu chào những người Mỹ. *Chúc may mắn nhé.* - Gã nói. Gã thúc những chiếc bánh xe bằng đầu đinh thúc ngựa và họ tiếp tục đi. Những con la bước đi phía sau mà mắt nhìn chăm chăm vào bầy ngựa trên đường, đuôi vẫy vẫy mặc dù có vẻ như ở đây chẳng có một con nhặng nào.

Chiều về, họ tắm cho ngựa tại một con suối trong chày từ thượng nguồn tây-nam xuống. Họ bám theo con suối, uống, đồ đẩy và đóng nút bình bi đông. Từ một khoảng cách xa chừng hai dặm trên đồng cỏ là những con linh dương đang đứng ngẩn đầu.

Họ tiếp tục đi. Dưới thung lũng là những bãi cỏ tươi tốt và các đàn gia súc với màu sắc từ của mèo nhà cho đến mai rùa và vài hoa chạy nhảy liên tục trước mặt họ. Chúng phóng lên xuyên qua những bụi rậm, hoặc đứng dọc theo một ngọn đồi thấp của vùng đất cổ xưa chênh chéch về hướng đông để nhìn họ khi họ băng ngang trên con đường. Đêm đó họ cắm trại giữa những ngọn đồi thấp và họ làm thịt một con thỏ lớn Nam Mỹ mà Blevins đã dùng khẩu súng lục của mình bắn hạ. Nó mổ con thú bằng lưỡi dao bấm và chôn nó xuống mặt đất cát với lớp da phía trên rồi nhóm lửa xung quanh. Nó nói đó là cách các thổ dân da đỏ thường làm.

- Mày có bao giờ ăn một con thỏ lớn như thế này chưa?
- Rawlins hỏi.

Nó lắc đầu đáp: Chưa.

- Tốt hơn hết là mày nên cho thêm củi nếu muốn ăn kiểu này.

- Nó sẽ chín mà.

- Thứ lạ nhất mà mày từng ăn là gì?

- Thứ lạ nhất mà tôi từng ăn à? - Blevins nói. - Tôi nghĩ chắc là con hàu.

- Một con hàu núi hay con hàu thiệt?

- Hàu thiệt.

- Ăn như thế nào?

- Ăn sống. Cứ để nguyên vỏ rồi rưới thêm nước chấm thật cay.

- Mà ăn thế à?

- Phải.

- Mùi vị ra sao?

- Đại loại như anh biết vậy.

Họ ngồi nhìn ngọn lửa.

- Mà đến từ đâu, Blevins? - Rawlins hỏi.

Blevins nhìn Rawlins rồi quay đầu nhìn ngọn lửa. Hạt Uvalde. - Nó nói. - Phía trên con sông Sabinal.

- Mà trốn chạy vì chuyện gì?

- Anh thì sao?

- Tao mười bảy tuổi rồi. Tao có thể đi bất cứ nơi nào tao muốn.

- Tôi cũng vậy.

John Grady ngồi, hai chân bắt chéo nhau trước mặt, ngả người dựa vào cái yên ngựa của mình và hút thuốc. Trước đây mà đã từng trốn chạy à? - Cậu hỏi.

- Ừ.

- Họ làm gì, bắt mà à?

- Ừ. Tôi sắp những con ky tại bãi chơi ky ở Ardmore Oklahoma; tôi bị con chó bun tấp vào cẳng chân một miếng to như miếng thịt cho ngày lễ chủ nhật. Vết thương nhiễm trùng và ông chủ đưa tôi đến bác sĩ; họ cho rằng tôi đã mắc

bệnh đại hay một bệnh gì đó không thể tưởng tượng nổi và tôi được trả về lại Hạt Uvalde.

- Mà làm gì ở Ardmore Oklahoma?

- Sắp những con ky bowling.

- Làm sao mà mà làng vàng đến đó được?

- Có một chương trình biểu diễn dự kiến ghé lại Uvalde, thị trấn của Uvalde. Tôi đã dành dụm tiền để đi xem nhưng họ không bao giờ xuất hiện; bởi lẽ người đàn ông điều hành chương trình đã bị ném vào nhà giam ở Tyler Texas vì tội thực hiện chương trình tục tĩu. Múa thoát y là một phần của sự kiện. Tôi xuống đó và thấy một thông báo trên áp phích rằng họ sẽ đến Ardmore Oklahoma trong hai tuần nữa và điều đó thúc giục tôi đến Ardmore Oklahoma để xem chương trình.

- Mà đi thẳng đến Oklahoma để xem chương trình à?

- Đó là việc khiến tôi dành dụm tiền và tôi có ý định như vậy.

- Mà có xem được chương trình tại Ardmore không?

- Không. Họ cũng không xuất hiện ở đó.

Blevins kéo một chân ra khỏi ống quần của chiếc áo liền thân và chìa nó ở chỗ ánh sáng ngọn lửa.

- Xem này, con chó khốn kiếp đó cắn tôi đấy. - Nó nói. - Tôi thà bị cá sấu Mỹ cắn còn hơn.

- Điều gì khiến mà hành trình đến Mexico? - Rawlins hỏi nó.

- Cùng lý do như anh.

- Là lý do gì?

- Bởi anh biết đấy, họ sẽ đi bằng đôi chân vòng kiềng và chẳng biết đường nào mà lẫn mò chúng ta ở đây.

- Chẳng ai săn đuổi tao cả.

Blevins luồn chân vào chiếc áo liền thân của mình và dùng cái que xóc xóc vào ngọn lửa.

- Tôi đã nói với tên khốn kiếp đó rằng hắn sẽ không còn đánh đòn tôi nữa.

- Cha của mày?

- Sau chiến tranh ông ấy không bao giờ trở lại nữa.

- Cha dượng của mày?

- Ừ.

Rawlins cúi người về trước và phun nước bọt vào lửa.

- Mày không bán ông ấy chứ?

- Lẽ ra tôi đừng nên làm thế. Hắn cũng biết điều đó.

- Con chó bun làm gì ở bãi ky?

- Tôi không bị cản trong bãi ky. Tôi làm việc trong đó, vậy thôi.

- Mày làm gì mà bị chó cản như vậy?

- Không có gì. Tôi chẳng làm gì cả.

Rawlins cúi người và phun nước bọt vào ngọn lửa.

- Lúc đó mày ở đâu?

- Anh hỏi làm thế. Và đừng khắc nhổ vào đống lửa nơi tôi đang làm một món ăn siêu hạng.

- Cái gì? - Rawlins nói.

- Tôi nói đừng có mà phun nước bọt vào ngọn lửa nơi tôi đang chuẩn bị bữa ăn độc đáo đây.

Rawlins nhìn John Grady. John Grady bắt đầu cười to. Rawlins nhìn Blevins. Siêu hạng à? - Anh ta nói. - Mày phải nghĩ là siêu hạng khi mày cố ăn cái món thịt dai nhách của con chó chết tiệt kia.

Blevins gật đầu. Cho tôi biết nếu anh không muốn ăn phần của mình. - Nó nói.

Họ kéo từ mặt đất lên một thứ trông giống hình nộm bị sấy khô dưới mồi. Blevins đặt nó lên một tảng đá phẳng, lột lớp da ngoài, róc tất cả thịt cho vào đĩa, rưới lên đó nước sốt cay rồi cuộn nó vào trong những chiếc bánh bắp cuối cùng. Họ nhai và nhìn nhau.

- Ô. - Rawlins kêu lên. - Cũng không đến nỗi tệ.

- Không, không tệ đâu. - Blevins nói. - Sự thật là, tôi không biết anh có thể ăn cả con.

John Grady dừng nhai và nhìn họ. Rồi cậu tiếp tục nhai. Các cậu ở ngoài kia lâu hơn tôi rồi đấy. - Cậu nói. - Tôi nghĩ tất cả chúng ta cùng khởi hành thôi.

Ngày hôm sau trên con đường mòn về hướng nam, họ bắt đầu chạm trán với những nhóm người lè tẻ gồm các nhà buôn di cư đi về biên giới phía bắc. Những người đàn ông da nâu sạm nắng với những con lừa thồ xếp thành hàng ba hoặc hàng bốn, trên lưng chất đầy cây candelilla hoặc lông thú, da dê sống, những cuộn dây thừng làm thủ công từ loài cây lechugilla hay các loại nước uống lên men thường gọi là sotol được chiết vào trong thùng lớn và lon, rồi được cột chặt vào những chiếc khung được làm từ phiến lá. Họ mang nước

đựng trong những chiếc túi bằng da lợn hoặc bằng loại vải bạt không thấm nước nhờ lớp sáp candelilla, chúng có gắn vòi làm bằng sừng bò. Một vài nhóm có dẫn theo phụ nữ và trẻ em. Họ ép đoàn vật thổ đỏ vào sát bụi rậm để nhường đường cho các kỵ sĩ. Mấy tay này chúc họ một ngày tốt lành, họ tươi cười đáp trả và gật đầu cho đến khi người ngựa đã đi qua.

Họ cố mua nước từ những nhóm người này nhưng không có một cắc bạc nào, dù là đủ nhỏ để có thể trao đổi. Khi Rawlins ngỏ ý với một người đàn ông là sẽ đưa nửa peso đổi lấy một lượng nước chỉ đáng giá nửa xu để làm đầy những chiếc bi đông của họ, người đàn ông không phản đối. Khi trời tối họ mua một bi đông nước lên men sotol và chuyển tay nhau uống trên lưng ngựa để rồi chẳng bao lâu sau đã say ngất. Rawlins tiếp tục uống và cầm sợi dây gắn vào nắp bi đông xoay xoay rồi xiết chặt, cầm chiếc quai cầm và quay người lại đưa cho Blevins. Rồi anh ta giật lại. Con ngựa của Blevins nặng nề bước theo sau với cái yên trống không. Rawlins dờ dẩn nhìn con vật rồi giật cương lớn tiếng gọi John Grady đang cưỡi phía trước.

John Grady ngoảnh mặt lại nhìn.

- Nó đâu rồi?

- Ai mà biết được? Tôi cho rằng hán ngà người nằm ở một nơi nào đó rồi.

Họ thúc ngựa quay trở lại. Rawlins cầm sợi dây cương của con ngựa không có người cưỡi và dẫn đi. Blevins đang ngồi ở giữa đường. Nó vẫn để chiếc nón trên đầu. Ô. - Nó nói khi nhìn thấy họ. - Tôi say bí tí rồi đây.

Họ ngồi trên lưng ngựa và nhìn nó đang ngồi dưới đất.

- Mày cười ngựa tiếp được không? - Rawlins hỏi.

- Một con gấu có ỉa trong rừng được không? Chết tiệt, tôi có thể mà. Tôi đang cười thì té xuống.

Nó loạng choạng đứng dậy rồi nhìn quanh. Nó lao đảo bước qua trước mặt họ và mò mẫm tìm lối đi giữa những con ngựa, nép ở cạnh sườn và thót lên trúng ngay đầu gối của Rawlins. Cứ tưởng các anh đi mất và bỏ tôi lại đây. - Nó nói.

- Lần sau bọn tao sẽ bỏ mặc mày ở đây đấy.

John Grady với tay nắm lấy dây cương và giữ con ngựa trong khi Blevins trông chừng trên yên ngựa.

- Đưa dây cương cho tôi. Tôi là một gã cao bồi chết tiệt, đó là bản chất của tôi.

John Grady lắc đầu. Blevins đánh rơi dây cương nhưng ngay lập tức nó với tay tóm lấy và suýt tí nữa là trượt khỏi lưng ngựa. Nó tự giữ thăng bằng và ngồi dậy, cầm sợi cương trong tay, bất thành linh giật mạnh con ngựa. Một Bronc Peeler chết tiệt được công nhận, ý tôi là như vậy đấy. - Nó nói.

Nó thúc mạnh gót chân vào phía dưới con ngựa; con ngựa nhảy chồm lên và lao về trước. Blevins ngã ra sau và rớt xuống đường. Rawlins phun nước bọt tỏ vẻ khinh miệt. Cứ mặc cho thằng khốn nằm đó. - Anh ta nói.

- Nào, lên ngựa đi, đồ chết tiệt. - John Grady nói. - Và ngưng quấy nhiễu kiểu con lừa đó đi.

Lúc gần tối, khắp chân trời hướng bắc đã trở nên tối đen và địa vật trở trụi mà họ cười lên đã chuyển thành một màu

xám xịt xa đến tận nơi mà mắt có thể nhìn thấy. Họ sáp lại ở đầu dốc và ngoái nhìn. Cơn bão phía trước đã ập đến trên họ và gió lạnh tạt vào những khuôn mặt đầm đìa mồ hôi. Họ cúi rạp trên những chiếc yên ngựa, chờ lẫn nhìn nhau. Bị che khuất phía sau những đám mây đen, những tia chớp từ xa lóe lên lạng cậm như những tia sáng hàn điện được nhìn thấy xuyên qua một làn khói xương đúc. Như thế những công việc sửa chữa đang được tiến hành đối với một chỗ rạn nứt nào đó trên mặt sắt tối sẫm của thế giới.

- Trời đang chuyển mình tốt hơn đấy. - Rawlins nói.

- Tôi không ở ngoài như thế này. - Blevins nói.

Rawlins cười to và lắc đầu. Nghe kìa. - Anh ta nói.

- Mày nghĩ mày sẽ đi đâu? - John Grady hỏi.

- Tôi không biết. Nhưng tôi phải tìm một nơi nào đó.

- Tại sao mày không thể ở ngoài như thế này?

- Vì sét.

- Sét à?

- Ừ.

- Chết tiệt, giá như mày đừng nửa mê nửa tỉnh đột ngột như vậy. - Rawlins nói.

- Mày sợ sét à? - John Grady hỏi.

- Chắc chắn tôi sẽ bị sét đánh như cái thế giới này đã bị.

Rawlins gật đầu, nhìn vào chiếc bi đồng treo lưng lửng từ quả táo yên ngựa của John Grady. Đừng cho nó thêm một tí nào nữa cái thứ chết tiệt đó. Nó sẽ theo cùng với chứng mê sảng của kẻ nghiện rượu nặng đấy.

- Nó xảy ra trong gia đình tôi. - Blevins nói. - Ông ngoại tôi chết trong một chiếc xe đào mỏ ở West Virginia. Tia sét giáng xuống cái hố sâu năm mươi lăm mét, giết chết ông và thậm chí không thể đợi ông lên đến nóc. Họ phải xối nước vào chiếc máy đào để làm nguội trước khi có thể lấy xác ông ra, cùng với hai người đàn ông khác. Nó thiêu họ như thịt lợn xông khói. Bác tôi bị hất văng khỏi giàn khoan ở mỏ dầu Batson vào năm 1904, tháp khoan dây cáp với cần trục bằng gỗ nhưng sét vẫn giết chết ông ấy lúc ông chưa được mười chín tuổi. Cậu cả thì bị giết chết trên lưng ngựa. Tia sét không làm cháy một sợi lông con ngựa nhưng đã đánh ông ấy chết ngay tại chỗ. Người ta phải dùng dao cắt cái thất lưng khỏi ông ấy bởi tia sét đã hàn chặt cái khóa nịt. Tôi còn có một người anh họ lớn hơn tôi chưa tới bốn tuổi. Anh bị sét đánh chết ngay sân nhà trong lúc chạy về từ chuồng gia súc. Tia sét làm tê liệt toàn bộ nửa thân bên của anh ấy, gây nóng chảy chất trám răng và hàn chặt cứng hàm răng anh ấy.

- Tôi đã bảo cậu mà. - Rawlins nói. - Nó chỉ là thứ ngốc nghếch.

Họ không biết điều gì đã xảy ra với nó. Nó chỉ co giật, lăm bắm và chỉ vào miệng mình.

- Hoàn toàn là lời bịa đặt hoặc tao chưa bao giờ nghe thấy cả. - Rawlins nói.

Blevins không nghe. Mồ hôi rịn trên trán nó.

- Một ông bác khác bị sét đánh cháy tóc. Những đồng bạc cắc trong túi ông nóng chảy, tràn xuống mặt đất và làm đám cỏ xanh lân cận bốc lửa. Tôi đã từng bị sét đánh hai lần và đó lý do vì sao bây giờ tôi bị điếc một tai. Tôi được sinh ra phải chết bởi lửa. Các anh phải tránh xa bất cứ vật gì bằng

kim loại. Các anh không biết hậu quả mình sẽ nhận lấy thế nào đâu. Những chiếc ghim nhỏ trên chiếc áo liền thân của các anh. Những chiếc đinh trong các đôi ủng.

- Vậy mày định làm gì đây?

Nó nhìn lung tung về hướng bắc. Nào, hãy cố vượt qua.
- Nó nói. - Cơ hội duy nhất mà tôi có.

Rawlins nhìn John Grady. Anh ta cúi người, phun nước bọt. Được rồi. - Anh ta nói. - Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào trước khi tôi đoán, cần phải xử lý ngay.

- Mày không thể thoát được sấm sét. - John Grady nói. - Chuyện chết tiệt gì xảy ra cho mày vậy?

- Đó là cơ hội duy nhất mà tôi có.

Nó vừa nói xong thì một tiếng nổ nhẹ đầu tiên của tia sét đến gần, âm thanh không lớn hơn tiếng một cành cây khô bị giẫm lên. Blevins lấy nón xuống, dùng ống tay áo lau mồ hôi trán, nắm chặt sợi dây cương và ném một cái nhìn tuyệt vọng cuối cùng về phía sau rồi dùng chiếc nón đánh mạnh vào cái mông ngựa.

Họ nhìn nó chạy. Nó cố đội nón lên nhưng lại đánh rơi. Chiếc nón lăn xuống đường. Nó tiếp tục chạy đi, hai khuỷu tay đập như đôi cánh và nó trở nên nhỏ dần nhỏ dần trên đồng cỏ phía trước, trông càng lố bịch hơn.

- Tôi không chịu trách nhiệm với nó. - Rawlins nói. Anh ta vờ tay và lấy chiếc bi-đông đang treo ở quả táo yên ngựa của John Grady và thúc ngựa lao về trước. - Blevins sẽ nằm dưới đường. Cậu nghĩ con ngựa đó sẽ ở đâu?

Anh ta tiếp tục đi, uống và lăm bắm. Tôi sẽ cho anh biết con ngựa đó ở đâu. - Anh ta ngoảnh mặt lại nói lớn.

John Grady theo sau. Bụi tung tóe dưới những bước chân ngựa và cuộn cuộn thổi xuống con đường trước mặt họ.

- Chạy ngay ra khỏi vùng đất này đi. - Rawlins gọi. - Nhìn kia. Quỷ tha ma bắt một ngày thứ sáu tối tệ. Đó là nơi mà cậu sẽ tìm thấy con ngựa chết tiệt đó.

Họ phóng đi. Mưa lất phất trong gió. Chiếc nón của Blevins nằm trên đường và Rawlins cố cưỡi con ngựa giảm lên đó nhưng nó lại bước vòng qua. John Grady rút một chân ra khỏi bàn đạp, cúi người xuống và nhặt chiếc nón lên mà không phải xuống ngựa. Họ có thể nghe tiếng mưa trút xuống trên con đường phía sau họ như sự di trú của một bóng ma nào đó.

Con ngựa của Blevins đang đứng bên lề đường và được cột vào một lùm cây liễu. Rawlins quay lại, ngồi im trên lưng ngựa và nhìn John Grady trong cơn mưa. John Grady đi qua những cây liễu và xuống những con lạch, lần theo vài dấu chân rời rạc trong bãi đất mùn bị đóm bắn bởi cơn mưa cho đến khi nhìn thấy Blevins ngồi co ro dưới gốc của một cây dương chết trong một cái hốc nơi một nhánh suối hướng ra ngoài đồng cỏ. Nó chỉ mặc độc cái quần lót quá cỡ bị vấy bẩn.

- Mày làm cái quái gì ở đây? - John Grady nói.

Blevins ngồi hai tay ghì chặt đôi vai trắng bệch gầy guộc của mình. Ngồi đây thôi chứ làm gì. - Nó nói.

John Grady nhìn ra ngoài đồng cỏ, nơi những giọt nắng còn rơi rớt lại cũng đang bị đẩy lùi đến những ngọn đồi thấp về hướng nam. Cậu cúi người và thả chiếc nón của Blevins xuống ngay bàn chân của nó.

- Quần áo của mày đâu?

- Tôi cởi ra hết rồi.

- Tao biết. Vậy mày để ở đâu?

- Phía kia kia. Chiếc áo có những cái nút bằng đồng đấy.

- Nếu trời mưa lớn tất sẽ có một dòng nước lớn chảy xuyên qua đây như một con tàu. Mày có nghĩ đến điều đó không?

- Anh chưa bao giờ bị sét đánh. - Blevins nói. - Anh không biết nó như thế nào đâu.

- Mày sẽ chết đuối nếu cứ ngồi đây.

- Không sao. Trước đây tôi chẳng bao giờ chết đuối cả.

- Mày vẫn cứ ngồi đó sao?

- Tôi thích thế.

John Grady đặt hai tay lên đầu gối nó. Được rồi. - Cậu nói. - Tao không nói nữa.

Một tiếng sấm vang rền kéo dài xuống tận chân trời về hướng bắc. Mặt đất rung lên. Blevins choàng hai cánh tay lên đầu. John Grady quay ngựa lại và cười ngược lên con suối. Những hạt mưa lớn trút xuống tạo nên những cái lỗ lớn dưới mặt cát ướt. Cậu quay nhìn Blevins một lần nữa. Blevins vẫn ngồi như trước.

Một điều hầu như khó lý giải trong khung cảnh này.

- Nó đâu rồi? - Rawlins hỏi.

- Nó ngồi đằng kia. Tốt hơn là cậu nên mặc áo mưa.

- Mới gặp, tôi đã biết thằng bé đó hơi khác thường. - Rawlins nói. - Điều đó thể hiện trên khuôn mặt nó.

Mưa tiếp tục trút xuống trên những vĩa đất. Con ngựa của Blevins đứng giữa cơn mưa như một bóng ma. Họ rời con đường và cưỡi theo lớp đất bồi hướng đến một lùm cây và núp phía dưới một mái đá trơ trụi, ngồi đưa hai đầu gối ra ngoài mưa và giữ dây cương. Những con ngựa nhẩy cẳng lên và lắc đầu. Tiếng sét rền vang và gió thốc xuyên qua những bụi cây leo, cây paloverde rồi mưa tiếp tục trút xuống. Họ nghe tiếng ngựa chạy đầu đó trong cơn mưa và rồi chỉ còn tiếng mưa.

- Cậu biết đó là tiếng gì chứ? - Rawlins nói.

- Ừ.

- Cậu có muốn uống một tí thứ này không?

- Không. Nó làm tôi bắt đầu cảm thấy khó chịu.

Rawlins gạt đầu và uống. Hình như tôi cũng vậy. - Anh ta nói.

Lúc trời tối, cơn bão yếu đi và mưa cũng có vẻ như ngưng hẳn.

Họ tháo những chiếc yên thấm nước ra khỏi ngựa, cột chân để chúng khỏi đi xa rồi họ bước theo hai hướng khác nhau xuyên qua cánh đồng xanh, đứng dặng chân, nín chặt lấy hai đầu gối và ói. Bầy ngựa đang gặm cỏ cũng giật mình nhìn lên. Thứ âm thanh đó trước giờ chúng chưa bao giờ nghe thấy. Trong cái khung cảnh chạng vạng tối đen u ám đó, âm thanh nồn mưa nghe như thể tiếng kêu của loài côn trùng dơ bẩn đang bám vào cái chất ô uế đó. Một điều gì đó kịch cỡm và dị biệt bám vào cốt lõi của sự sống.

Sáng hôm sau họ tháo ngựa, chuẩn bị yên cương, cột những chiếc túi ngũ bị ướt và dắt ngựa ra đường.

- Cậu muốn làm gì? - Rawlins hỏi.

- Tôi nghĩ tốt nhất chúng ta phải đi tìm cái thằng chết tiệt đó.

- Cứ đi tiếp thì có chuyện gì đâu.

John Grady nhảy lên ngựa, nhìn Rawlins và nói: Tôi không tin là chúng ta có thể để nó một mình trơ trọi ở đây.

Rawlins gật đầu. Ừ. - Anh ta nói. - Tôi cũng nghĩ vậy.

Cậu cưỡi ngựa xuống suối và bắt gặp Blevins xuất hiện cũng với tình trạng hết như lúc cậu bỏ đi. Cậu ngồi trên lưng ngựa, còn nó khập khiễng bước đi với đôi chân trần dọc theo bãi đất bồi, kéo theo một chiếc ủng. Nó ngược nhìn cậu.

- Quần áo của mày đâu? - John Grady nói.

- Nước cuốn trôi hết rồi.

- Con ngựa của mày mất rồi.

- Tôi biết. Tôi đã ra ngoài đường kiểm tra một lần rồi.

- Mày định làm gì nữa đây?

- Tôi không biết.

- Trông có vẻ như cái thứ rượu nặng đó đối xử không tốt với mày.

- Cái đầu tôi cảm giác như có một bà béo mập ngồi lên ấy.

John Grady nhìn ra ngoài bãi đất hoang buổi sáng chói lọi trong mặt trời mới. Cậu nhìn thằng bé.

- Mày đã làm cho Rawlins kiệt sức hoàn toàn rồi đấy. Tao nghĩ mày biết điều đó.

- Anh không bao giờ biết được rằng khi anh cần họ thì anh đã chê bai họ. - Blevins nói.

- Quỷ tha ma bắt, mà nghe ở đâu vậy?

- Tôi không biết. Tôi chỉ quyết định nói như vậy.

John Grady lắc đầu. Cậu với tay và mở khóa yên ngựa, lấy ra chiếc áo sơmi chưa mặc của mình và ném xuống cho Blevins.

- Khoác chiếc áo đó lên trước khi mà bị nung nóng ở ngoài đó. Tao sẽ cưỡi ngựa xuống dưới kia để xem liệu có tìm thấy quần áo của mà ở đâu không.

- Cảm ơn anh. - Blevins nói.

Cậu xuống bãi đất bồi rồi quay ngược trở lại. Blevins ngồi giữa bãi cát với chiếc áo trên người.

- Đêm qua nước ngập tới đâu trong bãi đất bồi này?

- Nhiều.

- Mà tìm được một chiếc ủng đó ở đâu?

- Dưới một gốc cây.

Cậu xuống bãi đất bồi, đến vùng trũng cát sỏi và ngồi nhìn. Cậu không nhìn thấy chiếc ủng nào hết. Khi cậu quay lại, Blevins vẫn đang ngồi như khi nãy.

- Chiếc kia mất rồi. - Cậu nói.

- Tôi đoán trước như vậy.

John Grady cúi người đưa tay ra: Chúng ta đi thôi.

Cậu xốc Blevins, lúc này chỉ còn chiếc quần lót trên người, ra phía sau. Rawlins sẽ nổi cơn tam bành khi nhìn thấy mà. - Cậu nói.

Nhìn thấy thằng bé, Rawlins dường như mất hết tinh thần để nói chuyện với nó.

- Nó mất hết quần áo rồi, John Grady.

Rawlins quay ngựa và chậm rãi xuống con đường. Hai người kia theo sau. Không ai nói lời nào. Sau một hồi, John Grady nghe tiếng một vật gì đó rơi xuống đường; cậu ngoái đầu nhìn về phía sau và thấy chiếc ủng của Blevins nằm ở đó. Cậu nhìn Blevins nhưng Blevins lại nhìn chằm chằm về phía trước, dưới cái rìa của chiếc nón rộng vành rồi họ tiếp tục cưỡi đi. Những con ngựa tinh nghịch phi nước kiệu giữa những chiếc bóng phủ xuống con đường, những cây dương xỉ phủ đầy nước. Họ đi ngang qua một bụi xương rồng cholla, trên đó lủng lẳng những chú chim non bị cơn bão thổi tấp vào. Những chú chim xám vô danh bị mắc lên trong điệu bộ của những con chim non sắp chết hoặc treo lủng lẳng trên những chiếc lông của chúng. Một số vẫn còn sống và chúng cục cựa khi bay ngựa đi ngang qua; mấy con chim ngẩng đầu lên, kêu gào ầm ĩ nhưng những kỵ sĩ vẫn tiếp tục tiến bước như không nghe thấy gì. Mặt trời lên cao và vùng đất đang chuyển sang một sắc thái mới, một màu xanh sáng rực từ những cây keo và cây paloverde, một màu xanh từ những bụi cỏ mọc dọc hai bên đường và rực rỡ với những cây ocotillo. Như thể cơn mưa mang trong nó một dòng điện, một mạch nối giữa bầu trời và mặt đất để dòng điện chạy xuyên qua.

Trưa hôm đó họ cưỡi ngựa vào một trại sắp được dựng lên trong những bãi đất nhấp nhô dưới chân một ngọn núi đá thấp đỉnh bằng chạy theo hướng từ đông và tây phía trước họ. Ở đây có một nhánh suối nhỏ nước trong vắt và những người Mexico đào một bếp lửa ngoài trời, phủ lên một lớp

đá rồi họ đặt lên đó một nôi đun lớn. Nôi đun này được làm từ nửa phần dưới của một thùng nước mạ kẽm và để mang được nó đến đây, họ dùng một cần trục bằng gỗ đâm xuyên qua mặt đất, mặt trống bên kia họ làm một cái kiềng bằng gỗ để giữ cần trục. Và cần cả một đoàn ngựa mới kéo thùng nước ngang qua sa mạc từ Zaragoza tám mươi dặm về hướng đông. Con đường mòn của đồng cỏ chaparral bằng phẳng vẫn có thể nhìn thấy uốn lượn trên mặt của sa mạc. Khi những người Mỹ cưỡi ngựa đi vào trại, vài con lừa thổ đang đứng đó. Chúng vừa mới được mang xuống từ ngọn núi đỉnh bằng, trên lưng chất đầy cây candelilla nấu để lấy sáp và những người Mexico để cho những con vật đứng đó trong lúc họ dùng bữa tối. Mười hai gã đàn ông trong y phục giống như những chiếc xà rồng rách tả tơi ngồi xõm dưới bóng mát của một vài cây liễu và ăn bằng muỗng thiếc với đĩa đất sét. Họ nhìn lên nhưng vẫn không ngừng ăn.

- *Chào buổi sáng.* - John Grady nói. Họ đồng thanh đáp lại một giọng điệu nhanh và cộc cằn. Cậu xuống ngựa; họ nhìn vào chỗ cậu đứng rồi lại nhìn nhau và tiếp tục ăn.

- *Các anh có gì ăn không?*

Những anh chàng cưỡi ngựa lấy đĩa và bộ đồ ăn ra khỏi những chiếc túi yên, John Grady thì lấy một chiếc bình nhỏ tráng men từ chiếc túi ăn màu đen và đưa cho Blevins cùng với cái nĩa có quai cầm bằng gỗ cũ kỹ của mình. Họ đi đến ngọn lửa, múc đậu và ớt vào đĩa, mỗi người lấy vài cái bánh bắp đen từ một mảnh thép lá được đặt phía trên ngọn lửa và rồi bước đến ngồi cùng những người công nhân kia dưới gốc cây liễu cách đó không xa. Blevins ngồi duỗi thẳng hai chân trần về trước, nhưng chúng trắng và lộ ra đất

đến mức nó xấu hổ. Nó cố thu chân lại và dùng vạt áo mượn tạm đang mặc trên người để phủ lên hai cái đầu gối. Họ ăn. Những công nhân hầu như đã ăn xong và họ ngựa lưng hút thuốc, phát ra những tiếng ợ nhẹ nhẹ.

- Anh sẽ hỏi họ về con ngựa của tôi chứ? - Blevins nói.

John Grady lặng lẽ nhai. Được rồi. - Cậu nói. - Nếu con ngựa ở đây họ có thể nghĩ rằng nó là của chúng ta.

- Anh có nghĩ là họ lấy không?

- Mày sẽ không bao giờ lấy lại được con ngựa đó. - Rawlins nói. - Bọn tao sẽ đến một nơi nào đó ở thị trấn dưới kia; còn mày, tốt nhất là xem liệu có thể bán khẩu súng ngắn kia để đổi lấy quần áo và một chiếc vé xe buýt trở về lại nơi mà mày xuất phát. Nếu như có xe buýt. Anh bạn thân kia của mày có thể sẵn sàng kéo lê cái mông của mày khắp đất nước Mexico này, nhưng chết tiệt, tao chắc là tao không làm vậy.

- Tôi không có súng. - Blevins nói. - Nó ở chỗ con ngựa.

- Chết tiệt. - Rawlins nói.

Blevins ăn. Sau một hồi nó nhìn lên. Tôi đã từng làm gì với anh cơ chứ? - Nó nói.

- Mày chẳng làm gì tao cả. Và mày cũng sẽ không làm gì cả. Đó là vấn đề.

- Mặc kệ nó Lacey. Chẳng có trở ngại gì cho chúng ta, cố giúp thằng bé tìm lại con ngựa của nó.

- Tôi chỉ muốn nói cho nó biết sự thật. - Rawlins nói.

- Nó biết sự thật đó.

- Nó không hành xử như thế.

John vét sạch đĩa bằng mẫu bánh báp cuối cùng rồi đặt đĩa xuống đất, bắt đầu cuộn một miếng thuốc.

- Quỷ tha ma bắt, tôi đói muốn chết đi được. - Rawlins nói. - Cậu nghĩ họ có để ý không nếu chúng ta ra phía sau trong vòng vài giây?

- Không đâu. - Blevins nói. - Cứ làm đi.

- Ai hỏi mày? - Rawlins nói.

John Grady bắt đầu thọc tay vào túi áo rút ra một que diêm rồi cậu đứng dậy, bước đến gần những công nhân, ngồi xổm xuống xin lửa. Hai người trong số họ rút bật lửa trong túi áo ra và một người thổi lửa. Cậu cúi người, thổi thuốc rồi gạt đầu. Cậu hỏi về cái nồi đun và những bao candelilla vẫn còn cột trên lưng lửa thổ. Những công nhân kể cho họ nghe về sáo và một người trong số họ đứng dậy, bước đi rồi quay lại đưa cho cậu một cái bánh nhỏ màu xám. Nó trông giống một cái bánh xà phòng. Cậu dùng ngón tay cả hai vào cái bánh, hít hít rồi đưa nó lên nhìn.

- Giá bao nhiêu? - Cậu hỏi.

Họ nhún vai.

- Nó phải mất nhiều công sức.

- Thôi đủ rồi.

Một gã đàn ông gầy guộc trong chiếc áo khoác bằng da vầy bẩn có hình thêu ở mặt trước đang nheo mắt nhìn John Grady như soi mói. John Grady trả lại cái bánh sáo cho người đàn ông và gã này huýt hoáy, hất đầu tỏ vẻ giận dữ.

- Nó là người anh em của mày à?

Ông ta muốn ám chỉ đến Blevins. John Grady lắc đầu: Không.

- *Vậy nó là ai?* - Gã đàn ông nói.

Cậu nhìn ra khoảng đất trống. Gã đầu bếp cho Blevins một ít mỡ lợn và nó ngồi xuống chà vào hai bàn chân bị cháy nắng của mình.

- *Một thằng nhóc, không gì hơn.* - Cậu nói.

- *Có họ hàng gì không?*

- *Không.*

- *Một người bạn.*

John Grady kéo một hơi thuốc và gạt mẩu tàn vào góc chiếc ủng. *Không gì cả.* - Cậu nói.

Chẳng ai nói lời nào. Gã đàn ông trong chiếc áo khoác dò xét John Grady và nhìn Blevins đang ngồi trên bãi đất trống. Rồi gã hỏi John Grady có muốn bán thằng bé không.

Cậu im bặt trong thoáng chốc. Gã đàn ông đó chắc tưởng rằng cậu đang cân nhắc vấn đề. Họ đợi. Cậu nhìn lên. Không. - Cậu nói.

- *Giá bao nhiêu?* - Gã đàn ông nói.

John Grady dập tắt điếu thuốc phía dưới cái đế của chiếc ủng và rồi đứng dậy.

- *Cám ơn vì sự hiếu khách của mấy ông.* - Cậu nói.

Gã đàn ông ngỡ ý rằng sẽ trao đổi với cậu bằng sáp. Những người khác quay đầu và lắng nghe. Bây giờ họ lại ngoảnh mặt nhìn John Grady.

John Grady dò xét họ. Họ trông chẳng có gì xấu xa nhưng cũng không dễ chịu tí nào đối với cậu. Cậu quay đầu và băng ngang qua bãi đất trống, hướng về phía những con ngựa đang đứng. Blevins và Rawlins đứng dậy.

- Bọn họ nói gì vậy? - Blevins nói.
- Chẳng nói gì cả.
- Anh có hỏi họ về con ngựa của tôi không?
- Không.
- Tại sao không?
- Họ không lấy con ngựa của mày.
- Gã kia nói gì?
- Chẳng nói gì cả. Thu gom đĩa đi. Chúng ta đi thôi.

Rawlins nhìn những gã đàn ông đang ngồi xuyên qua bãi đất trống. Anh ta cầm chặt dây cương và xốc lên yên ngựa.

- Chuyện gì vậy, anh bạn? - Rawlins hỏi.

John Grady thốc lên và xoay đầu ngựa. Cậu quay đầu nhìn những gã đàn ông và rồi nhìn Blevins. Blevins đứng với những chiếc đĩa trong tay.

- Anh nhìn tôi có chuyện gì không? - Nó hỏi.
- Bỏ chúng vào túi đi và quăng cái mông mày lên đây.
- Đĩa chưa rửa mà.
- Cứ làm như tao bảo.

Một vài gã đứng dậy. Blevins nhét mấy cái đĩa vào túi rồi John Grady cúi người, xốc mạnh nó lên sau lưng mình.

Cậu giật con ngựa quay ngược trở lại và phóng ra ngoài trại rồi tiến lên con đường thẳng về hướng nam. Rawlins ngoái đầu nhìn lại phía sau, thúc ngựa chuyển sang nước kiệu còn John Grady tiến nhanh bên cạnh anh ta và họ đi cạnh nhau xuống con đường mòn chật hẹp hằn sâu những vết bánh xe. Không ai nói lời nào. Khi họ mất hút khỏi trại

sáp khoảng một dặm, Blevins thăm dò xem gã đàn ông trong chiếc áo khoác muốn gì nhưng John Grady không trả lời. Khi Blevins hỏi một lần nữa, Rawlins quay đầu về phía sau nhìn nó.

- Hắn muốn mua mày. - Anh ta nói. - Đó là điều hắn muốn.

John Grady không nhìn Blevins.

Họ tiếp tục đi trong thinh lặng.

- Mày đi mà hỏi hắn mua mày để làm gì? - John Grady nói. - Không cần phải làm điều đó.

Đêm đó họ cắm trại trong một dãy đồi thấp phía dưới rặng núi Sierra de la Encantada và ba người ngồi thinh lặng xung quanh ngọn lửa. Hai cái chân xương xẩu của thằng bé tái nhợt dưới ánh sáng ngọn lửa và dính đầy bụi đường cùng những mảnh rơm rạ bám vào chỗ mỡ lợn. Chiếc quần đùi nó mặc rộng thùng thình, dơ dáy và trông nó thật chẳng khác nào một người nông nô bị ngược đãi hoặc thậm chí còn tệ hơn. John Grady chia cho nó phần chân bên dưới từ chiếc túi ngủ của mình; nó tự thu mình trong đó và nằm bên cạnh ngọn lửa rồi nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Rawlins lắc đầu, phun nước bọt.

- Chết tiệt, đáng thương thật. - Anh ta nói. - Cậu có nghĩ gì khác về những điều tôi nói không?

- Vâng. - John Grady nói. - Tôi đã nghĩ về điều đó.

Rawlins nhìn chằm chằm vào tâm điểm đỏ rực của ngọn lửa.

- Tôi sẽ cho cậu biết một chuyện. - John nói.

- Nói đi.

- Một điều thật tồi tệ sắp xảy ra.

John Grady phì phà khói thuốc một cách khoan thai, hai cánh tay cậu vòng quanh hai đầu gối.

- Đây là một món hời lớn. - Rawlins nói. - Vấn đề là ở chỗ đấy.

Trưa ngày hôm sau họ cưỡi ngựa vào thị trấn Encantada nằm phía dưới dãy núi thấp bị xén ngọn. Họ đi dọc theo mép núi và điều đầu tiên họ nhìn thấy là cây súng lục của Blevins vắt bên ngoài túi sau của một gã đàn ông đang khom người vào khoang động cơ của chiếc xe hiệu Dodge. John Grady nhìn thấy trước và lẽ ra cậu đã có thể gọi tên những thứ mà mình nhìn thấy.

- Ôi kìa, chết tiệt, cây súng của tôi. - Blevins la lên.

John Grady quay người ra sau và túm lấy chiếc áo nó mặc nếu không nó đã trượt khỏi con ngựa.

- Từ từ, thằng ngốc. - Cậu nói.

- Từ từ cái quái gì chứ. - Blevins nói.

- Mà nghĩ mà sẽ làm gì nào?

Rawlins thúc ngựa lên sát bên cạnh họ. Nào tiếp tục cưỡi đi thôi. - Anh ta huýt lên một tiếng. - Thượng đế toàn năng.

Một vài đứa trẻ đang nhìn từ một cánh cửa ra vào và Blevins ngoảnh mặt nhìn về phía sau.

- Nếu con ngựa đó ở đây. - Rawlins nói. - Họ sẽ không mời Dick Tracy đến để tìm hiểu nó là của ai.

- Cậu muốn làm gì?

- Tôi không biết. Rút khỏi con đường chết tiệt này. Dù sao có thể cũng đã quá muộn rồi. Tôi nói chúng ta có thể

giấu nó ở một nơi an toàn nào đó cho đến khi có thể tìm ra con ngựa.

- Như vậy có hợp với mày không, Blevins?

- Quý tha ma bắt, hợp hay không thì nó cũng phải chịu vậy thôi. - Rawlins nói. - Nó không có tiếng nói ở đây. Nếu nó không muốn sự giúp đỡ của tôi thì nó sẽ không được gì.

Anh ta vượt qua mặt họ và rẽ xuống một con rãnh đất sét dẫn ra đường.

- Chết tiệt, dừng nhìn lại. - John Grady nói.

Họ để lại cho nó một bi đông nước dưới bóng râm của những cây dương và bảo nó dừng lò mạt ra và rồi họ chậm rãi cuỗi ngược trở lại xuyên qua thị trấn. Họ di chuyển cẩn thận dọc theo một trong những con rãnh có nhiều vết lún sâu vốn là đặc điểm của thị trấn này và nhìn thấy con ngựa lò dẩu ra khỏi khung cửa sổ không có kính của một ngôi nhà bằng bùn bỏ hoang.

- Nào cứ cuỗi tiếp đi. - Rawlins nói.

John Grady gạt dẩu.

Khi họ trở về bụi dương thì không thấy Blevins đâu cả. Rawlins ngồi nhìn ra một vùng đất cằn cỗi và đầy bụi. Anh thọc tay vào túi lấy thuốc lá.

- Tôi sẽ nói với cậu một chuyện, anh bạn thân à.

John Grady cúi người và phun nước bọt: Được.

- Trong mọi điều ngu xuẩn mà tôi từng làm trong cuộc đời mình, luôn có một quyết định tôi phải đưa ra trước khi nó kéo tôi vào. Đó không bao giờ là điều ngu xuẩn. Luôn

luôn là một sự lựa chọn mà tôi phải thực hiện trước khi gặp rắc rối. Cậu hiểu điều tôi nói chứ?

- Ừ. Tôi cũng nghĩ vậy. Ý cậu là sao chứ?

- Nghĩa là thế đấy. Đây là cơ hội cuối cùng của chúng ta. Ngay lúc này. Đây là thời điểm và sẽ chẳng có thời điểm nào khác nữa; tôi đảm bảo với cậu.

- Ý cậu là bỏ hán ở đây?

- Phải, đúng vậy.

- Điều gì sẽ xảy ra nếu đó là cậu?

- Không phải là tôi.

- Nếu vậy thì sao?

Rawlins ngoéo điều thuốc vào khóe miệng, lấy một que diêm từ trong túi ra và bật nó đỏ lên bằng móng ngón tay cái của mình. Anh nhìn John Grady.

- Tôi sẽ không bỏ cậu và cậu cũng sẽ không bỏ tôi. Đừng có tranh cãi.

- Cậu có nhận ra tình thế khó khăn mà nó sẽ rơi vào không?

- Có. Tôi nhận thấy điều đó. Đó là cái mà nó tự đưa mình vào.

Họ ngồi. Rawlins hút thuốc. John Grady ngồi vòng tay trên quả táo yên ngựa và nhìn chúng. Sau một hồi cậu ngẩng đầu lên.

- Tôi không thể làm chuyện đó. - Cậu nói.

- Được.

- Là sao?

- Là sao cũng được. Nếu cậu không thể thì cậu không thể. Tôi nghĩ dù sao thì tôi cũng hiểu những điều cậu nói.

- Ừ, được rồi. Tôi không làm như vậy.

Họ tháo yên ngựa, cột chúng lại rồi nằm trên đám lá khô dưới những cây dương, sau một chốc họ thiếp đi. Khi họ thức dậy, trời hầu như tối đen. Thành bé ngồi xồm ở đó đang nhìn họ.

- Rất may tôi không phải là thằng đêu. - Nó nói. - Lẽ ra tôi có thể lừa bịp các anh và cuỗm đi tất cả những gì các anh có.

Rawlins ngoảnh sang nhìn nó từ phía dưới vành nón của mình và rồi quay mặt lại. John Grady ngồi dậy.

- Các anh đã tìm được gì rồi? - Blevins nói.

- Con ngựa của mày ở đây.

- Các anh có thấy nó không?

- Có.

- Còn cái yên ngựa?

- Bọn tao không nhìn thấy cái yên ngựa.

- Tôi sẽ không rời khỏi đây cho đến khi lấy lại được tất cả những thứ của mình.

- Được rồi. - Rawlins nói. - Hãy nhớ điều đó.

- Anh ta nói gì vậy? - Blevins hỏi.

- Đừng bận tâm. - John Grady nói.

- Nếu đó là đồ của nó, tôi cược vấn đề sẽ khác. Vậy thì nó sẽ sẵn sàng lấy lại khẩu súng?

- Đừng xúi giục.

- Nghe này, thằng ngốc. - Rawlins nói. - Nếu không vì anh chàng này, tao sẽ chẳng ở đây. Có thể tao đã bỏ mày ở tận con lạch trên kia. Không, tao phải lấy nó lại. Lẽ ra tao đã bỏ mày ở con sông Pecos.

- Bọn tao sẽ cố gắng lấy lại con ngựa cho mày. - John Grady nói. - Nếu điều đó vẫn chưa thỏa mãn mày thì hãy cho tao biết ngay bây giờ.

Blevins nhìn chằm chằm xuống đất.

- Nó chẳng hề quan tâm. - Rawlins nói. Việc chúng ta bị bắn chết vì tội ăn trộm ngựa chẳng màng gì đến nó cả. Nó mong muốn như vậy.

- Không phải ăn trộm. - Blevins nói. - Đó là con ngựa của tôi.

- Hãy cho anh chàng kia biết những điều mày dự tính, bởi vì tao không bận tâm.

- Được rồi. - Blevins nói.

John Grady dò xét nó: Bọn tao lấy lại con ngựa và mày sẵn sàng cười nhé.

- Ừ.

- Bọn tao ghi nhận lời nói của mày nhé?

- Lời của thằng ngốc. - Rawlins nói.

- Ừ. - Blevins nói.

John Grady nhìn Rawlins. Rawlins nằm dưới chiếc nón của mình. Anh ta quay mặt về phía Blevins. Được rồi. - Anh ta nói.

Anh đứng dậy lấy chiếc túi ngủ của mình và quay lại trao cho Blevins một tấm chăn.

- Chúng ta ngủ bây giờ à? - Blevins hỏi.

- Tao chuẩn bị ngủ đây.

- Các anh đã ăn chưa?

- Rồi. - Rawlins đáp. - Dĩ nhiên bọn tao đã ăn rồi. Mày không ăn à? Bọn tao ăn mỗi người một miếng thịt nướng và chưa lại một miếng thứ ba.

- Chết tiệt. - Blevins nói.

Họ ngủ cho đến khi mặt trăng lặn; rồi họ ngồi trong bóng đêm và hút thuốc. John Grady ngắm sao.

- Cậu biết bây giờ là mấy giờ rồi không? - Rawlins hỏi.

- Trăng non chỉ vào lúc nửa đêm ở nơi tôi ra đi.

Rawlins hút thuốc.

- Quỷ tha ma bắt. Tôi phải ngủ lại thôi.

- Cứ ngủ đi. Tôi sẽ đánh thức cậu dậy.

- Vậy nhé.

Blevins cũng đi ngủ. John Grady ngồi ngắm nhìn bầu trời đang cuộn lên từ phía sau những dãy núi đen về hướng đông. Theo hướng về khu làng hoàn toàn là một màu đen. Ngay cả một tiếng chó sủa cũng không có. Cậu nhìn Rawlins đang cuộn tròn trong chiếc túi ngủ, cậu biết anh ta đứng trong mọi điều anh ta đã nói và không có sự giúp đỡ nào cho điều đó. Con chim xinclut đậu ở rìa bắc của thế giới chuyển hướng và đêm tối trôi qua một cách chậm chạp.

Khi cậu đánh thức họ, vẫn còn một tiếng đồng hồ nữa trời mới sáng.

- Cậu sẵn sàng chưa? - Rawlins hỏi.

- Sẵn sàng như đó là trách nhiệm của tôi.

Họ thắng yên và John Grady đưa cho Blevins sợi dây cột ngựa của mình. Mày có thể dùng nó để làm sợi dây cương.

- Cậu nói.

- Được rồi.

- Đặt nó dưới áo của mày đấy. - Rawlins nói. - Đừng để ai trông thấy.

- Chẳng có ai nhìn thấy được. - Blevins nói.

- Đừng có đánh đổ nữa. Tao nhìn thấy một vết sáng ở kia kia.

- Nào đi thôi. - John Grady nói.

Không có một ngọn đèn nào trên đường nơi họ nhìn thấy con ngựa. Họ chầm chậm đi dọc theo con đường. Một con chó đang nằm ngủ dưới đất bỗng vụt đứng dậy và bắt đầu sủa; Rawlins làm động tác như ném một vật gì đó vào con chó và nó linh mất. Khi họ đến ngôi nhà nơi con ngựa bị nhốt, John Grady xuống ngựa, bước đến, nhìn vào cửa sổ rồi quay trở ra.

- Nó không có ở đó. - Anh ta nói.

Không khí hoàn toàn tĩnh mịch trên con đường bùn bé nhỏ. Rawlins cúi người và phun nước bọt. Chết tiệt. - Anh ta nói.

- Các anh có chắc đúng là nơi này không? - Blevins nói.

- Nơi này đây.

Thằng bé trượt xuống ngựa và rón rén bước đi với hai bàn chân trần ngang qua con đường hướng đến ngôi nhà và nhìn vào. Rồi nó trèo qua cửa sổ.

- Nó đang làm cái quái gì thế? - Rawlins nói.

- Cậu đừng lo.

Họ đợi. Nó không trở lại.

- Có ai đến kia.

Một vài con chó bắt đầu sủa. John Grady phóng lên lưng ngựa trở lại con đường và ngồi yên trong bóng tối. Rawlins theo sau. Những con chó bắt đầu sủa vang khắp cả thị trấn. Một ánh đèn sáng lên.

- Chúa ơi phải nó không đấy? - Rawlins nói.

John Grady nhìn Rawlins. Anh ta đang ngồi với khẩu cạcbin ngay trên đùi. Xa xa tận bên kia những ngôi nhà, trong tiếng âm ĩ của lũ chó vang lên một tiếng thét lớn.

- Cậu có biết lũ chó chết này định làm gì chúng ta không?

- Rawlins nói. - Cậu có nghĩ về điều đó không?

John Grady cúi người về trước và vỗ vỗ con ngựa rồi đặt bàn tay lên lưng nó. Con ngựa bắt đầu chứng lên, mà thật ra nó không phải thuộc loại ngựa chứng. Nó nhìn về những ngôi nhà sáng đèn. Một con ngựa hí lên trong đêm tối.

- Ôi, cái thằng chết tiệt. - Rawlins nói. - Cái thằng chết tiệt.

Bên ngoài, tất cả sự hỗn độn như nổ ra dọc theo bãi đất nhỏ. Rawlins quay đầu và con ngựa giậm chân rồi chuyển sang nước kiệu. Anh ta dùng nòng súng quất mạnh vào mông nó. Con ngựa nằm bẹp xuống rồi thọc mạnh những móng chân sau xuống mặt đất. Blevins chỉ với một chiếc quần lót trên người đã ngồi trên lưng con xích mã vốn được canh gác cẩn mật bởi một đàn chó; và bây giờ chúng gào rú

tràn xuống con đường làm bụi bay mù mịt ở chỗ hàng rào xương rồng ocotillo đã mục nát mà Blevins vừa thúc ngựa chạy qua.

Con ngựa phóng nhanh qua sát cạnh Rawlins, Blevins bám chặt lấy bờm của con vật và chộp lấy chiếc nón của mình. Đàn chó chia thành từng toán lung sục điên đại khắp con đường còn ngựa của Rawlins thì đang đứng, xoay mình và lắc đầu. Con xích mã xoay một vòng ba trăm sáu mươi độ rồi bỗng có ba phát súng ngắn từ đầu đó trong bóng đêm vang lên cách đều nhau, pằng pằng pằng. John Grady thúc gót ủng vào hông ngựa và cúi rạp mình trên yên ngựa. Cậu và Rawlins cùng chạy lên con đường. Blevins phóng qua mặt họ, hai cái đầu gối xanh nhợt của nó ép chặt vào con ngựa và vật áo tung bay trong gió.

Trước khi họ đến khúc rẽ ở đỉnh đồi, lại có thêm ba phát súng nữa xuất phát từ con đường phía sau. Họ rẽ vào con đường mòn chính nam và tiếp tục đi xuyên qua thị trấn. Lúc này đã có thêm vài ngọn đèn khác sáng lên trong những cánh cửa sổ nhỏ. Họ phi nước đại rồi lên những ngọn đồi thấp. Ánh sáng đầu tiên đang định hình vùng đất mới về hướng đông. Đi tiếp một dặm nữa về hướng nam của thị trấn, họ đuổi kịp Blevins. Nó quay đầu ngựa và nhìn họ đang trên đường phía sau.

- Dừng lại. - Nó nói. - Nghe kia.

Họ cố giữ cho ngựa bớt thờ hồn hển.

- Thằng chết tiệt. - Rawlins nói.

Blevins không trả lời. Nó trượt khỏi yên ngựa và nằm sát xuống đường để lắng nghe. Rồi nó đứng dậy và thót ngược trở lại lên lưng ngựa.

- Những thằng cao bồi. - Nó nói. - Bọn chúng đang đến đây.

- Ngựa à?

- Ừ. Tôi sẽ cho các anh biết rằng ngay dưới kia không cách nào các anh có thể đuổi kịp tôi. Hãy để tôi chạy trên con đường này bởi chính tôi là người đang bị săn đuổi. Bọn chúng sẽ bám theo bụi mù và các anh có thể chuẩn vào vùng này. Tôi sẽ gặp lại các anh ở cuối đường.

Trước khi họ kịp đưa ra ý kiến, nó đã giật con ngựa quay đầu lại và phóng lên đường mòn.

- Nó đúng. - John Grady nói. - Tốt nhất chúng ta nên chuẩn khỏi con đường chết tiệt này.

- Được.

Họ phóng qua những bụi cây trong bóng đêm, di chuyển vào vùng đất thấp nhất mà họ có thể bám theo, nằm áp sát cổ ngựa để không bị phản chiếu ánh sáng từ trên cao.

- Chúng ta sắp sửa để cho những con ngựa này bị rấn cán chắc như trái đất. - Rawlins nói.

- Trời sẽ sáng mau thôi.

- Vậy thì chúng ta có thể bị bắn chết.

Trong một thoáng, họ nghe tiếng ngựa trên đường. Rồi nhiều con ngựa khác nữa. Thế rồi tất cả trở nên im bật.

- Tốt nhất chúng ta nên tìm một nơi nào đó. - Rawlins nói. - Trời sắp sáng rồi.

- Phải, tôi biết.

- Cậu có nghĩ khi quay lại, họ sẽ biết nơi chúng ta rời bỏ con đường này không?

- Trừ khi chúng có đủ người cưỡi trên đó.

- Điều gì xảy ra nếu họ bắt được nó?

John Grady không trả lời.

- Nó không ngại gì về việc chỉ cho bọn chúng hướng đi của chúng ta.

- Có thể sẽ không.

- Cậu không biết đấy thôi. Tất cả những gì bọn chúng phải làm là nhìn nó theo hướng chéo.

- Vậy tốt nhất chúng ta tiếp tục đi.

- Ừ, tôi không biết cậu thế nào chứ tôi sắp sửa kiệt sức rồi đây.

- Được rồi, vậy cho tôi biết cậu muốn gì?

- Chết tiệt. - Rawlins nói. - Chúng ta không có sự lựa chọn. Chúng ta sẽ chứng kiến ngày mai xảy ra điều gì. Có thể sắp tới chúng ta có thể tìm thấy một ít ngũ cốc ở một nơi nào đó trong vùng đất này.

- Có thể.

Họ kìm ngựa chậm lại và lên đến đỉnh của rặng núi dài. Chẳng có gì di chuyển trong toàn bộ cái khung cảnh xám xịt đó. Họ xuống ngựa và bước đi dọc theo rặng núi. Những con chim nhỏ bắt đầu hót lên từ vùng đồng cỏ chaparral.

- Cậu có biết chúng ta ăn cách đây bao lâu rồi không? - Rawlins nói.

- Tôi thậm chí còn không nghĩ đến điều đó.

- Tôi cũng vậy cho đến lúc này. Bị đeo bám chắc chắn sẽ khiến cậu mất đi cảm giác ngon miệng, phải không?

- Đợi một phút.

- Chuyện gì vậy?

- Đừng ổn.

Họ đứng và lắng nghe.

- Tôi chẳng nghe thấy gì cả.

- Có mấy tay cưỡi ngựa ngoài kia.

- Trên đường à?

- Tôi không biết.

- Cậu có nhìn thấy gì không?

- Không.

- Nào, chúng ta tiếp tục đi thôi.

John Grady phun nước bọt và đứng lắng nghe. Rồi họ tiếp tục đi.

Lúc trời sáng, họ để ngựa lại ở một bãi cát sỏi, trèo lên đỉnh ngọn đồi nhỏ, ngồi thu mình giữa những bụi xương rồng ocotillo và quan sát vùng đất về hướng đông bắc. Vài con nai thơ thẩn gặm cỏ dọc theo rặng núi đối diện. Ngoài ra họ chẳng nhìn thấy gì cả.

- Cậu có nhìn thấy con đường không? - Rawlins nói.

- Không.

Họ ngồi xuống. Rawlins tựa khẩu súng trường vào đầu gối của mình và rút gói thuốc ra khỏi túi áo. - Tôi nghĩ mình hút thuốc được rồi đây. - Anh ta nói.

Một vệt ánh sáng dài tràn ra từ hướng đông và mặt trời lên cao làm đậm thêm cái sắc màu đỏ máu dọc theo chân trời.

- Nhìn kia kìa. - John Grady nói.

- Cái gì.

- Kia kìa.

Cách xa đó hai dặm những tay cưỡi ngựa đang đứng trên đỉnh một ngọn đồi nhỏ. Một, hai. Một phần ba. Rồi họ lại lao xuống mất hút.

- Họ đi theo hướng nào?

- Đây, người anh em, tôi không chắc lắm nhưng tôi có một ý nghĩ khá hay.

Rawlins ngồi xuống, tay vẫn cầm điều thuốc. Chúng ta sẽ chết trong vùng đất chết tiệt này. - Anh ta nói.

- Không, chúng ta sẽ không chết.

- Cậu có nghĩ chúng lần theo được dấu vết của chúng ta ở khu vực này không?

- Tôi không biết. Tôi không cho rằng họ không thể.

- Tôi sẽ cho cậu biết sự việc như thế nào, anh bạn ạ. Nếu họ phong tỏa chúng ta ở một nơi nào đó trong vùng đất này với những con ngựa đã kiệt sức, thì họ sẽ phải đối diện với nòng súng trường này.

John Grady nhìn anh ta và rồi quay mặt nhìn ra ngoài, nơi mà những tay cưỡi ngựa vừa mới xuất hiện.

- Tôi ghét phải quay trở về lại Texas. - Anh ta nói.

- Súng của cậu đâu?

- Trong túi yên ngựa.

Rawlins mỗi điều thuốc: Nếu gặp lại thằng khốn đó, chính tôi sẽ giết nó. Quý tha ma bắt tôi đi nếu tôi không làm chuyện đó.

- Nào đi thôi. - John Grady nói. - Họ vẫn còn nhiều chỗ để sục sạo. Chúng ta phải chạy như một sự chống đỡ tối tệ.

Họ đi về hướng tây với ánh nắng mặt trời trên lưng và bóng của họ, ngựa và người, trải dài trước mặt như những cây cao. Vùng đất họ vừa nhìn thấy là một nơi thường xảy ra núi lửa trước đây và họ bám theo bờ rìa của một cánh đồng sỏi đá đen thoai thoai và luôn dè chừng ở đằng sau. Họ lại nhìn thấy những tay cưỡi ngựa, ở hướng nam nơi mà bọn chúng có thể đã phát hiện ra họ. Và rồi một lần nữa.

- Nếu ngựa của bọn chúng không kiệt sức thì tôi tin bọn chúng bám đuổi còn ráo riết hơn thế. - Rawlins nói.

- Tôi cũng nghĩ vậy.

Giữa sáng, họ cưỡi ngựa lên đỉnh một rặng núi lửa thấp, quay đầu ngựa và ngồi quan sát.

- Cậu nghĩ gì vậy? - Rawlins hỏi.

- À, bọn chúng biết rằng chúng ta không giữ con ngựa đó. Chắc chắn là như thế. Chúng có vẻ nhưng không nóng lòng lao trên mảnh đất này như cậu và tôi.

- Cậu đúng đấy.

Họ ngồi một hồi lâu. Không có động tĩnh gì.

- Tôi nghĩ họ đã bỏ chúng ta.

- Tôi cũng nghĩ vậy.

- Nào, tiếp tục đi thôi.

Đến chiều tối, ngựa bắt đầu loạn choạng. Họ lấy nón của mình trùm cho chúng và đổ đầy những bình nước đã cạn khô, lên ngựa và tiếp tục hành trình. Họ không còn nhìn thấy những tay cưỡi ngựa nữa. Lúc trời tối họ tình cờ gặp một nhóm người chặn cừu cắm trại ở bờ bên kia của con lạch sâu, dưới đáy toàn đá cuội. Những người chặn cừu dường như chọn khu đất này với mục đích tự vệ, hệt như các thổ dân trước đây ở vùng này; và họ thận trọng quan sát hai tay cưỡi ngựa đang di chuyển dọc theo mé bờ bên kia.

- Cậu nghĩ sao? - John Grady hỏi.

- Tôi nghĩ chúng ta phải tiếp tục đi thôi. Tôi bất bình với những người dân ở vùng đất này.

- Tôi nghĩ cậu đúng.

Họ tiếp tục đi một dặm nữa và xuống con lạch để tìm nước. Họ không tìm thấy nước. Họ xuống ngựa và dắt chúng đi, tất cả bước đi loạn choạng vào trong bóng tối như đen dần. Rawlins vẫn mang cây súng trường, bước theo những dấu vết vô hồn còn in trên cát của bầy chim hoặc đàn heo rừng.

Đêm tối chứng kiến họ ngồi trên những tấm chăn ở bãi đất còn ngựa được cột cách họ chỉ vài sải chân. Họ ngồi vậy trong màn đêm mà không đốt lửa, không nói một lời nào. Một lúc sau, Rawlins nói: Lẽ ra chúng ta nên xin nước từ những người chặn cừu.

- Chúng ta sẽ tìm thấy nước vào sáng mai.

- Ước gì bây giờ trời sáng nhỉ.

John Grady không trả lời.

- Con Junior chết tiết sẽ đái, cầu nhàu và bực mình suốt đêm. Tôi biết nó sẽ như thế.

- Có thể chúng nghĩ chúng ta điên.

- Chúng ta không như vậy sao?

- Cậu có nghĩ họ bắt nó không?

- Tôi không biết.

- Tôi sẽ nộp nó.

Họ nằm trong những tấm chăn dưới đất. Mấy con ngựa dịch chuyển một cách khó khăn trong bóng đêm.

- Tôi sẽ nói một điều về nó. - Rawlins nói.

- Ai?

- Blevins.

- Chuyện gì?

- Thằng nhóc khốn đó sẽ không yên thân vì chẳng ai cướp con ngựa của nó cả!

Sáng hôm sau họ thả ngựa ở con lạch và trèo lên trên để ngắm mặt trời mọc, xem những điều mà vùng đất này có thể ban phát. Đêm qua thời tiết rất lạnh dưới vùng trũng và khi mặt trời ló dạng, họ ngồi quay lưng lại hướng mặt trời. Về hướng bắc một lần khói mỏng như cái hình chớp bốc lên trong bầu trời yên lặng không có gió.

- Cậu có nghĩ đó là trại cừu không? - Rawlins nói.

- Tốt hơn chúng ta nên hy vọng là vậy.

- Cậu có muốn quay ngược lại đó và xem liệu họ có cho chúng ta một ít nước uống và thức ăn không?

- Không.

- Tôi cũng vậy.

Họ quan sát vùng đất.

Rawlins vụt đứng dậy và bước đi cùng với khẩu súng trường. Sau một hồi anh ta trở lại với một ít quả tay tiên trong chiếc nón của mình và đổ chúng ra trên một tảng đá bằng phẳng, ngồi xuống dùng dao gọt vỏ.

- Cậu có muốn ăn vài quả không? - Anh ta hỏi.

John Grady bước đến, ngồi xổm xuống và lấy con dao của mình ra. Quả tay tiên vẫn còn mát lạnh do khí trời đêm qua và nó vấy một màu đỏ máu lên tay của họ. Họ cùng ngồi với nhau lột vỏ, ăn và phun ra những hạt nhỏ cứng rồi gỡ mấy cái gai ra khỏi ngón tay. Rawlins diễn tả cử chỉ về vùng đất này:

- Ở đây chẳng có biến động gì nhiều, phải không nhĩ?

John Grady gật đầu:

- Vấn đề lớn nhất mà chúng ta gặp phải là chúng ta có thể bỏ nhào vào họ mà thậm chí không biết rõ về nó. Ngay cả việc chiêm ngưỡng những con ngựa của họ cũng không bao giờ có.

Rawlins phun nước bọt.

- Họ cũng gặp phải vấn đề như thế. Họ cũng không biết chúng ta.

- Họ sẽ biết chúng ta thôi.

- Ừ. - Rawlins nói. - Cậu có mục đích đấy.

- Dĩ nhiên, đối với Blevins chúng ta chẳng gặp vấn đề gì cả. Nó phải sơn con ngựa màu đỏ và đi vòng quanh thối kèn.

- Đó không phải là sự thật.

Rawlins chùi lưỡi dao vào ống quần và gập nó lại.

- Tôi nghĩ tôi phải rút lui khỏi những điều này.

- Điều khác thường là, những gì nó nói là đúng. Đó chính là con ngựa của nó.

- Phải, con ngựa của một ai đó.

- Chắc chắn nó chẳng phải của những người Mexico.

- Ừ. Chúng ta không có lý do để chứng minh điều đó.

Rawlins rút con dao vào túi và ngồi kiểm tra những chiếc gai còn dính trên nón. Một con tuần mã giống như một phụ nữ đẹp. - Anh nói. - Chúng luôn gây ra nhiều rắc rối hơn là giá trị thật của chúng. Điều mà một người đàn ông cần là cái sẽ khiến cho công việc được hoàn tất.

- Cậu nghe điều đó ở đâu?

- Tôi không biết.

John Grady gập con dao của mình lại. Được rồi. - Anh ta nói. - Có nhiều cư dân dưới kia.

- Ừ, nhiều lắm.

- Chỉ có Chúa mới biết nó đang ở đâu.

Rawlins gật đầu.

- Tôi sẽ cho cậu biết điều cậu đã nói với tôi.

- Chuyện gì?

- Chúng ta rồi sẽ gặp lại nó.

Họ đi suốt cả ngày trên một đồng cỏ rộng lớn về hướng nam. Trời đã trưa trước khi họ tìm thấy nước, phần lầy bùn

dưới đáy một cái thùng bằng đất sòng. Tối đến, khi băng qua con đèo giữa những ngọn đồi thấp, họ thúc một con hươu đực nhảy ra khỏi bụi cây bách xù và Rawlins rút khẩu súng trường khỏi vỏ bọc ống giày, giương lên bắn. Anh thả sợi dây cương rơi xuống và con ngựa chồm lên, nhảy sang một bên, đứng run rẩy, còn anh bước xuống và chạy đến chỗ đã nhìn thấy con hươu. Nó nằm chết, máu chảy lênh láng ra mặt đất. John Grady phóng lên và dắt con ngựa của Rawlins. Con hươu bị bắn xuyên qua đáy sọ, hai mắt dờ dẩn. Rawlins đẩy cái vỏ đạn đã bắn ra, nấp vào một viên mới rồi dùng ngón cái hạ cái búa gõ và nhìn lên.

- Một phát súng chết tiệt. - John Grady nói.

- May mắn thôi. Tôi chỉ giương súng và bắn.

- Vẫn là một phát súng chết tiệt.

- Đưa con dao của cậu cho tôi. Nếu chúng ta không ăn thịt con hươu này thì tôi sẽ là một gã châu Á ngu đần.

Họ mổ con hươu và treo nó ở những cây bách xù rồi họ đến một khu đất dốc để lấy củi. Họ nhóm lên một ngọn lửa và chặt cây paloverde làm thành những cây cột hình chữ chi dựng đứng rồi đặt chúng vào ngọn lửa. Rawlins lột da con hươu, thái thịt thành từng lát và đặt lên trên những cây cột để hun khói. Khi ngọn lửa lụi dần, anh ta xiên hai nhánh cây vào miếng thịt lưng và tựa nó lên những viên đá phía trên các mẩu than đang âm ỉ. Rồi họ ngồi nhìn miếng thịt vàng dần và hít hà cái hơi khói bốc lên do mỡ chảy xì xèo xuống những mẩu than.

John Grady bước đến tháo yên ngựa, chằng chân chúng lại và thả ra rồi anh quay lại với tấm chăn và cái yên ngựa của mình.

- Đây. - Cậu nói.

- Gì thế?

- Muối.

- Giá mà có vài ổ bánh mì.

- Thế còn một ít bắp sống, khoai tây và bánh nhân táo thì sao?

- Đừng làm bộ khờ khạo nữa.

- Chín chưa?

- Chưa. Ngồi xuống đi. Chúng sẽ chẳng bao giờ chín được nếu cậu cứ đứng theo kiểu như vậy.

Họ ăn mỗi người một miếng thịt thăn và lật lại những lát thịt đặt trên cây cột rồi nằm ngửa ra cuốn thuốc lá.

- Tôi đã từng chứng kiến những gã chăn bò làm việc cho Blair cắt thịt những con bê một tuổi thành những miếng thịt mỏng dính đến mức cậu có thể nhìn xuyên qua. Họ gỡ xương ra chỉ bằng một lá thép mỏng dài. Họ để thịt lên trên những cây cột quanh ngọn lửa giống như phơi quần áo và nếu đến gần vào ban đêm, cậu sẽ không biết đó là gì cả. Nó giống như nhìn xuyên qua một vật gì đó và thấy trái tim của nó. Ban đêm họ lật thịt qua mặt kia và chỉnh lại ngọn lửa. Cậu sẽ thấy họ di chuyển dây đó bên trong ngọn lửa. Lúc ấy, cậu thức dậy và thứ này sẽ được đặt giữa đồng cỏ trong ngọn gió, nó sẽ sáng lên như một bếp lò nóng. Đỏ như máu.

- Thịt này sắp có mùi vị như cây tuyết tùng. - John Grady nói.

- Tôi biết.

Những con sói Bắc Mỹ đang sủa ăng ăng dọc theo rặng núi về hướng nam. Rawlins cúi người và rầy cái tàn thuốc của mình vào ngọn lửa rồi ngửa người ra sau.

- Cậu có bao giờ nghĩ đến cái chết không?

- Có. Thịnh thoảng. Còn cậu?

- Có. Thịnh thoảng. Cậu nghĩ có thiên đàng không?

- Có. Cậu không tin sao?

- Tôi không biết. Vâng. Có thể. Nếu không tin vào địa ngục, cậu nghĩ mình có thể tin vào thiên đàng sao?

- Tôi đoán cậu có thể tin vào điều cậu muốn tin.

Rawlins gật đầu. Cậu nghĩ về tất cả những điều có thể xảy ra cho mình. - Anh ta nói. - Chẳng có điểm tận cùng với nó.

- Cậu định đem tôn giáo áp đặt cho chúng ta đấy à?

- Không. Đôi khi tôi hoang mang không biết liệu mình có tốt hơn không nếu đã làm thế.

- Cậu không có ý định bỏ rơi tôi đó chứ?

- Tôi nói là không mà.

John Grady gật đầu.

- Cậu có nghĩ chỗ thịt này có thể dụ được một con sư tử không? - Rawlins nói.

- Có thể.

- Cậu có bao giờ nhìn thấy chưa?

- Chưa. Còn cậu?

- Julius Ramsey cùng bảy chó đã giết một con ở Grape Creek. Ông ta leo lên một gốc cây và dùng một cây gậy hất văng nó xuống đất cho những con chó phía dưới.

- Cậu có nghĩ ông ấy thật sự làm được chuyện đó?

- Có. Tôi nghĩ có thể ông ấy làm được.

John Grady gật đầu, nói: Có thể ông ấy làm được.

Những con sói bắt đầu rên rỉ, sau đó ngưng bật rồi lại bắt đầu.

- Cậu có tin Chúa quan phòng hết tất cả mọi người không? - Rawlins hỏi.

- Có. Tôi đoán là Ngài có làm thế. Còn cậu?

- Có. Tôi cũng tin vậy. Con đường của thế gian. Một ai đó có thể thức dậy và hát hơi ở đâu đó tại Arkansas hoặc một nơi chết tiệt nào đó. Trước khi cậu chết đi, vẫn luôn tồn tại những cuộc chiến tranh, những sự hủy diệt và chết chóc để đương đầu. Cậu không biết những gì sẽ xảy ra. Tôi nói Ngài sẽ đếm xỉa đến thế giới đáng thương này. Tôi không tin chúng ta sẽ làm được gì nếu không có Ngài.

John Grady gật đầu.

- Cậu không nghĩ bọn khốn đó có thể đã bắt nó rồi à?

- Blevins?

- Ừ.

- Tôi không biết. Tôi nghĩ cậu sẽ hạnh phúc lắm để kết thúc thằng nhóc đó.

- Tôi không muốn nhìn thấy những điều tồi tệ xảy ra với nó.

- Tôi cũng thế.

- Cậu có cho rằng tên nó là Jimmy Blevins không?

- Ai mà biết được.

Đêm đến, bảy sói làm họ thức giấc. Họ nằm trong bóng đêm và lắng nghe tiếng chúng tụ tập xung quanh xác con hươu, giành giật và kêu gào như những con mèo.

- Tôi muốn anh lắng nghe tiếng huyền nào đó. - Rawlins nói.

Anh ta đứng dậy cầm lấy một cây củi từ đống lửa và hét vào chúng rồi ném cành cây đi. Chúng im bật. Anh sửa lại ngọn lửa và lật miếng thịt trên những cái giá làm từ cành cây xanh. Lúc anh trở lại tắm chăn, chúng lại nhào đến cái xác.

Ngày hôm sau họ đi suốt ngày về hướng tây xuyên qua một vùng đất nhiều đồi núi. Họ vừa đi vừa cắt những lát thịt hun khói đã được phơi khô một phần và nhai ngấu nghiến. Bàn tay họ đen và dính đầy mỡ, họ chùi tay lên u vai ngựa. Họ chuyển qua chuyển lại bình nước cho nhau và chiêm ngưỡng vùng đất mới. Có những cơn gió mạnh thổi về hướng nam, và những đám mây lững lờ trôi dọc theo chân trời với những đường tua dài đen của chúng quét lê trong cơn mưa. Đêm hôm đó họ cắm trại trên rìa đá phía trên những đống cỏ và trong bóng tối mịt mù, họ nhìn những tia sét lóe tắt liên tục ở phía chân trời làm lộ ra những dãy núi xa xa. Sáng hôm sau, khi băng qua vùng đồng cỏ, họ tình cờ gặp một vùng nước tù ở dưới chân núi. Họ tắm cho ngựa và uống nước mưa từ những hõm đá rồi trèo vào một nơi mát mẻ trong núi, cho đến tối hôm đó từ trên đỉnh của những dãy núi, họ nhìn thấy phía dưới một vùng đất mà họ đã từng được nghe

đến. Những bãi cỏ nằm trong một màn sương màu tím đậm, về hướng tây là những đàn chim nước thưa thớt đang bay về hướng bắc phía dưới những đám mây cuộn cuộn trước khi mặt trời lặn như một đàn cá trong một bãi biển đang nung cháy; trên một mũi đất nhô ra, họ nhìn thấy những gã chăn bò đang lừa đàn gia súc qua một làn bụi vàng óng.

Họ dựng trại ở sườn núi thoải thoải về hướng nam và trải chăn trên mặt đất khô ráo phía dưới một mồm đá nhô ra. Rawlins dắt ngựa đến một gốc cây khô héo phía trước trại và họ nhóm lên ngọn lửa lớn, chống lại cái lạnh cắt da. Phía ngoài đồng cỏ trong cái đêm vô tận đó, họ nhìn thấy ngọn lửa của những gã chăn bò cách xa năm dặm như hình ảnh phản chiếu ngọn lửa của họ trong hồ nước tối đen. Trời mưa suốt đêm và tiếng nước mưa xì xèo trong ngọn lửa; những con ngựa đứng trong bóng tối, cặp mắt đỏ rực của chúng chớp nháy láo liên. Sáng hôm sau, trời trở nên xám xịt, lạnh lẽo và ánh nắng mặt trời đến thật chậm.

Lúc giữa trưa, họ tiếp tục đi trên đồng cỏ, qua những bãi cỏ mà họ chưa bao giờ nhìn thấy trước đây. Con đường mòn của đàn gia súc được lừa qua đây dẫn xuyên bãi cỏ giống như một dòng nước chảy; lúc xế chiều họ có thể nhìn thấy đàn gia súc đó đi ngang qua, di chuyển về hướng tây và chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ họ đã đuổi kịp chúng.

Những gã chăn bò biết họ qua cách họ ngồi trên lưng ngựa, họ gọi những anh cao bồi này là kỵ sĩ rồi trao đổi thuốc lá và kể cho họ nghe về đất nước này. Họ lừa đàn gia súc về hướng tây, lội qua những con lạch, một con sông nhỏ và lừa đàn linh dương cùng bảy nai đuôi trắng ra khỏi các lùm dương khổng lồ mà họ đã băng qua, sau đó tiếp tục đi

chuyển cho đến khi trời xế chiều, họ đến một hàng rào và bắt đầu dẫn chúng về hướng nam. Ở phía bên kia hàng rào có một con đường, trên con đường ấy in hằn dấu lốp bánh xe cùng dấu chân ngựa do những cơn mưa gần đây và một cô gái trẻ đang cưỡi ngựa xuống con đường, băng ngang qua họ. Họ dừng lại nói chuyện. Cô ta mặc quần và mang ủng theo kiểu Anh, chiếc áo bó xẻ tà dẹt chéo màu xanh và một cái roi ngựa. Con ngựa cô cưỡi là loại ngựa ô Ả Rập. Cô hẳn đã cưỡi qua cón sông hoặc qua một vũng lầy bởi con ngựa bị thấm ướt đến ngang bụng, và phần dưới cái tấm da ngăn mồ hôi của yên ngựa cũng như đôi ủng của cô đen sẫm. Cô đội chiếc mũ phớt màu đen, vành rộng, tóc đen buông xõa gần đến hông. Đi ngang qua, cô ngoảnh mặt lại mỉm cười và dùng cái tay cầm roi da chạm vào vành nón. Những gã chăn bò từng người một chạm vào vành nón, họ còn có vẻ giả vờ không nhìn thấy cô khi cô cưỡi ngựa ngang qua. Rồi cô thúc ngựa phi nước kiệu và mất hút xuống con đường.

Rawlins nhìn gã cai trong nhóm những gã chăn bò, nhưng gã đã thúc ngựa tiến thẳng và phóng lên con đường. Rawlins rút ngựa lùi về phía sau những tay chăn bò kia và đi sát cạnh John Grady.

- Cậu có nhìn thấy cô gái xinh đẹp đó không? - Rawlins lên tiếng.

John Grady không trả lời. Cậu nhìn xuống con đường nơi cô ấy vừa mới đi qua. Chẳng có gì ở đó cả nhưng cậu vẫn cứ nhìn.

Một giờ sau, khi trời chạng vạng tối, họ giúp những gã chăn bò lừa đàn gia súc vào trong một bãi quây. Gã cai phóng ngựa lên từ ngôi nhà, gã ngồi yên trên lưng ngựa, cầm cây

tầm xia răng và quan sát công việc mà không một lời chỉ trích nào. Khi công việc hoàn tất, gã cai và một gã chăn bò khác đưa họ đến và giới thiệu họ với ông quản lý mà không đoái hoài gì đến tên tuổi, sau đó năm người họ cùng nhau cưỡi ngựa về nhà ông quản lý. Tại chiếc bàn kim loại phía dưới một bóng đèn trơ trọi trong nhà bếp, ông quản lý hỏi thăm rất kỹ về sự hiểu biết của họ về công việc chăn thả, trong khi đó gã cai tán thành mọi yêu sách của họ và gã chăn bò gật đầu. Gã cai tình nguyện đưa ra những chứng thực riêng của mình liên quan đến phẩm chất của những *ky sĩ* mà chính bản thân họ thậm chí cũng không nhận thấy, phẩy tay phớt lờ đi những hoài nghi như thế để nói rằng đây là điều mà ai cũng biết. Ông quản lý ngả người về phía sau trong chiếc ghế của mình và nhìn họ chăm chú. Sau cùng họ đánh vần tên của những anh chàng mới đến; ông quản lý ghi vào cuốn sổ rồi họ cùng đứng dậy bắt tay và bước ra ngoài trong bóng tối chạng vạng. Lúc ấy, mặt trăng bắt đầu lộ lên và đàn gia súc la hét âm ĩ giữa những ánh đèn vàng hắt ra từ những ô cửa sổ hình vuông mang lại hơi ấm và khung cảnh mới trong một thế giới xa lạ.

Họ tháo yên ngựa và dẫn chúng vào chuồng rồi bước theo gã cai về nhà nghỉ. Một tòa nhà đất sét dài gồm hai phòng với mái che bằng thép và sàn nhà bằng bê-tông. Trong một căn phòng chứa đến mười hai chiếc giường làm bằng gỗ hoặc kim loại. Một chiếc lò nhỏ bằng thép lá. Phòng kia kê một chiếc bàn dài với những chiếc ghế dài để ngồi và cái lò nấu dùng củi. Một chiếc kệ bằng gỗ cũ kỹ dùng để đựng các vật dụng bằng kính và đồ ngũ kim. Một chậu rửa bằng đá mềm bề mặt phủ kẽm. Những gã đàn ông đã ngồi sẵn ở bàn ăn khi họ bước vào và họ tới chậu rửa lấy chén đĩa, đến bên

lò và tự múc đậu, bánh bắp và món dê non hầm. Sau đó họ đến chiếc bàn nơi những gã chăn bò gặt đầu và mời họ ngồi bằng những cử chỉ cời mở.

Sau bữa tối, họ ngồi vào bàn, hút thuốc và uống cà phê. Những gã chăn bò đặt nhiều câu hỏi về nước Mỹ và nhiều câu hỏi khác về ngựa, gia súc mà chẳng màng gì đến họ cả. Một số người có bạn bè và người thân ở đó, nhưng đối với phần đông trong số họ, một vùng đất ở hướng bắc chẳng hơn gì một tin đồn, một điều dường như không thể lý giải. Ai đó mang một chiếc đèn sáp đến bàn và đốt lên, ngay sau đó máy phát điện tắt và những bóng đèn treo trên trần nhà mờ dần thành một sợi dây màu cam mỏng manh rồi tắt. Họ chăm chú lắng nghe John Grady trả lời tất cả những câu hỏi, họ nghiêm nghị gặt đầu và cư xử thận trọng để chứng tỏ mình không có bất cứ ý kiến nào về những gì nghe được. Bởi lẽ phần lớn những người đàn ông rành nghề sẽ tỏ ra khinh miệt đối với bất kỳ đề nghị nào dù là nhỏ nhất về những gì không được trải nghiệm trực tiếp.

Họ mang đĩa đến bốn rửa mặ kềm đựng đầy nước và xà phòng. Sau đó, họ cắm đèn tới mấy cái giường ở cuối nhà, trải nệm rồi trải chăn lên mặt giường lò xo đã gỉ sét, cời quần áo và tắt đèn. Một mội, họ nằm hồi lâu trong bóng tối sau khi những gã chăn bò kia đã ngủ hết. Họ có thể nghe tiếng thở sâu trong căn phòng nồng nặc mùi ngựa, da và đàn ông; họ có thể nghe từ đằng xa tiếng đàn gia súc mới vẫn còn chưa được đưa vào chuồng.

- Tôi tin đây là những ông già tốt bụng. - Rawlins thì thầm.

- Ừ, tôi cũng nghĩ thế.

- Cậu có thấy những khẩu súng trường cổ lỗ sĩ của họ chưa?

- Thấy.

- Cậu có cho rằng họ sẽ nghĩ chúng ta chuẩn khỏi đây không?

- Chúng ta sẽ không chuẩn chứ?

Rawlins không trả lời. Sau một hồi anh ta nói: Tôi thích nghe tiếng gia súc ngoài kia.

- Ừ. Tôi cũng vậy.

- Ông ta không nói nhiều về Rocha, có phải thế không?

- Không nhiều lắm.

- Cậu có nghĩ đó là con gái ông ấy?

- Tôi cho là vậy.

- Đây là một vùng đất nào đó, phải không?

- Đúng vậy. Nào, ngủ đi.

- Này anh bạn?

- Gì?

- Đây là lối sống của những gã chăn bò già nua phải không?

- Phải.

- Cậu nghĩ cậu muốn sống ở đây đến bao lâu?

- Khoảng một trăm năm. Thôi ngủ đi.

II

Trang Trại Của Đức Thánh Mẫu là một nông trại rộng mười một ngàn hecta nằm dọc theo mép lưu vực sông Bolson de Cuatro Cienagas ở tiểu bang Coahuila. Những khu vực phía tây giáp với rừng núi Sierra de Anteojo ở độ cao chín ngàn bộ so với mặt biển, nhưng ở hướng nam và hướng đông trang trại này chiếm một phần của khu đất bùn rộng lớn hoặc đáy lưu vực sông Bolson, quanh năm được tưới tiêu rất tốt nhờ những con suối tự nhiên hoặc những con lạch trong vạt, lác đác đó đây là những vũng đầm lầy và hồ cạn hoặc hồ nhỏ. Trong những ao hồ sông suối này là những loài cá chưa từng được biết đến ở những nơi khác trên trái đất, cùng những loài chim, bò sát và các dạng sống khác, cũng như tất cả loài sinh vật cổ có từ lâu đời ở sa mạc xuất hiện khắp mọi nơi.

La Purísima là một trong rất ít các trang trại thuộc đất nước Mexico giữ được trọn vẹn sáu lý vuông đất được phân chia bởi pháp chế thuộc địa năm 1824, và Don Hector Rocha

y Villareal là một trong vài người chủ đất thực sự sống trên mảnh đất mà ông sở hữu, mảnh đất vốn thuộc gia đình ông trong một trăm bảy mươi năm. Ông bốn mươi bảy tuổi và là người thừa kế đầu tiên trong dòng giống của thế giới mới này đã sống đến độ tuổi đó.

Ông cai quản hơn một ngàn gia súc trên mảnh đất này. Ông có một ngôi nhà ở Mexico City nơi vợ ông đang sống. Ông có máy bay riêng. Ông yêu ngựa. Khi cưới ngựa đến ngôi nhà của ông quản lý ở trang trại vào buổi sáng hôm đó, ông được bốn người bạn hộ tống cùng một đoàn trợ lý và hai con vật thồ với hai cái thùng làm bằng gỗ cứng; một thùng trống không, thùng kia đựng những đồ dự phòng cho bữa trưa. Họ còn được hộ tống bởi một bảy chó săn, những con chó này trông chắc thịt và lông lốm đốm bạc. Chúng chạy lon ton giữa những bước chân ngựa và những con ngựa chẳng để tâm gì đến chúng. Ông chủ chào cả nhà, rồi người quản lý xuất hiện trong y phục giản dị và họ nói chuyện qua loa. Sau đó người quản lý gạt đầu còn ông chủ nói chuyện với bạn của mình và tất cả họ cùng cưới ngựa đi. Khi họ băng ngang qua ngôi nhà dành cho những gã chăn dắt và đi qua cánh cổng, rẽ vào con đường dẫn về thị trấn, một vài gã chăn dắt đang đưa ngựa ra khỏi chuồng, thẳng yên để chuẩn bị cho công việc trong ngày. John Grady và Rawlins đứng ở cửa ra vào và uống cà phê.

- Ông ta đấy. - Rawlins nói.

John Grady gạt đầu và hất phần cặn cà phê xuống sân.

- Cậu nghĩ họ đi đâu thế? - Rawlins nói.

- Tôi cho là họ đi săn sói đấy.

- Họ không có súng.

- Họ có dây thừng.

Rawlins nhìn John: Cậu đùa tôi đấy à?

- Tôi không nghĩ vậy.

- Chết tiệt, tôi thích nhìn thấy vậy.

- Tôi cũng vậy. Cậu sẵn sàng chưa?

Họ làm việc hai ngày trong những bãi quây đánh dấu, tiêm chủng, cưa sừng và thiến. Ngày thứ ba, những gã chăn dắt mang về một đàn ngựa hoang ba tuổi từ núi đỉnh bằng và nhốt chúng lại. Tối hôm đó, Rawlins và John Grady đi bộ ra để trông chừng chúng.

Chúng được lừa chung với nhau vào cái hàng rào ở phía bên kia khu vực giam giữ. Chúng là một bầy đủ loại, từ ngựa lang, ngựa nâu xám cho đến những con ngựa hồng và một vài con bạch tạng với đủ kích cỡ và hình thể. John Grady mở cổng. Cậu cùng Rawlins bước vào và cậu đóng cổng lại. Những con vật hoảng sợ bắt đầu giẫm đạp lên nhau, chạy tán loạn và nhảy lung tung dọc theo hàng rào theo hai hướng.

- Một bầy ngựa nhút nhát tôi chưa từng thấy bao giờ. - Rawlins nói.

- Chúng không biết chúng ta làm gì cả.

- Không biết chúng ta làm gì à?

- Tôi không nghĩ vậy. Tôi không nghĩ chúng đã từng nhìn thấy con người.

Rawlins cúi người và phun nước bọt.

- Cậu có nhìn thấy gì ở đằng kia không?

- Những con ngựa.
- Ở đâu?
- Nhìn con ngựa hồng thắm kia. Bên tay phải cậu đấy.
- Tôi đang nhìn đây.
- Nhìn lại đi.
- Con ngựa đó không nặng đến tám trăm cân Anh.
- Chắc là vậy. Nhìn cái thân sau nó kia. Nó làm một gã chăn bò được đấy. Nhìn con ngựa lang kia kia.
- Ôi con khốn này có móng dẹt tậ?
- Ừ, không nhiều lắm. Nhìn con ngựa lang kia kia. Con thứ ba phía bên phải.
- Con với đốm trắng trên lưng phải không?
- Phải.
- Đây đúng là con ngựa trông buồn cười thật.
- Không, nó không vậy đâu. Màu da nó hơi kỳ quặc.
- Cậu không nghĩ điều đó chẳng có nghĩa gì sao? Mấy bàn chân của nó đều màu trắng.
- Đó là một con ngựa tuyệt đấy. Nhìn đầu nó đây này. Nhìn vào cằm nó. Cậu phải nhớ những cái đuôi của chúng đều vểnh ra ngoài.
- Ừ. Có thể. - Rawlins lắc đầu có vẻ hoài nghi. - Cậu từng là người có năng khiếu đặc biệt về ngựa mà. Có thể lâu lắm rồi cậu chưa thấy một con ngựa nào.
- John Grady gật đầu. Phải. - Cậu nói. - Ừ, tôi không quên những nét đặc trưng của chúng.

Những con ngựa lại tụ thành nhóm với nhau ở tận cuối bãi quây, giương cặp mắt tròn xoe và chạy đầu con này dọc theo cổ con kia.

- Chúng có một điều. - Rawlins nói.

- Điều gì?

- Chúng không được người Mexico nào cưỡi thử và huấn luyện.

John Grady gật đầu.

Họ nhìn những con ngựa.

- Bao nhiêu con cả thầy? - John Grady hỏi.

Rawlins nhìn chúng. Mười lăm. Mười sáu.

- Tôi cho là mười sáu.

- Vậy là mười sáu.

- Cậu nghĩ tôi và cậu có thể thuần chúng trong vòng bốn ngày không?

- Phụ thuộc vào loại nào cậu có thể thuần.

- Chỉ là những con ngựa được thuần hóa một phần. Sáu cái yên ngựa. Nhân đôi và dừng lại rồi đứng im để thẳng yên.

Rawlins rút gói thuốc ra khỏi túi áo và hất ngược chiếc nón về phía sau.

- Cậu đang nghĩ gì? - Anh ta nói.

- Thuần những con ngựa này.

- Tại sao chỉ có bốn ngày?

- Cậu nghĩ chúng ta có thể làm được không?

- Họ định cột chúng bằng những sợi dây ráp? Cảm giác của tôi là bất cứ con ngựa nào được thuần trong bốn ngày thì cũng dễ dàng trở nên bất kham bốn ngày sau đó.

- Chúng chẳng phải là những con ngựa khi chúng vừa mới được mang về đây.

Rawlins rảy tàn thuốc của mình vào một mảnh giấy được xếp thành hình nón. - Cậu muốn nói với tôi rằng điều chúng ta đang tìm đến là đàn ngựa này sao?

- Tôi đoán là vậy.

- Chúng ta làm sao để cưỡi được vài con ngựa chết tiệt này và một trong số đó sẽ trở thành những loại ngựa thuần của người Mexico.

- Ừ.

Rawlins gạt đầu, nói: Cậu muốn làm gì, tách chúng ra à?

- Ừ.

- Cậu nghĩ có nhiều dây thừng ở đây sao?

- Tôi không biết.

- Cậu đúng là thằng khốn lão luyện. Tôi sẽ cho cậu biết điều đó.

- Xem cậu đã ngủ đủ chưa.

Rawlins đưa điếu thuốc lên miệng và mò mò trong túi để lấy que diêm.

- Còn chuyện gì khác cậu nghĩ là chưa cho tôi biết nữa?

- Armando nói rằng ông già đó sở hữu toàn bộ ngựa trên ngọn núi đó.

- Bao nhiêu con tất cả?

- Hình như khoảng bốn trăm.

Rawlins nhìn cậu. Anh ta bật que diêm, đốt điếu thuốc và rồi búng nó ra xa.

- Cái quái gì vậy?

- Trước chiến tranh ông ta đã khởi sự một chương trình nhân giống.

- Loại ngựa gì?

- Ngựa lai.

- Quái thật.

- Những con ngựa Quarter Horse, chúng ta gọi chúng như vậy.

- Ừ?

- Con ngựa lang đàng kia, - John Grady nói. - Là giống Billy chạy hết tốc lực.

- Cậu nghĩ nó xuất xứ từ đâu?

- Từ một loài ngựa gọi là Jose Chiquito.

- Little Joe à?

- Ừ.

- Cùng giống ngựa à?

- Cùng giống.

Rawlins hút thuốc với nét mặt trầm tư.

- Cả hai giống ngựa này được bán ở Mexico. - John Grady nói. - Một và Hai. Kia là một đàn ngựa cái thuộc giống Traveler-Ronda cũ.

- Còn chuyện gì khác không? - Rawlins nói.

- Vậy thôi.

- Chúng ta đến gặp ông ấy đi.

Họ đứng trong nhà bếp với chiếc nón trong tay. Gã cai ngồi ở bàn và quan sát họ.

- Những tay thuần ngựa à? - Ông ta nói.

- Vâng.

- Cả hai luôn à? - Ông hỏi.

- Vâng. Cả hai.

Ông ngựa người về sau. Ông gõ những ngón tay lên mặt bàn kim loại.

- Có mười sáu con trong chuồng. - John Grady nói. - Chúng tôi có thể thuần chúng trong vòng bốn ngày.

Họ băng qua mặt sân trước, quay trở về nhà dành cho cao bồi để rửa tay cho bữa ăn tối.

- Ông ta nói gì? - Rawlins hỏi.

- Ông ta nói chúng ta là đồ con lừa. Nhưng theo nghĩa tích cực.

- Cậu không cho đó là một lời nói thẳng thường sao?

- Tôi không nghĩ vậy. Tôi không nghĩ ông ta có thể bỏ mặc nó như vậy.

Trời rạng sáng và họ chuẩn bị làm việc với những chú ngựa mới. Sáng chủ nhật, họ khoác lên người những chiếc áo vẫn còn ẩm ướt do tối đêm trước mới giặt và bước đến chuồng trước khi sao trên trời lặn, ăn một chiếc bánh ngô đã

ngươi có phủ những hạt đậu lạnh ngắt xung quanh, không uống cà phê, và cuộn trên vai những vòng dây thừng maguey dài bốn mươi bộ. Họ mang theo những tấm phủ yên ngựa, những sợi thông lọng hoặc bộ dây ngựa với một miếng băng mũi ngựa bằng kim loại. John Grady mang theo một vài bao cát sạch mà cậu đã lót để ngủ cùng với cái yên ngựa Hamley mà hai bàn đạp đã được làm gắn lại.

Họ đứng nhìn những con ngựa. Những con ngựa bước qua lại rồi đứng im, những vóc dáng xám xịt trong buổi sáng xám xịt. Chất chống trên mặt đất phía ngoài cổng là những vòng dây thừng đủ loại, bông, tơ chuối abaca, da sống được bện lại, sợi maguey, sợi Mexico cho đến những đoạn dây thừng cũ bằng lông thú kết lại hoặc những sợi dây bện bằng tay. Chất dựa vào hàng rào là mười sáu vòng cương ngựa bằng dây thừng mà họ đã bỏ ra cả buổi tối ở nhà để thất lại.

- Vòng dây này sẽ được dùng để khâu tóm chúng ngay khi lên đến núi, phải không nào?

- Tôi nghĩ vậy.

- Họ muốn gì với những con ngựa cái kia?

- Họ cười chúng xuống đây.

- Ừ. - Rawlins nói. - Tôi có thể hiểu được họ khó khăn như thế nào với một con ngựa. Chịu đựng với những con quái đó.

Anh ta lắc đầu và nhét vào miệng phần còn lại của chiếc bánh ngô, chùi tay vào ống quần, tháo sợi dây và mở cổng.

John Grady theo gã cai bước vào và đặt cái yên ngựa xuống đất rồi quay ra ngoài và mang vào một mớ dây thừng

cùng bộ vòng cương, đoạn ngồi xổm xuống để phân loại chúng. Rawlins đứng thất lại những cái vòng thông lọng.

- Tôi đã làm nó và cậu chẳng thể biết chúng lọt vào vòng nào.

- Cậu làm cho đúng đấy nhé, người anh em.

- Cậu định làm nguôi ngoai những con thú hoang đó đấy à, cậu cừ thật đấy!

- Ừ.

- Ông già tôi thường nói rằng mục đích của việc thuần một con ngựa là cười nó và nếu cậu có một con để thuần, cậu chỉ cần đóng yên, trèo lên và cười nó.

John Grady cười toe toét: Ông già cậu là người huấn luyện ngựa có bằng phải không?

- Tôi chưa bao giờ nghe ông thừa nhận như thế cả. Nhưng chắc một điều là tôi đã từng chứng kiến ông ấy bị vắt ngược trên lưng ngựa một hoặc hai lần gì đó.

- Cậu sẽ còn chứng kiến nhiều pha như vậy đấy.

- Chúng ta phải thuần chúng hai lần chứ?

- Để làm gì?

- Tôi chưa bao giờ thấy ai tin tưởng hoàn toàn vào nó lần đầu tiên hoặc phải nghi ngờ đến lần thứ hai.

John Grady mỉm cười. Tôi sẽ khiến cho họ phải tin. - Cậu ta nói. - Cậu sẽ biết mà.

- Tôi sẽ cho cậu biết ngay đây. Đây chỉ là lũ dốt nát mà thôi.

- Blair đã từng nói gì? Chẳng gì khác hơn là một con ngựa hoang kém cỏi?

- Chẳng gì khác hơn là một con ngựa hoang kém cỏi. - Rawlins nói.

Những con ngựa đã bắt đầu bước ra. Anh ta bắt được con đầu tiên và trùm đầu nó bằng sợi thông lọng, đoạn trói hai chân trước nó lại. Con ngựa bổ nhào xuống mặt đất với một tiếng thui lớn. Những con khác bắt đầu hỗn loạn, tùm lại với nhau và nhìn ra phía sau với vẻ hoang dại. Trước khi con ngựa có thể chống chọi để đứng dậy, John Grady đã ngồi đè lên cổ nó và giật cái đầu nó ngẩng lên, treo sang một bên rồi giữ chặt cái mõm nó lại bằng cách ép sát cái đầu xương dài ngoằng của nó vào ngực mình. Hơi thở nóng bỏng của nó từ hai hốc mũi đen ngòm phụt vào mặt và cổ của cậu giống như điều mới lạ từ một thế giới khác. Mùi chúng chẳng có vẻ gì là ngựa cả. Chúng có mùi như chính chúng vậy, những con thú hoang. Cậu áp sát mặt con ngựa vào ngực mình và cảm nhận từ hai bắp đùi trong của mình, máu bơm xuyên qua những động mạch. Cậu cũng cảm nhận được sự sợ hãi, cậu ụp lòng bàn tay mình lên đôi mắt nó, vuốt ve và không ngừng nói chuyện với nó bằng một giọng đều đều và trầm lắng; nói với nó tất cả những gì cậu định làm, ụp lòng bàn tay vào đôi mắt nó và xua tan đi nỗi sợ hãi.

Rawlins lấy ra một trong những đoạn dây cuốn quanh cổ mình và thắt thành một vòng thông lọng, móc vào cổ chân sau và kéo cái chân lên rồi thắt hờ với hai chân trước của con ngựa. Anh thả sợi dây thừng và quăng nó đi rồi cầm lấy bộ vòng cương và gắn vào mõm và tai của con ngựa. John Grady rà ngón tay cái vào miệng nó và Rawlins gắn sợi dây bịt mõm vào và rồi thắt một vòng thông lọng cho sợi dây thứ hai để cột châu sau kia. Rồi anh ta cột hai sợi dây ngang vào bộ vòng cương ngựa.

- Xong hết rồi chứ? - Anh ta nói.

- Đâu vào đó hết rồi.

Anh ta thả đầu con ngựa ra, đứng dậy và bước đi chỗ khác. Con ngựa cố vùng vẫy đứng dậy, quay đầu lại, đá một chân sau rồi loạng choạng nửa vòng và ngã xuống. Nó đứng dậy, lại đá rồi lại ngã xuống. Khi vùng dậy lần thứ ba, nó đứng đá và giật giật cái đầu trong một vũ điệu. Nó đứng. Nó bước đi rồi đứng lại. Rồi nó đá một chân sau và lại ngã xuống.

Nó nằm đấy một hồi như suy nghĩ gì đó rồi đứng dậy trong khoảng một phút và nhảy cẫng lên xuống, sau đó nó đứng nhìn họ trừng trừng. Rawlins cầm lấy sợi dây thừng và thắt một vòng thông lọng nữa. Những con ngựa khác nhìn với sự thích thú cao độ từ tận phía bên kia của bãi trống.

- Những con khốn này cũng điên đại như một con chuột nhắt trong hang thôi. - Anh ta nói.

- Cậu lựa ra một con mà cậu cho là hoang dã nhất. - John Grady nói. - Và tôi sẽ biến nó thành một con ngựa hoàn hảo nhất vào chủ nhật này.

- Hoàn hảo cho ai?

- Cho sự thỏa mãn của cậu đấy.

- Nhảm nhí. - Rawlins nói.

Trong lúc họ tiến hành thuần ba trong những con ngựa đang chạy nhảy và hoảng sợ trong chuồng thì có vài gã chăn dắt đứng ở cổng, uống cà phê trong trạng thái nhàn nhã và quan sát diễn tiến công việc. Vào giữa sáng, tám con ngựa bị cột và tám con kia còn hỗn loạn hơn loài hươu nai, chúng chạy tán loạn dọc theo hàng rào và co cụm lại thành nhóm rồi chạy trong một biển bụi bốc lên khi thời tiết ấm áp. Chúng

như đang ù lì, đối phó với sự tàn nhẫn của việc biến những bản thể hoang dại và bầy đàn của chúng trở thành trạng thái tê cứng bất lực và tách rời vốn dường như tồn tại trong chúng như một căn bệnh lây nhiễm từ từ. Toàn bộ những gã chăn dắt xuất hiện, từ nơi ngủ chạy ra xem. Đến giữa trưa, tất cả mười sáu con ngựa hoang đều đứng quanh quần trong chuồng, chân chúng buộc chặt vào cái vòng cương, mặt nhìn khắp mọi hướng và tất cả đều đã được thuần. Chúng trông giống như những con thú bị trói chặt cho trẻ em vui chơi và chúng đứng đợi điều mà chúng không biết với giọng nói của người thuần ngựa vẫn chảy trong não chúng, như giọng nói của một vị thần nào đó đến để cư ngụ trong chúng.

Khi họ đi về nhà trại để ăn tối, những gã cao bồi có vẻ tỏ ra kính trọng đối với họ, nhưng họ không chắc đó là một sự kính trọng dành cho một công trạng đã hoàn thành hay vì những khiếm khuyết trí tuệ. Không ai hỏi ý kiến họ về những con ngựa hay chất vấn họ về phương pháp. Khi họ trở lại bãi trống vào buổi chiều hôm đó, có khoảng hai mươi người đứng quanh quần nhìn bảy ngựa - phụ nữ, trẻ em, thiếu nữ và đàn ông - và tất cả đang đợi họ quay lại.

- Quý tha ma bắt, họ đến từ đâu thế? - Rawlins nói.

- Tôi không biết.

- Lời truyền miệng lan nhanh khi đoàn xiếc vào thành phố, không phải vậy sao?

Họ đi xuyên qua đám đông, gạt đầu chào và bước vào bãi trống rồi cột cánh cổng lại.

- Cậu bắt ra một con đi? - John Grady hỏi.

- Phải. Để tìm con hoang dại chính nòi, tôi chỉ định con đứng ngay đằng kia kia.

- Giống grullo hả?
- Có vẻ như vậy.
- Gã đó là một tay sành về ngựa.
- Gã còn sành về tính hoang dã.

Anh ta nhìn John Grady bước đến chỗ con thú và dùng một đoạn dây dài chừng mười hai bộ cột vào bộ cương. Rồi John dắt nó ra khỏi chuồng và đi vào bãi quây, nơi mà những con ngựa sẽ được cưỡi. Rawlins nghĩ con ngựa sẽ nhảy hoặc cố chồm lên nhưng không. Anh cầm sợi cương và cái bao bố bước đến và trong lúc John vỗ vỗ con ngựa, anh ta chẳng hai chân trước của nó lại với nhau rồi cầm lấy sợi cương, đưa cái bao bố cho John và giữ con ngựa lại. Mười lăm phút sau đó John dùng cái bao bố ve vẩy ngang mặt con ngựa rồi họ xuống dưới, xoa xoa vào đầu nó, đoạn kéo cái bao ngang qua mặt nó và tiếp tục đưa lên xuống và ở giữa những cái chân của nó, trò chuyện với nó một hồi rồi xoa xoa và áp sát vào nó. Rồi cậu cầm lấy chiếc yên ngựa.

- Cậu nghĩ cái mùi toát ra từ bao bố sẽ tác động tốt đến con ngựa theo cách như vậy chứ? - Rawlins nói.

- Tôi không biết. - John Grady nói. - Tôi đâu phải là ngựa.

Cậu lấy tấm chăn ra và trải trên lưng con ngựa, xoa xoa cho thẳng thớm rồi đứng vuốt ve và trò chuyện với nó, sau đó cậu cúi xuống nhấc chiếc yên lên ở chỗ cái đai được cột bằng dây da cùng với cái bàn đạp được treo trên cái sừng yên và rồi cậu đặt nó lên lưng và gắn nó vào vị trí. Con ngựa chẳng hề động đậy. Cậu cúi xuống, với tay lòn phía dưới và kéo dây đai lên rồi buộc lại. Hai tai của con ngựa vểnh ra sau và cậu thì thầm với nó, rồi kéo dây đai lên lại và cậu cúi người

áp sát vào nó, nói chuyện với nó như thể nó không hoang dại cũng không độc địa. Rawlins phóng mắt nhìn về phía cánh cổng của bãi quây. Có đến năm chục người nữa đến xem. Họ ngồi ăn uống dưới đất. Những ông bố bế những đứa trẻ trên tay. John Grady lấy cái bàn đập ra khỏi sừng yên và thả nó rơi xuống. Rồi cậu kéo mạnh sợi đai lên và khóa lại.

- Được rồi đấy.

- Giữ nó nhé. - Rawlins nói.

Cậu giữ dây cương trong khi Rawlins tháo những sợi dây chằng ra khỏi bộ dây cương, quỳ xuống và cột chúng vào những sợi dây chằng ở hai chân trước. Rồi họ tháo bộ dây cương ra khỏi đầu con ngựa và John Grady đưa cái rọ bịt mõm lên cao, nhẹ nhàng tròng vào cái mũi nó rồi gắn dây mõm và dây cương buộc quanh đầu. Cậu tập hợp toàn bộ dây cương và thắt lại thành vòng trên đầu nó và gặt đầu. Rawlins quỳ xuống, tháo những sợi dây chằng và kéo những mối thông lọng cho đến khi các mối buộc của sợi dây rút xuống mặt đất cạnh móng sau của nó. Rồi con ngựa bước đi.

John Grady đặt một chân vào bàn đập và ép sát người mình vào vai con ngựa, thì thầm vỗ về nó, rồi phóng thoát một cái lên yên.

Con ngựa đứng bất động. Nó đá một chân sau để cảm nhận thử không khí và rồi lại đứng yên, sau đó nó ngoảnh sang một bên và xoay mình, tung chân đá và đứng thờ phỉ phỉ. John Grady chạm vào hai hông sườn nó bằng đôi gót ủng của mình và nó chồm về trước. Cậu ghì cương và nó dừng lại. Rawlins phun nước bọt khinh miệt. John Grady lái nó quay về lại chỗ cũ.

- Loại ngựa hoang chết tiệt nào thế? - Rawlins nói. - Cậu nghĩ đó là cái mà những người này bỏ tiền ra để xem sao?

Lúc trời về tối, cậu cưỡi được mười một trong mười sáu con. Không phải tất cả chúng đều có thể điều khiển được. Ai đó đã nhóm lên ngọn lửa trên mặt đất bên ngoài bãi trống và hình như có đến một trăm người tụ tập, một vài người đến từ thị trấn La Vega sáu dặm về hướng nam, một số người còn xa hơn. Cậu cưỡi năm con cuối cùng bên cạnh ánh sáng của ngọn lửa, những con ngựa như nhảy nhót, xoay mình trong ánh sáng đó, những đôi mắt đỏ hoe của chúng rực sáng. Khi họ hoàn tất công việc, những con ngựa đứng trong bãi trống hoặc bước đi quanh quẩn kéo lê những sợi dây cương khắp mặt đất dường như với một sự cẩn trọng, không để giẫm đạp lên nhau hoặc va vào những cái mũi đau đớn của chúng để rồi chúng trở nên lịch lãm và nhã nhặn một cách kỳ lạ. Bảy ngựa hoang điên cuồng và man dại chạy xung quanh bãi trống trong buổi sáng hôm đó như những viên ngọc bích cuộn cuộn trong một chiếc lọ khó có thể nói là hiện hữu được và những con thú ấy hí lên với nhau trong bóng tối và đáp trả lại như thể một con trong bọn mất tích hoặc bị gì đó.

Khi họ trở về nhà trại trong màn đêm, ngọn lửa mừng vui ấy vẫn cháy rực, và một người mang đàn guitar, một người mang đàn hạt. Ba người khách lạ đã mời họ một ít rượu mùi Mexico trước khi họ rời đám đông.

Nhà bếp trống không và họ vào bàn ăn bữa tối. Rawlins nhìn John Grady. Cậu nhai với vẻ cứng nhắc vụng về và ngồi lảo đảo như muốn ngã xuống chiếc ghế dài.

- Cậu không mệt đấy chứ? - Anh ta nói.

- Không. - John Grady đáp. - Cách đây năm tiếng đồng hồ thì có.

Rawlins cười to: Đừng uống thêm cái thứ cà phê đó. Nó sẽ khiến cậu thức suốt đêm đấy.

Khi họ bước ra ngoài lúc trời hừng sáng, ngọn lửa vẫn còn âm ỉ và có bốn hoặc năm gã đàn ông đang nằm ngủ trên mặt đất, một vài gã có chăn còn một vài người khác thì không. Tất cả ngựa trong bãi quây đều nhìn chăm chăm khi họ bước qua cánh cổng.

- Cậu nhớ mặt chúng như thế nào chứ? - Rawlins hỏi.

- Có. Tôi nhớ chúng. Tôi biết cậu nhớ mặt gã bạn thân của cậu đằng kia kia.

- Vâng, tôi biết con quái đó mà.

Khi John bước đến bên con ngựa cùng với cái bao bố, nó ngoảnh mặt và phi nước kiệu. Cậu lừa nó vào hàng rào, nhặt sợi dây thừng lên và kéo ngược nó lại. Nó đứng run lẩy bẩy và cậu bước đến nó, bắt đầu nói chuyện với nó, vuốt ve nó bằng cái bao bố. Rawlins đi lấy những tấm chăn, yên ngựa và cái rọ bịt mõm.

Khoảng mười giờ tối hôm đó, John đã cưới toàn bộ mười sáu con ngựa và Rawlins cưới mỗi con hai lần. Họ lại cưới bảy ngựa ấy vào ngày thứ ba. Sáng ngày thứ tư lúc trời hừng sáng, con ngựa đầu tiên được thắng cương và mặt trời chưa mọc thì John Grady đã cưới đến cổng chuồng.

- Dắt nó ra đi. - John nói.

- Hãy để tôi thắng yên một con ngựa non.

- Chúng ta không có thời gian.
- Nếu con khốn đó hất cậu xuống bụi gai, cậu sẽ có thời gian.
- Vậy thì tốt nhất tôi nên ngồi trên yên ngựa.
- Để tôi thắng yên một trong những con ngựa tốt này.
- Được rồi.

John ra khỏi chuồng, dắt con ngựa của Rawlins, đứng đợi trong lúc Rawlins đóng cánh cổng và phóng ngựa ngang đến cạnh cậu. Những con ngựa non bước đi khập nấp.

- Đây là kiểu người mù dắt người mù đấy, phải không?

Rawlins gật đầu: Một loại gì đó giống lão già T-Bone Watts khi ông ta làm việc cho bố tôi, tất cả họ nhặng xị lên về hơi thở nặng mùi của ông ta. Ông bảo họ rằng tốt hơn là đừng có thở.

John Grady há miệng cười to và thúc chiếc ủng vào con ngựa để nó phi nước kiệu về phía trước và họ cùng phóng lên đường.

Lúc giữa chiều, cậu lại cười tất cả những con ngựa và trong lúc Rawlins loay hoay với chúng trong bãi quây thì John cười con grullo nhỏ mà Rawlins đã chọn để vào địa hạt. Phía trên trang trại hai dặm là con đường với những cây lách, cây liễu và mạn đại mọc dọc theo bờ của con hồ nhỏ mà cô ấy từng cười con ngựa ô qua mặt cậu.

Cậu nghe tiếng ngựa phía sau và lẽ ra đã ngoái đầu lại nhìn, nhưng cậu nghe chừng bước đi của nó đã thay đổi. Cậu không nhìn cô ấy cho đến khi con ngựa Ả Rập ở ngay sát cạnh cậu, nó bước đi với cái cổ cong lại và một con mắt nhìn vào con ngựa non không phải với sự dè chừng mà bằng

một vẻ khinh miệt của loài ngựa. Cô vượt qua được năm bộ và ngoảnh khuôn mặt xương xẩu của mình liếc nhìn cậu. Cô có đôi mắt xanh. Cô gật đầu hoặc có thể chỉ hơi hạ thấp đầu xuống cốt để nhìn rõ hơn cái loại ngựa nào mà cậu cưỡi, độ nghiêng mỏng mảnh nhất của chiếc nón rộng vành màu đen ngang bằng trên đầu cô, cái hất lên nhẹ nhàng của mái tóc dài đen. Cô vượt qua và con ngựa lại chuyển bước. Cô ngồi trên lưng ngựa theo cách có thể nói là không thể tốt hơn được nữa, cô ngồi thẳng với hai bờ vai rộng và thúc con ngựa phi nước kiệu trên đường. Con ngựa non dừng lại và dờ chừng bất kham trên đường với hai chân trước của nó soãi ra và cậu ngồi, mắt đắm đắm nhìn theo cô ấy. Cậu hình như định nói một điều gì nhưng đôi mắt đó đã biến đổi cái thế giới này mãi mãi theo nhịp đập của trái tim. Cô mất hút xa tận đến những cây liễu bên cạnh bờ lạch. Một đàn chim nhỏ vụt bay lên và hướng ngược về phía cậu với những tiếng kêu yếu ớt.

Tối hôm đó khi Antonio và gã cai xuất hiện ở chỗ bãi quây để xem những con ngựa mà cậu đã huấn luyện, con grullo quay về lại với Rawlins với chiếc yên trên lưng. Họ quan sát, gã cai ngậm cây tăm xia răng. Antonio cưỡi hai con ngựa đang đứng với yên cương đã được chuẩn bị, rẽ chúng qua qua lại lại và rồi bất ngờ giật ngược đầu chúng lên. Ông xuống ngựa và gật đầu, ông và gã cai hướng mắt nhìn về những con ngựa đang đứng ở cánh bên kia của bãi quây và rồi họ bỏ đi. Rawlins và John Grady nhìn nhau. Họ tháo yên những con ngựa và trả chúng về lại bãi, bước về nhà trại mang theo những chiếc yên ngựa và bộ yên cương, rồi tắm tấp chuẩn bị ăn tối. Những gã chăn dắt đã ngồi ở bàn, họ có đĩa và tự lấy thức ăn ở bếp lò cùng cà phê. Họ đến chiếc bàn

dài, xóc một chân lên và ngồi xuống. Có một cái đĩa làm bằng đất sét đựng những chiếc bánh bắp nằm ở giữa bàn với một cái khăn phủ lên đó. Khi John Grady chỉ và hỏi thì chiếc đĩa được chuyển đi từ tay này đến tay kia từ hai bên bàn theo thể thức giống như một chén thánh.

Ba ngày sau họ ở trên núi. Gã cai gửi đi một người phụ việc để lo nấu ăn và chăm sóc ngựa. Gã cũng gửi thêm ba người chăn gia súc trẻ tuổi có lẽ không lớn hơn họ là mấy. Người phụ việc là một ông lớn tuổi bị tật một chân tên là Luis. Luis từng là chiến binh ở Torreon, San Pedro và Zacatecas, còn những người chăn dắt kia đến từ đất nước này, hai trong số họ được sinh ra ở trang trại. Một trong ba gã đó từng ở xa đến tận Monterrey. Họ lên núi, mỗi người kéo theo ba con trong đàn ngựa thuần cùng với những con ngựa thồ để chở thức ăn và lều trại. Họ săn ngựa hoang ở những khu rừng vùng cao giữa những cây thông, bụi dầu và giữa những con suối nơi họ ẩn nấp rồi lừa chúng chạy lên núi cao đỉnh bằng và nhốt chúng trong hẻm núi đá có sẵn hàng rào và cổng từ mười năm trước. Ở đó chúng nhe răng, la rống và trèo chơi với trên những vách đá dốc và rồi xoay mình giẫm đạp lên nhau, cắn và đá loạn xạ. Trong khi ấy, John Grady bước đi ở giữa chúng trong mồ hôi, khói bụi và cảnh tượng hỗn độn với sợi dây thừng như thể chúng không khác gì là một niềm khát khao cháy bỏng về ngựa. Ban đêm, họ cắm trại ở mũi đất nơi ngọn lửa tã toí bởi gió đung đưa qua lại giữa màn đêm. Luis kể cho họ nghe những câu chuyện về đất nước này, về những người từng sống trong đó, những người đã chết và cách mà họ chết. Ông yêu ngựa cả cuộc đời. Ông, cha ông và hai người em của ông đã chiến đấu trong đội kỵ binh và họ đã hy sinh. Thế nhưng tất cả họ

đều cảm phần Victoriano Huerta hơn tất cả những người đàn ông khác và những chiến công của Huerta trên tất cả những thảm họa ám ảnh khác. Ông nói rằng nếu so với Judas phản Chúa, Huerta chính là Judas, ngoại trừ có một Đấng Cứu Thế khác. Một trong những gã chăn dắt trẻ nhìn đi chỗ khác và một gã khác cầu Chúa phù hộ cho ông. Ông nói rằng chiến tranh đã hủy hoại toàn bộ vùng đất và người ta tin rằng giải pháp cho chiến tranh là chiến tranh cũng như thấy lang băm dùng thịt rắn để trị vết cắn của nó. Ông kể về những chiến dịch của ông trong những vùng hoang mạc Mexico, ông cũng kể cho họ nghe về những con ngựa bị giết trước mặt ông và ông nói rằng linh hồn của những con ngựa đó phản ánh chính linh hồn của những người đàn ông một cách chính xác hơn là họ nghĩ; và những con ngựa cũng ưa sống cùng với chiến tranh. Họ nói rằng họ hiểu điều này nhưng ông cho rằng không ai có thể hiểu được điều mà thậm chí trái tim ông cũng chẳng thể hiểu. Cha ông đã từng nói rằng không người đàn ông nào không ra trận trên lưng ngựa lại có thể thực sự hiểu về ngựa; và ông nói rằng ông mong muốn điều này đừng là như thế, nhưng nó vẫn là thế.

Cuối cùng, ông nói đã từng nhìn thấy linh hồn của những con ngựa và nhìn thấy việc đó thật là khủng khiếp. Ông nói rằng điều đó có thể được nhìn thấy trong hoàn cảnh nào đó khi tham dự lễ chôn cất một con ngựa bởi vì nó có cùng một linh hồn và khi ra đi, nó sẽ mang lấy linh hồn của tất cả những con ngựa khác, điều này khiến nó trở nên bất tử. Ông nói rằng nếu một người hiểu được linh hồn của con ngựa đó thì sẽ hiểu tất cả những con ngựa vốn từng là như vậy.

Họ ngồi hút thuốc, mắt chăm chăm nhìn những cục than hồng sâu thẳm chính giữa ngọn lửa, nơi những mẩu than vụn đỏ rực nứt kêu răng rắc và vỡ vụn.

- *Còn những người đàn ông thì sao?* - John Grady hỏi.

Ông già lẩm bẩm trong miệng nghĩ ra cách trả lời. Cuối cùng ông nói rằng giữa những người đàn ông không có sự đồng cảm như giữa những con ngựa, và ý niệm rằng những người đàn ông có thể được cảm thông chỉ là một ảo tưởng. Rawlins hỏi ông bằng tiếng Tây Ban Nha rất tồi của mình rằng liệu có thiên đàng cho những con ngựa không, nhưng ông lắc đầu và nói rằng một con ngựa không cần thiên đàng. Cuối cùng John Grady thắc mắc với ông rằng sẽ không đúng nếu nói tất cả những con ngựa biến mất khỏi bề mặt trái đất thì linh hồn của chúng cũng sẽ không chết, bởi vì chẳng có gì trong thế giới này để tái tạo lại chúng. Thế nhưng ông già chỉ nói rằng thật là vô nghĩa khi nói rằng không có những con ngựa nào trên trái đất này vì Chúa không cho phép một điều như thế.

Họ lừa những con ngựa cái qua những con rạch và con suối nhỏ bên ngoài những ngọn núi và băng ngang qua những bãi cỏ ngập nước của vùng đồng bằng rồi nhốt chúng lại. Họ làm công việc này trong ba tuần cho đến cuối tháng tư thì có được hơn tám mươi con ngựa cái trong bãi quây, phần lớn chúng đã được thuần, một vài con được lựa ra để làm ngựa cưỡi. Khoảng thời gian ấy vẫn tiến hành công việc dồn đuổi và hàng đàn gia súc di chuyển mỗi ngày ra khỏi vùng đất trống vào những vùng đồng cỏ của trang trại; và mặc dù một vài gã chăn dắt không có nổi đến hai hoặc ba con ngựa trong đàn của mình, song những con ngựa mới vẫn ở trong

bãi quây. Vào buổi sáng thứ hai của tháng năm, chiếc máy bay Cessna màu đỏ từ phía nam đến lượn vòng quanh trang trại, nghiêng cánh và hạ xuống rồi lượn ra từ tầm nhìn bên kia những hàng cây.

Một giờ sau, John Grady đứng trong nhà bếp của nhà trại với chiếc nón trong tay. Một người phụ nữ đang rửa những cái đĩa ở chậu rửa chén và một người đàn ông đang ngồi ở bàn đọc báo. Người phụ nữ chùi hai bàn tay lên chiếc tạp dề của mình và biến mất vào một khu vực khác của ngôi nhà, rồi chỉ trong vài phút bà xuất hiện trở lại. Đợi một tí nhé. - Bà nói.

John Grady gật đầu. Cám ơn. - Cậu nói.

Người đàn ông đứng dậy, gấp tờ báo và bước đến nhà bếp rồi trở lại với một cái giá thịt bằng gỗ cùng những con dao róc xương với một thỏi đá mài và đặt chúng trên một tờ giấy. Cùng lúc đó Don Hector xuất hiện ở cánh cửa ra vào và đứng nhìn John Grady.

Ông là một người gầy gò với đôi vai rộng và mái tóc hoa râm, vóc người cao theo đặc tính của người miền Bắc với làn da ngăm. Ông bước vào bếp, tự giới thiệu mình; John Grady chuyển chiếc nón sang tay trái và họ bắt tay nhau.

- Mary. - Ông chủ nói. - Cà phê nhé.

Ông chìa lòng bàn tay hướng lên về phía lối ra vào và John Grady băng qua nhà bếp, bước vào gian phòng. Ngôi nhà mát lạnh, yên tĩnh, thoang thoảng mùi sáp và hoa. Một chiếc đồng hồ quả lắc dựng đứng ở hành lang về phía trái. Những quả cân bằng đồng chuyển động phía sau hai cánh cửa ra vào, quả lắc dao động chậm chậm. Cậu ngoảnh mặt

nhìn về phía sau và ông chủ mỉm cười, duỗi bàn tay hướng về phía cửa phòng ăn. Vào đi. - Ông nói.

Họ ngồi ở một cái bàn dài làm bằng gỗ óc chó theo kiểu người Anh. Tường được phủ tấm Da-mát màu xanh và có treo những bức chân dung của người và ngựa. Cuối gian phòng là một chiếc bàn thường bằng gỗ óc chó, bày biện trên đó là vài nổi hâm thức ăn cùng những bình thon cổ đựng rượu; dọc theo bậu cửa sổ bên ngoài là bốn chú mèo đang nô giỡn trong ánh nắng mặt trời. Don Hector bước vào từ phía sau, lấy một cái gạt tàn bằng sứ trên bàn, đặt trước mặt họ và rút từ túi áo ra một hộp thiếc nhỏ đựng thuốc lá Anh quốc, rồi mở hộp mời John Grady và cậu cầm lấy một điếu.

- *Cám ơn.* - Cậu nói.

Ông chủ đặt hộp thiếc lên bàn ở giữa họ và rút chiếc bật lửa màu bạc từ túi áo, đoạn mỗi điếu thuốc của cậu rồi đến điếu của ông.

- *Cám ơn.*

Người đàn ông phả một làn khói mỏng nhẹ nhàng xuống dưới bàn và cười.

- *Được rồi.* - Ông nói. - Chúng ta có thể nói tiếng Anh.

- *Bất cứ điều gì ông cảm thấy thích hợp.* - John Grady nói.

- Armando nói với tôi rằng cậu am hiểu về ngựa.

- Tôi đã sống cạnh chúng một thời gian.

Ông chủ hút thuốc với vẻ mặt trầm tư. Dường như ông đang đợi nghe thêm một điều gì đó. Người đàn ông khi nãy ngồi dưới bếp đọc báo giờ bước vào phòng cùng chiếc khay bạc dành riêng cho việc phục vụ cà phê, đựng mấy cái tách, lọ kem, một chén đường kèm một đĩa bánh xốp ngọt. Ông ta

đặt cái khay xuống bàn, đứng một lát và sau khi ông chủ nói lời cảm ơn, ông ta lại bước ra ngoài.

Don Hector tự mình lấy tách rót cà phê vào và gập đầu nhìn vào cái khay. Này cậu tự phục vụ đi. - Ông nói.

- Cảm ơn. Tôi chỉ dùng đen.

- Cậu đến từ Texas à?

- Vâng, thưa ông.

Ông chủ lại gập đầu. Ông nhấp một ngụm cà phê. Ông ngồi nghiêng người, chân bắt chéo lên nhau. Ông xoay xoay bàn chân trong chiếc ủng da bê màu sôcôla và quay mặt lại, nhìn John Grady và cười.

- Tại sao cậu đến đây? - Ông hỏi.

John Grady nhìn ông. Cậu nhìn xuống bàn nơi bóng của lũ mèo đang ngồi trên bậu cửa sổ trông giống như những con mèo giấy được cắt ra, những chiếc bóng hơi xiên chéo in trên mặt sàn. Rồi cậu lại nhìn ông chủ.

- Tôi chỉ muốn biết về đất nước này. Hoặc chúng tôi.

- Tôi có thể biết cậu bao nhiêu tuổi?

- Mười sáu.

Ông chủ nhướn chân mày. - Mười sáu à?

- Vâng, thưa ông.

Ông chủ lại mỉm cười, nói: Khi tôi mười sáu, tôi nói với mọi người là tôi mười tám.

John Grady nhấp một ngụm cà phê.

- Bạn cậu cũng mười sáu à?

- Mười bảy.

- Nhưng anh là người chỉ huy chứ.
- Chúng tôi không ai là chỉ huy cả. Chúng tôi là bạn thân.
- Dĩ nhiên.

Ông dùng khuỷu tay thúc cái đĩa về phía John Grady.
Mời. - Ông nói. - Tự nhiên đi.

- Cảm ơn. Tôi vừa mới dùng điểm tâm.

Ông chủ rầy rần thuốc vào cái khay bằng sứ và ngồi ngay ngắn trở lại.

- Ý cậu thế nào về bảy ngựa cái? - Ông hỏi.
- Trong bảy đó có vài con khá lắm.
- Ừ. Cậu có biết một con được gọi là Three Bars không?
- Đó là một con ngựa thuộc giống thuần chủng.
- Cậu biết con ngựa đó chứ?

- Tôi biết nó tham gia cuộc đua Grand Prix ở Brazil. Tôi nghĩ nó xuất thân từ Kentucky nhưng được sở hữu bởi một người đàn ông tên là Vail ở vùng Douglas Arizona.

- Ừ. Con ngựa được sinh ra tại nông trại Monterey ở Paris Kentucky. Con giống mà tôi mua là con cùng cha khác mẹ của chính con cái đó.

- Vâng, thưa ông. Nó đâu rồi?
- Nó đang trên đường đi.
- Nó ở đâu?
- Trên đường đi. Từ Mexico. - Ông chủ mỉm cười. - Tôi phải trả một món tiền thù lao để lấy giống.
- Ông định nuôi ngựa đua à?

- Không. Ngựa Quarter Horse.

- Để dùng trong trang trại này à?

- Ừ.

- Ông muốn nhân con giống này với những con cái của ông à?

- Ừ. Ý cậu thì sao?

- Tôi không có ý kiến gì cả. Tôi biết có một vài tay gây giống và không ít trong số đó rất nhiều kinh nghiệm nhưng tôi nhận thấy họ chẳng hề có ý kiến gì. Tôi biết có một vài loại ngựa chăn được làm giống từ những con ngựa thuần chủng.

- Ừ. Cậu đánh giá tầm quan trọng đến mức nào đối với con ngựa cái đó?

- Cũng như con đực giống. Ý tôi là vậy.

- Hầu hết những tay gây giống đều đặt niềm tin nhiều hơn vào con ngựa đực.

- Vâng, thưa ông. Họ sẽ như vậy.

Ông chủ mỉm cười: Té ra thì tôi cũng đồng ý với cậu.

John Grady cúi người và chấm mẩu tàn thuốc của mình vào gạt tàn.

- Ông không cần phải đồng ý với tôi đâu.

- Không à. Thế cậu cũng vậy sao.

- Vâng, thưa ông.

- Hãy cho tôi biết về những con ngựa trên ngọn núi đỉnh bằng kia.

- Có thể một vài con trong số đó là những con ngựa cái tốt nhưng không nhiều lắm. Những con còn lại tôi cho là

loại tầm thường. Ngay cả một vài con trong đó có thể dùng để làm ngựa săn được thuần hóa một phần. Tận dụng được phần nào đó của chúng. Những con ngựa Tây Ban Nha, đó là biệt danh mà chúng tôi thường gọi chúng. Những con ngựa ở Chihuahua. Giống ngựa Barb thời xưa. Chúng đều là loại ngựa nhỏ, hơi nhẹ ở phần hông và chúng không có phần thân sau như người ta thường muốn đối với một con ngựa chăn nhưng ông có thể cưỡi chúng...

Cậu dừng lại. Cậu nhìn chiếc nón trong lòng mình và rà những ngón tay dọc theo nếp gấp rồi nhìn lên.

- Tôi nghĩ rằng chẳng có gì mà ông không biết.

Ông chủ cầm lọ sữa và đổ vào tách.

- Cậu biết gì về ngựa criollo?

- Thưa ông. Đó là ngựa Argentina.

- Cậu có biết Sam Jones là ai không?

- Tôi biết nếu ông muốn ám chỉ đến một con ngựa.

- Crawford Sykes?

- Đó là một giống khác trong dòng ngựa của ông Billy Anson. Tôi nghĩ về con ngựa đó suốt cả đời.

- Cha tôi từng mua ngựa từ ông Anson.

- Ông Billy và ông tôi là bạn bè. Họ sinh ra chỉ cách nhau có ba ngày. Ông là con trai thứ bảy của Bá tước Litchfield. Vợ ông là một diễn viên kịch tuồng.

- Cậu đến từ Christoval?

- San Angelo. Hoặc chỉ ngoài San Angelo một chút.

Ông chủ nhìn cậu có vẻ thăm dò.

Những Con Tuấn Mã

- Cậu có biết một cuốn sách tựa đề *The Horse of America* của Wallace không?

- Có, thưa ông. Tôi đọc nó từ đầu đến cuối.

Ông chủ ngả người ra sau lưng ghế. Một trong những con mèo đứng dậy, đuổi mình.

- Cậu cưỡi ngựa từ Texas đến đây à?

- Vâng, thưa ông.

- Cậu và bạn cậu?

- Vâng, thưa ông.

- Chỉ có hai người thôi à?

John Grady nhìn chiếc bàn. Con mèo bước đi, dáng mỏng mảnh và nghiêng nghiêng giữa bóng của những con mèo phía trên. Cậu lại nhìn lên.

- Vâng, thưa ông. Chỉ có tôi và cậu ấy.

Ông chủ gạt đầu và dụi tàn thuốc rồi đẩy lùi ghế ra sau. Nào. - Ông nói. - Tôi sẽ chỉ cho cậu một vài con ngựa.

Họ ngồi trên hai chiếc giường đối diện nhau, hai khuỷu tay đặt trên hai đầu gối, cúi người về trước và nhìn xuống những bàn tay đang chấp lại. Sau một hồi, Rawlins nói. Anh ta không nhìn lên.

- Đó là cơ hội cho cậu đấy. Tôi có thể hiểu rằng không có lý gì cậu lại bỏ qua cơ hội đó. - Nếu cậu không muốn, tôi sẽ không đi. Tôi sẽ ở lại đây.

- Chẳng liên can gì việc cậu đi đến một nơi nào đó.

- Chúng ta vẫn làm việc với nhau. Mang ngựa về, và chỉ có vậy thôi.

Rawlins gật đầu. John Grady nhìn anh.

- Cậu chỉ cần nói một tiếng và tôi sẽ nói không với ông ấy.

- Không có lý do gì phải làm thế. - Rawlins nói. - Đó là cơ hội cho cậu đấy.

Sáng hôm sau họ ăn điểm tâm và Rawlins đi ra làm việc ở bãi quây. Khi anh trở về nhà trại vào ban trưa, vài bọc nệm gối của John Grady đã được cuốn lên ở chỗ đầu nằm và bộ yên cương của cậu biến mất. Rawlins tiếp tục bước ra sau để rửa tay ăn trưa.



Nhà ngựa được xây theo kiểu Anh và được che chắn bên ngoài bởi lớp ván cửa tỉ lệ một phần tư sơn trắng với một mái vòm bát úp và một cái kim chỉ hướng gió được gắn trên đó. Căn phòng cậu nằm ở tận cuối, cạnh phòng yên ngựa. Bên kia ô chuồng ngựa là phòng ngủ của một lão giữ ngựa, người từng làm việc cho bố của Rocha. Khi John Grady dẫn con ngựa của mình đi qua nhà ngựa, ông già xuất hiện và đứng nhìn con ngựa. Ông nhìn chân ngựa, nhìn John Grady. Rồi ông quay người trở về phòng mình và đóng cửa.

Buổi chiều hôm đó, trong lúc cậu đang xoay xở với một trong những con ngựa cái mới ở bãi quây phía ngoài nhà ngựa, ông già bước ra và nhìn cậu. Cậu chào ông và ông gật đầu chào lại. Ông nhìn con ngựa. Ông nói trông nó bè bè chắc nịch. Ông nói nó *tròn trịa* và John Grady không biết nó

mang nghĩa gì nên cậu hỏi ông già. Ông dùng hai cánh tay ra dấu hình cái thùng và John Grady cho rằng ông ta muốn ám chỉ con ngựa có mang, cậu đáp không phải như vậy và ông già nhún vai rồi quay trở về phòng.

Khi cậu đưa con ngựa về lại nhà trại, ông già đang kéo cái đai nịt yên của con ngựa ô Ả Rập. Cô gái đứng quay lưng về phía cậu. Khi bóng con ngựa cái phủ lên ô chuồng ngựa, cô ngoảnh mặt lại nhìn.

- Xin chào. - Cậu nói.

- Xin chào. - Cô ta đáp lại. Cô rướn người và lướt những ngón tay phía dưới sợi dây đai yên để kiểm tra. Cậu đứng nhìn cánh cửa của ô chuồng ngựa. Cô gái nâng sợi dây cương qua đầu con ngựa và đặt một chân vào bàn đạp rồi thót lên yên, thúc ngựa và phóng ra khỏi cửa chuồng.

Đêm đó, khi nằm trong chiếc cũi của mình, cậu có thể nghe tiếng nhạc từ ngôi nhà và khi đang chìm vào giấc ngủ, những suy nghĩ của cậu lại về với ngựa, một vùng đất trống và rồi những con ngựa. Những con ngựa vẫn còn hoang dã trên ngọn núi đỉnh bằng kia; chúng chưa bao giờ nhìn thấy con người và chẳng biết gì về cậu hoặc cuộc đời cậu; song trong linh hồn chúng, cậu sẽ đến và cư ngụ ở đó mãi mãi.

Một tuần sau họ lại lên núi cùng với gã phụ việc và hai gã chăn dắt. Sau khi những gã chăn dắt đã cuốn mình trong chăn, cậu và Rawlins ngồi bên cạnh ngọn lửa ở rìa ngọn núi với tách cà phê. Rawlins rút ra hộp thuốc lá sợi còn John thì lấy ra một hộp thuốc điếu và lắc lắc cái hộp trước mặt.

- Cậu lấy đâu ra những thỏi bánh mì ăn liền thế?

- La Vega.

Rawlins gật đầu. Anh gấp một mẩu củi từ ngọn lửa, đốt điếu thuốc và John Grady cúi người mỗi điếu thuốc của mình.

- Cậu nói cô ấy học ở Mexico City à?

- Ừ.

- Cô ta bao nhiêu tuổi?

- Mười bảy.

Rawlins gật đầu.

- Cô ta học trường gì vậy?

- Tôi không biết. Một kiểu trường dự bị đại học hay là gì đó.

- Một kiểu trường học bóng bẩy.

- Ừ. Bóng bẩy.

Rawlins hút thuốc. Ừ. - Anh nói. - Cô ấy là một cô gái bóng bẩy.

- Không, không phải.

Rawlins nghiêng người tựa vào cái yên ngựa của mình, hai chân bắt chéo sang một bên với ngọn lửa. Cái đế ủng của anh gần như muốn rớt ra và anh bấm nó chặt vào mũi giày bằng những cây kim dập hình chữ U. Anh nhìn điếu thuốc.

- Đây. - Rawlins nói. - Tôi đã nói với cậu trước rồi đó, nhưng tôi không cho là lúc này cậu sẽ chịu nghe tôi hơn là những gì tôi đã làm.

- Ừ. Tôi biết.

- Tôi chỉ mong buổi tối cậu phải tự ru mình ngủ đi.

John Grady không trả lời.

- Dĩ nhiên cô ấy có thể hẹn hò với những gã có máy bay riêng chứ xe cộ là nghĩa gì.

- Có thể cậu đúng.

- Tôi mừng khi nghe cậu nói như vậy.

- Dù sao thì chuyện đó cũng chả giúp được gì, phải không?

Rawlins ngậm điều thuốc. Họ ngồi như vậy rất lâu. Cuối cùng anh ném tàn thuốc vào ngọn lửa.

- Tôi đi ngủ đây.

- Ừ. - John Grady nói. - Tôi nghĩ đó là ý kiến hay.

Họ trải những chiếc túi ngủ xuống đất và cậu cời đôi ủng ra rồi đặt bên cạnh mình và duỗi thẳng người trong những tấm chăn. Ngọn lửa cháy trụi thành những mẩu than nhỏ và cậu nằm đó, mắt nhìn lên những ngôi sao tại những vị trí của chúng và cái đai nóng bỏng của đất đá như kéo sợi dây của vòm trời đen thẫm trên đầu. Cậu đặt hai bàn tay hai bên, ép chúng xuống mặt đất, và trong cái mái che bưng bưng lạnh lẽo một màu đen ấy, cậu từ từ hướng toàn bộ cõi lòng mình vào thế giới đó, tất cả như căng lên, rung rung, di chuyển dữ dội và sống động dưới hai bàn tay cậu.

- Tên cô ấy là gì? - Rawlins nói trong bóng đêm.

- Alejandra. Tên cô ấy là Alejandra.

Chiều chủ nhật họ về thị trấn La Vega trên những con ngựa mà họ đã thuần từ một bảy mớ. Họ cắt tóc tại trang trại qua bàn tay của một gã chuyên xén lông cừu với một cái kéo cắt lông. Đằng sau ót họ, phía trên cổ áo, thì trắng như những vết sẹo và họ đội những chiếc nón với vành mép vênh

lên phía trước. Họ đảo mắt từ bên này sang bên kia trong lúc cưỡi ngựa dọc đường như thể thách thức vùng đất này hay bất cứ điều gì có thể cản trở họ. Họ đuổi theo những con thú trên đường với mức cược năm mươi xu và John Grady đã thắng. Rồi họ đổi ngựa cho nhau và cậu cũng giành chiến thắng trên con ngựa của Rawlins. Họ phi nước đại rồi chuyển sang nước kiệu, những con ngựa nóng bức và đổ mồ hôi, chúng giậm chân và nằm xuống trên đường. Những người nông dân chân đất, với những chiếc rổ đựng rau quả trong vườn, hoặc những cái thùng được che đậy bởi một tấm vải thưa, ép sát vào lề đường hoặc trèo qua những bụi cây và xương rồng ven đường. Họ tròn xoe mắt ngắm nhìn những nài ngựa trẻ đi ngang qua, những con ngựa mồm sùi bọt mép đang nhai đi nhai lại và những nài ngựa gọi nhau bằng một thứ tiếng là lạ. Thế rồi người ngựa lại tiếp tục bước đi trong sự phẫn nộ câm lặng, dường như chẳng bao giờ tồn tại trong cái không gian dành cho họ, mà vẫn để lại mọi thứ y nguyên như cũ: bụi, ánh nắng mặt trời, một con chim đang hót.

Trong cửa hàng, những chiếc áo cao cấp nhất được gấp lại trên những chiếc kệ, sau khi đã được ủi thẳng thớm, vẫn còn giữ một đốm màu nhợt nhạt nơi bụi bám lên mặt vải hoặc ánh nắng mặt trời làm phai nhạt. Họ lựa giữa những chồng áo đó để tìm cái có cánh tay đủ dài cho Rawlins; một người phụ nữ chìa cánh tay áo dọc theo cánh tay đã được duỗi thẳng hết cỡ của anh; bà ngậm kim găm trong miệng như một cô thợ may, cài lại chiếc áo, đầu bà lắc có vẻ không hài lòng. Họ mang những chiếc quần đùi mới may bằng vải bạt cứng ra phía sau cửa hàng và mặc thử trong một phòng ngủ có ba cái giường và mặt sàn bằng bê-tông mát lạnh đã từng được sơn màu xanh. Họ ngồi trên giường và đếm tiền.

- Những cái quần đùi này giá mười lăm peso, nghĩa là bao nhiêu?

- Cứ nhớ hai peso là mười hai xu rưỡi.

- Cậu nhớ chứ. Vậy là bao nhiêu?

- Một đôla và tám mươi bảy xu.

- Này. - Rawlins nói. - Chúng ta dư sức. Trong năm ngày nữa chúng ta sẽ được nhận lương.

Họ mua vớ và quần lót rồi chất lên trên cái quầy, nơi người phụ nữ ngồi tính tiền. Rồi bà gói những bộ quần áo mới trong hai cái gói riêng và cột lại bằng sợi dây gai.

- Cậu còn lại bao nhiêu? - John Grady hỏi.

- Bốn đôla hoặc chừng đó.

- Mua thêm một đôi ủng.

- Tôi thiếu một ít nữa là đủ.

- Tôi sẽ cho cậu phần thiếu đó.

- Chắc chứ?

- Ừ.

- Chúng ta phải có một cái gì đó cho buổi tối này.

- Chúng ta vẫn còn vài đô nữa. Nào tiếp tục đi.

- Có gì không nếu cậu muốn mua cho cô bé yêu đó một chai sôđa?

- Vậy sẽ mất của tôi khoảng bốn xu. Nào đừng mất thời gian nữa.

Rawlins ngờ ngợ thử đôi ủng. Anh lấy một chiếc đem so với đế của chiếc ủng đang đi.

- Cái thứ này bé quá.

- Thử cái này xem.

- Màu đen à?

- Chắc rồi. Tại sao không?

Rawlins ướm đôi ủng mới vào chân và đi đi lại lại trên sàn nhà. Người phụ nữ gật đầu có vẻ chấp nhận.

- Cậu nghĩ sao? - John Grady nói.

- Được đấy. Những cái gót đỡ từ bên trên kiểu này phải mất thời gian mới quen được.

- Để tôi chiêm ngưỡng cậu khiêu vũ.

- Cái gì?

- Khiêu vũ.

Rawlins nhìn người phụ nữ và rồi nhìn John Grady. Chết tiệt. - Anh nói. - Cậu đang nhìn một gã khờ khiêu vũ đó à?

- Bước đến kia vài bước thử xem.

Rawlins thực hiện nhanh một động tác giậm mạnh chín bước chân trên mặt sàn bằng ván cũ sờn và rồi đứng cười to giữa cái đám bụi bẩn do anh thốc lên.

- Đẹp đấy. - Người phụ nữ nói.

John Grady há miệng cười to và thọc tay vào túi quần lấy tiền.

- Chúng ta quên không lấy gang tay. - Rawlins nói.

- Gang tay à?

- Gang tay. Chúng ta chưng diện cho buổi giải trí, nhưng đừng quên còn phải trở lại với công việc.

- Tôi hiểu.

- Những sợi thừng cũ sờn chết tiệt kia ăn hết cả hai bàn tay tôi.

John Grady nhìn hai bàn tay của anh ta. Cậu hỏi người phụ nữ găng tay ở đâu và họ mua mỗi người một đôi.

Họ đứng ở chỗ quầy trong lúc người bán hàng gói chúng lại. Rawlins nhìn xuống đôi ủng của mình.

- Ông già có vài loại thừng lụa đặc biệt trong nhà ngựa.

- John Grady nói. - Tôi sẽ lên lấy cho cậu một ít ngay khi có cơ hội.

- Những đôi ủng đen. - Rawlins nói. - Không tệ lắm chứ? Tôi luôn muốn là một gã tối tệ.



Mặc dù trời tối rất lạnh nhưng những cánh cửa đôi của trang trại vẫn mở. Người đàn ông bán vé ngồi ở chiếc ghế đặt trên bục gỗ tại cửa ra vào, vì vậy ông phải cúi xuống từng người trong tư thế tựa tựa như một nghĩa cử hào phóng và nhận lấy những đồng các của họ, rồi trao cho họ vé vào cửa hoặc nhận lại cùi vé. Khán phòng bằng đất sống cổ xưa được chống đỡ dọc theo những bức tường ngoài bởi những cây cột lớn và tất cả chi tiết này không phải là một phần của thiết kế trước đây, không có cửa sổ và những bức tường bị nghiêng ngả và rạn nứt. Một dây đèn điện chạy dọc theo hai bên khán phòng và những bóng đèn bên ngoài có bọc các bao giấy được tô vẽ. Những nét cọ trên đó phản chiếu ra dưới ánh sáng đèn và các sắc đỏ, xanh dương và xanh lá cây, tất cả đều cảm lạnh và đúng là một tuyệt tác. Mặt sàn đã được quét

nhưng vẫn còn những túi hạt giống và lác đác mấy sợi rơm rạ. Tận cuối bên kia khán phòng là một dàn nhạc nhỏ đang chơi hết mình trên sân khấu vốn được làm từ những tấm pa-let dựng ngũ cốc dưới một mái vòm được dựng lên từ những tấm ván ghép. Dọc theo chân của sân khấu là những bóng đèn được đặt trong những hộp đựng trái cây bằng chất liệu trong mờ đủ màu âm thầm sáng suốt cả đêm. Nắp hộp được lắp bởi một lớp giấy kính nhuộm màu, chúng phản chiếu lên trần mái vòm sân khấu những bóng hình nhảy nhót sôi động của những nhạc công kỳ quái như những anh hề trong ánh đèn. Khói sân khấu và một vài con diều hâu núi uốn lượn riu rít trên cao trong một góc đêm tối.

John Grady, Rawlins và một cậu bé tên Roberto, người của trang trại, đứng ở cửa ra vào, ngoài vùng sáng của đèn, giữa những chiếc xe hơi, xe ngựa và chuyển cho nhau một chai rượu mùi Mexico dung tích hơn nửa lít. Roberto đưa cái chai ra giữa ánh sáng.

- *Nhìn những cô gái kia kia.* - Thằng bé nói.

Nó uống rồi chuyển cái chai. Họ cùng uống. Họ đổ muối vào một tờ giấy lên cổ tay và liếm. Sau đó Roberto ấn mạnh cái nút tròn vào cổ chai rượu và giấu chai phía sau bánh xe tải đang đậu, sau đó chuyển tay nhau một gói kẹo sing-gum.

- Vào được rồi chứ? - Thằng bé hỏi.

- Đi nào.

Cô nàng mặc bộ váy xanh, tô son đỏ đang khiêu vũ với một anh chàng cao to từ trang trại San Pablo. John, Rawlins và Roberto cùng nhiều thanh niên khác đứng dọc theo tường để xem những cặp khiêu vũ rồi phóng mắt nhìn những cô

gái trẻ ở tận bên kia khán phòng. Cậu bước chệnh choạng ngang qua những nhóm người. Không khí thoang thoang mùi rơm, mùi mồ hôi và hơi đậm mùi nước hoa cô-lôn-hơ. Phía dưới mái vòm sân khấu, tay chơi accordion vật vờ với nhạc cụ của mình và giậm mạnh chiếc ủng xuống mặt ván để báo nhịp rồi bước lui để tay chơi trumpet bước tới. Đôi mắt cô nhô trên bờ vai của anh bạn nhảy, lướt ngang qua chỗ cậu đứng. Mái tóc đen của cô được bới lên bằng một dải ruy băng xanh, lộ ra phần gáy nhợt nhạt như sứ. Khi quay lại, cô mỉm cười.

Cậu chưa bao giờ chạm vào người cô. Bàn tay cô nhỏ nhắn, vòng eo mảnh mai. Cô nhìn cậu với ánh mắt quả quyết rồi mỉm cười và tựa khuôn mặt vào vai bạn nhảy. Họ xoay vòng dưới ánh đèn. Một nốt trumpet dài hướng những đôi khiêu vũ trên nhịp bước chung và riêng của họ. Những con bướm đêm xoay vần xung quanh các ngọn đèn bọc giấy phía trên cao, còn bảy điều hâu núi đáp xuống hàng kềm gai kêu riu rít, rồi lại uốn lượn lên trên mất hút vào màn đêm.

Cô ấy nói bằng thứ tiếng Anh chủ yếu học từ sách giáo khoa và cậu ngẫm nghĩ mỗi cụm từ mang ý nghĩa mà cậu muốn nghe, thăm lẹp đi lẹp lại trong đầu rồi đặt ra những câu hỏi. Cô nói rằng cô rất vui vì cậu đã đến nơi này.

- Tôi nói với cô là tôi sẽ đến mà.

- Vâng.

Họ xoay người theo tiếng trumpet.

- Cô không nghĩ là tôi sẽ đến à?

Cô gái ngừng đầu về phía sau và nhìn cậu, mỉm cười, đôi mắt sáng rực. *Ngược lại.* - Cô nói. - Tôi biết là anh sẽ đến.

Khoảng thời gian giải lao của ban nhạc, họ bước đến quầy phục vụ giải khát và cậu mua hai cây kem chanh trong hai hộp giấy hình chóp. Họ đi ra ngoài và rảo bước trong khung cảnh ban đêm. Họ bước dọc theo con đường, nơi cũng có những cặp tình nhân khác, và họ bước qua, chúc nhau một buổi tối tốt lành. Không khí mát mẻ và thoáng mùi đất, mùi nước hoa và mùi ngựa. Cô nắm tay cậu, cười và gọi cậu là kẻ phản loạn, một thứ hiếm hoi và đáng được yêu quý. Cậu kể cho cô nghe về cuộc đời mình. Việc ông ngoại cậu chết và trang trại phải bán. Họ ngồi trên một cái máng xối thấp bằng bê-tông và cô đặt đôi giày trên đùi, đôi chân trần của cô bắt chéo dưới mặt đất. Cô lấy ngón tay vẽ nguệch ngoạc trong mặt nước đen. Cô nghĩ học đã ba năm rồi. Mẹ cô sống ở Mexico và vào những ngày chủ nhật, cô thường về nhà để ăn tối hoặc đôi khi cô và mẹ cùng ăn tối trong thành phố hoặc đến rạp hát xem múa balê. Mẹ cô nghĩ rằng cuộc sống ở trang trại thật cô đơn; song sống ở thành phố, cô dường như không có nhiều bạn bè.

- Mẹ giận tôi bởi tôi thường đến đây. Mẹ nói tôi thương bố hơn mẹ.

- Vậy à?

Cô gật đầu: Vâng. Nhưng đó không phải là lý do tôi đến. Dù sao, mẹ đã nói thì tôi sẽ đổi ý.

- Về việc đến đây à?

- Về mọi thứ.

Cô ta nhìn cậu và mỉm cười: Chúng ta vào đi?

Cậu đưa mắt nhìn về phía những ngọn đèn. Tiếng nhạc bắt đầu.

Cô đứng và cúi người, một tay đặt lên vai cậu và xỏ chân vào đôi giày.

- Tôi sẽ giới thiệu anh với bạn của tôi. Tôi sẽ giới thiệu anh cho Lucia. Cô ấy rất xinh. Rồi anh sẽ thấy.

- Tôi cược là cô ấy không xinh như cô.

- Ôi, Chúa. Anh phải cẩn thận với điều anh nói. Và lại như vậy không đúng. Cô ấy xinh hơn.

Cậu một mình quay về với mùi nước hoa của cô trên áo. Những con ngựa vẫn được cột và đang đứng ở bên mé của nhà ngựa, nhưng cậu không thể tìm thấy Rawlins hoặc Roberto. Khi cậu tháo con ngựa của mình, hai con kia hất hất cái đầu và hí lên nhẹ nhàng như cũng muốn đi. Xe cô đang nổ máy trong bãi và những nhóm người đang đi dọc theo con đường. Cậu dẫn con ngựa non vừa mới thuần ra khỏi ánh đèn, đến đường lớn trước khi phóng lên. Cách thị trấn một dặm, một chiếc xe băng ngang qua chỗ đẩy thanh niên, cậu giật cương đưa con ngựa nép vào lề đường. Con ngựa phi nhanh vào trong và nhảy lên trong ánh sáng đèn pha. Đám người băng ngang qua, hét vào cậu rồi có người ném vào cậu một vỏ lon bia. Con ngựa lồng lên, hí vang và đá loạn xạ nhưng cậu cố giữ chặt dây cương rồi thì thầm gì đó với nó như thể chẳng có chuyện gì xảy ra. Sau một hồi, họ lại tiếp tục đi. Khói bụi chiếc xe để lại trải dài trước mặt họ, trên con đường xa đến mức cậu có thể nhìn thấy nó đang từ từ vấy đục bầu trời đầy sao như một vật gì đó khổng lồ đang biến khỏi trái đất. Cậu nghĩ con ngựa đã tự xoay sở rất tốt và khi cười, cậu thì thầm với nó như vậy.



Ông chủ mua con ngựa mà không hề xem trước thông qua một đại lý tại hội chợ xuân ở Lexington, và ông đã phải em trai của Armando là Antonio đi mang con vật về. Antonio rời trang trại trên một chiếc xe tải mui trần Quốc Tế năm 1941 kéo theo một rơ-moóc bằng kim loại tấm sản xuất tại nhà, và gã đi trong hai tháng trời. Gã mang theo những bức thư bằng tiếng Anh và Tây Ban Nha mà Don Hector đã ký trình bày về công việc làm ăn của mình; gã còn mang theo một bì thư màu nâu của ngân hàng có cột dây, trong đó đựng rất nhiều đôla, peso và những tấm phiếu rút tiền tại các ngân hàng ở Houston và Memphis. Gã không nói được tiếng Anh cũng không biết đọc biết viết. Khi gã trở về, bì thư đã biến mất cùng với một bức thư bằng tiếng Tây Ban Nha, nhưng gã giữ lại được một bức bằng tiếng Anh bị xé rách thành ba phần dọc theo các nếp gấp, bị sờn ở góc và vấy bẩn cả phê cùng những vết bẩn khác mà một ít trong đó có thể là máu. Gã đã một lần đi tù ở Kentucky, một lần ở Tennessee và ba lần ở Texas. Khi đưa chiếc xe vào sân sau, gã bước ra, đi đến ngôi nhà với dáng vẻ kiên định rồi gõ cửa nhà bếp. Maria mở cửa cho gã và gã đứng đó với chiếc nón trong tay trong lúc bà đi mời ông chủ. Khi ông chủ bước vào bếp, họ bắt tay nhau một cách nghiêm nghị và ông hỏi thăm sức khỏe gã; gã trả lời rằng rất tuyệt rồi đưa cho ông những mảnh rách của bức thư cùng với một xấp những tờ hóa đơn thanh toán, biên nhận của các quán cà phê, trạm xăng, cửa hiệu ăn uống và nhà giam, đồng thời gã cũng đưa cho ông số tiền còn lại bao gồm cả tiền lẻ trong túi gã và chìa khóa xe tải. Cuối cùng gã đưa cho ông tờ hóa đơn từ cửa khẩu Mexico ở Piedras Negras cùng với một bì thư dài làm từ giấy sợi dây chuối được viền ruy băng xanh, trong đó chứa giấy tờ về con ngựa và hóa đơn thanh toán.

Don Hector đặt tiền, những tờ biên nhận cùng toàn bộ giấy tờ lên trên mặt bàn và đút chìa khóa vào túi. Ông hỏi chiếc xe chạy ổn chứ.

- Vâng. - Gã nói. - *Chiếc xe rất mạnh.*

- *Tốt lắm.* - Ông chủ nói. - *Còn con ngựa?*

- *Nó hơi mệt do đi đường, nhưng nó là một con ngựa rất tuyệt.*

Con ngựa màu nâu hạt dẻ đậm, đứng cao mười sáu gang tay và cân nặng khoảng một ngàn bốn trăm cân Anh với cơ bắp chắc nịch và xương nặng thuộc giống của nó. Khi họ mang nó về từ quận liên bang Distrito Federal trên cùng cái rơ-moóc đó vào tuần thứ ba của tháng năm, John Grady và ông Rocha đi đến nhà ngựa để nhìn nó. John Grady chỉ việc đẩy mở cánh cửa chuồng, bước vào rồi đến bên nó, cúi sát xuống mình nó và bắt đầu xoa xoa rồi thì thầm dịu dàng với nó bằng tiếng Tây Ban Nha. Ông chủ chẳng hề đưa ra lời khuyên nào về con ngựa cả. John Grady bước xung quanh và nói chuyện với nó. Cậu nâng một chân trước của nó lên xem.

- Cậu đã cưỡi nó bao giờ chưa? - Ông nói.

- Dĩ nhiên rồi.

- Tôi muốn được cưỡi nó. Nếu ông cho phép.

Ông chủ gật đầu. Được. - Ông nói. - Dĩ nhiên rồi.

Cậu bước ra khỏi chuồng, đóng cánh cửa và họ đứng nhìn con ngựa giống.

- Lý thú chứ? - Ông chủ hỏi.

John Grady gật đầu. Đúng là một con ngựa. - Cậu nói.

Những ngày sau ông chủ xuất hiện ở bãi quây nơi họ thuần đàn ngựa non, ông và John Grady bước đi giữa bầy ngựa cái. John Grady tranh luận về những điểm nổi bật của chúng còn ông chủ trầm ngâm bước ra xa một khoảng cách cố định và đứng nhìn về phía sau rồi gật đầu. Ông lại dậm chiêu bước đi, mắt nhìn xuống đất, đến một điểm quan sát thuận lợi rồi ngược mắt lên nhìn một con ngựa khác, ông muốn biết liệu nó có thể hiện đặc tính gì không. Song ông không nhận ra một đặc tính nào về dáng đứng hoặc tấm vóc để thuyết phục John Grady chiều theo phán xét của ông. Song, mỗi con ngựa cái được biện hộ bởi cái mà họ gọi là *duy nhất* và thứ duy nhất đó - vốn có thể miễn tội cho chúng khỏi bất cứ điều gì ngoại trừ khiếm khuyết thô thiển nhất - là sự quan tâm đến gia súc. Bởi lẽ cậu từng thuần những con ngựa cái đầy hứa hẹn để cưới và cậu đưa chúng lên thị trấn, băng qua những vùng đầm lầy nơi đàn bò và bê đang đứng trong lùm cỏ um tùm dọc theo rìa vùng đất lấy lợi. Cậu để chúng nhìn những con bò và mặc cho chúng thỏa thích giữa những con bò đó. Và những con ngựa cái đó tỏ ra rất quan tâm đến điều chúng nhìn thấy. Vài con khi băng qua vùng đồng cỏ còn ngoảnh lại nhìn đàn bò. Cậu quả quyết rằng giống cowsense có thể nhân được. Ông chủ không chắc lắm. Nhưng có hai điều mà họ cùng nhất trí, và điều đó không bao giờ được nói ra, đó là điều mà Chúa đã đặt vào những con ngựa trên trái đất này để canh đàn gia súc; ngoài ra chẳng có của cái nào là thích đáng với con người.

Họ nhốt riêng con ngựa đực giống ra khỏi đàn ngựa cái trong nhà ngựa gần phòng của lão cai và khi những con ngựa cái đến mùa chịu đực, lão và Antonio cho chúng giao phối. Họ cho những con cái giao phối hàng ngày trong ba tuần và

thình thoảng hai lần một ngày. Antonio cư xử với con đực giống với sự trân trọng và quý mến tốt cùng, và thường gọi nó là ông tổ của đàn ngựa. Cũng như John Grady, gã thường nói chuyện với nó, hứa hẹn điều gì với nó và không bao giờ nói dối nó. Khi nghe tiếng gã đến, con ngựa bước đi trong bãi rơm bằng hai chân sau và gã đứng nói chuyện với nó rồi miêu tả cho nó biết về những con ngựa cái bằng cái giọng khe khẽ của mình. Gã không bao giờ phối con ngựa vào cùng một giờ trong hai ngày liên tiếp và gã bày kế với John Grady nói với ông chủ rằng con ngựa cần phải được cưỡi để dễ thuần hóa hơn. Bởi vì John Grady thích cưỡi con ngựa đó. Thực ra cậu thích được mọi người nhìn thấy mình đang cưỡi nó. Thực ra cậu thích cô ấy nhìn mình cưỡi nó.

Cậu đi vào nhà bếp trong bóng đêm để pha cà phê và rồi thẳng yên ngựa lúc trời hừng sáng, lúc ấy chỉ những đàn bồ câu sa mạc nhỏ thức tỉnh trong bụi cam, không khí vẫn trong lành và mát lạnh. Cậu và con ngựa giống bước ra khỏi chuồng. Con vật lông lên, nện thình thịch xuống đất và rồi uốn cong cái cổ của nó. Cậu cưỡi ngựa ra ngoài dọc theo con đường lấy lợi và dọc theo rìa những vũng đầm lầy vừa lúc mặt trời ló lên cùng với những đàn vịt trời xào xạc bay lên từ vũng nước cạn, những con ngỗng hoặc bầy vịt hoang lông sáng đánh nhau trên mặt nước, xóa tan đi màn sương rồi vịt bay lên chuyển thành những con chim vàng trong ánh nắng mặt trời mà chúng chưa thể thấy được từ thềm đất bằng.

Thình thoảng cậu phi thẳng lên tận thượng nguồn cái hồ nhỏ trước khi con ngựa có thể thôi run rẩy, và cậu liên tục nói với nó bằng tiếng Tây Ban Nha với những cụm từ như trong kinh thánh, lặp đi lặp lại những ràng buộc nghiêm

khắc của một bộ luật chưa được đệ trình. *Ta là thủ lĩnh của đàn ngựa cái này, ta và chỉ có ta mà thôi. Không có sự tử thiến của đôi bàn tay này, người chẳng có gì. Không có thức ăn, nước uống hoặc con cái. Ta là kẻ đã mang những con ngựa cái này từ những ngọn núi kia, những con ngựa cái non, những con ngựa cái hoang dã và máu nóng.* Bên trong khung sườn giữa hai đầu gối của nó là một quả tim đen thẫm đang đập, mạch máu nở ra co lại theo từng nhịp, những khúc ruột chuyển động trong các đoạn xoắn màu xanh lá, những đầu gối, xương đùi và ống quyển chắc khỏe; những sợi dây chằng giống như những sợi cáp bằng lạnh giãn ra, co lại rồi giãn ra, co lại theo những vòng luân chuyển; tất cả được bao bọc và quấn lại trong lớp thịt và những móng guốc giẫm nát lớp sương mù phủ trên mặt đất trong khí trời buổi sáng và cái đầu nó ngoảnh từ bên này sang bên kia, hàm răng to chảy nước bọt và những quả cầu nóng trong mắt nó nơi thế giới đang bùng cháy.

Có những buổi sáng sớm, lúc trở về ngôi ăn sáng tại nhà bếp trong khi bà Maria loay hoay bỏ củi vào lò mạ kền hoặc lăn bột trên mặt bàn bằng đá cẩm thạch, cậu nghe tiếng hát của cô ấy văng vẳng đâu đó trong ngôi nhà hoặc cảm nhận hơi thở mong manh nhất của mùi lan dạ hương như thể cô ấy vừa mới băng ngang bên ngoài gian phòng.

Vào những buổi sáng khi Carlos chuẩn bị mổ thịt, cậu xuất hiện ở lối đi ngang qua lũ mèo đang ngồi trên mấy tấm ngói phía dưới những chùm cây, mỗi con ở vị trí riêng của nó. Cậu bế một con lên và vuốt ve nó ngay cổng sân trong, nơi cậu có lần nhìn thấy cô lượm những quả chanh. Cậu đứng hồi lâu, tay ôm con mèo rồi thả nó xuống những tấm ngói, lập tức con mèo trở về chỗ cũ của nó, còn cậu vào nhà bếp

và bỏ nón ra. Thỉnh thoảng cô ấy cũng cưỡi ngựa vào buổi sáng và cậu biết cô đang ngồi một mình trong phòng ăn phía bên gian phòng. Carlos mang cái khay điểm tâm với cà phê và trái cây cho cô ấy. Có lần trong lúc đang cười trên những ngọn đồi thấp về hướng bắc, cậu nhìn thấy cô phía dưới con đường lấy lộ cách xa hai dặm. Cậu cũng thấy cô ở công viên phía trên những vùng đầm lầy. Cậu nhìn thấy cô dẫn con ngựa đi xuyên qua những bãi cạn của bờ lạch giữa những cây hương bồ, váy cô xấn lên trên đầu gối trong lúc những con chim két cánh đỏ lượn vòng và kêu inh ỏi, cô dừng lại và cúi xuống nhặt những đóa súng trắng cùng với con ngựa ô đang đứng trong con lạch, kế bên là một con chó.

Cậu chưa nói với cô ấy một lời nào kể từ cái đêm khiêu vũ ở La Vega. Cô cùng bố đến Mexico và ông ấy trở lại một mình. Chẳng có ai để cậu hỏi thăm về cô ấy. Lúc này cậu đã bắt đầu cưỡi con ngựa giống mà không cần yên cương. Cậu đá chiếc ủng và xốc thẳng lên lưng nó trong lúc Antonio vẫn đứng giữ con ngựa cái đang run rẩy ngay chỗ cái kẹp mũi của nó, nó đứng dang hai chân, đầu cúi xuống, làn hơi nó thở ra hít vào trông như hai làn khói súng. Cậu phóng ra khỏi chuồng với đôi gót trần phía dưới bụng con ngựa. Mồ hôi toát ra trên mình con ngựa, nhỏ giọt xuống dưới và bởi một phần của cái chứng bất kham, nó giẫm đạp dữ dội lên mặt đường lấy lộ. Cậu cười đi chỉ với một bộ vòng cương bằng dây thừng. Mùi mồ hôi và mùi ngựa cái còn thấm trên mình nó, những mạch máu co giãn nhịp nhàng phía dưới lớp da sống ẩm ướt. Cậu cúi sát người xuống dọc theo cổ con ngựa nói chuyện với nó bằng một cử chỉ dịu dàng và khiêu khích. Chính trong hoàn cảnh này mà một buổi tối nọ cậu bất ngờ gặp cô ấy đang trở về trên con ngựa ô Ả Rập tại con đường lấy lộ ấy.

Cậu kim dây cương, con ngựa dừng lại rồi đứng run rẩy, bước chập choạng trên đường, đầu nó lắc qua lắc lại với cái mồm đầy nước bọt. Cô ấy ngồi trên lưng ngựa. Cậu bỏ nón ra, đưa ống tay áo quệt ngang trán rồi vẫy chào cô phía trước. Cậu đội lại nón, giắt dây cương phóng ra khỏi con đường. Cậu di chuyển xuyên qua gốc cây lách rồi ngoảnh lại, vì vậy cậu có thể nhìn thấy cô ấy đi ngang qua. Cô thúc con ngựa tiến lên và tiếp tục đi. Khi cô theo kịp cậu, cậu chạm vào vành nón của mình bằng ngón tay trở rồi gật đầu. Cậu nghĩ cô ấy sẽ đi qua nhưng không, cô dừng lại, quay mặt ngoái nhìn về phía cậu. Những tia sáng hắt lên từ mặt nước in vào lớp da đen bóng của con ngựa Ả Rập. Cậu ngồi trên con ngựa đực giống đấm đũa mồ hôi như kẻ cướp đường dưới cái nhìn chăm chăm của cô. Cô đợi cậu lên tiếng và rồi cậu cố nhớ mình đã nói gì. Cậu chỉ biết điều đó làm cô mỉm cười và đó không phải là ý định của cậu. Cô quay mặt lại, nhìn qua bên kia con lạch nơi những tia nắng muộn màng lóe sáng rồi cô quay lại nhìn cậu, nhìn con ngựa.

- Tôi muốn cưới nó. - Cô nói.

- Cái gì?

- Tôi muốn cưới nó.

Dưới vành nón màu đen, cô chăm chú nhìn nó.

Cậu ném một tia nhìn ngang qua cây lách đang nghiêng nghiêng trong gió thốc lên từ con lạch như thể có một sự trợ giúp nào dành cho cậu từ hướng này. Cậu nhìn cô.

- Chẳng nào? - Cậu hỏi.

- Chẳng nào cái gì?

- Chẳng nào cô muốn cưới nó?

- Bây giờ, tôi muốn cưỡi nó ngay bây giờ.

Cậu nhìn xuống con ngựa như thể quá kỳ khôi nếu nhìn nó như vậy.

- Nó không có yên cương.

- Vâng. - Cô nói. - Tôi biết.

Cậu thúc con ngựa giữa hai gót chân và cùng lúc đó cậu kéo sợi cương lên để khiến cho nó cảm thấy bất an và khó khăn, nhưng nó vẫn đứng yên.

- Tôi không biết liệu ngài mạnh thường quân có muốn cô cưỡi nó không. Cha cô đấy.

Cô nhìn cậu, nở một nụ cười thương hại, và thật ra chẳng có sự thương hại nào trong đó. Cô bước xuống, nâng sợi cương qua đầu con ngựa ô rồi quay lại nhìn cậu với sợi cương phía sau cô.

- Xuống đi. - Cô nói.

- Cô chắc về chuyện này chứ?

- Vâng. Nhanh nào.

Cậu trượt xuống đất. Phần bên trong của ống quần cậu nóng lên và ướt đầm.

- Cô muốn làm gì với con ngựa của cô?

- Tôi muốn anh dắt nó về nhà cho tôi.

- Sẽ có người nhìn thấy tôi ở nhà.

- Dắt nó đến phòng của Armando.

- Cô định gây rắc rối cho tôi đấy à?

- Anh gặp rắc rối rồi.

Cô quay lại, vòng sợi dây cương qua cái sừng yên ngựa, bước đến nắm lấy sợi dây cương từ tay cậu rồi đưa chúng lên và quay người, một tay đặt lên vai cậu. Cậu có thể cảm nhận trái tim mình đang đập mạnh. Cậu cúi người và lấy những ngón tay có buộc vải của mình làm bàn đạp cho cô. Cô đặt chiếc ủng của mình lên hai bàn tay cậu rồi cậu nâng cô lên, cô xoạc người qua lưng ngựa và nhìn xuống cậu. Cô dùng ủng thúc mạnh vào con ngựa tiến về phía trước và phóng theo đường mòn dọc ven rìa con lạch rồi biến mất tăm.

Cậu chậm rãi cưỡi về nhà trên lưng con ngựa Ả Rập. Mặt trời lặn xuống rất lâu. Cậu nghĩ cô ấy sẽ gặp lại cậu và họ có thể đổi ngựa nhưng không có chuyện đó. Trong ráng chiều đỏ rực, cậu dẫn con ngựa ô băng ngang qua nhà Armando và đưa nó vào chuồng phía sau ngôi nhà của gã. Cậu tháo vòng dây cương, nới lỏng những sợi đai yên và để mặc nó đứng trong chuồng, yên vẫn để nguyên và cột cái vòng cương vào thanh chắn. Không có ánh đèn trong nhà, cậu nghĩ chắc chẳng có ai trong đó nhưng khi cậu bước lui xuống lối đi băng qua ngôi nhà thì ánh đèn sáng lên ở nhà bếp. Cậu bước nhanh hơn. Cậu nghe tiếng cửa mở phía sau nhưng không quay lại, và dù đó là ai thì họ cũng không nói hay gọi gì cậu.

Lần cuối cùng cậu gặp cô ấy là trước khi cô trở về Mexico. Với dáng vóc oai vệ và đỉnh đặc, cô phi ngựa ra khỏi núi và tiếp tục thoát khỏi cơn bão sắp hình thành về hướng bắc và những đám mây đen đang phủ trên đầu. Chiếc nón được kéo xuống phía trước và cột chặt dưới cằm nhờ cái nơ, khi cô phi ngựa, mái tóc đen nhánh của cô xoắn lên và tung bay khắp bờ vai. Tia chớp sáng lên căm lạng phía sau xuyên qua những đám mây đen. Cô tiếp tục phi ngựa qua những ngọn

đồi thấp như chẳng hề biết gì khi những cơn mưa đầu tiên bay lất phất trong gió và đổ xuống vùng đồng cỏ trên cao. Rồi cô băng qua những con lạch màu xanh tái đầy lau sậy cho đến khi cơn mưa đổ xuống và che khuất hình bóng cô trong khung cảnh mùa hè hoang dã: ngựa thật, người thật, vùng đất và bầu trời đều thật, song đó chỉ là một giấc mơ.



Duena Alfonsa vừa là bà vừa là người mẹ tinh thần của cô gái; cuộc đời bà ở trang trại này mang lại những mối ràng buộc của thế giới cũ, những truyền thống và phong tục xưa. Ngoại trừ những bộ sách được bọc bằng bìa da cũ kỹ, còn lại những cuốn sách khác trong thư viện đều là sách của bà và chiếc dương cầm cũng của bà. Chiếc máy chiếu cổ với hai ống kính trong phòng khách và một cặp súng Greener trong chiếc tủ Italia ở phòng Don Hector là của em trai bà và chính người em trai này xuất hiện cùng bà trong những tấm hình chụp phía trước nhà thờ tại những thủ đô ở châu Âu. Bà và cô em dâu mặc y phục trắng mùa hè, cậu em trai khoác đồ vest, cà vạt và chiếc mũ panama. Hàm râu ông rậm đen. Đôi mắt đen của người Tây Ban Nha. Dáng đứng của một nhân vật quan trọng. Một trong những bức chân dung sơn dầu cổ nhất trong phòng khách với lớp nước bóng đen sẫm đã nổi vân rạn giống như một tác phẩm được tráng men sứ chính là chân dung ông nội bà chụp vào năm 1797 ở Toledo. Gần nhất là bức chân dung của bà mặc áo dài trong dịp sinh nhật lần thứ mười lăm ở Rosario vào năm 1892.

John Grady chưa bao giờ gặp bà. Có lẽ một hình bóng vụt thoáng qua dọc theo hành lang. Cậu không biết bà đã ý thức được sự tồn tại của cậu cho đến một tuần sau khi cô gái

trở về Mexico, cậu được mời đến nhà vào buổi tối để chơi cờ. Khi cậu xuất hiện ở nhà bếp trong chiếc áo mới và chiếc quần cụt bằng vải bạt, bà Maria vẫn đang rửa đĩa. Bà quay lại nhìn cậu đang cầm nón trong tay. Chào cậu. - Bà nói. - Bà ấy đang đợi cậu đấy.

Cậu cảm ơn bà Maria rồi đi qua nhà bếp và bước đến gian phòng, đứng ở cửa phòng ăn. Bà Alfonsa đang ngồi ở bàn bên đứng dậy. Bà khẽ cúi đầu. Chào buổi tối. - Bà nói. - Mời vào. Tôi là Alfonsa.

Bà mặc váy xám sẫm và áo khoác trắng xếp li, mái tóc hoa râm được bới ra sau khiến bà trông giống một giáo viên, mà quả thực trước đây bà là giáo viên. Bà nói bằng chất giọng người Anh. Bà chìa một bàn tay ra và cậu vừa định bước tới trước để bắt tay thì chợt hiểu bà đang ra dấu về phía chiếc ghế bên tay phải của bà.

- Chào buổi tối, thưa bà. - Cậu nói. - Cháu là John Grady Cole.

- Nào, - Bà nói. - Ngồi đi. Ta rất vui vì cháu đã đến.

- Cảm ơn bà.

Cậu kéo ghế ra, ngồi xuống và đặt nón lên chiếc ghế bên cạnh, nhìn vào bàn cờ. Bà đặt hai ngón cái ở rìa và đẩy nhẹ nó về phía cậu. Bàn cờ được làm từ những mảnh gỗ óc chó Cápca và gỗ thích mát chìm với phần biên bên ngoài viền ngọc trai, những quân cờ được khắc đẽo từ ngà voi và sừng đen.

- Cháu trai ta không chơi. - Bà nói. - Ta thắng nó. Thắng được chứ?

- Vâng, thưa bà. Cháu tin là thế.

Cũng như cậu, bà thuận tay trái hoặc bà di chuyển những con cờ bằng tay trái. Hai ngón tay áp út của bà bị mất nhưng cậu không để ý cho đến khi trận đấu đến hồi gay cấn. Cuối cùng khi cậu bắt con hậu của bà, bà thừa nhận thua cuộc, mỉm cười khen ngợi rồi nhìn vào bàn cờ với thái độ mất kiên nhẫn. Họ tiếp tục ván thứ hai. Cậu bắt hai con mã và một con tượng khi bà thực hiện hai nước liên tiếp khiến cậu dừng lại. Cậu nhìn chằm chằm vào bàn cờ. Cậu chợt nghĩ ra rằng có thể bà ấy muốn biết liệu cậu có thắng được ván cờ này không, và cậu nhận ra rằng mình đã tính đến nước cờ đó, cậu biết bà ấy đã nghĩ về nước đó trước cả cậu. Cậu ngồi tựa vào thành ghế và nhìn bàn cờ. Bà quan sát cậu. Cậu chồm người về trước, di chuyển con tượng và đánh bại bà trong bốn nước đi.

- Ta đại thật. - Bà nói. - Quân mã cánh hậu. Thật sai lầm. Cậu chơi tốt lắm.

- Vâng, thưa bà. Bà cũng chơi tốt lắm.

Bà kéo tay áo khoác lên để xem giờ trên chiếc đồng hồ nhỏ bằng bạc đang đeo ở cổ tay. John Grady ngồi đó. Đã quá giờ ngủ của cậu hai tiếng đồng hồ.

- Một ván nữa chứ? - Bà nói.

- Vâng, thưa bà.

Bà sử dụng cách khai cuộc mà cậu chưa biết bao giờ. Cuối cùng cậu để mất con hậu và chào thua. Bà mỉm cười nhìn cậu. Carlos bước vào với một khay trà và gĩa đặt nó lên bàn. Bà đẩy bàn cờ sang một bên, đẩy cái khay về phía cậu rồi bày tách và đĩa ra. Một đĩa đựng những lát bánh, một đĩa đựng bánh quy, vài loại phomai và một chén nhỏ đựng thứ nước chấm màu nâu với chiếc muỗng bạc trong đó.

- Cậu dùng sữa chứ? - Bà hỏi.

- Không, thưa bà.

Bà gạt đầu. Bà rót trà.

- Ta không thể dùng lại cách khai cuộc đó một lần nữa với hiệu quả như vậy. - Bà nói.

- Cháu chưa bao giờ nhìn thấy nước đi ấy.

- À. Nó được nhà vô địch Ái Nhĩ Lan Pollock nghĩ ra. Ông ta gọi đó là cách khai cuộc riêng của Vua. Ta e là cậu có thể biết.

- Cháu muốn có dịp chứng kiến lại nước đi đó.

- Được. Dĩ nhiên.

Bà đẩy chiếc khay về phía trước. Nào, - Bà nói. - Tự nhiên đi.

- Cháu không dùng thêm được nữa. Ăn trễ quá, cháu sẽ gặp ác mộng.

Bà cười. Bà mở chiếc khăn nhỏ bằng nilon ra khỏi khay.

- Ta luôn có những giấc mơ kỳ lạ. Nhưng ta e rằng chúng hoàn toàn độc lập với thói quen ăn uống của ta.

- Vâng, thưa bà.

- Những giấc mơ ấy luôn có, từ lâu rồi. Giờ đây ta vẫn mơ thấy những giấc mơ thời con gái. Chúng kéo dài một cách kỳ lạ vì điều gì đó hoàn toàn không thật.

- Bà nghĩ chúng có ý nghĩa gì không?

Bà trông có vẻ ngạc nhiên. Ồ có chứ. - Bà nói. - Cậu không thấy vậy sao?

- Dạ, cháu không biết. Chúng ở trong đầu bà.

Bà lại mỉm cười, nói: Ta không coi đó là sự kết án như cậu nghĩ. Cậu học chơi cờ ở đâu?

- Bố cháu dạy ạ.

- Hẳn ông ấy là một tay cờ cừ khôi.

- Ông ấy là người tuyệt nhất mà cháu từng biết.

- Cậu không thể thắng nổi ông ấy sao?

- Thịnh thoảng. Ông đã từng ở trong quân ngũ và sau chiến tranh ông trở về, cháu tìm đến để đánh bại ông nhưng cháu không cho rằng ông còn để tâm đến nó. Lúc này ông không chơi cờ nữa.

- Thật đáng tiếc.

- Vâng, thưa bà. Đúng như vậy.

Bà rút đẩy những chiếc tách.

- Ta mất những ngón tay vì súng. - Bà nói. - Bán những con bồ câu còn đang bay. Nòng súng bên tay mặt vỡ tung ra. Ta mới mười bảy tuổi. Tuổi của Alejandra. Chẳng có gì để bối rối cả. Người ta thường hiểu kỳ. Đó chỉ là tự nhiên. Ta đoán vết sẹo trên má của cháu là do ngựa.

- Vâng thưa bà. Đó là lỗi của cháu.

Bà quan sát cậu với vẻ mặt thân thiện. Bà mỉm cười.

- Những vết sẹo có sức mạnh gợi cho chúng ta nhớ rằng quá khứ của chúng ta là thật. Những sự cố gây ra chúng không thể quên được, phải thế không?

- Không, thưa bà.

- Alejandra sẽ ở Mexico với mẹ nó trong hai tuần. Rồi nó sẽ quay lại đây vào mùa hè.

Cậu nuốt nước bọt.

- Dù cho bề ngoài của ta có nói lên điều gì, ta cũng không phải là bà lão lỗi thời. Ở đây chúng ta sống trong một thế giới nhỏ. Một thế giới khép kín. Alejandra và ta bắt đồng với nhau dữ dội. Thực sự là rất dữ dội. Nó rất giống ta ở độ tuổi ấy và dường như đôi khi ta phải vật lộn kịch liệt với cái bản ngã thời quá khứ của mình. Ta bất hạnh khi còn là một đứa trẻ vì một lý do vốn không còn quan trọng nữa. Nhưng điều mà trong đó chúng ta được kết hợp, cháu gái ta và ta...

Bà đột nhiên dừng lại. Bà đẩy tách và đĩa sang một bên. Mặt gỗ được đánh bóng của chiếc bàn, nơi đã đặt tách và đĩa, hằn dấu vòng tròn hơi nước, nó từ từ thu nhỏ lại và biến mất. Bà nhìn lên.

- Cậu biết đấy, ta chẳng có ai để khuyên răn ta. Có lẽ ta đã không lắng nghe. Ta lớn lên trong một thế giới của đàn ông. Ta nghĩ điều này sẽ chuẩn bị cho ta để sống trong một thế giới của đàn ông, nhưng không phải. Ta cũng có tính hay chống đối và vì vậy ta nhận ra nó ở những người khác. Song, ta nghĩ mình không muốn phá vỡ mọi thứ. Hoặc có thể chỉ những thứ đó muốn phá vỡ ta. Tên của những thực thể vốn có sức mạnh chế ngự chúng ta luôn thay đổi theo thời gian. Quy ước và quyền hành được thay thế bởi tính nhu nhược. Nhưng thái độ của ta đối với chúng không thay đổi. Không thay đổi. Cậu biết đấy, ta không thể không cảm thông cho Alejandra. Ngay cả sự tồi tệ nhất của nó. Nhưng ta sẽ không để cho nó bất hạnh. Ta sẽ không để ai nói xấu đến nó. Hoặc lời đàm tiếu. Ta biết đó là gì. Nó nghĩ rằng nó có thể lặc đầu và từ bỏ mọi thứ. Trong một thế giới lý tưởng, sự đàm tiếu

về tình trạng nhân rồi chẳng mang lại hậu quả nào. Nhưng ta đã nhìn thấy những hậu quả trong thế giới thật và chúng thật sự rất nghiêm trọng. Chúng có thể là những hậu quả của tính nghiêm trọng loại trừ việc đổ máu. Loại trừ cái chết. Ta đã chứng kiến điều đó trong gia tộc của ta. Điều mà Alejandra từ bỏ chỉ là vấn đề hình thức bên ngoài hoặc cái tập quán lỗi thời...

Bàn tay khiếm khuyết cử động nhanh như thể hiện thái độ vừa xua đuổi vừa kết luận. Bà khép hai bàn tay lại và nhìn cậu.

- Ngay cả nếu cậu nhỏ tuổi hơn nhưng việc nhìn thấy cậu cười ngựa chung với nó trong trang trại mà không có sự giám sát của người lớn là không thể chấp nhận. Bởi vì việc này đã đến tai ta và ta đã xem xét liệu có nói với Alejandra về điều đó, nhưng ta đã quyết định không.

Bà ngả người ra sau. Cậu có thể nghe tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trong gian phòng. Không có tiếng động trong nhà bếp. Bà ngồi nhìn cậu.

- Bà muốn cháu phải làm gì? - Cậu nói.

- Ta muốn cậu phải dè chừng đến danh dự của một cô gái trẻ.

- Cháu không bao giờ có ý đó cả.

Bà mỉm cười. Ta tin cậu. - Bà nói. - Nhưng cậu phải hiểu. Đây là một đất nước khác. Ở đây danh dự của người phụ nữ là tất cả những gì cô ta có.

- Vâng, thưa bà.

- Sẽ không có sự dung thứ, cậu biết đấy.

- Bà?

- Không có sự dung thứ. Đối với phụ nữ. Một người đàn ông có thể đánh mất danh dự của mình và anh ta có thể lấy lại được. Nhưng người phụ nữ thì không. Cô ấy không thể.

Họ ngồi. Bà nhìn cậu. Cậu gõ gõ vào chóp nón bằng bốn đầu ngón tay và nhìn lên.

- Cháu cho rằng như thế dường như không đúng.

- Không đúng ư? - Bà nói. - Ồ. Nghe này.

Bà đưa một tay ra ngoài như thể gọi lại một điều gì đó mà bà đã nhầm lẫn. Không. - Bà nói. - Không. Đó không phải là vấn đề đúng hay sai. Cậu phải hiểu như vậy. Đó là vấn đề ai phải nói. Trong trường hợp này ta là người phải nói như vậy.

Tiếng đồng hồ gõ tích tắc trong gian phòng. Bà ngồi nhìn cậu. Cậu cầm nón lên.

- Vâng. Cháu cho rằng bà không mời cháu đến đây để nói về việc này.

- Cậu đúng đấy. - Bà nói. - Chính vì điều đó mà ta hầu như đã không muốn mời cậu đến đây.



Trên ngọn núi đỉnh bằng họ nhìn một cơn bão đang hình thành ở hướng bắc. Lúc mặt trời lặn, ánh sáng trở nên mờ tối. Những bóng ngọc bích đen sẫm của những con lạch nhỏ phía dưới nằm rải rác trên thềm của vùng thảo nguyên hoang sơ giống như những lỗ thủng xuyên qua một chân trời khác. Những dải màu hình phiến về hướng tây như túa ra một màu đỏ máu phía dưới những áng mây dày đặc. Một màu tím đột ngột bao trùm lên trái đất.

Họ ngồi xếp bằng trên mặt đất đang rung chuyển dưới ảnh hưởng của sấm sét và họ thắp lên một ngọn lửa từ đồng đồ nát của cái hàng rào chắn cũ. Đàn chim bay ra khỏi bầu trời sấp sửa tối đen và lượn dọc theo rìa của ngọn núi đỉnh bằng. Về hướng bắc, những tia chớp lóe lên dọc theo đường chân trời trông như những cây độc quả vàng đang bốc cháy.

- Cậu muốn nói điều gì khác? - Rawlins nói.

- Là về chuyện đó.

- Cậu nghĩ bà ấy nói thay mặt cho Rocha?

- Tôi không nghĩ bà ấy nói thay cho bất cứ ai, ngoại trừ chính bà ấy.

- Bà ấy nghĩ cậu đang để ý đến cô gái.

- Chính tôi đang làm việc đó.

- Cậu làm chuyện đó được à?

John Grady nhìn ngọn lửa chầm chầm. Tôi không biết. - Cậu nói. - Tôi không nghĩ về chuyện đó.

- Chắc là cậu không nghĩ đến chứ. - Rawlins nói.

Cậu nhìn Rawlins rồi nhìn ngọn lửa.

- Khi nào cô ấy trở lại?

- Khoảng một tuần.

- Tôi cho rằng cậu chẳng có gì để cô ấy phải chú ý đến.

John Grady gật đầu: Tôi chỉ trò chuyện. Tôi có thể nói chuyện với cô ấy.

Những giọt mưa đầu tiên rơi xuống ngọn lửa. Cậu nhìn Rawlins.

- Cậu không hối tiếc vì đã xuống đây sao?

- Không.

Cậu gạt đầu. Rawlins bật đứng dậy.

- Cậu muốn con cá của mình hoặc cậu phải ngồi dưới kia trong cơn mưa?

- Tôi sẽ bắt nó.

- Tôi hiểu.

Họ ngồi, đầu đội mũ áo mưa tay dài. Họ nói như thể đang diễn thuyết giữa bóng đêm.

- Tôi biết ông già đó thích cậu. - Rawlins nói. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ấy sẽ mặc cho cậu gạt gẫm con gái mình.

- Ừ, tôi biết.

- Tôi biết cậu không giữ con át chủ bài.

- Ừ.

- Điều tôi nhìn thấy là cậu sắp sửa khiến chúng ta bị đuổi việc và chuồn khỏi nơi này.

Họ nhìn ngọn lửa. Sợi dây kẽm bốc cháy từ các cây cột hàng rào nằm rải rác thành những hình thù xiêu vẹo trên mặt đất và các vòng cuốn của nó nằm trong lửa và bùng bùng nóng đỏ sâu tận đến những mấu than âm ỉ.

Những con ngựa từ trong bóng đêm bước đến đứng bên mé ánh lửa dưới cơn mưa, lông của chúng óng mượt và sặc sỡ, những đôi mắt đỏ rực giữa khung trời đêm.

- Cậu vẫn chưa cho tôi biết cậu trả lời cô ấy như thế nào?

- Rawlins nói.

- Tôi nói với cô ấy rằng tôi sẽ làm bất cứ điều gì cô ấy yêu cầu.

- Cô ấy yêu cầu gì?

- Tôi không chắc.

Họ ngồi nhìn ngọn lửa.

- Cậu có nói gì không? - Rawlins nói.

- Tôi cũng không biết. Tôi không biết liệu mình có nói hay không.

- Được rồi, dù cậu có nói hay không.

- Đó là điều tôi đã nghĩ đến. Nhưng tôi không biết.



Năm buổi tối sau đó, trong lúc đang thiu ngủ trong giường của nhà ngựa đột nhiên có tiếng gõ nhẹ ở cửa. Cậu ngồi dậy. Có người đang đứng bên ngoài. Cậu có thể nhìn thấy ánh sáng xuyên qua những đường nối của ván tường.

- Đợi một chút. - Cậu nói.

Trong bóng tối, cậu đứng dậy và mặc vội chiếc quần dài rồi mở cửa. Cô ấy đang đứng trong ô chuồng ngựa, một tay cầm ngọn đèn pha ánh sáng chiếu xuống mặt đất.

- Chuyện gì vậy? - Cậu thì thầm.

- Tôi đây.

Cô đưa ngọn đèn lên như thế để làm sáng tỏ sự thật. Cậu không thể nghĩ ra điều gì để nói.

- Máy giờ rồi?

- Tôi không biết. Mười một giờ hoặc gần như vậy.

Cậu nhìn ngang qua chiếc cổng hẹp dẫn đến cánh cửa của gã giữ ngựa.

- Chúng ta sẽ đánh thức Esteban mất. - Cậu nói.

- Vậy thì mời tôi vào nhà đi.

Cậu bước lui và cô ấy bước ngang qua cậu, y phục cô kêu sột soạt, tóc cùng mùi nước hoa đầy vẻ quyến rũ. Cậu kéo cánh cửa và dùng tay cái cái then chốt bằng gỗ rồi quay sang nhìn cô ấy.

- Tốt nhất là tôi không nên bật đèn. - Cậu nói.

- Cũng được. Dù sao thì máy phát điện cũng tắt rồi. Bà ấy nói gì với anh?

- Hẳn bà ấy đã nói với cô những điều bà ấy đã nói.

- Dĩ nhiên. Bà ấy nói gì?

- Cô có muốn ngồi không?

Cô quay người và ngồi lên cạnh giường rồi đẩy một chân phía dưới mình. Cô đặt cái đèn pha đang sáng lên giường rồi đẩy nó xuống dưới tấm chăn, nơi đó nó tỏa sáng khắp căn phòng bằng một màu sáng dịu nhẹ.

- Bà ấy không muốn nhìn thấy tôi bên cạnh cô. Bên ngoài trang trại.

- Armando nói với bà ấy rằng cô cưới con ngựa của tôi.

- Tôi biết.

- Tôi sẽ không để phải bị đối xử như vậy. - Cô nói.

Trong ánh sáng ấy, cô trông lạ như diễn viên sân khấu. Cô đưa một tay ngang qua tấm chăn như thể muốn vuốt ve một vật gì đó. Cô ngược mặt nhìn cậu, khuôn mặt cô nhợt

nhật và khắc khổ trong ánh sáng phản chiếu từ dưới lên, mắt cô lồm sồm trong những chỗ hõm bị che khuất và cậu có thể nhìn thấy trống ngực cô di chuyển trong ánh sáng mờ mờ. Trong khuôn mặt và vóc dáng của cô, cậu nhìn thấy một điều gì đó mà cậu chưa từng nhìn thấy trước đây và tên của điều đó thật náo nức.

- Tôi nghĩ anh là bạn tôi. - Cô ta nói.

- Cho tôi biết phải làm gì. - Cậu nói. - Tôi sẽ làm bất cứ điều gì cô nói.

Khí ẩm của màn đêm làm lắng khói bụi bốc lên từ con đường đầm lầy và họ cưỡi ngựa sát cạnh nhau ở bước bộ, cưỡi chúng chỉ với bộ dây cương và không có yên ngựa, dắt chúng qua cổng lên con đường rồi phóng lên và cưỡi sát cạnh nhau trên con đường lầy lội. Ánh trăng chếch ở hướng tây và lác đác vài tiếng chó sủa theo hướng lò mổ cừu và những con chó sẵn đáp trả từ chuồng của chúng. Cậu đóng cổng lại rồi quay sang khum hai bàn tay thành hình chén để cô bước lên lưng trần của con ngựa ô rồi tháo con ngựa giống ra khỏi cổng. Cùng lúc đó, cậu đập lên thanh cổng rồi thót lên mình ngựa và xoay đầu nó lại và cả hai cùng cưỡi bên cạnh nhau lên con đường lầy lội. Ánh trăng chếch về hướng tây giống như mặt trăng được làm bằng vải lanh trắng treo lủng lẳng từ những sợi dây kẽm và một vài tiếng chó sủa.

Thình thoảng họ như biến mất cho đến khi trời hừng sáng và cậu dẫn con ngựa giống vào chuồng, đi vào nhà dùng điểm tâm. Một giờ sau cậu gặp lại Antonio ở chuồng ngựa và đi bộ ngang qua nhà lão cai đến bãi quay, nơi đàn ngựa cái đang đứng đợi.

Ban đêm, từ trang trại, họ đã đi dọc theo ngọn núi đỉnh bằng ở hướng tây trong hai giờ và thỉnh thoảng cậu nhóm lửa lên. Họ có thể nhìn thấy những bóng đèn măng-sông ở những cánh cổng của trang trại rất xa phía dưới. Họ nổi bóng bẽnh trong một bể tối đen và thỉnh thoảng những ánh đèn dường như di chuyển như thể thế giới phía dưới kia bật lên một trung tâm nào đó khác và họ nhìn thấy hàng trăm vì sao rơi xuống mặt đất. Nàng kể cho cậu nghe chuyện về gia đình, về cha nàng và về Mexico. Lúc trở về, họ dẫn những con ngựa vào con lạch, chúng đứng sâu đến tận ngực để uống nước; những vì sao trong con lạch nhảy nhót và nghiêng ngả. Nếu trời trút mưa xuống những ngọn núi này thì không khí sẽ trở nên gần gũi và đêm tối sẽ ấm áp hơn. Một đêm nọ, cậu để cô ở lại và cưỡi dọc theo mé con lạch xuyên qua những cây lách và cây liễu rồi trượt xuống ngựa, cởi hết quần áo và ủng rồi bước đến con lạch nơi mặt trăng đang thướt tha lướt đi trước mặt cậu. Những con vịt trời kêu quàng quạc trong bầu trời đêm. Mặt nước toàn một màu đen và ấm áp, cậu bước vào con lạch rồi sải rộng hai cánh tay trong nước, mặt nước tối đen và mềm mại như lụa. Cậu phóng tầm nhìn ngang qua mặt nước đen tĩnh mịch đó đến nơi mà nàng đứng trên bờ cùng với con ngựa. Cậu nhìn về nơi mà nàng bước đi, một thân hình nhợt nhạt, mờ mờ như một con nhộng lộ ra, và đi vào vũng nước.

Nàng dừng lại nửa chừng để nhìn về phía sau. Đứng run rẩy trong nước và không phải vì cái lạnh bởi nước không lạnh tí nào. Không nói một lời với nàng. Không gọi tên nàng. Khi nàng đến gần cậu đưa tay ra và nàng cầm lấy. Nàng mong manh trong mặt hồ và trong nàng dường như đang cháy bỏng. Giống như con sói lửa trong một khu rừng

tối đen. Điều ấy khiến trời trở nên lạnh cóng. Giống như mặt trăng trở nên lạnh lẽo. Mái tóc đen của nàng bóng bẩy trong nước, chìm rồi nổi giữa mặt hồ tĩnh lặng. Nàng đặt cánh tay kia qua vai cậu và nhìn lên mặt trăng về hướng tây. Không nói một lời cũng không gọi tên nàng. Rồi nàng quay mặt về phía cậu. Ngọt ngào bởi tên trộm của thời gian và xác thịt, ngọt ngào vì sự bất tuân. Những con sếu đang làm tổ đứng một chân giữa những bụi lau cạnh con lạch về hướng nam cũng rút cái mỏ dài khoằm của chúng khỏi đôi cánh để ngắm nhìn. - Anh có yêu em không? - Nàng nói. - Có. - Cậu nói. Cậu gọi tên nàng. - Có, ơn Chúa.



Cậu bước đến từ ngôi nhà ngựa, rửa mặt và chải đầu rồi khoác một chiếc áo sạch lên người. Cậu và Rawlins ngồi trên những cái thùng phía dưới mái vòm của nhà trại và hút thuốc trong lúc đợi bữa ăn tối. Trong nhà vang lên tiếng nói chuyện và cười giỡn, rồi câm lặng. Hai gã cao bồi bước đến cánh cửa và đứng nhìn. Rawlins quay mặt và nhìn về hướng bắc dọc theo con đường. Năm gã cảnh sát Mexico đang cưỡi ngựa thành hàng một xuống con đường. Họ mặc y phục ka-ki và ngồi trên lưng tuần mã. Họ đeo súng ngắn và mang những khẩu carbine ở bao yên ngựa. Rawlins đứng nhìn. Những gã cao bồi khác bước đến cánh cửa và đứng nhìn ra ngoài. Khi những gã cảnh sát băng ngang trên đường, viên chỉ huy liếc nhìn hai gã đàn ông ở ngôi nhà trại dưới mái vòm rồi lướt mắt qua những gã cao bồi đang đứng ở cánh cửa. Rồi họ tiếp tục băng ngang qua nhà của lão cai. Năm gã cảnh sát đi thành hàng một ra khỏi hướng bắc xuyên qua bóng đêm chạng vạng hướng về ngôi nhà trại có mái che phía dưới họ.

Khi cậu đi qua màn đêm trở về nhà ngựa, năm con ngựa đang đứng dưới những gốc cây hồ đào pécac ở phía xa bên kia của ngôi nhà. Tất cả chúng vẫn chưa được tháo yên, nhưng sáng hôm sau chúng không còn đó nữa. Đêm xuống, nàng đến bên giường cậu và nàng đến liên tiếp trong chín đêm liền. Nàng mở cửa rồi đóng lại, cài then rồi bước đến cái ánh sáng mờ mờ và chỉ có Chúa mới biết lúc ấy là mấy giờ. Nàng cởi y phục rồi trườn cái thân hình trần trụi và thân nhiên của mình tựa vào cậu trên chiếc giường chật hẹp. Nét mềm mại, nước hoa và mái tóc đen của nàng phủ lên người cậu và nàng chẳng để phòng gì cả. Nàng nói em không đếm xỉa, em không ngại ngùng. Cậu dùng mu bàn tay chặn miệng nàng để nàng khỏi kêu lên. Nàng nằm ngủ tựa vào ngực cậu và cậu không thể chớp mắt cho đến khi ở phía đông bầu trời trở nên hừng sáng một màu xám và cậu thức dậy rồi bước đến nhà bếp để chuẩn bị bữa điểm tâm cho nàng như thể nàng đã dậy sớm.

Rồi nàng trở về lại thành phố. Tối hôm sau trước khi vào nhà ngựa, cậu đi ngang qua phòng của Esteban ở ô chuồng ngựa và nói gì đó với lão già và lão đáp lại nhưng không nhìn cậu. Cậu rửa mặt rồi bước đến ngôi nhà và ăn tối trong nhà bếp. Sau khi ăn xong, cậu và ông chủ ngồi ở bàn ăn và xem cuốn sách lý lịch ngựa. Ông chủ đặt câu hỏi với cậu và ghi chú về những con ngựa cái. Ông ngả người ra sau, bập bập điếu xì gà của mình rồi gõ nhẹ cây bút chì đang cầm trên tay lên cạnh bàn. Cậu nhìn lên.

- Tốt lắm. - Ông nói. - Cậu đọc cuốn *Guzman* tới đâu rồi?

- Dạ, tôi chưa sẵn sàng cho tập hai.

Ông chủ mỉm cười, nói: *Guzman* thật tuyệt vời. Cậu không đọc được tiếng Pháp à?

- Không, thưa ông.

- Người Pháp rất rành về ngựa. Cậu biết chơi bida không?

- Sao ạ?

- Cậu có biết chơi bida không?

- Có, thưa ông. Không hay lắm. Chỉ là bida lỗ.

- Bida lỗ à. Phải. Cậu có muốn chơi không?

- Có, thưa ông.

- Tốt lắm.

Ông chủ gấp những cuốn sách lại và đẩy chiếc ghế lùi về sau, rồi cậu theo ông ra khỏi gian phòng lớn, qua phòng khách và thư viện, đến cánh cửa đôi được đóng bằng ván ô ở cuối căn phòng. Ông chủ mở cửa và họ cùng bước vào một căn phòng tối đen thoang thoảng mùi mốc và mùi gỗ cũ.

Ông kéo tràng chuỗi có nôm tua và thấp sáng chúc dài treo mạ thiếc lộng lẫy được treo trên trần nhà. Phía dưới là một chiếc bàn cổ được làm từ một loại gỗ đen nào đó với hình sư tử được chạm khắc ở chân. Bàn được phủ bởi một tấm màn bằng vải dẫu màu vàng và chúc dài treo được hạ thấp từ trần nhà cao sáu mét bởi một đoạn xích dây kéo thông thường. Ở cuối căn phòng là một bàn thờ bằng gỗ được sơn vẽ và khắc chạm rất cũ kỹ phía trên là tượng Chúa Jesus bằng gỗ kích cỡ người thật cũng được sơn vẽ và chạm khắc. Ông chủ ngoảnh mặt lại.

- Tôi hiếm khi chơi. - Ông nói. - Tôi hy vọng cậu không phải là một tay cừ?

- Không, thưa ông.

- Tôi gọi Carlos xem ông ta có thể chỉnh cho cái bàn được bằng phẳng hơn không. Lần cuối cùng chúng tôi chơi nó khá chệnh. Chúng ta sẽ xem. Đến góc kia. Tôi sẽ chỉ cho cậu.

Họ đứng hai bên bàn và gập tấm khăn về phía giữa, cuộn lại rồi nhấc ra khỏi bàn, chuyển nó qua cạnh bàn rồi họ bước về phía nhau và ông chủ cầm lấy tấm khăn rồi mang nó đặt lên ghế.

- Như cậu nhìn thấy đấy, đây là nhà nguyện. Cậu không mê tín chứ?

- Không thưa ông. Tôi không nghĩ vậy.

- Nó được coi như là không còn tính thiêng liêng. Vị linh mục đến và nói vài lời. Alfonsa biết điều này. Nhưng dĩ nhiên chiếc bàn đã ở đây trong nhiều năm trời và nhà nguyện vẫn là điều mà lời thánh kinh được ban ra. Mời vị linh mục đến và làm cho nó không còn là một nhà nguyện nữa. Cá nhân tôi còn nghi ngại liệu một điều như thế có thể được chấp nhận hay không. Cái được thánh hóa thì đã được thánh hóa. Quyền lực của vị linh mục giới hạn rất nhiều so với cái mà con người có thể tưởng tượng. Dĩ nhiên nhiều năm nay chẳng có một Thánh lễ nào được tổ chức ở đây.

- Bao nhiêu năm rồi?

Ông chủ lựa qua những cây cơ được gác trong và ngoài cái giá bằng gỗ dái ngựa trong góc phòng nơi họ đang đứng. Ông ngoảnh mặt lại.

- Tôi làm lễ gia nhập nhóm Ki-tô đầu tiên trong nhà nguyện này. Tôi cho rằng đó có thể là thánh lễ cuối cùng ở đây. Tôi cho là khoảng năm 1911.

Ông quay mặt về lại những cây cơ. - Tôi không để cho vị linh mục đến để làm chuyện đó. - Ông nói. - Để hủy bỏ tính thiêng liêng của nhà nguyện. Tại sao tôi phải làm như vậy? Tôi thích cảm nhận rằng Chúa đang hiện hữu nơi đây. Trong ngôi nhà của tôi.

Ông đổ những viên bi lên bàn và đưa cây cơ cho John Grady. Nó làm bằng ngà voi và đã vàng úa theo thời gian, những thớ của ngà voi có thể nhìn thấy được từ bên trong. Ông đánh trước và họ chơi bida mười lăm bi. Ông đánh bại cậu một cách dễ dàng. Ông bước đi xung quanh bàn và thoa phấn lên đầu cây cơ của mình bằng một động tác xoay xoay thật khéo léo rồi xướng lên những cú đánh bằng tiếng Tây Ban Nha. Ông chơi một cách thần nhiên, nghiền cứu thể đánh và vị trí của bàn; trong khi ông nghiền cứu hoặc đánh, ông kể về cuộc cách mạng và lịch sử Mexico và ông kể về bà Alfonsa và Francisco Madero.

- Ông ấy sinh ở Parras, trong tiểu bang này. Một thời những dòng họ của chúng tôi rất thân thiết với nhau. Alfonsita có thể đã được hứa hôn cùng em trai của Francisco. Tôi không chắc lắm. Trong bất cứ trường hợp nào ông nội tôi cũng không bao giờ cho phép kiểu kết hôn như vậy. Các quan điểm chính trị của dòng họ khá cấp tiến. Alfonsita không phải là một đứa trẻ. Lẽ ra bà ấy phải có được sự lựa chọn riêng cho mình nhưng bà đã không được như vậy. Và dù những tình huống có như thế nào, bà dường như không đồng tình với cha mình và đó là nỗi buồn lớn lao cho ông và người mà ông được chôn cùng. Đến lượt số 4.

Ông cúi người, ngấm và đưa viên bi số 4 vào lỗ xa tận cuối bàn rồi ông đứng lên, thoa phấn vào cây cơ.

- Dĩ nhiên kết cuộc chẳng có hậu. Dòng họ tan nát. Cả hai người anh trai đều bị ám sát.

Ông nhìn vào chiếc bàn.

- Cũng như Madero, bà ấy được giáo dục tại châu Âu. Cũng như ông ta, bà ấy đã học về những chính kiến đó,...

Ông di chuyển bàn tay theo cách mà chàng trai này đã từng nhìn thấy nơi bà dì.

- Bà ấy luôn có những chính kiến. Mười bốn.

Ông cúi người, thực hiện cú đánh và thoa phấn vào đầu cây cơ. Ông lắc đầu. - Quốc gia này không phải như quốc gia kia. Mexico không phải là châu Âu. Nhưng đó là một công việc phức tạp. Ông nội của Madero là cha tinh thần của tôi. Cha đỡ đầu của tôi. Don Evaristo. Vì lý do này hay lý do khác ông nội tôi vẫn trung thành với ông ấy. Vốn chẳng phải là một điều khó khăn như vậy. Ông là một người kỳ diệu. Rất tốt bụng. Trung thành với thể chế của Diaz. Ngay cả như thế. Khi Francisco xuất bản cuốn sách của mình, Don Evaristo không tin rằng ông ấy đã viết nó. Tuy nhiên cuốn sách chẳng chứa đựng điều gì là ghê gớm cả. Có lẽ vì một lý do là ông chủ trẻ giàu có đã viết nó. Bày.

Ông cúi người và đưa viên bi số 7 vào lỗ. Ông dạo bước xung quanh bàn.

- Họ đến Pháp để du học. Ông ấy và Gustavo. Và những người khác nữa. Tất cả những người trẻ tuổi này. Tất cả quay về đây áp những chính kiến. Đây những chính kiến, song giữa họ không có một sự nhất trí chung nào. Cậu nghĩ sao về điều đó? Cha mẹ họ gửi họ đi học vì những chính kiến này sao. Không ư? Và họ đến đó, đón nhận chúng. Song khi

họ trở về và mở những chiếc túi xách của mình, phải nói là, không có túi nào đựng một thứ giống nhau.

Ông lắc đầu một cách nghiêm nghị. Như thế vị trí của chiếc bàn là một trở ngại lớn cho ông.

- Họ nhất trí với nhau về những vấn đề thực tiễn. Tên của một ai đó. Hoặc những tòa nhà. Ngày tháng của một vài biến cố. Nhưng những chính kiến...

- Những người cùng thế hệ với tôi có vẻ cẩn trọng hơn. Tôi nghĩ chúng ta đừng tin rằng con người có thể được cải thiện về nhân cách dựa trên lý lẽ. Một chính kiến dường như rất Pháp.

Ông thoa lơ, bước đi. Ông cúi người và thực hiện cú đánh rồi đứng quan sát thế mới.

- Hãy cẩn trọng, chàng kỵ sĩ hào phóng. Không có con quái vật nào dữ dội bằng lý lẽ.

Ông nhìn John Grady và mỉm cười rồi nhìn xuống bàn.

- Dĩ nhiên đó là chính kiến của người Tây Ban Nha. Cậu biết đấy. Chính kiến của Quixote. Nhưng ngay cả Cervantes cũng không thể hình dung một đất nước nào như Mexico. Alfonsita nói với tôi rằng tôi chỉ là kẻ ích kỷ khi không muốn gửi Alejandra. Có lẽ bà ấy đúng. Có lẽ bà ấy đúng. Mười.

- Gửi cô ấy đi đâu?

Ông chủ cúi người thực hiện cú đánh. Ông đứng lên và nhìn vị khách của mình. - Đến Pháp. Gửi nó đến Pháp.

Ông lại thoa đầu cơ. Ông nhìn vào bàn.

- Tại sao tôi lại phải gây phiền toái cho mình chứ? Hả? Nó sẽ đi thôi. Tôi là ai đây? Một người cha. Một người cha chẳng là gì cả.

Ông cúi người thực hiện cú đánh và lần này ông trượt. Ông bước lui khỏi bàn.

- Này. - Ông nói. - Cậu biết không? Cậu có biết nó tệ hại đến mức nào đối với môn bida của chúng ta không? Chính kiến đó chẳng? Người Pháp bước vào dòng họ của tôi để làm méo mó môn chơi này của tôi. Không có tai ác nào hơn chúng.



Cậu ngồi trên giường trong bóng đêm, hai tay ôm lấy chiếc gối và dùi khuôn mặt vào đó rồi hít cái mùi của nàng vẫn còn thoang thoảng. Cậu cố hình dung lại trong tâm trí mình hình ảnh và giọng nói của nàng. Cậu thì thầm những lời nàng đã nói. *Hãy cho em biết phải làm gì. Em sẽ làm bất cứ điều gì anh bảo.* Y hết những lời cậu đã từng nói với nàng. Nàng lại than khóc trong cái ngực trần của cậu trong lúc cậu ôm nàng nhưng chẳng có gì để bảo nàng và cũng chẳng có gì để làm và rồi buổi sáng đến, nàng đã đi mất.

Ngày chủ nhật hôm sau Antonio mời cậu đến nhà anh trai mình để ăn tối, sau đó họ ngồi dưới bóng mát của mái vòm bên ngoài nhà bếp, cuốn thuốc, hút và thảo luận về ngựa. Rồi họ thảo luận những đề tài khác. John Grady kể cho gã nghe về việc chơi bida với ông chủ còn Antonio – ngồi trong chiếc ghế Mennonite cũ kỹ, mặt ghế bằng mây được thay bằng tấm vải bạt, chiếc mũ của gã đặt lên cái đầu gối và hai bàn tay khum lại với nhau – nhận tin này với vẻ nghiêm trang tương xứng với nó, nhìn xuống điệu thuốc đang cháy của mình và gật đầu. John Grady phóng tầm mắt xuyên qua những ngọn cây về phía ngôi nhà, những bức tường trắng và những tấm ngói bằng đất sét đỏ.

- Hãy cho tôi biết. - Cậu nói. - Đây là sự tồi tệ: tôi nghèo hay tôi là người Mỹ?

Gã cao bồi lắc đầu. - Một chiếc chìa khóa vàng có thể mở mọi cánh cửa. - Gã nói.

Gã nhìn chàng trai. Gã chấm cái tàn thuốc và nói rằng chàng trai muốn biết suy nghĩ của gã. Có lẽ là lời khuyên của gã. Nhưng không ai có thể khuyên được cậu cả.

- Anh đúng. - John Grady nói. Cậu nhìn gã cao bồi. Cậu nói rằng khi nàng trở lại cậu có ý định sẽ nói với nàng với tất cả sự nghiêm túc. Cậu muốn biết cõi lòng của nàng.

Gã cao bồi nhìn cậu. Gã nhìn về phía ngôi nhà. Gã dường như bối rối và gã nói rằng nàng đang ở đây. Rằng lúc này nàng đang ở đây.

- Cái gì?

- Vâng. Nàng ở đây. Từ ngày hôm qua.



Cậu nằm trần trọc suốt đêm cho đến rạng đông. Lắng nghe sự yên tĩnh trong ô chuồng ngựa. Tiếng giậm chân của những con ngựa được giam trong đó. Hơi thở của chúng. Sáng hôm sau cậu về nhà trại để ăn sáng. Rawlins đứng ở cửa nhà bếp và nhìn chăm chăm cậu.

- Trông cậu có vẻ như cưỡi ngựa nhiều lắm và thấm đẫm mồ hôi. - Anh ta nói.

Họ ngồi ở bàn và ăn. Rawlins ngả người về sau và rút gói thuốc ra khỏi túi áo của mình.

- Tôi đợi cậu tháo dỡ hàng hóa khỏi chiếc xe ngựa của cậu. - Anh ta nói. - Vài phút nữa tôi phải đi làm.

- Tôi đến để gặp cậu đây.

- Về chuyện gì?

- Không phải về một chuyện gì đó sao?

- Không. Chẳng gì cả. Cậu bật que diêm ở mặt dưới của chiếc bàn và đốt điếu thuốc, lắc lắc que diêm và bỏ vào cái đĩa của mình.

- Tôi hy vọng cậu biết được việc cậu đang làm.

John Grady nốc cạn phần cà phê còn lại của mình và đặt chiếc cốc lên đĩa cùng với những vật dụng dao nĩa khác. Cậu lấy chiếc mũ từ cái ghế dài bên cạnh mình, đội lên và đứng dậy mang những chiếc đĩa đến chậu rửa chén.

- Cậu nói cậu không buồn phiền gì cả về việc tôi đi xuống đó.

- Tôi chẳng buồn phiền gì cả.

John Grady gật đầu. Được rồi. - Cậu nói.

Rawlins nhìn cậu bước đến chậu rửa chén và nhìn cậu bước đến cánh cửa. Anh ta nghĩ cậu có thể ngoảnh mặt lại và nói một điều gì đó, nhưng không.

Cậu làm việc suốt ngày với con ngựa cái và tối về cậu nghe tiếng máy bay khởi động. Cậu bước ra khỏi nhà ngựa và nhìn. Chiếc máy bay nhấc lên khỏi những hàng cây và bay vào bầu trời chạng vạng, uốn lượn rồi rẽ và cứ thế tiến thẳng về hướng tây nam. Cậu không thể nhìn thấy ai trong máy bay nhưng dù sao thì cậu cũng nhìn thấy nó biến khỏi tầm nhìn.

Hai ngày sau cậu và Rawlins lại lên núi. Họ cưỡi ngựa thật vất vả để lừa những đàn ngựa hoang ra khỏi những

thung lũng sâu và họ dựng trại trên khu đất cũ ở sườn dốc phía nam Antejos nơi mà họ đã từng cắm trại với lão Luis. Họ ăn đậu và thịt dê nướng với bánh bắp và uống cà phê đen.

- Chúng ta không có nhiều chuyến đi lên tận đây, phải không? - Rawlins nói.

John Grady lắc đầu. Không. - Cậu nói. - Có thể là không.

Rawlins nhấp ngụm cà phê và nhìn ngọn lửa. Đột nhiên ba con chó săn chạy nước kiệu vào vùng sáng, con này theo sau con kia bao quanh ngọn lửa, những hình thù nhợt nhạt và xương xẩu với miếng da sống kéo căng trên hông sườn của chúng, mắt chúng dò dưới ánh sáng của ngọn lửa. Rawlins chồm người dậy, vô ý hất đổ ly cà phê của mình.

- Cái quái gì vậy? - Anh ta nói.

John Grady đứng dậy và nhìn ra ngoài bóng đêm. Những con chó biến mất đột ngột như khi chúng xuất hiện.

Họ đứng đợi. Không ai đến cả.

- Quỷ tha ma bắt. - Rawlins nói.

Anh ta bước vài bước ra xa ngọn lửa và đứng chăm chú lắng nghe. Anh ta ngoảnh lại nhìn John Grady.

- Cậu muốn là à?

- Không.

- Những con chó đó tự chúng không thể lên đây.

- Tôi biết.

- Cậu nghĩ ông ấy theo dõi chúng ta à?

- Nếu ông ấy muốn, ông ấy có thể tìm thấy chúng ta.

Rawlins bước trở lại ngọn lửa. Cậu rót cà phê mới vào tách và đứng lắng nghe.

- Có lẽ ông ấy đến đây cùng với một nhóm bạn thân của ông.

John Grady không trả lời.

- Cậu không nghĩ như vậy sao? - Rawlins hỏi.

Họ về bãi quây sáng hôm sau mong muốn gặp ông chủ và những người bạn của ông nhưng không thấy. Những ngày sau đó họ chẳng thấy dấu hiệu gì về ông ấy cả. Ba ngày sau họ khởi hành xuống núi, lừa mười một con ngựa cái còn non, và họ đến trang trại lúc trời tối, nhốt chúng lại rồi bước về nhà trại cho bữa ăn tối. Một vài gã cao bồi vẫn đang ngồi ở bàn uống cà phê và hút thuốc nhưng từng người một bắt đầu tản đi.

Sáng hôm sau lúc trời hừng sáng hai gã đàn ông bước vào phòng ngủ của cậu với những khẩu súng ngắn đã được rút ra và chiếu đèn pha vào mắt cậu rồi ra lệnh cậu ngồi dậy.

Cậu ngồi dậy. Cậu dung đưa hai chân trên cạnh của chiếc giường. Gã đàn ông cầm cây đèn chỉ là một hình bóng phía sau đó nhưng cậu có thể nhìn thấy khẩu súng gã đang cầm. Đó là khẩu Colt tự động. Gã che mắt cậu. Có những người đàn ông khác với những khẩu súng trường đang đứng ở ô chuồng ngựa.

- Ai vậy? - Cậu nói.

Gã đàn ông đưa cây đèn xuống dưới chân và ra lệnh cậu cầm lấy đôi ủng cùng quần áo. Cậu đứng dậy lấy quần dài mặc vào, tiếp đến là đôi ủng, và rồi cậu với tay lấy áo sơ mi.

- Đi thôi, gã đàn ông nói.

Cậu đứng và cài nút áo.

- Vũ khí của mày đâu? Gã đàn ông nói.

- Tôi không có vũ khí nào cả.

Hắn ta nói với gã đàn ông đứng phía sau và hai người bước đến lục lọi những vật dụng của cậu. Chúng đổ cái thùng đựng cà phê bằng gỗ lên sàn nhà và dùng chân đá loạn xạ quần áo và những vật dụng cạo râu của cậu rồi chúng lật ngược tấm nệm xuống sàn. Chúng mặc những bộ đồng phục bằng vải ka ki màu đen dính đầy dầu mỡ và mình mẩy chúng toát lên mùi mồ hôi và khói củi.

- Con ngựa của mày đâu?

- Ở gần chuồng thứ hai.

- Nào đi thôi.

Chúng dẫn cậu xuống ô chuồng ngựa đến phòng cất yên cương và cậu lấy cái yên ngựa cùng những tấm khăn trải của mình. Lúc ấy con Redbo đang đứng trong ô chuồng ngựa, giậm chân với vẻ bồn chồn. Họ quay trở về băng ngang qua phòng của Esteban nhưng chẳng có dấu hiệu nào cho thấy lão già đó còn thức. Họ cầm cây đèn pha trong lúc cậu thẳng yên ngựa của mình rồi họ bước ra ngoài màn đêm nơi những con ngựa khác đang đứng. Một trong những gã canh gác đang mang khẩu súng trường của Rawlins và anh ta đang ngồi sụp xuống trên yên ngựa của mình hai bàn tay khum hình cái chén phía trước mặt và những sợi dây cương trên mặt đất.

Chúng dùng khẩu súng thúc anh đi về phía trước.

- Chuyện gì thế này, anh bạn? - Cậu nói.

Rawlins không trả lời. Anh ta cúi người phun nước bọt rồi ngoảnh mặt đi.

- Cầm mồm đi. - Gã chỉ huy nói. - Chúng ta đi thôi.

Cậu lên ngựa. Bọn chúng cột hai cổ tay cậu, đưa cho cậu những sợi cương và rồi tất cả cùng lên ngựa. Chúng rẽ ngựa và cuỗi đi từng cặp một ra khỏi lô đất xuyên qua cánh cổng đứng. Khi họ cuỗi ngang qua nhà trại, những ánh đèn vẫn còn sáng và những anh cao bồi đang đứng ở cánh cửa hoặc ngồi dưới mái vòm. Họ nhìn những người cuỗi ngựa đi qua, hai anh người Mỹ phía sau gã chỉ huy và viên trung úy của hắn, sáu người khác cuỗi thành từng cặp phía sau trong những chiếc mũ lưỡi trai và đồng phục cùng với những khẩu carbine móc ngang qua những quả táo yên ngựa, tất cả cùng cuỗi dọc theo con đường lấy lợi và hướng về vùng nội địa ở hướng bắc.

III

Họ đi suốt ngày, qua những ngọn đồi thấp rồi lên những ngọn núi và cưỡi dọc theo ngọn núi đỉnh bằng về hướng bắc, vượt xa bãi chăn ngựa và đi vào một vùng đất mà lần đầu tiên họ đến khoảng bốn tháng trước đây. Họ ăn trưa tại một con suối nhỏ và ngồi xõm xuống giữa những que củi lạnh lẽo cháy đen từ một ngọn lửa nào đó trước đây, ăn đậu và bánh ngô lạnh được bọc trong một tờ giấy báo. Cậu nghĩ những chiếc bánh ngô này có thể lấy từ nhà bếp của trang trại. Tờ báo đến từ Monclova. Cậu ăn một cách chậm rãi với hai bàn tay bị xích lại và uống nước từ một chiếc tách bằng thiếc vốn chỉ có thể chứa một phần bởi nước chảy ra ngoài qua con tán ri-vê của quai cầm. Phần đông lộ ra xuyên qua chỗ mạ kền, nơi nó bị ăn mòn từ chỗ cổ tay và hai khuỷu tay nó trở thành một màu xanh tái và độc hại. Cậu ăn và nhìn Rawlins đang ngồi cách đó vài bước nhưng Rawlins không muốn nhìn vào mắt cậu. Họ ngủ một giấc ngủ ngắn trên mặt đất phía dưới những cây dương và rồi họ đứng dậy, uống thêm nước và đổ đầy vào bình và chai lọ rồi tiếp tục cưỡi đi.

Vùng đất họ đi qua thời tiết đến trước mùa và những bụi keo nở rộ tươi tốt, mưa lất phất trên những ngọn núi, cỏ mọc dọc theo mép của những con mương nhỏ xanh tươi và đầm nước trong cái ánh sáng chạng vạng trải dài nơi họ cưỡi qua. Ngoại trừ những lời bình phẩm về vùng đất này, những gã lính canh hầu như ít trò chuyện với nhau và đối với hai người Mỹ họ chẳng nói gì cả. Họ đi qua dải hoang hôn đỏ rực và họ tiếp tục đi trong bóng đêm. Bởi vì những tên lính đã tra súng của họ vào vỏ bọc nên họ cưỡi nhẹ nhàng hơn, một phần vai hơi thông xuống trên yên ngựa. Khoảng mười giờ họ dừng lại dựng trại và đốt lửa. Hai anh tù nhân ngồi trên cát giữa những mảnh thiếc rỉ cũ kỹ và những mẩu than cháy, hai tay vẫn bị khóa chặt trước mặt và những tên lính lấy ra một chiếc bình cà phê bằng đá granite màu xanh xỉn màu và một cái chảo hầm đựng cùng một thứ gì đó. Họ uống cà phê và ăn trên một cái đĩa đựng một loại củ có xơ nhọt nhọt, một ít thịt và gia cầm. Tất cả trở nên dai cứng và bốc mùi chua.

Họ qua một đêm với hai bàn tay bị xích vào bàn đạp của yên ngựa, cổ giữ ẩm phía dưới những tấm trải rời rạc của họ. Họ lại tiếp tục đi trên con đường mòn trước khi mặt trời mọc một giờ đồng hồ và vui sướng được như vậy.

Họ trải qua ba ngày như thế. Buổi chiều của ngày thứ ba, họ vào thị trấn Encantada, một ký ức mới đây.

Họ ngồi cạnh nhau trên một băng ghế dài gồm những thanh sắt trong một khu đất nhỏ cây cối um tùm. Một vài tên lính đứng cách xa họ vài bước chân vai mang súng và khoảng một chục trẻ nhỏ đủ mọi lứa tuổi đứng giữa đám bụi nhìn họ một cách chăm chú. Hai trong số những đứa trẻ đó là bé gái khoảng mười hai tuổi và khi những tù nhân này nhìn chúng,

chúng bỗng bẽn lẽn và xoay xoay chiếc váy của mình. John Grady gọi chúng để nhờ kiểm cho vài điều thuốc.

Những tên lính nhìn cậu trừng trừng. Cậu làm những cử chỉ hút thuốc với hai cô gái, rồi chúng quay mặt đi và chạy xuống con đường. Những đứa trẻ khác vẫn đứng như trước.

- Người đàn ông của các cô gái. - Rawlins nói.

- Cậu không muốn hút thuốc à?

Rawlins nhẹ phun nước bọt giữa hai chiếc ủng của mình và nhìn lên. Bọn họ sẽ chẳng mang cho cậu điều thuốc nào đâu. - Anh ta nói.

- Tôi cược với cậu.

- Quỷ tha ma bắt, cậu cược với tôi cái gì chứ?

- Tôi cược với cậu một điều thuốc.

- Làm thế nào cậu làm được điều đó?

- Tôi cược với cậu là cô ấy sẽ mang thuốc lá đến đây. Nếu cô ấy mang đến, tôi sẽ giữ luôn cả phần của cậu.

- Vậy thì cậu sẽ đưa cho tôi cái gì nếu cô ta không mang đến?

- Nếu cô ta không mang đến, cậu lấy cái của tôi.

Rawlins phóng tầm mắt nhìn chằm chằm ngang qua khu đất.

- Tôi chẳng nề hà quất vào mông cậu đâu, cậu biết đấy.

- Cậu không nghĩ nếu chúng ta muốn thoát khỏi vụ này, tốt nhất là nghĩ cách để cùng nhau tẩu thoát?

- Ý cậu như thế chúng ta dính vào chuyện đó?

- Khi sự cố xảy đến, cậu không phải trở lại, xoắn một ít thời gian và rồi trút mọi thứ lên đầu của bạn cậu.

Rawlins không trả lời.

- Đừng có mang vẻ mặt ủ rũ như thế với tôi. Hãy tươi tỉnh lên nào.

- Được rồi. Khi bọn chúng bắt cậu, cậu đã nói gì?

- Tôi không nói gì cả. Có ích lợi gì chứ?

- Đúng. Chẳng có lợi gì.

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là cậu không bao giờ bảo họ đánh thức ông chủ, phải không?

- Không.

- Tôi đã làm thế.

- Họ nói sao?

Rawlins cúi người và phun nước bọt rồi chùi miệng.

- Họ nói ông ấy còn thức. Họ nói ông ấy thức rất lâu. Rồi họ cười ồ lên.

- Cậu nghĩ ông ta bán chúng ta dưới con sông kia?

- Cậu không nghĩ vậy sao?

- Tôi không biết. Nếu ông ta làm thế chỉ bởi vì một lời dối trá nào đó thôi.

- Hoặc một sự thật nào đó.

John Grady ngồi nhìn xuống hai bàn tay của mình.

- Nó sẽ làm cậu hài lòng nếu tôi tiếp tục và thừa nhận việc mình là một thằng khốn được mạ vàng mười bốn cara?

- Tôi không bao giờ nói như thế.

Họ ngồi. Sau một hồi John Grady nhìn lên.

- Tôi không nhìn thấy yếu tố liên quan đến chuyện này. Và tôi không thể biết được nơi nào tôi cảm thấy tốt hơn để có thể chỉ tay vào mặt kẻ nào đó.

- Nó chẳng làm cho tôi cảm thấy tốt hơn. Tôi đã cố lý giải với cậu, vậy thôi. Đã vài lần rồi.

- Tôi biết. Nhưng có vài điểm phi lý. Hãy nhớ, tôi cũng là người mà cậu đã vượt sông cùng. Tôi đã thế nào thì vẫn thế này và tất cả những gì tôi cần phải làm là bám lại đây. Thậm chí tôi chưa bao giờ hứa là cậu sẽ không chết dưới đây. Cũng không bao giờ hỏi ý kiến cậu về chuyện này.

- Dù cậu có bám lại hay rời bỏ tôi, tôi cũng sẽ không bỏ cậu và tôi không quan tâm đến cậu làm gì. Và đó là tất cả những gì tôi muốn nói.

- Tôi chưa bao giờ bỏ cậu. - Rawlins nói.

- Được rồi.

Sau một hồi hai cô gái quay lại. Cô gái cao hơn đưa một bàn tay lên với hai điều thuốc trong đó.

John Grady nhìn những tên lính. Họ ra dấu cho hai cô gái và nhìn những điều thuốc. Họ gật đầu và hai cô gái tiến đến chiếc ghế dài và đưa thuốc cho những gã tù nhân cùng với một vài que diêm.

- Tốt bụng quá. - John Grady nói. - Cảm ơn rất nhiều.

Họ đốt điều thuốc từ một que diêm duy nhất và John Grady nhét những que còn lại vào túi rồi nhìn những cô gái. Họ mỉm cười bên lên.

- Các anh là người Mỹ à? - Họ hỏi.

- Vâng.

- Các anh là kẻ trộm?

- Vâng. Những kẻ trộm khét tiếng. Những tên cướp.

Họ há hốc mồm. Giỏi thật, họ thốt lên. Nhưng những tên lính gọi chúng và vẫy tay đuổi đi.

Họ ngồi cúi người về trước trên hai cùi chỏ, hút thuốc. John Grady nhìn đôi ủng của Rawlins.

- Đôi ủng mới đâu? Cậu nói.

- Ở nhà trại.

Cậu gật đầu. Họ hút thuốc. Sau một hồi, những người khác quay lại và gọi những tên lính. Những tên lính ra hiệu cho hai tù nhân và họ đứng dậy gật đầu chào những đứa trẻ rồi đi bộ ra đến con đường.

Họ xuyên qua cực bắc của thị trấn và dừng lại trước một tòa nhà bằng đất sống với một mái che bằng tôn mui và một tháp canh bằng đất bùn trống rỗng phía trên. Những mảng trát vữa được quét sơn cũ kỹ vẫn còn bám vào những bức tường gạch bùn. Họ xuống ngựa và bước vào một căn phòng lớn mà một thời có thể là một lớp học. Có một hàng rào chắn nằm dọc theo bức tường mặt tiền và một cái khung mà có thể một thời được dùng để giữ tấm bảng đen. Mặt sàn được lót bởi những tấm gỗ thông hẹp và các thớ của nó bị lấp bởi cát bụi do giẫm đạp nhiều theo năm tháng. Những cánh cửa sổ dọc theo hai vách tường bị mất những tấm kính giờ đây được thay thế bởi những tấm thiếc vuông và tất cả được cắt ra từ cùng một tấm biển hiệu lớn để tạo

thành tấm mosaic gầy khúc giữa ánh sáng cửa sổ. Tại một chiếc bàn kim loại màu xám nằm trong góc phòng là một người đàn ông chắc khỏe cũng tương tự như mấy tên lính kia trong bộ đồng phục ka ki, gầy trum quanh cổ mình một cái khăn choàng bằng lụa màu vàng. Gã chào đón những tên tù nhân như không có một biểu hiện gì. Gã lắc đầu nhẹ ra dấu về hướng phía sau của tòa nhà. Một trong những tên lính lấy xuống một xâu chìa khóa trên bức tường và hai anh tù nhân được dắt ra ngoài qua một bãi cỏ đại đầy bụi đất đến một căn nhà nhỏ bằng đá với một cách cửa gỗ nặng nề được niềng sắt.

Có một lỗ vuông được cắt vào cánh cửa ngang tầm mắt, cột ngang qua và hàn vào khung sắt là một tấm lưới thép mỏng. Một trong những tên lính tháo cái ống khóa bằng đồng và mở cánh cửa. Gã lấy một xâu chìa khóa riêng biệt từ thắt lưng.

- Còng tay đây. - Gã nói.

Rawlins đưa còng tay của mình lên. Gã tháo chúng ra, anh ta bước vào và John Grady theo sau. Cánh cửa rền rĩ, kêu ken két và đóng thịch phía sau họ.

Trong phòng không có ánh sáng ngoại trừ những đốm sáng rơi xuyên qua tấm lưới của cánh cửa và họ đứng đó, tay ôm tấm chắn, đợi đến khi mắt quen với bóng đêm. Mặt sàn xà lim bằng bê tông và không khí thoang thoang mùi phân. Sau một hồi, có người lên tiếng phía sau căn phòng.

- Hãy cẩn thận với cái thùng kia.

- Đừng giẫm lên cái thùng. - John Grady nói.

- Nó đâu?

- Các anh là người Mỹ à? - Họ hỏi.

- Vâng.

- Các anh là kẻ trộm?

- Vâng. Những kẻ trộm khét tiếng. Những tên cướp.

Họ há hốc mồm. *Giỏi thật*, họ thốt lên. Nhưng những tên lính gọi chúng và vẫy tay đuổi đi.

Họ ngồi cúi người về trước trên hai cùi chỏ, hút thuốc. John Grady nhìn đôi ủng của Rawlins.

- Đôi ủng mới đâu? Cậu nói.

- Ở nhà trại.

Cậu gật đầu. Họ hút thuốc. Sau một hồi, những người khác quay lại và gọi những tên lính. Những tên lính ra hiệu cho hai tù nhân và họ đứng dậy gật đầu chào những đứa trẻ rồi đi bộ ra đến con đường.

Họ xuyên qua cực bắc của thị trấn và dừng lại trước một tòa nhà bằng đất sống với một mái che bằng tôn mũi và một tháp canh bằng đất bùn trống rỗng phía trên. Những mảng trát vữa được quét sơn cũ kỹ vẫn còn bám vào những bức tường gạch bùn. Họ xuống ngựa và bước vào một căn phòng lớn mà một thời có thể là một lớp học. Có một hàng rào chắn nằm dọc theo bức tường mặt tiền và một cái khung mà có thể một thời được dùng để giữ tấm bảng đen. Mặt sàn được lót bởi những tấm gỗ thông hẹp và các thớ của nó bị lấp bởi cát bụi do giẫm đạp nhiều theo năm tháng. Những cánh cửa sổ dọc theo hai vách tường bị mất những tấm kính giờ đây được thay thế bởi những tấm thiếc vuông và tất cả được cắt ra từ cùng một tấm biển hiệu lớn để tạo

thành tấm mosaic gầy khúc giữa ánh sáng cửa sổ. Tại một chiếc bàn kim loại màu xám nằm trong góc phòng là một người đàn ông chắc khỏe cũng tương tự như mấy tên lính kia trong bộ đồng phục ka ki, gầy trùn quanh cổ mình một cái khăn choàng bằng lụa màu vàng. Gã chào đón những tên tù nhân như không có một biểu hiện gì. Gã lắc đầu nhẹ ra dấu về hướng phía sau của tòa nhà. Một trong những tên lính lấy xuống một xâu chìa khóa trên bức tường và hai anh tù nhân được dắt ra ngoài qua một bãi cỏ đại đầy bụi đất đến một căn nhà nhỏ bằng đá với một cách cửa gỗ nặng nề được niềng sắt.

Có một lỗ vuông được cắt vào cánh cửa ngang tầm mắt, cột ngang qua và hàn vào khung sắt là một tấm lưới thép mỏng. Một trong những tên lính tháo cái ống khóa bằng đồng và mở cánh cửa. Gã lấy một xâu chìa khóa riêng biệt từ thắt lưng.

- Còng tay đây. - Gã nói.

Rawlins đưa còng tay của mình lên. Gã tháo chúng ra, anh ta bước vào và John Grady theo sau. Cánh cửa rên rỉ, kêu ken két và đóng chặt phía sau họ.

Trong phòng không có ánh sáng ngoại trừ những đốm sáng rơi xuyên qua tấm lưới của cánh cửa và họ đứng đó, tay ôm tấm chắn, đợi đến khi mắt quen với bóng đêm. Mặt sàn xà lim bằng bê tông và không khí thoang thoang mùi phân. Sau một hồi, có người lên tiếng phía sau căn phòng.

- Hãy cẩn thận với cái thùng kia.

- Đừng giẫm lên cái thùng. - John Grady nói.

- Nó đâu?

- Tôi không biết. Đừng giẫm vào nó.

- Tôi không thể nhìn thấy cái quái gì cả.

Một giọng khác nói vọng lên từ bóng tối. - Có phải các anh đó không?

John Grady có thể nhìn thấy một phần khuôn mặt của Rawlins như bị bẻ gãy thành những hình vuông bởi ánh sáng của tấm lưới thép. Quay người một cách chậm rãi. Nỗi đau trong mắt cậu. - Ôi lạy Chúa. - Cậu nói.

- Blevins à? - John Grady nói.

- Vâng. Tôi đây.

Cậu thận trọng lùi về phía sau. Một cái chân duỗi dài rút lại dọc theo dưới mặt sàn như một con rắn chùn lại dưới chân. Cậu ngồi xổm xuống và nhìn Blevins. Blevins động đậy và cậu có thể nhìn thấy hàm răng của nó trong ánh sáng le lói. Như thể nó đang cười.

- Điều mà một gã đàn ông không nhìn thấy khi hân không có súng. - Blevins nói.

- Mà ở đây bao lâu rồi?

- Tôi không biết. Một thời gian khá dài.

Rawlins bước đến bức tường phía sau và đứng ngó xuống nó. Mà chỉ họ tìm bắt chúng tao à? - Anh ta nói.

- Không bao giờ tôi làm một điều tệ hại như vậy. - Blevins nói.

John Grady nhìn lên Rawlins.

- Họ biết có ba người chúng ta. - Cậu nói.

- Vâng. - Blevins nói.

- Chó chết. - Rawlins nói. - Họ sẽ chẳng tìm chúng ta nếu họ lấy lại được con ngựa. Nó đã làm một điều gì đó.

- Đó là con ngựa chết tiệt của tôi. - Blevins nói.

- Bây giờ họ có thể nhìn thấy nó. Gãy trơ xương, xơ xác và bẩn thỉu.

- Đó là con ngựa của tôi, yên của tôi, và khẩu súng của tôi.

Họ cùng ngồi xuống. Không ai nói gì cả.

- Mà đã làm gì? - John Grady hỏi.

- Làm cái việc mà người khác sẽ không làm.

- Mà làm gì?

- Cậu muốn biết nó làm gì à? - Rawlins nói.

- Mà trở lại đây à?

- Chết tiệt, đúng rồi đấy, tôi trở lại đây.

- Mà là thằng khốn. Mà đã làm gì? Kể cho tao nghe.

- Chẳng có gì để kể cả.

- Ôi, quý tha ma bắt. - Rawlins nói. - Chẳng có cái quái gì để kể à.

John Grady ngoảnh mặt đi. Cậu nhìn ngang qua Rawlins. Một ông già ngồi tựa vào vách tường, lặng thinh nhìn họ.

- Thằng bé này phạm tội gì? - Cậu hỏi.

Lão già chớp mắt. - Giết người. - Ông nói.

- Nó giết người à?

Ông già lại chớp mắt. Ông giơ lên ba ngón tay.

- Lão ta nói gì vậy? - Rawlins thắc mắc.

John Grady không trả lời.

- Lão nói gì? Tôi muốn biết điều mà lão ta nói.

- Lão ta nói nó giết ba người.

- Một lời nói dối chết tiệt. - Blevins nói.

Rawlins ngồi nhẹ nhàng lên tấm bê-tông.

- Chúng ta chết mất thôi. Chúng ta là những người đã chết. Tôi biết điều này sẽ đến mà. Kể từ lúc đầu tiên gặp nó.

- Điều đó chẳng giúp gì được chúng ta. - John Grady nói.

- Chỉ có một người chết. - Blevins nói.

Rawlins ngẩng đầu nhìn nó. Rồi anh đứng dậy và bước về phía bên kia của căn phòng rồi lại ngồi xuống.

- Hãy cẩn thận với cái thùng. - Ông già nói.

John Grady quay mặt về Blevins.

- Tôi chẳng làm gì hần cả. - Blevins nói.

- Nói tao biết chuyện gì xảy ra? - John Grady nói.

- Hần làm việc cho một gia đình người Đức thuộc thị trấn Palau cách tám mươi dặm về hướng đông. Cứ cuối mỗi hai tháng, hần lãnh lương và cưỡi ngựa quay về ngang qua vùng sa mạc ấy rồi cột con ngựa tại cùng con suối đó và mặc y phục thường dân. Sau đó hần đi vào thị trấn và ngồi trước một cửa hiệu trong hai ngày cho đến khi hần nhìn thấy một người đàn ông đi ngang qua với khẩu Colt Bisley lộ lộ ra ở thắt lưng.

- Mà đã làm gì?

- Anh có thuốc lá không?

- Không. Mày đã làm gì?
- Chẳng thể nghĩ là mày đã làm chuyện đó.
- Mày đã làm gì?
- Chúa ơi tôi chẳng có gì để đổi lấy một ít thuốc nhai.
- Mày đã làm gì?
- Tôi bước theo sau và giật khẩu súng khỏi thắt lưng hắn.
Đó là việc mà tôi đã làm.
- Và bắn hắn.
- Hắn đuổi theo tôi.
- Đuổi theo mày?
- Vâng.
- Vậy là mày đã bắn hắn?
- Tôi biết lựa chọn như thế nào đây?
- Lựa chọn nào à? - John Grady nói.
- Tôi không muốn bắn thành khốn đó. Đó chẳng hề là ý định của tôi.
- Sau đó mày đã làm gì?
- Lúc tôi quay lại con suối nơi cột con ngựa của tôi, bọn chúng tấn công tôi. Một gã mà tôi bắn hạ khỏi ngựa đã ném khẩu súng ngắn vào tôi.
- Vậy thì chuyện gì xảy ra?
- Tôi chẳng còn viên đạn nào. Tôi đã bắn hết. Cái lỗi chết tiệt của tôi. Tất cả đạn tôi có đều nằm trong khẩu súng.
- Mày bắn một trong những người nông dân?
- Vâng.

- Chết?

- Vâng.

Họ ngồi thình lặng trong bóng đen.

- Có thể tôi đã mua đạn ở Munoz. - Blevins nói. - Trước khi tôi đến đây. Tôi có tiền.

John Grady nhìn nó. - Mày có hình dung ra cái kiểu hỗn độn mà mày đang nhận lấy không?

Blevins không trả lời.

- Họ định làm gì mày và họ đã nói gì?

- Đưa tôi đến trại cải tạo, tôi cho là vậy.

- Họ chẳng gửi mày đến đó đâu.

- Tại sao không?

- Mày không được may mắn như vậy. - Rawlins nói.

- Tôi chưa đến tuổi để bị treo cổ.

- Bọn chúng sẽ nói dối về tuổi của mày.

- Họ không áp dụng án tử hình ở đất nước này. - John Grady nói. - Đừng nghe anh ta.

- Mày biết họ tìm bắt bọn tao chứ? - Rawlins nói.

- Vâng, tôi biết. Tôi biết làm gì đây, gửi cho các anh bức điện ư?

John Grady đợi Rawlins trả lời nhưng anh ta không. Cái bóng của tấm lưới sắt phía trên lỗ cánh cửa nằm trải nghiêng trên bức tường phía xa trông như một trò chơi gạch phấn mà không gian trong bóng đen và cái phòng ngủ hôi hám có gì đó như bị lệch. Hắn gập tấm chăn lại và ngồi lên đó rồi ngã người dựa vào tường.

- Họ có bao giờ để cho mây ra ngoài không?
- Tôi không biết.
- Ý mây là sao?
- Tôi không thể đi bộ.
- Mây không đi được à?
- Đã nói rồi mà.
- Sao mây không đi được? - Rawlins nói.
- Quỷ tha ma bắt, bọn chúng đập gãy chân tôi.

Họ ngồi. Không ai nói gì. Chẳng bao lâu trời trở tối. Ông già ở bên kia phòng bắt đầu ngáy. Họ có thể nghe những âm thanh từ ngôi làng xa xôi. Những con chó. Một người mẹ đang gọi. Tiếng nhạc đồng quê Ranchero với giọng falsetto lạnh lạnh như nỗi đau được phát ra từ một cái máy thu thanh rẻ tiền ở đâu đó trong bóng đêm sâu thẳm.



Đêm đó cậu mơ về những con ngựa trên một bãi đất ở cao nguyên nơi những cơn mưa mùa xuân nuôi dưỡng cây cỏ và hoa dại trên mặt đất và những đóa hoa nở rộ xuyên suốt một màu xanh, màu vàng xa đến mức mắt có thể nhìn thấy. Và trong giấc mơ đó, cậu ở giữa những con ngựa đang chạy, và trong giấc mơ đó, cậu cùng chạy với những con ngựa và chúng săn đuổi những con ngựa cái non trên cao nguyên, nơi màu hạt dẻ và sắc hồng rực rỡ của chúng sáng lên trong ánh nắng mặt trời. Những con ngựa non chạy cùng mẹ chúng và giẫm đạp lên những đóa hoa trong khói bụi của phấn hoa lơ lửng trong ánh nắng mặt trời như bột vàng óng và chúng chạy. Cậu và bảy ngựa chạy dọc theo

những ngọn núi trên cao, nơi mặt đất vang rền tiếng vó câu. Chúng bay lơ lửng, rẽ hướng và phi, bồm và đuôi chúng tung bay như bọt nước và chẳng có gì khác trong cái thế giới diệu kỳ đó. Chúng di chuyển trong âm vang giống như tiếng nhạc và không con nào trong số chúng tỏ ra sợ hãi cả, ngựa thuần, ngựa non và ngựa cái và chúng chạy trong tiếng vang vốn là cái thế giới không thể diễn tả được mà chỉ có thể ngợi ca.

Sáng hôm sau, hai tên lính đến mở cửa rồi còng tay Rawlins và dẫn anh ta đi. John Grady đứng và hỏi bọn chúng đưa anh ta đi đâu nhưng họ không trả lời. Rawlins thậm chí cũng không nhìn lại.

Viên đội trưởng đang ngồi ở bàn uống cà phê và đọc một tờ báo cũ cách đây ba ngày từ Monterrey. Gã nhìn lên.

- Hộ chiếu! - Gã nói.

- Tôi không có hộ chiếu. - Rawlins nói.

Viên đội trưởng nhìn anh ta. Gã nhướn mày trong điệu bộ ngạc nhiên giả tạo. - Không có hộ chiếu à? - Gã nói. - Mày có giấy tờ tùy thân không?

Rawlins sờ soạng vòng quanh cái túi sau bên trái của mình bằng hai bàn tay bị còng. Anh có thể với đến cái túi nhưng anh không thể thọc tay vào đó. Viên đội trưởng gạt đầu và một trong những tên lính kia bước đến và rút ra cái ví và đưa cho viên đội trưởng. Gã đội trưởng ngả người ra lưng ghế. - Tháo còng cho hắn. - Gã nói.

Tên lính đưa chiếc chìa khóa về phía trước và nắm lấy khuỷu tay của Rawlins rồi mở còng. Hắn bước lui lại rồi tra chiếc chìa khóa vào lại thất lưng. Rawlins đứng xoa xoa hai

khuyết tay của mình. Gã đội trưởng mở cái ví da bị thâm vì mồ hôi. Gã nhìn hai mặt của cái ví và ngược lên nhìn Rawlins. Rồi gã mở chiếc ví, lấy ra tám thẻ và bức ảnh của Betty Ward, gã lấy ra tiền Mỹ và những tờ peso của Mexico vẫn còn nguyên vẹn. Gã trải những thứ này ra trên bàn, ngả người ra ghế, chắp hai tay lại và dùng ngón trỏ gõ gõ vào cằm mình rồi nhìn Rawlins. Rawlins có thể nghe tiếng một con dê từ bên ngoài. Anh ta có thể nghe tiếng những đứa trẻ. Gã đội trưởng làm một động tác xoay tròn nhẹ nhàng bằng một ngón tay. - Quay lui lại! - Gã nói.

Anh ta làm theo lời.

- Tụt quần xuống!

- Làm gì vậy?

- Tụt quần xuống!

- Để làm cái quái gì chứ?

Gã đội trưởng hẳn đã phải làm một cử chỉ khác bởi vì tên lính bước về trước và rút khúc gỗ có bọc da từ túi sau của hắn và gõ vào sau ót của Rawlins. Căn phòng Rawlins đang đứng được thấp sáng toàn một màu trắng và hai đầu gối anh khụy xuống, chơi vơi.

Anh nằm úp mặt xuống sàn gỗ nứt nẻ. Anh không nhớ là đã bị ngã xuống. Mặt sàn có mùi bụi và gỗ. Anh tự đẩy mình đứng dậy. Họ đợi. Họ dường như chẳng có gì để làm cả.

Anh đứng lên và nhìn gã đội trưởng. Anh cảm thấy khó chịu ở bao tử.

- Mày phải hợp tác. - Gã đội trưởng nói. - Và mày sẽ không gặp phiền toái nữa. Quay mặt lại. Tụt quần xuống!

Anh quay lại, tháo khóa dây nịt và tụt chiếc quần dài xuống đến đầu gối, rồi đến chiếc quần lót bằng vải bông rẻ tiền mà anh đã mua ở siêu thị dã chiến tại La Vegas.

- Kéo áo lên! - Gã đội trưởng nói.

Anh kéo áo lên.

- Quay lại!

Anh quay lại.

- Mặc đồ vào!

Anh thả áo xuống và với tay kéo quần lên, cài nút và khóa dây nịt lại.

Gã đội trưởng ngồi, tay cầm cái bằng lái xe lấy từ trong ví của anh.

- Ngày tháng năm sinh của mày? - Gã nói.

- 26 tháng 09 năm 1932.

- Địa chỉ?

- Đường số 4 Knickerbocker Texas. Mỹ

- Mày cao bao nhiêu?

- Một mét năm mươi sáu.

- Nặng?

- Bảy mươi hai ký.

Gã đội trưởng gõ gõ chiếc ví lên bàn. Gã nhìn Rawlins.

- Mày có trí nhớ tốt đấy. Gã này đâu?

- Ai cơ?

Gã giơ cái bằng lái xe lên và nói: Đây này. Rawlins.

Rawlins nuốt nước bọt. Anh nhìn tên lính rồi lại nhìn gã đội trưởng. - Tôi là Rawlins. - Anh ta nói.

Gã đội trưởng cười một cách buồn bã. Gã lắc đầu.

Rawlins đứng hai tay lủng lẳng.

- Tại sao không phải là tôi chứ? - Anh nói.

- Tại sao mày đến đây? - Gã đội trưởng hỏi.

- Đến đâu cơ?

- Đây. Đến đất nước này.

- Chúng tôi đến đây kiếm việc làm. *Những tên cao bồi.*

- Nói tiếng Anh đi. Mày đến để mua gia súc à?

- Không, thưa ông.

- Không à. Mày không có giấy phép, đúng không?

- Chúng tôi chỉ đến đây kiếm việc làm.

- Ở La Purisima?

- Bất cứ đâu. Chỉ cần kiếm được việc làm.

- Họ trả cho mày như thế nào?

- Chúng tôi nhận hai trăm peso một tháng.

- Ở Texas họ trả lương ra sao cho công việc như thế này?

- Tôi không biết. Một trăm một tháng.

- Một trăm đôla?

- Vâng, thưa ông.

- Tám trăm peso.

- Vâng, thưa ông, tôi nghĩ là vậy.

Gã đội trưởng lại cười.

- Tại sao bọn mày buộc phải rời bỏ Texas?
- Chúng tôi chỉ bỏ đi. Chúng tôi không bị buộc làm thế.
- Vậy tên thật của mày?
- Lacey Rawlins.

Gã dúi cánh tay vào trán và đồng thời mong rằng anh ta không phải như vậy.

- Blevins là em mày?
- Không. Chúng tôi chẳng liên quan gì đến nó.
- Mày đã ăn trộm bao nhiêu con ngựa?
- Chúng tôi không bao giờ ăn trộm ngựa.
- Những con ngựa này không có thương hiệu.
- Chúng xuất xứ từ Mỹ.
- Mày có hóa đơn cho những con ngựa này không?
- Không. Chúng tôi cưỡi đến đây từ San Angelo Texas. Chúng tôi không có giấy tờ nào về chúng cả. Chúng chỉ là những con ngựa của chúng tôi.
- Mày băng qua biên giới nào?
- Chỉ ngoài Langtry Texas.
- Mày giết bao nhiêu người?
- Tôi không giết ai cả. Trong đời, tôi chưa bao giờ đánh cắp thứ gì cả. Đó là sự thật.
- Vậy mày mang súng để làm gì?
- Trò chơi săn bắt.
- Trò chơi à?

- Trò chơi. Săn bắt. Người đi săn.

- Bây giờ bọn mày là những thợ săn à? Rawlins đâu.

Rawlins gần như rớt nước mắt. - Ông đang nhìn nó đó, chết tiệt.

- Tên thực của tên giết người Blevins này là gì?

- Tôi không biết.

- Mày quen nó bao lâu rồi?

- Tôi không biết nó. Tôi chẳng biết gì về nó cả.

Gã đội trưởng đẩy cái ghế lùi ra sau và đứng dậy. Gã kéo cái đường viền của chiếc áo khoác để sửa lại những vết nhăn và nhìn Rawlins. - Mày khờ lắm. - Gã nói. - Tại sao mày lại muốn gặp phiền toái?

Chúng để Rawlins vừa lọt đủ vào cánh cửa và anh ta quỵ xuống sàn nhà, ngồi một chốc rồi cúi người từ từ về trước, ngả sang một bên rồi nằm xuống tự ôm lấy mình. Tên lính cong cong ngón tay về John Grady, cậu đang ngồi hé mắt nhìn lên bọn chúng trong ánh sáng đột ngột. Cậu đứng dậy. Cậu nhìn xuống Rawlins.

- Cậu là thằng khốn. - Cậu nói.

- Hãy nói với họ bất cứ điều gì họ muốn nghe, anh bạn à. - Rawlins thì thầm. - Sẽ chẳng gặp phiền toái...

- Nào đi thôi, tên lính nói.

- Cậu nói gì với họ?

- Nói với họ chúng ta là những kẻ cưỡi ngựa và giết người. Cậu cũng nên nói như vậy.

Nhưng vừa lúc ấy, tên lính bước về trước và chộp lấy cánh ta cậu rồi đẩy ra khỏi cánh cửa. Tên lính kia đóng cửa lại và đẩy cái móc khóa vào lại ổ khóa.

Khi họ bước vào văn phòng, gã đội trưởng vẫn ngồi như trước. Tóc gã vừa mới được làm bóng. John Grady đứng trước mặt gã. Trong căn phòng ngoại trừ chiếc bàn và chiếc ghế mà gã đội trưởng đang ngồi còn có ba chiếc ghế xếp bằng kim loại dựa vào bức tường xa vốn tạo một khoảng trống khó chịu cho họ. Như thể có ai đó đứng dậy và bỏ đi. Như thể có ai đó đang đợi nhưng chưa đến. Một tờ lịch của công ty hạt giống cũ kỹ từ Monterrey được đóng vào bức tường phía trên đó và trong góc phòng là một cái chuồng chim làm bằng dây thép trống không được treo từ bệ cột trông như cái chân đèn nào đó theo nghệ thuật Baroc.

Trên bàn của gã đội trưởng là một cái đèn dầu bằng thủy tinh với cái ống khói đã bị đen. Một cái gạt tàn. Một cây bút chì đã được gọt bằng con dao. - Tháo còng. - Gã nói.

Tên lính bước về phía trước và mở còng. Gã đội trưởng nhìn ra ngoài cửa sổ. Gã lấy cây bút chì từ cái bàn và gõ gõ vào hàm răng dưới của mình. Gã quay mặt lại và dùng cây bút chì gõ hai cái vào bàn và bỏ nó xuống. Giống như một người đàn ông triệu tập một cuộc họp để ra lệnh.

- Bạn của mày đã nói với tao mọi thứ. - Gã nói.

Cậu nhìn lên.

- Tốt nhất mày nên khai báo mọi thứ ngay. Như vậy mày sẽ chẳng gặp phiền toái.

- Ông chẳng có lý do gì để đánh thẳng bé đó. - John Grady nói. - Chúng tôi chẳng biết gì về Blevins. Nó đòi đi chung với

chúng tôi, vậy thôi. Chúng tôi cũng chẳng biết gì về con ngựa. Con ngựa đó lạc mất trong một cơn bão rồi xuất hiện ở đây, và đó là lúc phiền toái xảy ra. Chúng tôi chẳng liên can gì đến con ngựa đó. Chúng tôi làm việc cho Ngài Rocha trong ba tháng ở La Purisima. Ông đến đó và nói láo đủ điều với ông ấy. Lacey Rawlins là một người tốt đến từ Hạt Tom Green.

- Nó là tên tội phạm Smith.

- Tên anh ta không phải là Smith. Anh ta không phải là tội phạm. Tôi biết anh ấy rất rõ. Chúng tôi bên nhau từ hồi còn nhỏ. Chúng tôi học chung một trường.

Gã đội trưởng ngả người ra sau. Gã tháo nút túi áo của mình, đẩy mấy điều thuốc từ dưới đáy hộp và rút ra một điều mà không cần phải lấy gói thuốc ra rồi cài nút lại. Chiếc áo sơmi được may theo kiểu quân đội, bó sát và những điều thuốc cũng được bó chặt trong túi. Gã nghiêng người trong chiếc ghế của mình và rút cái bật lửa từ chiếc áo khoác, châm điều thuốc và đặt cái bật lửa lên bàn, cạnh cây bút chì. Tiếp theo gã kéo cái gạt tàn về phía mình bằng một ngón tay rồi ngả người ra sau cánh tay thẳng đứng, điều thuốc cháy chỉ cách tai gã vài centimet trong một cử chỉ mà có vẻ xa lạ với cậu. Như thể gã thán phục một cái gì đó.

- Tuổi của mày? - Gã nói.

- Mười sáu. Sáu tuần nữa tôi sẽ mười bảy.

- Tuổi của thằng giết người Blevins?

- Tôi không biết. Tôi chẳng biết gì về nó. Nó nói nó mười sáu. Tôi đoán chỉ chừng mười bốn. Thậm chí là mười ba.

- Nó không có lông.

- Sao?

- Nó không có lông.

- Tôi không biết chuyện đó. Điều đó không làm tôi quan tâm.

Khuôn mặt của gã đội trưởng tối sẫm lại. Gã bập bập điều thuốc. Rồi gã đặt bàn tay lên bàn, lòng bàn tay ngửa lên rồi gã búng ngón tay lách tách.

- Đưa tao xem cái ví của mày.

John Grady lấy cái ví của mình từ túi quần bên hông và bước về trước rồi đặt nó lên bàn và bước lùi lại. Gã đội trưởng nhìn cậu. Gã cúi người về trước và cầm lấy cái ví rồi ngả người ra sau và mở nó ra. Gã moi tiền ra, những tấm thẻ. Những bức ảnh. Gã trải mọi thứ lên bàn và nhìn lên.

- Giấy phép hành nghề của mày đâu?

- Tôi không có.

- Mày đã hủy nó.

- Tôi không có. Tôi chưa bao giờ có.

- Thằng giết người Blevins không có giấy tờ nào cả.

- Có thể là không.

- Tại sao nó không có giấy tờ nào cả?

- Nó bị mất quần áo.

- Nó mất quần áo à?

- Vâng.

- Tại sao nó đến đây để ăn trộm ngựa?

- Đó là con ngựa của nó.

Gã đội trưởng ngả người về sau, rút thuốc.

- Con ngựa đó không phải là ngựa của nó.
- Vâng, ông hiểu theo cách thiếu hiểu biết của ông.
- Cái gì?

- Theo tôi biết, con ngựa đó là của nó. Nó có con ngựa đó ở Texas và tôi biết nó mang con ngựa đó vào Mexico bởi vì tôi nhìn thấy nó cưỡi ngang qua con sông.

Gã đội trưởng ngồi gõ mấy ngón tay lên cái thanh đòn của chiếc ghế. Tao không tin mày. - Gã nói.

John Grady không trả lời.

- Đây không phải là sự thật.

Gã xoay một phần trong chiếc ghế của mình để nhìn ra ngoài.

- Không phải là sự thật. - Gã nói. Gã quay mặt lại và nhìn tên tù nhân ngang qua vai của gã.

- Mày có cơ hội để nói sự thật ở đây. Ở đây. Trong ba ngày nữa mày sẽ đi đến Saltillo và rồi mày sẽ không có được cơ hội này. Không còn nữa. Rồi sự thật sẽ thuộc về tay những kẻ khác. Mày hiểu chứ. Chúng tao có thể tạo ra sự thật ở đây. Hoặc chúng tao có thể đánh mất nó. Nhưng khi mày rời khỏi đây thì sẽ quá muộn. Quá muộn cho sự thật. Rồi mày sẽ thuộc vào tay của những nhóm khác. Lúc đó ai có thể nói sự thật là như thế nào? Vào lúc đó? Rồi mày sẽ tự trách mình. Mày sẽ biết điều đó.

- Chẳng có gì ngoài sự thật. - John nói. - Sự thật là điều đã xảy ra. Nó không phải là cái đến từ miệng của người khác.

- Mày có thích thị trấn bé nhỏ này không? - Gã đội trưởng hỏi.

- Được.

- Ở đây rất yên tĩnh.

- Vâng.

- Những người trong thị trấn này là những người rất ít nói. Mọi người ở đây đều trầm lặng mọi lúc mọi nơi.

Gã cúi người về trước và dập tắt điếu thuốc trong cái gạt tàn.

- Rồi tên giết người Blevins xuất hiện, ăn trộm ngựa và giết mọi người ở đây. Tại sao lại như vậy? Nó là một thằng bé ít nói và chưa bao giờ làm tổn hại đến ai và rồi nó đến đây và làm những chuyện như thế đó sao?

Gã ngả người ra sau và lắc đầu ra vẻ buồn.

- Không. - Cậu nói. Cậu ve vẩy một ngón tay. - Không.

Gã nhìn John Grady.

- Sự thật là như thế này: Nó không phải là thằng bé ít nói. Nó là một kiểu đàn ông khác lạ. Lúc nào cũng thế.

Khi những tên lính mang John Grady về lại, họ đưa Blevins ra theo. Nó có thể bước đi nhưng hơi khập khiễng. Khi cái ổ khóa đóng lại kêu tiếng cách và lắc lư rồi dừng hẳn lại, John Grady ngồi xổm xuống đối diện Rawlins.

- Sao rồi? - Anh ta hỏi.

- Ổn. Còn cậu thế nào?

- Tồi cũng ổn.

- Điều gì đã xảy ra?

- Chẳng có gì cả.

- Cậu nói gì với gã?

- Tôi nói với gã cậu là thằng khốn.

- Cậu không vào phòng tắm à?

- Không.

- Cậu đi khá lâu.

- Vâng.

Cậu đã treo áo khoác màu trắng lên cái móc. Cậu lấy xuống và mặc vào rồi dùng sợi dây cột quanh eo.

John Grady gật đầu. Cậu nhìn ông già. Ông già đang nhìn họ dù ông ta chẳng nói được tiếng Anh.

- Blevins bị ốm.

- Ừ, tôi biết. Tôi nghĩ chúng ta sẽ đến Saltillo.

- Saltillo ở đâu?

- Tôi không biết.

Rawlins cựa cựa vào vách tường. Anh nhắm mắt lại.

- Cậu không sao chứ? - John Grady hỏi.

- Ừ, không sao.

- Tôi nghĩ gã muốn tạo một thỏa hiệp gì đó với ta.

- Gã đội trưởng ư?

- Đúng. Dù gã là gì.

- Kiểu thỏa hiệp gì?

- Giữ kín. Một kiểu thỏa hiệp.

- Cũng giống như chúng ta có một kiểu lựa chọn nào đó.
Giữ kín về chuyện gì?

- Về Blevins.

- Giữ kín về những điều có liên quan đến Blevins?

John Grady nhìn vào một ô vuông có ánh sáng trên cánh cửa và cái bóng nghiêng của cậu in trên vách tường phía trên đầu của ông già. Cậu nhìn Rawlins.

- Tôi nghĩ họ muốn giết nó. Tôi nghĩ họ muốn giết Blevins.

Rawlins ngồi một hồi lâu. Anh ta ngồi quay đầu vào tường. Khi quay mặt lại nhìn John Grady, mắt anh ta ướt đầm.

- Có thể họ sẽ không giết. - Anh ta nói.

- Tôi nghĩ là có.

- Ôi, chết tiệt. Quỷ tha ma bắt. - Rawlins nói.

Khi họ mang Blevins trở lại, nó về góc ngồi và không nói gì cả. John Grady nói chuyện với ông già. Tên ông ta là Orlando. Ông ta cũng chẳng biết nó bị kết án về tội gì. Người ta nói nó có thể đi khi đã ký giấy tờ nhưng nó không biết đọc và cũng chẳng có ai đọc giúp nó. Nó không biết nó đã ở đây bao lâu. Kể từ mùa đông. Trong lúc họ đang nói chuyện, những tên lính lại xuất hiện và ông già cầm miệng.

Bọn chúng mở khóa cánh cửa và bước vào rồi đặt hai thùng nước cùng với một chồng đĩa thiếc tráng men. Một trong số bọn chúng nhìn vào xô nước và người kia cầm lấy cái xô nước bẩn trong góc tường rồi mang ra ngoài. Chúng đối xử với tù nhân với thái độ chiếu lệ, giống như đã quen với việc chăm sóc cho súc vật. Khi chúng đi khỏi, những tù nhân ngồi xung quanh hai thùng nước và John Grady phân phát đĩa. Có tất cả năm cái. Như thể dự phòng cho một ai đó không biết. Không có dụng cụ ăn và họ dùng những chiếc bánh ngô để xúc đậu từ trong những cái xô.

- Blevins. - John Grady kêu. - Mày có ăn được không?
- Tôi không đói.
- Tốt nhất là nên ăn một tí.
- Các anh cứ tự nhiên.

John Grady xúc một ít đậu bỏ vào một trong những chiếc đĩa vuông còn dư và kẹp chiếc bánh ngô đặt dọc theo rìa của chiếc đĩa, đứng dậy, mang đến cho Blevins và trở lại.

Sau một hồi nó hỏi: - Các anh đã nói gì với họ về tôi?

Rawlins ngừng ăn và nhìn John Grady. John Grady nhìn Blevins.

- Nói với họ sự thật.
- Vâng. - Blevins nói.
- Mày nghĩ những gì bọn tao nói với họ sẽ khiến mọi chuyện thay đổi à?

- Các anh cố giúp tôi ra khỏi đây.

Rawlins nhìn John Grady.

- Các anh có thể nói tốt cho tôi. - Blevins nói.

- Nói tốt à? - Rawlins nói.

- Các anh có mất mát gì đâu.

- Câm mồm lại đi. - Rawlins nói. - Chỉ câm mồm là xong. Mày mà nói bất cứ lời nào nữa, tao sẽ đến đó và đập vào cái móng xương xấu của mày đó. Mày nghe tao chứ? Nếu mày nói bất kỳ một lời chết tiệt nào.

- Để nó yên. - John Grady nói.

- Thằng nhóc chết tiệt. Mày nghĩ gã đội trưởng đó không

biết mày là ai à? Gã biết mày là ai trước khi gã để mắt đến mày. Trước khi mày được sinh ra. Quỷ tha ma bắt mày đi. Chỉ có vậy là xong.

Anh ta gần như muốn khóc. John Grady đặt một tay lên vai anh ta. - Kệ nó đi, Lacey. - Cậu nói. - Mặc kệ nó.

Chiều xuống, những tên lính đến, để lại thùng đựng nước tiểu và dọn dẹp những cái xô cùng đĩa thức ăn.

- Cậu nghĩ sao về việc những con ngựa là thủ phạm? - Rawlins nói.

John Grady lắc đầu.

- Những con ngựa. - Ông già nói. - Những con ngựa.

- Vâng. Những con ngựa.

Họ ngồi im lặng dưới cái nóng bao trùm và lắng nghe âm thanh trong khu làng. Tiếng ngựa thỉnh thoảng chạy ngang trên đường. John Grady hỏi ông già liệu bọn chúng có ngược đãi nó không và ông già vẫy một tay, ra dấu như thể không muốn nói. Ông nói chúng không gây phiền toái nhiều đến nó. Ông nói đối với bọn chúng, nó chẳng còn gì là bổ béo cả. Tiếng rên rỉ cộc lốc của một lão già. Ông nói rằng nỗi đau đó đối với một ông già chẳng còn gì ngạc nhiên.

Ba ngày sau họ được dẫn ra khỏi xà lim, mắt chập chờn trong ánh sáng tinh sương và đi xuyên qua bãi sau và trường học rồi đến con đường. Đậu ở đó là một chiếc xe tải Ford mui trần tải trọng một tấn rưỡi. Họ đứng trên đường, bắn thiu và râu ria xồm xoàm, tay ôm những tấm chắn. Lát sau, một trong những tên lính giải họ lên xe. Một tên lính khác bước ra từ tòa nhà và họ bị còng chung trong những cái khóa mòn và rồi được xích chung với nhau bằng sợi xích kéo được

cuộn lại xung quanh cái lốp dự phòng gắn phía trước chiếc xe tải. Gã đội trường bước ra và đứng dưới ánh nắng mặt trời lấp lư gót chân và uống một tách cà phê. Gã mang sợi dây nịt da màu đất sét trắng và cái bao súng, khẩu 45 tự động đã lên cò sẵn, chuôi súng chỉ về trước bên hông trái của gã. Gã nói gì đó với những tên lính rồi họ vẫy tay chào. Một gã ở phía trước xe tải thò đầu ra từ khoang động cơ, làm dấu gì đó, nói nói và rồi cúi người dưới nắp động cơ.

- Họ nói gì vậy? - Blevins hỏi.

Không ai trả lời. Có những chum, bó và thùng được chất phía trước trên boong xe cùng với vài thùng xăng quân đội loại năm galông. Những người trong thị trấn tập nập kéo đến với những kiện hàng và đưa cho gã tài xế những mảnh giấy nhỏ và gã nhét chúng vào túi áo, không nói một lời.

- Những cô gái của cậu kia. - Rawlins nói.

- Tôi thấy rồi. - John Grady đáp.

Bọn họ đứng sát cạnh nhau, một đứa ôm chặt cánh tay của đứa kia, cả hai đang khóc.

- Như vậy thì có nghĩa gì chứ? - Rawlins hỏi.

John Grady lắc đầu.

Hai cô gái đứng nhìn trong lúc người ta chất hàng lên xe tải còn đám lính ngồi hút thuốc với những khẩu súng trường tựa vào vai. Chúng vẫn đứng đó một giờ cho đến khi chiếc xe tải khởi hành và cái nắp khoang máy hạ xuống. Chiếc xe tải chở tù nhân bị xích lùi ra di chuyển xuống con đường bụi bặm chật hẹp rồi mờ dần khỏi tầm mắt trong vòng xoáy của khói bụi.

Có ba tên lính ngồi cùng với những tù nhân trên boong, những chàng trai trẻ trong những bộ đồng phục sai cỡ và rộng thùng thình. Hẳn là họ được yêu cầu không nói chuyện với những tù nhân bởi vì họ cố tránh nhìn vào mắt những gã tù nhân. Họ gật đầu hoặc nghiêm nghị đưa tay lên với những người mà họ biết đang đứng ở lối ra vào khi họ phóng xe trên con đường đầy cát bụi. Gã đội trưởng ngồi trong ca bin với người tài xế. Một vài con chó xuất hiện đuổi theo sau chiếc xe tải và tên tài xế quẹo tay lái đột ngột cốt để đẩy bọn chúng xuống lề và những tên lính chơi với bám lấy những thanh cấm, tên tài xế quay mặt lại nhìn họ xuyên qua ô cửa sổ của ca bin. Gã cười và tất cả bọn chúng cùng cười, thụi vào nhau hí hửng và rồi ngồi một cách nghiêm trang với những khẩu súng trường.

Họ rẽ xuống một con đường hẹp và dừng lại trước một ngôi nhà sơn màu xanh sáng. Gã đội trưởng cúi người trong ca bin và thối còi. Sau một hồi cánh cửa mở ra và một gã đàn ông xuất hiện. Gã ăn mặc khá lịch lãm theo phong cách cao bồi và gã dạo quanh chiếc xe. Gã đội trưởng bước ra và người đàn ông leo vào ca bin, gã đội trưởng vào theo rồi đóng cánh cửa lại và họ quay đầu xe.

Họ lái xuống con đường ngang qua ngôi nhà cuối cùng, bãi quây và cái chuồng bằng bùn cuối cùng. Họ băng ngang qua một khúc sông cạn nơi mặt nước lặng lẽ óng ánh như dầu trong những sắc màu của nó và rồi biến mất phía sau họ trước khi phần nước trên lớp xe tải tháo hết. Chiếc xe hì hục cố vượt ra vũng nước phía trên mặt đá lờm chờm của con đường và rồi đến chỗ bằng nó tiếp tục băng ngang qua vùng sa mạc trong ánh nắng xế trưa.

Những gã tù nhân nhìn bụi cuốn cuộn dưới chiếc xe và lớn vồn trên con đường và chầm chậm trôi đi ngang qua vùng sa mạc. Họ nằm xoài ra đó trên những tấm ván lót bằng gỗ sồi thô cứng của boong xe và cố giữ cho những tấm chắn được gập lại phía dưới họ. Đến chỗ ngã rẽ hình chữ Y họ hướng chiếc xe về phía đường mòn đưa họ đến Cuatro Cienagas và tiếp tục đến Saltillo bốn trăm cây số về hướng nam.

Blevins tháo tấm chắn của mình ra và xoài hai cánh tay lên gác phía dưới đầu. Nó nằm nhìn chằm chằm vào bầu trời sa mạc trong xanh nơi chẳng có mây, chẳng có chim chóc. Khi nó mở miệng nói, tiếng nó run rẩy do sự va đập của boong xe vào cái lưng của nó.

- Này các anh. - Nó nói. - Ta đã từng đi qua đây và chuyến đi này sẽ rất dài.

Họ nhìn nó, họ nhìn nhau. Họ không nói liệu có phải như vậy không.

- Ông già nói phải mất cả ngày mới đến đó. - Blevins nói.
- Tôi đã hỏi ông ấy. Ông ấy nói cả ngày.

Trước buổi trưa họ dụng con đường chính dẫn ra khỏi Boquillas ở vùng biên giới và họ theo con đường dẫn vào vùng đất. Xuyên qua những khu làng San Guillermo, San Miguel, Tanque el Reves. Một vài phương tiện cơ giới mà họ gặp trên con đường nóng bức nhiều vết rãnh này bằng qua một trận bão bụi và đất đá. Những gã nài trên boong xe ngoảnh mặt đi, mắt dán vào tay áo. Họ dừng ở Ocampo và dỡ vài thùng hàng cùng vài bức thư tín xuống rồi tiếp tục lái về El Oso. Trước buổi chiều, họ tạt vào một quán cà phê nhỏ nằm ngoài mặt đường và đám lính xuống xe, bước vào cùng

những khẩu súng. Tù nhân bị xích ngồi trên boong xe. Trong cái sân đất bùn, vài đứa trẻ đang chơi đùa cũng dừng lại để nhìn họ. Một con chó trắng trơ xương có vẻ như đang đợi một chuyến ghé lại như thế này, nó xuất hiện và giơ chân tè hồi lâu vào bánh sau xe tải rồi quay đi.

Khi bước ra khỏi xe, những tên lính cười và cuốn thuốc. Một trong số đó mang ba chai soda và đưa cho những anh tù rồi đứng đợi trong lúc họ đang uống. Khi gã đội trưởng xuất hiện ở cánh cửa ra vào, bọn chúng lại lên xe. Tên lính lấy lại những cái chai bước ra ngoài rồi đến gã đàn ông trong y phục cao bồi và đến anh tài xế. Khi tất cả họ đã yên vị trên xe, gã đội trưởng bước qua đồng sỏi và trèo vào ca bin rồi họ tiếp tục đi.

Tại Cuatro Cienegas, họ dựng con đường lát gạch bằng phẳng và rẽ sang hướng nam đến Torreon. Một trong những tên lính đứng dậy và vúi vào vai của người bạn đồng hành của hắn đang ngoái nhìn biển báo giao thông ở phía sau. Hắn ta lại ngồi xuống và họ liếc nhìn những anh tù, rồi ngồi nhìn ra vùng đất khi chiếc xe tăng tốc. Một giờ sau họ mất hút khỏi con đường, chiếc xe tải nặng nề di chuyển trên con đường mòn sỏi đá bằng qua những cánh đồng cuộn cuộn, những bãi đất hoang mênh mông vốn là điển hình của một vùng đất nơi những dã thú mang màu sắc của sáp nến xuất hiện từ những con lạch vào ban đêm để kiếm ăn như những thú linh xa lạ. Những đám mây tích mùa hè đang hình thành ở hướng bắc, Blevins nhìn chăm chăm về phía chân trời đầy những tia sét mỏng manh và rồi nó nhìn vào cơn gió bụi chỉ để biết chiều của gió. Họ băng ngang qua đáy một con sông rộng lớn đầy sỏi đá, khô ráo và một màu trắng muốt dưới ánh

nặng mặt trời. Họ hì hục trèo lên một đồng cỏ, những bụi cỏ mọc cao ngập bánh xe, cỏ lướt phía dưới xe tạo ra những âm thanh xào xạc. Họ tiếp tục đi vào một lùm cây mun và xua đuổi một đôi diều hâu đang làm tổ và chạy vào sân trong của một trại gia súc, một khu đất hình tứ giác gồm những ngôi nhà bằng đất bùn và những vết tích của chuồng cừu.

Không ai trên boong xe cử động. Gã đội trưởng mở cánh cửa và bước ra ngoài. - Đi nào. - Gã nói.

Bọn chúng xuống xe cùng với những khẩu súng. Blevins nhìn vắn vớ về những tòa nhà đổ nát.

- Đây là đâu? - Nó hỏi.

Một trong những tên lính dựa khẩu súng của hắn vào chiếc xe, lặn mò sâu chìa khóa, đến mở sợi xích và ném cái đầu dây vừa mới mở lên boong xe rồi cầm lấy khẩu súng và ra dấu cho những anh tù bước xuống. Gã đội trưởng cử một trong những tên lính đi do thám xung quanh và họ đứng đợi hắn trở lại. Gã cao bồi đứng tựa vào tấm chắn trước của chiếc xe với ngón tay cái tì vào chiếc nịt da có khắc chữ, hút thuốc.

- Chúng ta làm gì ở đây? - Blevins nói.

- Tao không biết. - John Grady nói.

Tên tài xế vẫn chưa bước xuống xe. Hắn ngồi sụp xuống, ngã lưng vào ghế, chiếc mũ trùm kín mắt và có vẻ như hắn đang muốn ngủ.

- Tôi phải đi xa. - Rawlins nói.

Họ bước ra ngoài xuyên qua bãi cỏ, Blevins khập khiễng theo sau. Chẳng ai nhìn họ. Tên lính quay trở lại và báo cáo

với gã đội trưởng. Gã cầm lấy khẩu súng của tên lính và đưa nó cho tên cao bồi và hần nhắc nhắc khẩu súng trong tay như thể đó là một khẩu súng đồ chơi. Những anh tù rời rạc từng người một trở về lại chiếc xe tải. Blevins ngồi hơi cách xa. Gã cao bồi nhìn nó và rồi cầm lấy điều thuốc từ trong miệng ném xuống cỏ và giẫm lên. Blevins đứng dậy và đi ra sau xe, nơi John Grady và Rawlins đang đứng.

- Họ chuẩn bị làm gì vậy? - Nó hỏi.

Tên lính không có súng bước đến sau xe.

- Đi nào. - Hắn nói.

Rawlins đang tựa người vào boong xe bèn đứng dậy.

- Chỉ thẳng này thôi. - Tên lính nói. - Nào.

Rawlins nhìn John Grady.

- Họ sẽ làm gì? - Blevins nói.

- Họ chẳng làm gì cả. - Rawlins nói.

Nó nhìn John Grady. John Grady không nói gì cả. Tên lính với tóm lấy cánh tay của Blevins. Đi nào. - Hắn nói.

- Đợi một chút. - Blevins nói.

- Họ đang đợi. - Tên lính nói.

Blevins vịn vịn người ra khỏi nắm ghi của tên lính và ngồi xuống đất. Khuôn mặt của hắn sa sầm lại. Hắn nhìn về phía trước của chiếc xe tải, nơi gã đội trưởng đang đứng. Blevins giật mạnh một chiếc ủng ra khỏi chân và thọc tay vào trong đó. Nó kéo ra một miếng đế trong màu đen và ướt đẫm mồ hôi rồi ném đi và lại chồm xuống. Tên lính cúi người tóm lấy cánh tay khẳng khiu của nó. Hắn kéo Blevins

đứng dậy. Blevins quạt quạt tay như cố để đưa một cái gì đó cho John Grady.

- Đây này. - Nó rít lên.

John Grady nhìn nó. - Tao cần gì thứ đó? - Cậu nói.

- Cầm lấy. - Blevins nói.

Nó dúi vào tay cậu một nắm giấy bạc peso nhàu nát và dơ bẩn. Tên lính xốc mạnh cánh tay nó rồi đẩy nó về trước. Chiếc ủng rơi xuống mặt đất.

- Đợi đã. - Blevins nói. - Tôi cần lấy chiếc ủng của tôi.

Nhưng tên lính đẩy nó ngang qua chiếc xe và nó như thiếu khí lực, nó nhìn lại một lần nữa cảm lạnh và hoảng sợ và rồi tiếp tục cùng với gã đội trưởng và tên cao bồi bước qua bãi đất trống về phía những gốc cây. Gã đội trưởng đặt một cánh tay qua thằng bé, hoặc gã đưa bàn tay vào mông nó. Trông như một người cổ vấn tốt lành. Gã đàn ông kia bước phía sau họ, vác khẩu súng cùng Blevins khập khiễng trên một chiếc ủng biến mất vào những cây mun, chẳng khác gì lần họ nhìn thấy nó xuất hiện ở con lạch vào buổi sáng sau trận mưa lớn, tại một vùng đất xa lạ cách đây đã lâu.

Rawlins nhìn John Grady. Môi anh ta tê cứng. John Grady nhìn vóc dáng tả tơi nhỏ bé eo lá giữa những lùm cây cùng với những kẻ bắt giữ. Đối với cậu, đó dường như chưa đủ để trở thành mục tiêu phần nộ của con người. Dường như nó chẳng có gì đủ để châm ngòi cho bất cứ hành động táo bạo nào.

- Cậu không nói gì sao? - Rawlins nói.

- Không.

- Cậu không nói một lời chết tiệt nào sao?

John Grady quay mặt nhìn anh ta. Cậu nhìn những tên lính và nhìn nơi bọn chúng đang đứng, một vùng đất xa lạ, một chân trời xa lạ.

- Được rồi. - Cậu nói. - Tôi sẽ không nói.

Thình thoảng gã tài xế đi ra đi vào để xem những ngôi nhà. Những kẻ khác đứng, hai tên tù, ba tên lính trong những bộ quần áo nhàu nát. Một tên lính không có súng ngồi xổm xuống bên cạnh ngọn lửa. Họ đợi rất lâu. Rawlins nghiêng người và đặt hai nắm tay lên thành boong xe, trán anh ta cuối xuống và mắt nhắm chặt. Sau một hồi anh bật đứng dậy. Anh ta nhìn John Grady.

- Chúng chẳng thể đưa nó ra đó và bắn sao. - Anh ta nói.

- Quỷ tha ma bắt. Chắc là đưa nó ra đó và bắn.

John Grady nhìn anh ta. Anh vừa dứt lời thì phía bên kia những cây mun vang lại tiếng súng nổ. Không lớn lắm. Chỉ là một tiếng nổ ngắn gọn. Rồi một tiếng nữa.

Khi họ quay lại từ những gốc cây đó, gã đội trưởng cầm cái còng tay. - Đi nào. - Gã gọi lớn.

Những tên lính bước đi. Một trong số chúng đứng trên trục xe phía sau và xoay người trên những tấm ván boong xe để lấy sợi xích. Tên tài xế xuất hiện từ đồng trống nát của ngôi nhà.

- Chúng ta ổn rồi. - Rawlins thì thầm. - Chúng ta ổn.

John Grady không trả lời. Cậu với tay kéo vành trước của chiếc mũ nhưng cậu chợt nhớ ra họ không có mũ. Cậu quay lại và leo lên boong xe và ngồi đó để được xích lại. Chiếc ủng của Blevins vẫn còn nằm trên cỏ. Một trong những tên lính cúi xuống nhặt nó lên và ném nó vào bụi cỏ dại.

Khi họ vòng lại lùi ra khỏi bãi trống, trời đã chuyển tối và ánh nắng trải dài trên bãi cỏ ngang qua những vùng đầm lầy nơi mặt đất thấm vào những vùng đen của trời tối. Những con chim nhỏ bắt đầu đi kiếm ăn giữa cái lạnh lẽo của buổi tối trên một vùng đất bao la. Chúng vụt bay đi và xòe những đôi cánh trên đầu ngọn cỏ và những cái bóng nghiêng nghiêng của những con diều hâu, tương phản với bầu trời chạng vạng, đứng đợi chúng bay ngang qua trên những cành cao của một ngọn cây đã chết.

Họ vào đến Saltillo vào lúc mười giờ đêm, đám đông dân chúng đổ xô ra đi tản bộ, những quán cà phê chật cứng. Họ đậu xe trên một quảng trường nằm đối diện nhà thờ lớn, gã đội trưởng bước ra ngoài và băng qua đường. Có những lão già ngồi trên những băng ghế dài phía dưới ánh đèn vàng, giày đánh bóng và những tấm biển nhỏ lưu ý mọi người tránh xa những khu vườn cần được chăm sóc. Những người bán dạo đang bán những cây kem trái cây đông lạnh và những cô gái trẻ với những khuôn mặt đầy phấn, cặp kè nhau tay trong tay thành từng cặp và xoay mặt nhìn qua vai với những đôi mắt đen nhánh nghi ngờ. John Grady và Rawlins ngồi với những tấm chăn cuộn trong tay. Chẳng ai để tâm đến họ. Sau một hồi gã đội trưởng quay lại, trèo vào xe và họ lại tiếp tục đi.

Họ đi qua nhiều con đường và dừng lại trước những cánh cổng ra vào được tháp sáng mờ mờ, những ngôi nhà nhỏ và những cửa hiệu, cho đến khi tất cả những kiện hàng trên boong xe tải đã được phân tán hết và một vài cái mới được chất lên. Khi họ chạy xe vào cánh cửa lớn của nhà tù cũ ở Castelar, trời đã quá nửa đêm.

Họ được dẫn vào một cái phòng mặt sàn bằng đá bốc mùi thuốc tấy. Tên lính tháo còng cho họ và bỏ đi. Họ ngồi xồm xuống và dựa người vào tường với những tấm chắn vát vường trên vai như những gã hành khất. Họ ngồi như vậy một hồi lâu. Khi cánh cửa mở ra, gã đội trưởng bước vào và đứng nhìn họ dưới ánh sáng hắt hiu của chiếc bóng đèn rời rạc trên trần nhà. Gã không mang súng. Gã hất cằm, tên lính mở cánh cửa, rút lui rồi đóng cánh cửa phía sau gã.

Gã đội trưởng đứng nhìn họ, hai cánh tay khoanh lại và ngón tay cái dưới cằm. Những tên tù ngược mắt nhìn gã, họ nhìn hai bàn chân của gã, họ ngoảnh mặt đi. Gã đứng nhìn họ một hồi lâu. Tất cả dường như đang đợi một cái gì đó. Như những hành khách trong một chuyến tàu quá cảnh. Nhưng gã đội trưởng ngự trị trong một không gian khác và đó là không gian thuộc sự lựa chọn riêng của gã vốn chẳng thuộc thế giới thông thường của con người. Một không gian được ban phát cho những người đàn ông với kiểu cư xử không thể cải tạo được, cái không gian vốn chứa đựng tất cả những thế giới nhỏ bé song lại không có lối vào. Bởi vì những điều khoản lựa chọn này thuộc mục chính qui và ngay khi được chọn, thế giới đó không thể bỏ qua.

Gã đi tới đi lui. Gã đứng lại. Gã nói rằng tay thanh niên mà họ gọi là tên cao bồi đó đã suy sụp tinh thần ngay gốc cây mun phía bên kia đồng đồ nát của nhà trại. Anh trai của gã đã thiệt mạng trong tay tên giết người Blevins và gã đã trả tiền cho những cuộc đàn xếp mà chính gã đội trưởng này đã chấp nhận không ít đau thương để thực hiện.

- Thành này đã dẫn xác đến đây. Tao không đi đến nó. Nó đến tao. Nói về công lý. Nói về danh dự gia đình. Bọn

mày nghĩ đàn ông có thật sự muốn những điều này không? Tao không nghĩ có nhiều đàn ông muốn những thứ đó.

- Tao thậm chí cũng vô cùng ngạc nhiên. Tao ngạc nhiên. Chúng ta không ai chết ở đây vì những tội phạm cả. Những cuộc dàn xếp khác phải được thực thi. Tao nói với bọn mày về điều này bởi vì bọn mày rồi cũng sẽ tự dàn xếp.

John Grady nhìn lên.

- Bọn mày không phải là những người Mỹ đầu tiên đến đây. - Gã đội trưởng nói. - Ở nơi này. Tao có những người bạn ở đây và bọn mày sẽ thực hiện những cuộc dàn xếp với những người đó. Tao không muốn bọn mày gây lỗi lầm.

- Chúng tôi không có tiền. - John Grady nói. - Chúng tôi không có ý định thực hiện bất cứ cuộc dàn xếp nào.

- Xin lỗi tội bây nhưng tao biết rồi bọn mày sẽ làm. Bọn mày không biết gì cả.

- Các ông đã làm gì với những con ngựa của chúng tôi.

- Lúc này chúng ta không nói chuyện về ngựa. Những con ngựa phải đợi sau. Những chủ nhân đích thực phải được tìm thấy cho những con ngựa này.

Rawlins nhìn John Grady một cách chán chường. - Câm mồm lại đi. - Anh ta nói.

- Hẳn có thể nói. - Gã đội trưởng nói. - Tốt hơn là khi mọi người hiểu. Bọn mày không thể ở đây. Nơi này. Ở đây bọn mày sẽ chết. Rồi nhiều vấn đề khác xảy đến. Chúng từ bị đánh mất. Con người không thể tìm thấy. Một số người đến đây để tìm một gã đàn ông nào đó nhưng hẳn không có ở đây. Không ai có thể tìm thấy những tờ giấy này. Một điều

gì đó như thế. Bọn mày hiểu chứ. Không ai muốn rắc rối này cả. Ai có thể nói rằng một người nào đó ở đây? Chúng ta không có xác hân. Một kẻ điên khùng nào đó, hân có thể nói Chúa đang ở đây. Nhưng mọi người đều biết rằng Chúa không ở đây.

Gã đội trưởng rút ra một tay găng mạnh vào cánh cửa bằng cái đốt ngón tay.

- Các ông không cần phải giết nó. - John Grady nói.

- Cái gì?

- Các ông lẽ ra có thể mang nó về lại. Mang nó về lại chiếc xe tải. Các ông không cần phải giết nó.

Một chùm chìa khóa lách cách bên ngoài. Cánh cửa mở. Gã đội trưởng đưa một tay lên ra dấu cho ai đó không nhìn thấy ở hành lang nửa tối nửa sáng.

- Đợi một tí. - Gã nói.

Gã quay người lại và đứng nhìn họ.

- Tao sẽ kể cho bọn mày nghe một câu chuyện. - Gã nói.

- Bởi vì tao thích bọn mày. Tao cũng từng là một thanh niên trẻ như bọn mày. Bọn mày biết đấy. Tao luôn ở cạnh những gã đàn ông già dặn hơn bởi vì tao muốn học hỏi. Tối hôm ấy trong lễ hội San Pedro thuộc thị trấn Linares ở Nuevo Leon tao cùng với những gã này. Họ uống rượu mùi Mexico cùng với những thứ khác - Bọn mày biết rượu mùi Mexico chứ? - Có một người đàn bà và tất cả những gã này đều đi ra ngoài với ả. Tao là người cuối cùng. Tao đi đến nơi ả và ả đã từ chối bởi vì ả cho rằng tao quá trẻ hoặc đại loại như thế.

- Một người đàn ông làm gì? Bọn mày biết đấy. Tao không thể quay lại bởi vì tất cả họ sẽ biết rằng tao không

đi với ả. Bởi vì sự thật luôn luôn rõ ràng. Bọn mày biết chứ. Một người đàn ông không thể đi ra ngoài để làm một chuyện gì đó và rồi quay lại. Tại sao lại quay lại? Bởi vì anh ta đổi ý chăng? Một người đàn ông không đổi ý.

Gã đội trưởng giờ nắm đấm.

- Có thể bọn họ bảo ả từ chối tao. Vì vậy họ có thể cười nhạo. Họ cho ả tiền hoặc một cái gì đó như thế. Khi tao trở lại, không còn tiếng cười nữa. Không ai cười cả. Đó luôn là cách thức của tao trong thế giới này. Tao là người mà mỗi bước chân của tao đến đâu ở đó chẳng có tiếng cười nhạo. Khi tao tới đó, họ ngưng cười.

Họ được dẫn lên bốn dãy bậc thang bằng đá và qua một cánh cửa thép dẫn ra một lối đi hẹp bằng sắt. Tên lính canh mỉm cười với họ trong ánh sáng của bóng đèn phía trên cánh cửa. Xa xa ngoài kia là bầu trời đêm của ngọn núi hoang sơ. Phía dưới họ là sân nhà tù.

- Đây được gọi là nhà tù lớn. - Gã nói.

Họ bước theo gã xuống lối đi hẹp. Một cảm nhận về cuộc sống im lìm và hiểm ác chìm sâu trong những cái chuồng đen tối mà họ băng ngang qua. Đây đó dọc theo những dãy bậc của lối đi ở xa bên kia sân là những tia sáng mờ mờ chiếu ra từ những khe lưới của xà lim, nơi những ngọn nến tạ ơn cháy suốt đêm dài trước ngày lễ tạ ơn các thánh. Tiếng chuông trên tháp nhà thờ lớn cách đó ba khu đất vang lên với sự trang nghiêm vừa sâu lắng vừa mang chất phương Đông.

Họ bị giam trong một cái xà lim ở góc cao nhất của nhà tù. Cánh cửa làm bằng những thanh sắt lạnh lạnh đóng lại và

cái chốt cửa kêu canh cách. Họ lắng nghe khi tên lính quay ra, cánh cửa sắt đóng lại và rồi tất cả trở nên thình lạng.

Họ ngủ trên những chiếc giường sắt được xích vào những vách tường trên những tấm nệm dính đầy dầu mỡ, bẩn thỉu và lúc nhúc rệp. Sáng hôm sau họ leo xuống bốn dây cầu thang làm bằng những chiếc thang thép để vào sân trong và đứng cùng với những tù nhân khác chờ gọi tên nhận phần điểm tâm. Danh sách được gọi theo từng dãy nhưng phải mất hơn một giờ đồng hồ, tên họ mới được gọi đến.

- Tôi đoán chúng ta không phải ở đây. - Rawlins nói.

Bữa điểm tâm của họ là món bột bắp lỏng và chẳng có gì khác, sau đó họ chỉ được thả lỏng ở sân để tự lo liệu. Họ trải qua trọn ngày đầu tiên đấu tranh và cuối cùng khi bị nhốt lại trong xà lim vào ban đêm, họ nhuốm máu và kiệt sức, mũi Rawlins gãy và sưng vù. Nhà tù chẳng khác gì một ngôi làng nhỏ có tường bao quanh, trong đó luôn náo động với những vụ đối chác và mua bán từ những chiếc đài phát thanh và chăn đắp cho đến những hộp diêm, khay nút, đinh giày và ngay trong cuộc đối chác này vẫn tồn tại một sự giằng co liên tục về thân thể và địa vị. Phía dưới tất cả những cái được coi là chuẩn mực tài chính trong xã hội thương mại là căn nguyên của đối trụy và bạo lực, nơi một hệ thống xã hội bình quân tuyệt đối, từng người một được xét đoán bởi một chuẩn mực duy nhất và đó là cái sẵn sàng để bị tiêu diệt.

Họ ngủ và sáng hôm sau trời bắt đầu mưa. Họ dựa lưng vào nhau chiến đấu và đỡ nhau lên rồi lại chiến đấu. Đến trưa Rawlins không thể nhai được nữa. - Bọn chúng sẽ giết chết chúng ta. - Anh nói.

John Grady nghiền những hạt đậu bằng nước trong một cái lon thiếc cho đến khi nó nhão như cháo rồi đẩy qua cho Rawlins.

- Cậu nghe này. - Cậu nói. - Đừng để phải làm điều đó. Cậu nghe tôi chứ? Tôi muốn làm cho chúng phải giết tớ. Tôi chẳng mang theo được gì. Bọn chúng hoặc là giết chúng ta hoặc chúng ta được yên. Không có mảnh đất chung.

- Không có nơi nào gây cho tôi đau đớn cả.

- Tôi biết. Tôi biết và tôi chẳng đếm xia.

Rawlins húp bột cháo. Anh ta nhìn John Grady từ phía trên vành lon. - Cậu trông giống một thằng điên. - Anh ta nói.

John Grady cười có vẻ giễu cợt. - Thế cậu nghĩ cậu giống cái thứ chết tiệt nào?

- Quỷ tha ma bắt, giá mà tôi biết.

- Cậu phải mong sao cho cậu càng giống thằng điên càng tốt.

- Tôi không thể cười. Tôi nghĩ quai hàm của tôi bị vỡ rồi.

- Chẳng có gì xấu với cậu cả.

- Chết tiệt. - Rawlins nói.

John Grady cười. - Cậu có nhìn thấy cái thằng già to bự đứng kia đang nhìn chúng ta không?

- Tôi thấy cái thằng khốn đó rồi.

- Coi hắn đang nhìn về chúng ta này?

- Thấy rồi.

- Cậu nghĩ tôi sẽ làm gì?

- Tôi chẳng biết gì trong cái thế giới này.
- Tôi sẽ đứng dậy khỏi đây, đến đó và đập vỡ mồm hắn.
- Quý tha ma bắt cậu đi.
- Cậu xem này.
- Để làm gì chứ?
- Chỉ ngáng chân hắn ngã xuống thôi.

Khoảng cuối ngày thứ ba dường như lắng dịu khá nhiều. Cả hai người gần như trấn trụ. John Grady bị một chiếc vớ đựng đầy đá sỏi tấn công đột ngột từ phía sau, lấy đi hai chiếc răng hàm dưới của cậu, con mắt trái bị đóng lại hoàn toàn. Ngày thứ tư đúng vào chủ nhật và họ mua quần áo bằng tiền của Blevins. Họ mua một thời xa phòng và đi tắm. Họ mua một lon xúp cà chua, hâm nóng bên trên chân nến và lấy cánh tay áo cũ nát của Rawlins bao xung quanh để làm quai cầm rồi chuyển cho nhau trong lúc mặt trời lặn trên bức tường cao phía tây của nhà tù.

- Cậu biết đấy, chúng ta có thể làm được chuyện đó. - Rawlins nói.

- Đừng bắt đầu thoải mái như vậy. Chúng ta hãy đối phó với từng ngày.

- Cậu nghĩ phải mất bao nhiêu tiền để ra khỏi đây?
- Tôi không biết. Tôi nghĩ là nhiều.
- Tôi cũng vậy.

- Chúng ta không nghe từ những người thân cận của gã đội trưởng ở đây. Tôi cho rằng họ đang đợi để xem liệu có gì còn lại để bảo lãnh không.

Cậu đưa cái lon về phía Rawlins.

- Cạn đi. - Rawlins nói.

- Cầm lấy. Chỉ còn được một hộp.

Cậu cầm lấy cái lon và nốc cạn rồi đổ một ít nước vào, lắc mạnh và uống. Cậu ngồi nhìn cái lon trống rỗng.

- Nếu họ nghĩ chúng ta có tiền, tại sao họ không ưu đãi hơn đối với chúng ta? - Cậu nói.

- Tôi không biết. Tôi biết họ không cai quản nơi này. Tất cả những gì họ làm là cái gì vào và cái gì ra.

- Nếu thế. - Rawlins nói.

Những ánh đèn pha tỏa sáng từ những bức tường phía trên. Những bóng người di chuyển trong sân, đứng yên và rồi tiếp tục di chuyển.

Còi bắt đầu thổi.

- Chúng ta có được vài phút.

- Tôi không bao giờ biết có một nơi như thế này.

- Tôi nghĩ mỗi nơi một kiểu mà cậu có thể nghĩ đến.

Rawlins gật đầu. Tôi không nghĩ về nơi này. - Anh nói.

Trời đang mưa ở một nơi nào đó trong sa mạc. Họ có thể ngửi thấy mùi creosote ẩm ướt trong gió. Ánh đèn tỏa sáng trong một ngôi nhà bằng khối than xỉ tạm bợ được xây dính vào một góc tường của nhà tù nơi một tù nhân giàu có sống như một ông hoàng bị đầy ải với người đầu bếp và viên cận vệ. Có một tấm màn cửa màu xanh trước nhà và một bóng người đi qua đi lại phía sau. Trên sợi dây phơi quần áo có những bộ đồ của tù nhân bay lất phất trong làn gió nhẹ ban đêm. Rawlins gật đầu về phía những ánh đèn.

- Cậu gặp hân chưa?
- Có. Một lần. Một tối nọ hân đứng ở cánh cửa, hút xì gà.
- Cậu có biết một biệt ngữ nào ở đây không?
- Một ít.
- Thế từ *pucha* là gì?
- Tàn thuốc.
- Còn từ *tecolata*?
- Cùng một nghĩa.
- Vậy họ có bao nhiêu từ để gọi cái tàn thuốc?
- Tôi không biết. Cậu có biết *papazote* là gì không?
- Không, gì vậy?
- Một ông trùm.
- Đó là biệt danh họ đặt cho gã đang ở đằng kia kia.
- Ừ.
- Chúng ta là những người Pháp.
- Những cái dùi trống.
- Những thằng ngu.
- Bất kỳ ai cũng có thể là một thằng ngu. - John nói.
- Thế à? Vâng, chúng ta là những người ngu nhất ở đây.
- Tôi không phản bác điều đó.

Họ ngồi.

- Cậu đang nghĩ gì vậy? - Rawlins nói.
- Nghĩ về việc phải chịu đau đớn tới mức nào nữa để đứng dậy từ chỗ này.

Rawlins gật đầu. Họ quan sát những tên tù di chuyển phía dưới ánh sáng của những bóng đèn.

- Tất cả cũng chỉ một con ngựa chết tiệt. - Rawlins nói.

John Grady cúi người và phun nước bọt giữa hai chiếc ủng và rồi ngã người ra sau. - Ngựa chẳng có liên quan gì đến đây cả. - Cậu nói.

Đêm đó họ nằm trong xà lim trên những chiếc giá bằng sắt trông chẳng khác gì những gã thấy tu mới vào. Họ lắng nghe sự tĩnh mịch và một tiếng ngáy liên hồi ở đâu đó trong tòa nhà cùng tiếng chó sủa yếu ớt từ đằng xa, và rồi thình lặn, lặn nghe tiếng thở của nhau trong sự thình lặn mà cả hai vẫn còn thức.

- Chúng ta là hai thằng cao bồi khá cứng cỏi. - Rawlins nói.

- Phải. Có thể là vậy.

- Họ có thể giết chúng ta bất cứ lúc nào.

- Vâng. Tôi biết.

Hai ngày sau tên trùm cho mời họ đến. Tối hôm đó, một người đàn ông cao và mảnh khảnh bước ngang qua sân trong đến nơi họ đang ngồi. Gã cúi xuống, yêu cầu họ đi theo gã rồi đứng dậy và bước nhanh đi. Gã thậm chí cũng không ngoảnh mặt nhìn lại để xem liệu họ có đứng dậy để bước theo không.

- Cậu định làm gì đây? - Rawlins nói.

John Grady nặng nề đứng dậy và dùng một tay phủi bụi ở phía sau mông quần.

- Cố mà nâng cái mông của cậu khỏi đó đi. - Cậu nói.

Tên của người đàn ông đó là Perez. Ngôi nhà của gã là một căn phòng đơn, chính giữa là một chiếc bàn gấp bằng thiếc và bốn cái ghế. Sát bức tường là một chiếc giường sắt nhỏ và trong góc là một cái tủ đựng đồ ăn và một cái kệ với một vài chiếc đĩa và một cái bếp ga ba lò. Perez đứng nhìn ra sân qua cánh cửa sổ nhỏ. Khi quay lại, gã đưa hai ngón tay ra dấu và người đàn ông dẫn họ đến bước lui rồi đóng cửa lại.

- Tên tôi là Emilio Perez. - Gã nói. - Xin mời ngồi.

Họ kéo ghế và ngồi ở bàn. Mặt sàn của căn phòng được làm từ những tấm ván nhưng chúng chưa được đóng lại. Những khối gạch trên tường không được trát vữa và những thanh xà gỗ bằng gỗ chưa được bào nhẵn được gác tạm bợ trên dàn mái, những tấm tôn bằng thiếc phía trên được giữ bởi những khối gạch chất dọc theo mép rìa. Vài người đàn ông có thể đã tháo ra và sửa lại kết cấu trong nửa tiếng đồng hồ. Song vẫn có một bóng đèn điện và một lò sưởi bằng khí đốt. Một tấm thảm. Những bức ảnh cắt ra từ tấm lịch được ghim vào những bức tường.

- Này, các anh bạn trẻ. - Gã nói. - Các cậu thích thú với việc đánh nhau ở đây lắm phải không?

Rawlins định mở miệng nói nhưng John Grady đã cắt lời anh ta. Vâng. - Cậu nói. - Chúng tôi rất thích.

Perez cười. Gã trạc bốn mươi với mái tóc điểm bạc và râu quai nón, duyên dáng và gọn gàng. Gã kéo chiếc ghế thứ ba và bước qua thành ghế với cử chỉ vụng về có chủ ý rồi ngồi xuống, hai khuỷu tay chống lên bàn. Cái bàn được sơn màu xanh với logo của một công ty bia có thể nhìn thấy một phần xuyên qua lớp sơn. Gã chấp tay lại.

- Toàn là đánh nhau. - Gã nói. - Các cậu ở đây bao lâu rồi?

- Khoảng một tuần.

- Các cậu định ở bao lâu nữa?

- Chúng tôi chưa bao giờ muốn đến đây cả. - Rawlins nói. - Tôi không tin là kế hoạch của chúng tôi lại dính líu nhiều đến nơi này.

Perez cười. Người Mỹ không ở lâu với chúng tôi. - Gã nói. - Thịnh thoảng họ đến đây vài tháng. Hai hoặc ba. Rồi họ bỏ đi. Cuộc sống ở đây chẳng thú vị gì đối với người Mỹ. Họ cũng chẳng ưa gì.

- Ông có thể đưa chúng tôi ra khỏi đây?

Perez giang hai bàn tay ra và nhún vai. Vâng. - Gã nói. - Dĩ nhiên tôi có thể làm được.

- Tại sao ông không tự đưa mình ra khỏi đây? - Rawlins hỏi.

Gã ngả người ra sau. Gã lại cười. Cử chỉ vung hai bàn tay đột ngột ra ngoài của gã như xưa đuổi chim phù hợp một cách kỳ lạ với vẻ bị giam cầm bình thường của gã. Như thế gã nghĩ đó là một cử chỉ của người Mỹ mà họ sẽ hiểu.

- Tôi có những kẻ thù chính trị. Còn chuyện khác ư? Hãy để tôi thẳng thắn với các cậu. Tôi cũng chẳng muốn ở đây lắm. Tôi phải có tiền để tự dàn xếp cho mình và đây là một thương vụ rất đắt đỏ. Một thương vụ tốn nhiều tiền.

- Ông đang đào phải một cái hố khô. - John Grady nói. - Chúng tôi không có tiền.

Perez nhìn họ với vẻ nghiêm nghị.

- Nếu không có tiền, làm sao các cậu có thể được phóng thích khỏi nơi giam cầm của mình?

- Ông nói chúng tôi biết đi.

- Chẳng có gì để nói cả. Không có tiền, các cậu không thể làm được gì.

- Vậy tôi đoán là chúng tôi sẽ không đi đâu được cả.

Perez nhìn họ. Gã cúi người về trước và gập hai bàn tay lại. Gã dường như đang tìm cách để sắp xếp mọi thứ.

- Đây là công việc hệ trọng. - Gã nói. - Các cậu không hiểu cuộc sống ở đây. Các cậu nghĩ sự giằng co là vì những thứ này. Một vài sợi dây giày hoặc vài điều thuốc hoặc một cái gì đó. Sự giằng co. Đây là một quan điểm ngờ nghệch. Các cậu có biết thế nào là ngờ nghệch không? Một quan điểm ngờ nghệch. Nhưng thực tế bao giờ cũng ngược lại. Các cậu không thể ở lại nơi này và không thể là những con người độc lập. Các cậu không biết tình cảnh ở đây là thế nào đâu. Các cậu không nói được ngôn ngữ của họ.

- Anh ta nói được. - Rawlins nói.

Perez lắc đầu. Không. - Gã nói. - Các cậu không nói được. Có thể trong một năm ở đây các cậu có thể hiểu được. Nhưng các cậu không có năm nào cả. Các cậu không có thời gian. Nếu các cậu không chứng tỏ lòng tin ở tôi, tôi không thể giúp. Hiểu chứ? Tôi không thể tỏ rõ sự giúp đỡ của tôi cho các cậu.

John Grady nhìn Rawlins. - Sẵn sàng rồi chứ, anh bạn?

- Rồi. Tôi đã sẵn sàng.

Họ đẩy lùi những chiếc ghế và đứng dậy.

Perez ngược mặt nhìn họ. - Mời các cậu ngồi xuống. -
Gã nói.

- Chẳng có gì để ngồi đây.

Gã gõ những ngón tay lên bàn. Các cậu thật ngốc nghếch.
- Gã nói. - Thật ngốc nghếch.

John Grady đứng, bàn tay đặt ở cánh cửa. Cậu quay lại nhìn Perez. Khuôn mặt cậu méo mó, cảm phị ra và đôi mắt vẫn còn sưng húp khép lại, tím bầm như quả mận.

- Tại sao ông không cho chúng tôi biết chuyện gì đang diễn ra ngoài kia? - Cậu nói. - Ông nói về việc chúng tỏ lòng thành. Nếu chúng tôi không biết, tại sao ông không cho chúng tôi biết?

Perez vẫn không đứng dậy khỏi chiếc bàn. Gã ngả người ra sau và nhìn họ.

- Tôi không thể cho các cậu biết. - Gã nói. - Đó là sự thật. Tôi có thể nói những điều chắc chắn về những người đang thuộc dưới quyền che chở của tôi. Nhưng còn những người khác?

Gã làm một cử chỉ khước từ nhỏ bằng mu bàn tay.

- Những người khác đơn giản kẻ đứng ngoài. Họ sống trong một thế giới của cái có thể vốn chẳng có đoạn kết. Chúa có thể biết những gì hình thành từ trong họ. Nhưng tôi thì không thể.

Sáng hôm sau, trong lúc đi ngang qua sân trong, Rawlins bị một gã đàn ông tay cầm dao tấn công. Gã đàn ông này Rawlins chưa gặp bao giờ và con dao không phải được mài từ một cái thìa để sử dụng trong nhà mà là một lưỡi dao bấm

của người Ý có cán bằng sừng màu đen và chất liệu lót bằng kền. Hắn cầm con dao ở ngang hông và phang ba nhát qua áo của Rawlins và trong ba lần đó, Rawlins nhảy lùi về phía sau, hai vai khom xuống, hai cánh tay ve vẩy như trọng tài ra hiệu dừng trận đấu vì máu chảy. Ở nhát đâm thứ ba, anh ta quay người bỏ chạy. Một tay chằng vào bụng, chiếc áo thấm ướt và kết nhầy.

Khi John Grady bước đến, anh ta đang ngồi dựa tường, hai cánh tay choàng qua bụng và run rẩy như thể lạnh cóng. John Grady quỳ xuống và cố kéo tay anh ta ra.

- Để tôi xem nào, chết tiết.

- Thằng khốn. Thằng khốn kiếp.

- Để tôi xem nào.

Rawlins ngả người ra sau. Ôi, chết tiết. - Anh nói.

John Grady nâng chiếc áo thấm đầy máu lên.

- Không tệ lắm. - Cậu nói. - Không tệ lắm.

Cậu khum bàn tay thành hình cái chén và chộp vào bụng của Rawlins để chặn máu lại. Vết đâm thấp nhất là vết sâu nhất. Nó cắt đứt lớp biểu bì bên ngoài nhưng chưa chọc thủng vành bao tử. Rawlins nhìn xuống những vết cắt. - Tệ quá. - Anh ta nói. - Thằng khốn.

- Cậu có thể bước đi được không?

- Được, tôi có thể.

- Nào, đi đi.

- Ôi, chết tiết. - Rawlins nói. - Thằng khốn kiếp.

- Nào, anh bạn. Cậu có thể ngồi đây.

Cậu giúp Rawlins ngồi xuống.

- Nào. - Cậu nói. - Tôi giúp cậu nhé.

Họ băng ngang qua sân đến cổng trại. Tên lính canh nhìn ra ngoài qua cái lỗ phá dây. Gã nhìn John Grady rồi nhìn Rawlins. Rồi gã mở cổng và John Grady chuyển Rawlins vào tay những kẻ giam cầm.

Họ đặt anh ta ngồi lên ghế và cho mời cai ngục. Máu nhỏ giọt từ từ xuống mặt sàn bằng đá dưới chân. Anh ta ngồi hai tay ôm lấy bụng. Sau một hồi, có người đưa cho anh ta cái khăn tắm.

Những ngày sau đó, John Grady ít tới lui trong trại. Cậu lùng khắp mọi nơi để tìm kẻ đâm mướn, người thường xuất hiện giữa những cặp mắt vô danh tánh. Không có gì xảy ra. Cậu có một vài người bạn tù. Một ông già đến từ tiểu bang Yucatan, kẻ nằm ngoài những nhóm băng đảng nhưng lại được đối xử với sự kính trọng. Một người Ấn Độ da đen từ Sierra Leon. Hai anh em sinh đôi Bautista, họ đã giết và đốt xác một cảnh sát ở Monterrey rồi bị bắt cùng với người anh cả đang mang đôi giày của viên cảnh sát. Tất cả đều nhất trí rằng Perez là một người đàn ông mà quyền lực của gã chỉ có thể dự đoán. Một số người nói rằng gã không những không bị giam trong tù mà có thể đi ra ngoài vào ban đêm. Gã có vợ và gia đình ở thị trấn. Một cô hầu gái.

Cậu cố moi móc tin tức về vụ Rawlins từ những tên lính canh nhưng bọn chúng thừa nhận là không biết gì cả. Vào buổi sáng ngày thứ ba sau vụ Rawlins bị đâm, John băng ngang qua sân tù và gõ cửa phòng Perez. Tiếng nói đều đều trong sân trại phía sau cậu hầu như câm lặng hoàn toàn. Cậu có thể cảm nhận những đôi mắt đang dán vào mình và khi

tay phụ tá cao to của Perez mở cánh cửa, gã nhìn cậu và rồi phóng cái nhìn bao quát cả sân trại phía sau John Grady.

- Tôi muốn nói chuyện với ông Perez. - John Grady nói.

- Về chuyện gì?

- Về bạn tôi.

Gã đóng cửa lại. John Grady đợi. Sau một hồi cánh cửa lại mở. - Vào đi. - Tay phụ tá nói.

John Grady bước vào phòng. Tay phụ tá của Perez đóng cánh cửa lại rồi đứng dựa đó. Perez ngồi ở bàn.

- Tình trạng của bạn anh thế nào? - Gã hỏi.

- Đó là điều khiến tôi đến hỏi ông đây.

Perez cười.

- Mời ngồi.

- Anh ta sẽ sống chứ?

- Ngồi xuống nào. Tôi van cậu đấy.

Cậu bước lại bàn, kéo ghế và ngồi xuống.

- Có thể cậu cần một ít cà phê.

Không, cảm ơn.

Perez ngả người ra sau.

- Cho tôi biết tôi có thể làm gì cho cậu. - Gã nói.

- Ông có thể cho tôi biết tình hình bạn tôi thế nào.

- Nhưng nếu tôi trả lời câu hỏi này, cậu sẽ chuồn mất.

- Chứ ông muốn tôi ở đây để làm gì?

Perez cười. - Chúa tôi. - Gã nói. - Để kể cho tôi nghe những câu chuyện về cuộc sống tù tội của cậu. Dĩ nhiên.

John Grady nhìn gã.

- Cũng như tất cả những kẻ giàu có khác. - Perez nói. -
Sự khát khao duy nhất của tôi là được phục vụ.

- Ông chơi trò "thấu cáy" tôi đấy à?

- Phải. Trong tiếng Anh cậu nói là cái chân đấy, tôi tin
là như vậy.

- Vâng. Ông là người có tiền của?

- Không. Chỉ là trò đùa. Tôi thích thực hành tiếng Anh.
Giết thời gian. Cậu học tiếng Tây Ban Nha ở đâu?

- Ở quê.

- Texas à?

- Phải.

- Cậu học từ những người giúp việc.

- Chúng tôi không có người giúp việc. Chúng tôi thuê họ
làm việc ở trang trại.

- Cậu đã bao giờ đi tù chưa?

- Chưa.

- Cậu là con cừu đen à?

- Ông chẳng biết gì về tôi.

- Có lẽ là không. Hãy cho tôi biết, tại sao cậu tin rằng
cậu có thể được giải thoát khỏi sự giam cầm bằng một cách
khác thường?

- Tôi đã nói với ông rằng ông đang đào một cái lỗ khô
hốc. Ông không biết tôi tin vào điều gì.

- Tôi biết nước Mỹ. Tôi đã nhiều lần sống ở đó. Các người giống những tên Do Thái. Luôn luôn có một người họ hàng giàu có. Cậu đã từng ở nhà tù nào?

- Ông biết rồi đó, tôi chưa đi tù bao giờ. Rawlins đâu?

- Cậu nghĩ tôi chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra cho bạn cậu. Nhưng lần này không phải thế.

- Ông nghĩ tôi đến đây để trao đổi mua bán sao? Tất cả những gì tôi muốn là biết chuyện gì đã xảy ra cho anh ấy.

Perez gật đầu ra chiều suy nghĩ lung lăm. - Ngay cả một nơi mà chúng ta quan tâm đến những điều cơ bản như thế này, suy nghĩ của người Anglo cũng khép kín. Có lúc tôi nghĩ đó chỉ là cuộc sống đặc ân của họ. Nhưng không phải. Đó là ý nghĩ của họ.

Gã ngồi ngã người ra sau một cách thoải mái. Gã gõ tay vào thái dương. - Không phải họ khờ. Mà chính là cái nhìn của họ về thế giới này chưa hoàn hảo. Theo một cách hiếm thấy này. Họ chỉ nhìn nơi nào muốn nhìn. Cậu hiểu tôi chứ?

- Tôi hiểu.

- Tốt. - Perez nói. - Thông thường tôi có thể biết một người đàn ông thông minh như thế nào qua cách kẻ đó cho tôi là khờ khạo.

- Tôi không nghĩ ông khờ khạo. Tôi chỉ không thích ông.

- À. - Perez nói. - Tốt lắm. Tốt lắm.

John Grady nhìn tên phụ tá của Perez đang đứng dựa cửa. Gã đứng khép mắt lại, chẳng nhìn vào đâu cả.

- Gã không hiểu những gì chúng ta đang nói. - Perez nói.

- Cứ thoải mái bày tỏ về cậu đi.

- Tôi đã bày tỏ rồi đó.

- Ừ.

- Tôi phải đi đây.

- Cậu nghĩ cậu có thể đi khi tôi không muốn cho cậu đi à?

- Vâng.

Perez mỉm cười. - Cậu là thằng chém mướn.

John Grady ngả người ra sau.

- Một nhà tù trông giống - ông cho nó giống gì nào?
Một cửa hiệu làm đẹp.

- Vâng, một cửa hiệu làm đẹp. Đó là nơi để ngồi lê đôi mách. Mọi người đều biết chuyện của người khác. Bởi vì phạm tội là rất lý thú. Ai cũng biết.

- Chúng tôi chưa bao giờ phạm tội.

- Có thể là chưa.

- Ý ông là sao?

Perez nhún vai. Họ vẫn nhìn. - Trường hợp của cậu chưa được định đoạt. Cậu nghĩ trường hợp của cậu đã được định đoạt rồi chứ?

- Họ sẽ không tìm được gì cả.

- Chúa tôi. - Perez nói. - Chúa tôi. Cậu nghĩ không có chủ nhân sẽ không có tội phạm sao? Đó không phải là vấn đề tìm kiếm. Mà là việc lựa chọn. Cũng giống như nhặt một bộ y phục thích hợp trong cửa hiệu.

Họ dường như chẳng có gì vội vàng.

- Ngay cả ở Mexico, họ cũng không thể giữ cậu mãi được. Đó là lý do tại sao cậu phải hành động. Ngay khi cậu bị kết tội thì đã quá muộn. Họ sẽ ban bố cái gọi là phiên tòa sơ thẩm. Lúc ấy rắc rối càng nhiều.

Gã lấy từ trong túi áo mấy điều thuốc và đặt trên bàn. John Grady vẫn ngồi yên.

- Mời. - Perez nói. - Được rồi. Nó không giống như cát một ổ bánh mì. Không bắt buộc phải làm.

John cúi người về trước, rút một điều thuốc và đặt vào miệng. Perez lấy chiếc bật lửa từ túi áo, búng cái nắp bật lên, đốt điều thuốc và đặt lên bàn.

- Cậu học võ ở đâu?

John rít một hơi thuốc thật sâu và ngả người ra sau.

- Ông muốn biết về cái gì? - Cậu nói.

- Chỉ là cái mà thế giới muốn biết.

- Thế giới muốn biết gì?

- Thế giới muốn biết liệu cậu có phải là đàn ông không. Liệu cậu có can đảm không.

Gã châm điều thuốc, đặt bật lửa lên gói thuốc nằm trên bàn và phả một hơi.

- Vậy nó có thể quyết định cái giá của cậu.

- Một số người không có giá.

- Đó là sự thật.

- Vậy những người đó thì sao?

- Những người đó chết rồi.

- Tôi không sợ chết.
- Tốt lắm. Nó sẽ giúp cậu chết. Nó sẽ không để cậu sống.
- Rawlin chết rồi à?
- Không. Hắn chưa chết.

John Grady đẩy chiếc ghế ra sau.

Perez cười một cách thoải mái. Cậu biết rồi đấy? - Già nói. - Cậu hãy làm đúng như tôi nói.

- Tôi không nghĩ vậy.
- Cậu phải quyết định. Cậu không có nhiều thời gian. Chúng ta không có nhiều thời gian như chúng ta tưởng.
- Thời gian là thứ mà tôi có đủ kể từ khi tôi đến đây.
- Tôi hy vọng cậu suy nghĩ đến tình huống của cậu. Người Mỹ thỉnh thoảng có những quan niệm vốn chẳng thực tế tí nào. Họ nghĩ có những điều tốt và những điều xấu. Họ rất mê tín, cậu biết đấy.

- Ông không nghĩ có những điều xấu và những điều tốt sao?

- Không. Tôi nghĩ đó chỉ là chuyện mê tín. Đó là sự mê tín của những người vô thần.

- Ông nghĩ người Mỹ là vô thần à?
- Ô đúng vậy. Cậu không nghĩ vậy sao?
- Không.
- Tôi nhìn thấy họ đập phá tài sản riêng của mình. Có lần tôi nhìn thấy một người đàn ông phá hỏng chiếc xe của hắn. Bằng cái *martillo* lớn. Cậu gọi nó là cái gì?

- Cái búa.

- Chỉ vì xe không nổ máy. Người Mexico có làm như vậy không?

- Tôi không biết.

- Một người Mexico không làm như vậy. Người Mexico không tin rằng một chiếc xe tốt hay xấu. Nếu có điều tai ác gì trong xe, hần biết rằng việc đập phá chiếc xe sẽ chẳng lợi ích gì. Bởi vì hần biết rằng xấu và tốt có chỗ của nó rồi. Người Anglo nghĩ theo cách hiếm thấy của họ rằng người Mexico thì mê tín. Nhưng ai là thủ phạm? Chúng ta biết một sự vật luôn có những phẩm chất của nó. Chiếc xe này màu xanh. Hoặc nó có một kiểu động cơ nào đó trong xe. Nhưng nó không thể hư, cậu biết đấy. Hoặc một người đàn ông. Thậm chí là một người đàn ông. Trong hần vẫn có điều tai ác nào đó. Nhưng chúng ta không nghĩ đó là điều tai ác riêng của hần. Hần nhận nó ở đâu? Bằng cách nào hần thừa nhận điều đó? Không. Điều tai ác là cái có thật ở Mexico. Nó chuyển động trên những cái chân riêng của nó. Có thể một ngày nào đó nó sẽ đến thăm mày. Có thể nó đã đến rồi đấy.

- Có thể.

Perez cười. Cậu tự do đi. - Gã nói. - Tôi biết cậu không tin vào điều tôi nói. Nó cũng giống như tiền bạc. Tôi tin người Mỹ cũng luôn gặp phải vấn đề này. Họ nói tiền bạc bị vấy bẩn. Nhưng tiền không có phẩm chất đặc biệt này. Và người Mexico không bao giờ nghĩ sẽ làm mọi thứ trở nên đặc biệt hoặc đặt chúng vào một vị trí đặc biệt nơi tiền chẳng làm được gì. Tại sao như vậy? Nếu tiền tốt thì nó sẽ tốt. Hần không có tiền xấu. Hần không gặp phải vấn đề này. Một suy nghĩ khác thường.

John Grady cúi người và đập tắt điều thuốc trong cái gạt tàn bằng thiếc đặt trên bàn. Trong thế giới đó, những điều thuốc bản thân chúng là tiền, điều thuốc đang cháy dở và âm ỉ, trước mặt chủ của nó khó mà có thể hút được. - Tôi sẽ cho ông biết. - Cậu nói.

- Nói đi.

- Tôi sẽ gặp lại ông.

Cậu đứng dậy và nhìn tay phụ tá của Perez đang đứng dựa cửa. Gã nhìn Perez.

- Tôi nghĩ cậu muốn biết điều gì sẽ xảy ra ngoài đó? - Perez nói.

John Grady ngoái đầu lại. - Rồi có thay đổi được nó không? - Cậu nói.

Perez cười. - Cậu nợ tôi quá nhiều. Có ba trăm người ở đây. Không ai biết điều gì là có thể cả.

- Ai đó đang điều hành buổi trình diễn.

Perez nhún vai. - Có thể. - Gã nói. - Nhưng cậu biết đấy, kiểu thế giới này là sự giam cầm. Nó mang lại một ấn tượng sai lệch. Như thể mọi thứ được kiểm soát. Nếu những gã đàn ông này được kiểm soát, họ sẽ không ở đây. Cậu hiểu vấn đề rồi đó.

- Phải.

- Cậu có thể đi. Bản thân tôi sẽ cảm thấy thú vị khi biết điều gì sẽ đến với cậu.

Gã khoác tay ra dấu. Tay phụ tá bước tránh cánh cửa và kéo nó ra.

- Này anh bạn trẻ. - Perez nói.

John Grady quay lại. - Sao? - Cậu nói.

- Hãy cẩn trọng với người mà cậu từng ăn chung.

- Được rồi. Tôi sẽ lưu ý.

Rồi cậu quay người và bước ra ngoài sân trong.

Cậu vẫn còn bốn mươi lăm peso mà Blevins đã cho và cậu cố dùng nó để mua một con dao nhưng chẳng ai bán cho cậu cả. Cậu không rõ là không ai bán thứ này hay không ai bán cho cậu. Cậu đi ngang qua sân trong dáng điệu thông dong cẩn trọng. Cậu nhìn thấy anh em nhà Bautistas dưới mảnh cửa sổ của bức tường hướng nam và cậu đứng đó cho đến khi họ nhìn lên và ra dấu cho cậu bước đến.

Cậu ngồi xổm trước mặt họ.

- Tôi muốn mua một con dao. - Cậu nói.

Họ gật đầu. Người tên Faustino lên tiếng.

- Mà có bao nhiêu tiền?

- Bốn mươi lăm peso.

Họ ngồi một hồi lâu. Gương mặt đen của người thổ dân da đỏ như trầm tư. Ngẫm nghĩ. Như thể mọi điều phức tạp của thương vụ này kéo sau nó bất cứ một hậu quả nào. Được. - Hắn nói. - Đưa tiền đây.

John Grady nhìn họ. Những ánh đèn phản chiếu trong mắt họ. Nếu có sự lừa đảo ở đây thì chẳng còn cái gì mà cậu có thể coi là quan trọng cả. Cậu ngồi xuống đất, kéo chiếc ủng từ bàn chân trái và luồn tay vào lấy ra một cuộn giấy bạc âm ỉm. Họ nhìn cậu. Cậu mang chiếc ủng vào lại, ngồi một hồi với những tờ bạc đặt giữa ngón tay trỏ, ngón giữa rồi với một động tác khéo léo, cậu chìa những tờ bạc được

gấp lại xuống dưới đầu gối của Faustino. Faustino không cử động.

- Được. - Hăn nói. - Chiều nay tao sẽ có nó cho mày.

Cậu gật đầu, đứng dậy và đi về lại ngang qua sân trong. Cậu có thể nghe tiếng xe buýt trên đường bên ngoài cổng và cậu nhận ra hôm nay là chủ nhật. Cậu ngồi một mình, lưng quay về bức tường. Cậu nghe tiếng trẻ con đang khóc. Cậu nhìn thấy một người thổ dân da đỏ từ Sierra Leon đi ngang qua sân bãi và cậu nói với y.

- Mời ngồi.

Gã thổ dân ngồi xuống. Gã lấy ra từ túi áo một túi nhỏ bằng giấy bunn nhún với mỡ hôi và đưa cho cậu. Bên trong là một nắm thuốc lá loại rẻ tiền và một cuộn giấy bằng vỏ bắp.

- Cảm ơn. - Cậu nói.

Cậu lấy một mẩu giấy, gấp và bỏ vào một ít sợi thuốc lá thô đó, cuộn lại và dùng miệng cắn. Cậu đưa lại cho gã thổ dân và gã cũng cuộn một điếu rồi bỏ cái túi đó vào lại trong túi áo. Gã đánh lửa bằng cách cọ xát hai ống nước dài độ sáu centimet, gã bật ngọn lửa và khum hai bàn tay thành hình chén để che gió, bập bập điếu thuốc rồi giữ nó cho John Grady.

John Grady cảm ơn gã rồi hỏi: Ông không có người quen nào à?

Gã thổ dân lắc đầu. Gã không hỏi lại John Grady có người quen nào không. John Grady nghĩ có thể gã này có một điều gì đó muốn nói. Một nguồn tin nào đó đến được nhà tù nhưng đã không đến với gã trong cảnh tù tội này. Nhưng gã thổ dân dường như chẳng có tin tức nào và họ

ngồi dựa tường hút thuốc cho đến khi điều thuốc cháy dần rồi chẳng còn gì. Gã thổ dân để tàn thuốc rơi giữa hai bàn chân rồi đứng dậy và bước đi ngang qua sân.

Cậu không đi ăn trưa. Cậu ngồi và quan sát khu vực sân trong và cố cảm nhận cái không khí này. Cậu nghĩ những gã đàn ông băng qua sân đang nhìn cậu. Cậu nghĩ họ cũng đang chịu đựng. Cậu tự nhủ rằng tất cả việc suy nghĩ này có thể khiến cho một người đàn ông bị giết. Rồi cậu nói rằng việc tự nhủ với chính mình cũng có thể khiến cho cậu bị giết. Một hồi sau cậu giật mình tỉnh lại và đưa một tay lên. Cậu hoảng sợ khi đã ngủ thiếp đi ở đó.

Cậu nhìn cái vùng tối của bức tường trước mặt. Khi mặt sân bị bóng tối che lấp một nửa đồng hồ điểm bốn giờ. Một lát sau cậu ngồi dậy và đi bộ đến chỗ anh em nhà Bautistas vẫn đang ngồi ở đó.

Faustino ngược mắt nhìn cậu. Gã ra dấu cho cậu bước đến. Gã bảo cậu bước nhẹ nhẹ về phía bên trái. Rồi gã bảo cậu đứng lên đó.

Cậu cúi mặt nhìn xuống nhưng không ngồi. Faustino gật đầu, nói: Ngồi xuống đi.

Cậu ngồi xuống.

Có một sợi dây. Cậu nhìn xuống. Một đoạn dây nhỏ nằm dưới chiếc ủng của cậu. Khi cậu kéo lên, một con dao dưới bàn tay cậu lộ lên khỏi lớp sỏi vụn và cậu chop lấy và nhét vào cặp quần. Rồi cậu đứng dậy và bước đi.

Sự việc tốt hơn cậu nghĩ. Một lưỡi dao bấm, sản xuất ở Mexico, cán dao lộ ra lớp đồng qua lớp mạ bạc. Cậu tháo sợi dây bên bao quanh con dao, chùi vào áo rồi thổi lớp bụi

bấm trong khe lưỡi dao và gõ nhẹ vào gót của chiếc ủng rồi lại thổi bụi. Cậu nhấn cái nút bấm và nó bật mở lên. Cậu thấm ướt một phần lông ở cổ tay và thử độ sắc của lưỡi dao. Cậu đứng một chân, chân kia vắt ngang qua đầu gối mài mài lưỡi dao vào gót của chiếc ủng. Đột nhiên cậu nghe ai đó đang bước đến và cậu gấp con dao lại và nhét vào túi quần. Cậu quay mặt và bỏ đi, bước ngang qua hai gã đàn ông đang nhìn cậu với vẻ miệt thị trên đường chúng đến nhà xí.

Một giờ sau, tiếng còi vang lên khắp khu vực sân bãi báo giờ ăn tối. Cậu đợi cho đến khi người cuối cùng bước vào gian phòng lớn và rồi cậu bước theo. Cậu nhận cái khay của mình và bước đi. Bởi vì đó là ngày chủ nhật và phần nhiều tù nhân dùng thức ăn do vợ hoặc gia đình mang đến nên phòng ăn chỉ còn một nửa số người. Cậu quay lại và đứng cầm trong tay cái khay đựng món đậu, những mẫu bánh ngô và món hầm không biết tên, rồi cậu chọn cái bàn đặt ở góc phòng, nơi một gã không lớn hơn cậu là mấy đang ngồi một mình hút thuốc và uống nước.

Cậu đứng ở đầu bàn và đặt cái khay xuống. - Tôi ngồi đây được chứ. - Cậu nói.

Gã nhìn cậu, phà hai làn khói thuốc từ lỗ mũi, gật đầu và với tay lấy chiếc tách của mình. Bên trong cánh tay phải của gã là hình xăm một con báo đốm màu xanh đang chống chọi trong vòng xiết của con trăn Nam Mỹ. Trong lòng ngón tay cái có hình chữ thập pachuco và năm dấu hiệu khác. Chẳng có gì là bình thường. Nhưng khi ngồi xuống, cậu đột nhiên hiểu tại sao gã này ngồi ăn một mình. Nhưng đã quá trễ để đứng dậy. Cậu cầm lấy cái muỗng bằng tay trái và bắt

đầu ăn. Hắn nghe tiếng then cửa đóng lại kêu cái cách ở gian phòng ngay cả trên những bước chân sột soạt và tiếng lách cách của những cái muỗng trên các khay thức ăn. Cậu nhìn về phía trước gian phòng. Không có ai phía sau quầy phục vụ. Hai gã lính canh biến mất. Cậu tiếp tục ăn. Tìm cậu đập thình thịch, miệng khô rát và thức ăn chỉ là những thứ vương vãi. Cậu rút con dao trong túi quần ra và nhét vào cặp.

Gã kia đập tắt điều thuốc và đặt chiếc tách lên cái khay. Phía ngoài, trên những con đường xa xa vắng vắng tiếng chó sủa. Tiếng rao của một người bán bánh dạo. John Grady nhận ra cậu không thể nghe những tiếng này trừ khi mọi âm thanh trong gian phòng đều câm lặng. Cậu lặng lẽ bật con dao và nhét dưới cái khóa dây nịt. Gã kia đứng dậy và bước qua chiếc ghế dài, cầm lấy cái khay của mình, quay lại và bắt đầu bước dọc theo cạnh bàn. John Grady giữ chiếc muỗng trong bàn tay trái của mình và nắm chặt cái khay. Gã bước đến đối diện trước mặt cậu. Gã đi ngang qua. John Grady nhìn gã với cái nhìn yếu đi. Khi đến cuối cạnh bàn đột nhiên gã quay lại và ném cái khay vào đầu cậu. John Grady nhận thấy mọi thứ đã rõ ràng trước mắt mình. Cạnh của chiếc khay hướng đến đôi mắt của cậu. Chiếc tách thiếc hơi nghiêng một bên với cái muỗng trong đó và hầu như bất động trong không khí. Mái tóc đen trơn nhờn của gã hất ngang qua khuôn mặt hình chữ nêm của gã. Cậu búng cái khay của mình lên và cái góc khay của gã in một dấu xước sâu lên mặt dưới chiếc khay của cậu. Cậu lượn người ra sau trên chiếc ghế dài và quờ quạng dưới bàn chân mình. Cậu nghĩ chiếc khay sẽ va vào cái bàn nhưng gã không để như vậy. Gã nhắm vào cậu, bước dọc theo cạnh của băng ghế dài. Cậu lùi lại để tự vệ và hai chiếc

khay va nhau kêu lạnh lạnh và lần đầu tiên cậu nhìn thấy con dao di chuyển dưới những chiếc khay giống như con giông thép lạnh công đang tìm chỗ ấm cho nó. Cậu nhảy và trượt chân trên mớ thức ăn bị rơi vãi trên sàn bê tông. Cậu rút con dao từ dây nịt rồi vung cái khay ngược lại và trúng ngay vào trán gã. Tền chém thuê này có vẻ như kinh ngạc. Gã cố làm mất khả năng nhìn của John Grady bằng cái khay của mình. John Grady bước lùi lại. Cậu dựa vào vách tường. Cậu bước sang một bên, nắm chặt chiếc khay và tạt mạnh vào chiếc khay cố làm tổn thương những ngón tay của gã. Tền chém thuê di chuyển giữa cậu và chiếc bàn. Gã đá chiếc ghế dài ngã ngược ra sau. Hai chiếc khay va nhau kêu loảng xoảng trong sự thinh lặng mà lẽ ra không có. Máu bắt đầu chảy xuống dọc theo con mắt trái của gã từ vết thương trên trán. Gã lại đánh nhử bằng cái khay của mình. John Grady có thể cảm nhận mùi máu của gã. Gã làm động tác giả và con dao của gã đi ngang qua mặt trước chiếc áo của John Grady. John Grady hạ cái khay xuống ngang hông và di chuyển dọc theo vách tường, mắt không rời khỏi đôi mắt đen sẫm của gã. Tền chém thuê không nói lời nào. Những cử động của gã chính xác và không mang vẻ hận thù. John Grady biết rằng gã được người thuê. Cậu vung chiếc khay vào đầu gã. Gã cúi người, làm động tác giả và bước về trước. John Grady cầm chặt chiếc khay trong tay và di chuyển dọc theo vách tường. Cậu lè lưỡi liếm khoe miệng và nếm vị máu. Cậu biết khuôn mặt của mình bị cắt đứt nhưng không biết là nó tệ đến mức nào. Cậu biết gã khốn này đã được thuê bởi vì gã là một người có uy tín nhưng không ngờ gã sắp sửa chết ở nơi này. Cậu nhìn sâu vào đôi mắt đen của gã và những đáy lòng sâu thẳm trong đó. Cả một lịch sử thâm hiểm đang bùng cháy

với sự lạnh lùng, lãnh đạm và đen tối. Cậu di chuyển dọc theo vách tường, liếc cái khay của mình ngược về phía gã. Gã lại bị cắt ngang qua phần ngoài của cánh tay trên. Cậu bị cắt ngang qua phần ngực dưới. Cậu quay lại và chém nhát thứ hai vào gã bằng con dao của mình. Người đàn ông né cái lưỡi dao đó với một cử chỉ mềm mại của một gã thấy tu. Những người đàn ông ngồi ở bàn mà họ đang tiến dần đến bắt đầu đứng dậy từng người một rời khỏi những chiếc ghế dài như những con chim rời sợi dây kẽm. John Grady ngoảnh mặt lại và dùng cái khay của mình đánh mạnh vào gã. Gã nằm sòng soài và gã nhìn thấy cậu đứng đó, mỏng manh và khẳng khiu dưới cánh tay rũ rượi trong một khoảnh khắc tê cứng như một đứa trẻ yếu ớt và đen sẫm. Con dao phóng ngang qua ngực gã rồi bị đánh trả và mọi người di chuyển với tốc độ khó tin, rồi đứng lặng trước mặt gã, cúi mình một cách khấp nép, vẫy tay yếu ớt và nhìn vào mắt gã. Họ nhìn, vì thế họ có thể biết cái chết đang đến. Những ánh mắt trước đây đã nhìn thấy cái chết và biết được những sắc màu cái chết đi qua và sẽ thế nào khi đến đích.

Chiếc khay chạm vào những viên gạch. Cậu nhận ra mình đã đánh rơi nó. Cậu đưa bàn tay vào chiếc áo. Bàn tay nhầy nhụa máu và cậu chùi vào ống quần. Tên giết thuê đưa cái khay ngang tầm mắt để che mắt gã khỏi những cử động của cậu. Gã có vẻ như khuyên nài cậu đọc một cái gì đó nhưng chẳng có gì ngoại trừ những dấu trầy xước do mười ngàn bữa ăn được dùng ở đó. John Grady lùi lại. Cậu chậm rãi ngồi xuống sàn. Hai cái chân cong oằn phía dưới người cậu và cậu ngả người vào vách tường, buông thông hai cánh tay. Tên chém thuê hạ cái khay xuống. Gã lặng lẽ đặt nó lên bàn. Gã cúi người, tóm lấy tóc John Grady và giật ngược đầu

cậu về sau để cắt cuống họng của cậu. Khi gã làm như vậy, John Grady lấy con dao từ dưới sàn và đâm vào tim của gã sát thủ. Cậu đâm con dao vào tim gã, xoay cán dao sang một bên và rút lưỡi dao ra.

Con dao của gã giết thuê rơi xuống sàn. Từ đóa hoa cài áo đỏ rực in trên túi trái của chiếc áo lao động màu xanh của gã phọt ra tia máu đỏ tươi. Gã khụy xuống và đẩy cái chết vào hai cánh tay của kẻ thù. Một vài gã đàn ông trong gian phòng đã bỏ đi. Giống như những mệnh thường quân của nhà hát nóng lòng muốn tránh sự chen lấn. John Grady thả cán dao xuống và đẩy cái đầu chuếnh choáng dang ngã vào ngực cậu. Cậu lượn người sang một bên và loạng choạng cho đến khi vớ phải con dao của tên sát thủ. Cậu đẩy cái xác chết ra, ghì vào bàn và cố đứng dậy. Bộ đồ của cậu bị chùng xuống bởi sức nặng của máu. Cậu lùi dọc theo những cái bàn rồi ngoảnh mặt lại và lảo đảo bước đến cánh cửa. Cậu mở then cài cửa và bước đi chuệnh choạng vào bầu trời chạng vạng xanh thẫm.

Ánh sáng từ gian phòng trải dài trong hành lang cộc hàng rào ngang qua sân trong. Nơi những người đàn ông đến cánh cửa để nhìn cậu, ánh sáng chuyển thành một màu tối đen. Không ai bước theo cậu cả. Cậu bước đi với sự cẩn trọng cao độ, tay ôm lấy bụng. Những ánh đèn pha dọc theo các vách tường phía trên sẽ sáng lên bất cứ lúc nào. Cậu bước đi rất cẩn thận. Máu óc ách trong hai chiếc ủng của cậu. Cậu nhìn con dao trong tay mình và rồi ném nó đi. Tiếng còi đầu tiên vang lên và những ánh đèn bật sáng dọc theo những vách tường. Cậu bước đi như người mê sảng và lạ thật, không một chút đau đớn. Hai bàn tay cậu nhầy nhụa máu và máu. Máu rỉ qua những ngón tay mà cậu đang ôm

lấy mình. Những ánh đèn sẽ sáng lên và tiếng còi cũng sẽ vang lên.

Cậu còn nửa đường mới đến được chiếc cầu thang bằng thép đầu tiên thì một người đàn ông cao to bất thình lình xuất hiện và nói chuyện với cậu. Cậu quay lại, cúi người xuống như né đòn. Trong cái ánh sáng mờ mờ đó, có lẽ họ sẽ không nhìn thấy là cậu chẳng có dao. Chẳng biết được cậu đứng đó, máu me giàn giụa như thế nào trên quần áo.

- Đi theo tôi. - Người đàn ông nói. - Rồi sẽ ổn thôi mà.

- Để tôi yên.

Những dây tường tối đen của nhà tù chạy liên tục trong bầu trời xanh thẫm. Một con chó bắt đầu sủa.

- Ông Perez muốn giúp cậu.

- Bằng cách nào?

Người đàn ông đứng trước mặt cậu. Gã nói: Đi theo tôi.

Đó là tay phụ tá của Perez. Gã chìa bàn tay ra. John Grady bước lùi lại. Hai chiếc ủng của cậu để lại những vết máu trên mặt sàn khô của sân trong. Những ánh đèn sáng lên. Tiếng còi vang lên. Cậu quay mặt bước đi, hai dấu gổi lập cập. Cậu ngã xuống và rồi lại đứng lên. Một người giúp việc đưa tay để giúp cậu và cậu trượt khỏi cái ghì tay của gã và rồi lại ngã xuống. Trời đất như quay cuồng. Cậu quỳ lên và chống mạnh tay xuống đất để đứng dậy. Máu nhỏ giọt từ giữa hai bàn tay duỗi thẳng của cậu. Cái dây tường đen thẫm lộ lên. Bầu trời xanh đen. Cậu nằm nghiêng một bên. Gã thị thần của Perez cúi người xuống hắn. Tay phụ tá cúi xuống và ôm cậu trong hai cánh tay, nâng cậu lên và mang

ngang qua sân trong vào ngôi nhà của Perez. Gã đá cánh cửa đóng lại phía sau khi những ánh đèn sáng lên và tiếng còi vang lên.



Cậu thức dậy trong một căn phòng bằng đá trong bóng tối mịt mù cùng với mùi của thuốc tẩu. Cậu đưa một tay ra ngoài để biết có thể sờ được thứ gì và cậu cảm thấy cơn đau lan tỏa khắp người như một cái gì đó đang khúm núm đợi cậu làm chao đảo. Cậu thả bàn tay xuống. Cậu xoay đầu. Một sợi dây mỏng đang phát quang trong đêm tối. Cậu lắng nghe nhưng không có tiếng động. Mỗi hơi thở cậu thở giống như một lưỡi dao cạo. Sau một hồi cậu đưa bàn tay lên và chạm vào bức tường gạch lạnh cóng.

- *Xin chào.* - Cậu nói. Giọng của cậu yếu ớt và lạo xạo, khuôn mặt cậu cứng nhắc và méo mó. Cậu lại cố gắng. - *Xin chào.* - Có người đang đứng đó. Cậu có thể cảm nhận được họ.

- *Ai đó?* - Cậu hỏi, nhưng không ai trả lời.

Có ai đang ở đó và họ đã ở đó lâu rồi. Không có ai ở đó à. Có ai đang ở đó và họ ở đó lâu rồi và họ đã không bỏ đi nhưng chẳng có ai ở đó.

Cậu nhìn sợi dây bóng đèn đang đung đưa. Có ánh sáng từ dưới cánh cửa. Cậu lắng nghe. Cậu nín thở và lắng nghe. Bởi vì căn phòng nhỏ nên tiếng thở dường như cũng nhỏ và nếu căn phòng nhỏ, cậu đã có thể nghe họ thở trong bóng tối nếu có nhưng cậu chẳng nghe gì. Cậu tự hỏi phải chăng cậu đã chết và trong cơn tuyệt vọng, cậu cảm thấy trong lòng trào

dâng một nỗi buồn như đứa trẻ bắt đầu kêu gào cùng một nỗi đau mà cậu đột ngột chặn lại, và bắt đầu một cuộc sống mới và sống với nó trong từng nhịp thở.

Cậu biết mình sắp sửa đứng dậy và chạm vào cánh cửa và cậu phải mất một thời gian lâu mới sẵn sàng. Trước hết hấn đưa tay vào bụng. Cậu dốc sức tự đẩy mình lên để lấn át nó và kinh ngạc trước cơn đau. Cậu ngồi thở. Cậu cúi người xuống để đặt bàn tay lên sàn. Cánh tay run rẩy trong không gian trống trải. Cậu nới lỏng cẳng chân và tự nhắc mình lên, bàn chân cậu chạm sàn và cậu ngồi tựa lên hai khuỷu tay.

Khi cậu chạm cánh cửa, cánh cửa đã bị khóa. Cậu đứng, mặt sàn lạnh dưới hai bàn chân. Cậu được băng bó bằng một loại gạc nào đó và máu bắt đầu chảy lại. Cậu có thể cảm nhận được điều đó. Cậu đứng tựa đầu vào cái mặt lạnh cứng của cánh cửa kim loại. Cậu cảm nhận vết băng trên khuôn mặt với cánh cửa và sờ nó. Cậu khát nước và nghỉ một lúc lâu mới bắt đầu quay lại mặt sàn.

Khi cánh cửa mở, ánh sáng chói lòa và đứng ở đó không phải cô giúp việc trong bộ y phục màu trắng mà chính là tay phụ tá với bộ kaki vấy bẩn và nhăn nhúm. Gã mang đến một cái khay kim loại đựng đậu luộc và một ly sô-da cam. Gã không lớn tuổi hơn John Grady là mấy và gã bước vào phòng cùng với cái khay rồi quay lại, đôi mắt gã nhìn khắp mọi nơi ngoại trừ cái giường. Ngoại trừ cái xô bằng thép trên sàn nhà, chẳng còn gì cả và ngoại trừ cái giường, chẳng còn chỗ nào để đặt cái khay lên.

Gã tiến lại gần cậu và đứng đó. Gã trông vừa khó chịu vừa đe dọa. Gã ra dấu về cái khay. John Grady ghì vào vai gã

và tự mình đứng dậy. Mồ hôi đọng trên trán cậu. Gã mặc một chiếc áo choàng bằng loại bông thô nào đó và cậu đã vấy máu lên đó và máu đã khô.

- Cho tôi ly nước. - Cậu nói. - Chẳng có gì cả.

- Chẳng có gì cả à?

- Phải.

Gã phụ tá đưa cho cậu một ly nước cam. Cậu cầm lấy và ngồi xuống. Cậu nhìn căn phòng đá nhỏ. Phía trên đầu là một bóng đèn lẻ loi trong cái khung thép.

- Ánh sáng, làm ơn. - Cậu nói.

Gã phụ việc gạt đầu, đi đến cánh cửa, kéo nó và đóng lại. Một tiếng cách của cái then cài vang lên trong bóng tối. Rồi đèn được bật lên.

Cậu lắng nghe tiếng bước chân xuống hành lang. Rồi sự tĩnh lặng. Cậu cầm ly nước lên và uống chậm rãi. Ấm ấm, sủi bọt nhẹ và ngon.

Cậu nằm đó ba ngày. Cậu ngủ, thức dậy và lại ngủ. Có người tắt đèn và cậu thức dậy trong bóng tối. Cậu gọi to nhưng không ai trả lời. Cậu nghĩ về bố cậu ở Goshee. Cậu biết rằng những điều khủng khiếp đã xảy ra cho ông ở đó và cậu luôn tin rằng cậu không muốn biết đến nhưng cậu đã biết. Cậu nằm trong bóng tối suy nghĩ về tất cả những điều mà cậu không biết về cha mình và cậu nhận ra rằng người cha cậu biết là người cha mà cậu sẽ mãi mãi biết đến. Cậu không nghĩ về Alejandra bởi vì cậu không biết điều gì sẽ đến và sẽ tồi tệ đến mức nào. Cậu nghĩ rằng nàng là một điều gì đó mà cậu nên giữ lại. Vì vậy cậu nghĩ về những con ngựa và chúng luôn là điều nên nghĩ đến. Sau đó một người nào đó lại

bật bóng đèn lên và rồi mặc nó như vậy. Cậu ngủ và khi thức dậy, cậu mơ màng về người chết đang đứng lảng vảng trong bộ xương và những cái hốc sâu đen thẳm trong đôi mắt của họ vốn thật sự không một chút suy xét chìm sâu trong vùng trống không, nơi đó hiện hữu một điều khủng khiếp đối với tất cả, nhưng chẳng ai nói đến. Khi thức dậy, cậu biết rằng những gã đàn ông đã chết trong căn phòng đó.

Cánh cửa mở, lúc này là một người đàn ông trong y phục xanh mang cái túi da. Người đàn ông mỉm cười và hỏi thăm sức khỏe của cậu.

- Tốt hơn bao giờ hết. - Cậu nói.

Người đàn ông lại mỉm cười. Ông đặt túi lên giường, mở ra, lấy một chiếc kéo y khoa rồi đẩy cái túi đến chỗ chân giường và kéo miếng băng bị vấy máu.

- Ông là ai? - John Grady hỏi.

Người đàn ông trông có vẻ ngạc nhiên. - Tôi là bác sĩ. - Ông đáp.

Chiếc kéo có đuôi hình con bích lạnh lạnh thẳm vào da cậu và ông bác sĩ lướt cây kéo xuống dưới miếng gạc bao quanh thất lưng dính đầy máu rồi cắt phăng nó đi. Ông kéo miếng băng phía dưới cậu và họ nhìn xuống những mũi khâu

- Tốt, tốt. - Ông bác sĩ nói. Ông dùng hai ngón tay ấn vào chỗ khâu. - Tốt. - Ông nói.

Ông lau sạch chỗ vết thương bị khâu bằng nước vô trùng và dùng gạc băng chúng lại rồi giúp cậu ngồi dậy. Ông lấy một cuộn băng lớn ra khỏi túi, vòng tay qua hông của John Grady rồi bắt đầu băng lại.

- Đặt hai tay cậu lên vai tôi. - Ông nói.

- Cái gì?

- Đặt hai tay lên vai tôi. Được chứ.

Cậu đặt hai tay lên vai bác sĩ và ông băng chỗ bị thương. Tốt rồi. - Ông nói. - Tốt.

Ông đứng dậy, đóng túi xách và đứng nhìn bệnh nhân.

- Tôi sẽ cho người mang xà phòng và khăn tắm cho cậu.

- Ông nói. - Vì thế cậu có thể tự rửa ráy lấy.

- Vâng.

- Cậu mau lành đấy.

- Cái gì?

- Một người mau lành vết thương. - Ông gật đầu, mỉm cười và quay người bước ra ngoài. John Grady không nghe ông cài then cửa nhưng dù sao thì cũng chẳng có chỗ nào để đi.

Vị khách kế tiếp của cậu là một người đàn ông mà trước đây cậu chưa bao giờ gặp. Ông ta mặc một bộ đồng phục trông giống như trong quân đội. Ông không giới thiệu về mình. Tên lính canh đưa ông ta tới rồi đóng cửa lại và đứng ở ngoài. Người đàn ông đứng cạnh giường cậu và lấy chiếc mũ ra như thể biểu lộ sự tôn kính đối với một vị anh hùng nào đó bị thương. Rồi ông lấy một cây lược ra khỏi túi áo quân phục và lướt nó một đường dọc theo hai bên cái đầu uể oải của mình và rồi đội chiếc mũ lên lại.

- Bao lâu nữa cậu mới có thể đi vòng quanh được? - Ông hỏi.

- Ông muốn tôi đi đâu?

- Về nhà cậu.

- Tôi có thể bước đi ngay bây giờ.

Người đàn ông mỉm cười, nhìn chăm chăm vào cậu.

- Cho tôi thấy là cậu có thể đi.

Cậu đẩy những tấm gạt ra phía sau rồi lăn người qua một bên và bước xuống mặt sàn. Cậu đi tới đi lui. Hai bàn chân cậu để lại những dấu vết lạnh lạnh âm ẩm trên những phiến đá bóng đang hút và làm tan biến đi như câu chuyện của chính cái thế giới này. Mồ hôi lấm tấm trên trán cậu.

- Cậu là thằng bé may mắn. - Ông ta nói.

- Tôi không cảm thấy may mắn như vậy.

- Những thằng bé may mắn. - Ông lại nói và rồi gạt đầu đi ra ngoài.

Cậu ngủ rồi thức. Cậu biết đêm và ngày qua những bữa ăn. Cậu ăn ít. Cuối cùng họ mang đến cho cậu một nửa con gà quay với cơm và hai nửa của một quả lê đóng hộp. Cậu ăn một cách chậm rãi, tận hưởng từng miếng ăn và để xuất hoặc từ chối những viễn cảnh khác nhau có thể đã xảy ra cho thế giới bên ngoài hoặc đang xảy ra. Hoặc sắp xảy đến. Cậu vẫn nghĩ rằng cậu có thể bị đem ra vùng đồng cỏ và bị bắn.

Cậu tập đi lên rồi đi xuống. Cậu đánh bóng mặt dưới của cái khay bằng cánh tay áo và đứng chính giữa căn phòng, phía dưới bóng đèn, nhìn khuôn mặt lộ ra mờ mờ từ cái mặt thép uốn cong giống như hồn ma đang được gọi lên với khuôn mặt phần nộ và đầy thương tích. Cậu tháo lớp băng ra khỏi khuôn mặt và kiểm tra những mũi khâu rồi cảm nhận chúng bằng những ngón tay.

Lần kế tiếp khi cậu thức dậy, gã phụ việc cho nhà tù mở cánh cửa và đứng đó với một đồng áo quần và đôi ủng của cậu. Gã thả tất cả xuống sàn. Quần áo của anh đấy. - Gã nói và đóng cửa lại.

Cậu cởi cái áo lót đang mặc rồi tự lau người bằng xà phòng và giẻ lau, tự lau khô bằng khăn tắm rồi mặc quần áo và mang ủng vào. Có người đã rửa sạch vết máu trên đôi ủng, vì thế chúng vẫn còn âm ẩm và cậu cố cởi chúng ra nhưng không thể, rồi cậu nằm xuống giường trong bộ quần áo và đôi ủng của mình, đợi chờ một điều gì đó mà chỉ có Chúa mới biết.

Hai tên lính canh đến. Họ đứng ở cánh cửa đang mở và đợi cậu. Cậu ngồi dậy và bước ra ngoài.

Họ đi xuống một cái hành lang và băng ngang qua một cái cổng chào nhỏ rồi cùng bước vào một khu vực của tòa nhà. Họ đi xuống một dãy hành lang khác và hai tên lính canh gõ vào cánh cửa rồi mở ra và một trong số họ vẫy tay để cậu bước vào.

Ngồi ở bàn là một gã cai ngục, người có lần đã đến xà lim để xem cậu có thể bước đi được không.

- Cậu ngồi đi. - Gã cai ngục nói.

Cậu ngồi xuống.

Gã cai ngục mở hộc bàn, lấy ra một phong bì và đưa cho cậu.

- Của cậu đây. - Ông ta nói.

John Grady cầm lấy phong bì.

- Rawlins đâu? - Cậu hỏi.

- Xin lỗi?
- Bạn của tôi đâu?
- Bạn cậu à?
- Vâng.
- Anh ta đợi ở ngoài.
- Chúng tôi sẽ đi đâu?
- Các cậu đi đi. Các cậu về nhà của mình đi.
- Khi nào?
- Xin lỗi.
- Khi nào?
- Ngay bây giờ. Tôi không muốn nhìn thấy các cậu nữa.

Gã cai ngục vẫy tay. John Grady đặt một bàn tay lên lưng ghế và đứng dậy rồi quay người bước ra cửa. Cậu và hai tên lính đi xuống sảnh, ra khỏi văn phòng sở đến cánh cổng nơi Rawlins đang đứng đợi trong bộ quần áo không khác gì của cậu. Năm phút sau họ đứng trên con đường bên ngoài những cánh cửa gỗ bọc sắt của cánh cổng chính đồ sộ.

Có chiếc xe buýt đang dừng trên đường và họ bước lên với vẻ nặng nề. Những phụ nữ ngồi trên ghế với những cái rổ và hòm mây trống không nói chuyện từ tốn với họ khi họ bước đi dọc theo lối đi giữa hai dãy ghế.

- Tôi tưởng cậu chết rồi đấy. - Rawlins nói.
- Tôi lại tưởng là cậu đấy.
- Chuyện gì đã xảy ra?

- Tôi sẽ kể cậu nghe. Nào ngồi đây đi. Đừng nói chuyện. Chúng ta ngồi đây thật sự yên tĩnh.

- Cậu ổn chứ?

- Ừ. Tôi ổn.

Rawlins ngoảnh mặt và nhìn ra ngoài cửa sổ. Tất cả là một màu xám và tĩnh lặng. Một vài hạt mưa bắt đầu rơi xuống đường. Chúng rơi xuống mui xe hiu quạnh như một tiếng chuông. Dọc theo con đường hắt có thể nhìn thấy những trụ tường hình cung của mái vòm nhà thờ lớn và tháp chuông xa tận bên kia.

- Cả cuộc đời tôi có cảm nhận rằng rắc rối đã kể bên. Không phải việc tôi chuẩn bị đón nhận. Mà nó luôn ở đó.

- Nào ngồi đi và yên lặng. - John Grady nói.

Họ ngồi nhìn mưa rơi trên đường. Những chị phụ nữ ngồi thình lạng. Bên ngoài, trời đang tối dần và không còn ánh nắng mặt trời cũng như bất kỳ nơi nào mờ mờ dẫn đến chân trời, nơi ánh sáng mặt trời có thể hiện hữu. Hai phụ nữ nữa trèo lên xe và ngồi vào chỗ của họ. Ông tài xế chồm người dậy để đóng cánh cửa. Ông nhìn ra phía sau qua kính chiếu hậu rồi đập số và chiếc xe bắt đầu lăn bánh. Một vài chị phụ nữ dùng tay chùi vào mặt kính cửa sổ xe và nhìn lại nhà giam trong cơn mưa buồn tẻ của Mexico. Vì thế cũng như một vùng đất bị vây bủa thời xa xưa, trong một quốc gia cổ hủ hơn, nơi những kẻ thù hội tụ không biết từ đâu.

Chỉ còn một vài khu đất nữa là đến trung tâm thành phố và họ cảm thấy thoải mái khi bước xuống xe. Những ngọn đèn măng sông đã sáng lên ở nơi họp chợ ngoài trời.

Họ chậm rãi băng ngang qua đến những cánh cổng ở phía bắc của quảng trường và đứng nhìn mưa rơi. Bốn người đàn ông trong những bộ đồng phục ban nhạc màu hạt dẻ đứng dọc theo vách tường với những dụng cụ. John Grady nhìn Rawlins. Rawlins trông có vẻ trầm ngâm, đầu không có mũ và chân trần trong bộ quần áo bị co rút lại.

- Chúng ta kiếm gì để ăn đi.
- Chúng ta không có tiền.
- Tôi có tiền.
- Cậu lấy đâu ra tiền vậy? - Rawlins hỏi.
- Tôi có cả một phong bì đấy.

Họ bước vào một nhà hàng và ngồi trong một cái buồng. Một gã bồi bàn bước đến và đặt tờ thực đơn trước mặt họ và bỏ đi. Rawlins nhìn ra ngoài cửa sổ.

- Thịt nướng nhé? - John Grady nói.
- Ừ.

Cậu gọi thịt nướng, khoai tây chiên và cà phê cho cả hai. Gã bồi bàn gặt đầu và cầm lấy tờ thực đơn. John Grady đứng dậy, chậm rãi bước đến quầy và mua hai gói thuốc và hai hộp diêm. Những người đang ngồi ở bàn nhìn họ bước ngang qua căn phòng.

Rawlins đốt một điếu thuốc và nhìn cậu.

- Tại sao chúng ta chưa chết? - Anh ta nói.
- Bà ấy đã trả tự do cho chúng ta.
- Bà di đó à?
- Ừ. Bà di đó.

- Tại sao?
- Tôi không biết.
- Đó là nơi cậu nhận tiền đó à?
- Ừ.
- Có liên quan đến cô gái, phải vậy không?
- Tôi nghĩ là vậy.

Rawlins hút thuốc. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ. Bên ngoài trời đã tối. Những con đường ướt đẫm do trời mưa và ánh sáng phát ra từ những ngọn đèn trong quán cà phê và từ những ngọn đèn ở trung tâm họp chợ tua một màu đỏ máu trên những hồ nước đen.

- Không có lời giải thích khác sao?
- Không.

Rawlins gật đầu.

- Tôi có thể chuẩn khỏi nơi mà họ giữ tôi. Đó chỉ là khu vực bệnh viện.

- Tại sao cậu không làm?
- Tôi không biết. Cậu nghĩ tôi ngu ngốc sao?
- Tôi không biết. Ừ. Có thể là vậy.
- Cậu sẽ làm gì?
- Tôi không bỏ cậu.
- Ừ. Tôi biết là cậu sẽ không làm thế.
- Điều đó không có nghĩa là ngu ngốc.

Rawlins suýt bật cười. Rồi anh ngoảnh mặt đi.

Người hầu bàn mang cà phê đến.

- Có một gã lớn tuổi ở đó. - Rawlins nói. - Thật thương tâm. Có thể không phải là một gã xấu. Bắt đầu vào đêm thứ bảy với một vài đôla trong túi. Những đồng peso. Thật thảm thương.

- Điều gì đã xảy ra cho hắn ta?

- Hắn chết. Khi họ mang hắn ra khỏi đó, hắn có vẻ kỳ dị làm sao. Giá mà hắn nhìn thấy điều đó. Vì tôi đấy, và ngay cả đó chẳng phải là tôi. Chết không phải là kế hoạch của con người, phải không?

- Phải.

Rawlins gật đầu.

- Họ đưa dòng máu Mexico vào người tôi.

Anh nhìn lên. John Grady đốt điếu thuốc. Cậu lắc que diêm và bỏ nó vào trong chiếc khay rồi nhìn Rawlins.

- Rồi.

- Rồi chuyện đó có ý nghĩa gì chứ? - Rawlins nói.

- Ý nghĩa về chuyện gì?

- Có nghĩa gì không việc tôi mang dòng máu Mexico?

John Grady kéo một hơi thuốc và ngả người ra sau rồi thổi làn khói vào không khí. Một phần của người Mexico? - Cậu nói.

- Ừ.

- Họ tiêm vào bao nhiêu?

- Họ nói hơn một lít.

- Bao nhiêu cho hơn một lít đó?

- Tôi không biết.

- Hơn một lít như vậy sẽ làm cho cậu bị lai rồi.

Rawlins nhìn cậu. Không phải chứ? - Anh ta nói.

- Không. Quỷ tha ma bắt, điều đó chẳng có nghĩa gì. Máu là máu. Nó không biết nó đến từ đâu.

Người hầu bàn mang thịt nướng đến. Họ ăn. Cậu nhìn Rawlins. Rawlins nhìn lên.

- Cái gì? - Cậu nói.

- Không gì cả.

- Cậu phải vui vẻ hơn về việc ra khỏi nơi đó.

- Tôi cũng nghĩ như cậu.

Rawlins gật đầu, nói: Ừ.

- Cậu muốn làm gì?

- Về nhà.

- Ừ.

Họ ăn.

- Cậu sẽ trở lại đó à? - Rawlins hỏi.

- Ừ. Tôi nghĩ là vậy.

- Vì cô gái đó ư?

- Ừ.

- Còn những con ngựa?

- Cô gái và những con ngựa.

Rawlins gật đầu rồi hỏi: Cậu nghĩ nàng mong cậu quay lại sao?

- Tôi không biết.

- Tôi nghĩ bà công nương già đó có thể ngạc nhiên khi gặp cậu.

- Không, bà ấy sẽ không ngạc nhiên đâu. Bà là một phụ nữ thông minh.

- Còn Rocha thì sao?

- Ông ấy sẽ phải làm bất cứ điều gì ông phải làm.

Rawlins đặt chéo dụng cụ ăn bằng bạc lên chiếc đĩa bên cạnh những mẩu xương và lấy một điều thuốc.

- Đứng đi đến đó. - Anh ta nói.

- Tôi đã quyết định rồi.

Rawlins đốt điều thuốc và lắc que diêm. Anh nhìn lên.

- Có một kiểu thỏa hiệp duy nhất có thể cô ấy đã làm với dì Alfonso mà tôi có thể biết được.

- Tôi biết. Nhưng cô ấy tự mình sẽ cho tôi hay.

- Nếu vậy cậu sẽ trở lại chứ?

- Tôi sẽ trở lại.

- Được.

- Tôi vẫn yêu những con ngựa.

Rawlins lắc đầu và ngoảnh mặt đi.

- Tôi không bảo cậu phải đi cùng tôi. - John Grady nói.

- Tôi biết.

- Cậu ổn chứ?

- Ừ. Tôi biết.

Anh ta rảy cái tàn thuốc và lấy lòng bàn tay dụi mắt rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Bên ngoài trời lại mưa. Trên đường không một bóng người qua lại.

- Thằng bé đằng kia đang cố để bán những tờ báo. - Cậu nói. - Không một ai an ủi ngoại trừ tiếng rao, nó đứng đó với những tờ báo phía dưới chiếc áo.

Cậu lấy mu bàn tay dụi dụi mắt.

- Á, chết tiệt. - Anh ta nói.

- Chuyện gì?

- Không gì cả, chỉ là chuyện trời ơi.

- Là chuyện gì?

- Tôi luôn nghĩ về Blevins tội nghiệp.

John Grady không trả lời, Rawlins quay mặt nhìn cậu. Mắt anh ta ướt đầm, trông anh có vẻ buồn và già đi.

- Tôi không thể tin họ dẫn nó ra đó và làm như thế.

- Ừ.

- Tôi luôn nghĩ về việc nó sợ hãi đến mức nào.

- Cậu sẽ cảm thấy đỡ hơn khi cậu về nhà.

Rawlins lắc đầu và lại nhìn ra ngoài cửa sổ. - Tôi không nghĩ vậy.

John Grady hút thuốc. Cậu nhìn Rawlins. Sau một hồi cậu nói: - Tôi không phải là Blevins.

- Ừ. - Rawlins nói. - Tôi biết cậu không phải. Nhưng tôi tự hỏi rằng cậu là người may mắn nhiều hơn nó.

John Grady dập tắt điếu thuốc. - Nào đi thôi. - Cậu nói.

Họ mua bàn chải đánh răng, một thời xà phòng và một con dao bào ở hiệu thuốc và họ tìm thấy một khách sạn cách đó hai khu chung cư trên con đường Aldama. Chiếc chìa khóa chỉ là loại khóa cửa thông thường được cột vào cái khóa bằng gỗ, số phòng được cạ vào mặt gỗ bằng sợi dây kẽm nóng. Họ bước ngang qua mặt sân trong lát ngói đang có mưa lất phất rơi và tìm căn phòng của mình. Họ mở cửa phòng và bật đèn. Một người đàn ông ngồi dậy trên giường và nhìn họ. Họ lùi lại, tắt đèn rồi đóng cửa lại và quay trở lại quấy để người đàn ông đưa cho họ một chìa khóa khác.

Căn phòng màu xanh sáng sủa và có một cái vòi sen nằm trong góc với một tấm màn bằng vải dầu móc trên một cái vòng. John Grady mở vòi sen và sau một hồi nước nóng chảy ra. Rồi cậu đóng lại.

- Tắm đi. - Cậu nói.
- Cậu tắm trước đi.
- Tôi phải tháo cái băng này ra.

Cậu ngồi trên giường và tháo những lớp băng trong lúc Rawlins tắm. Rawlins tắt vòi nước và móc cái màn trở lại rồi đứng lau khô mình bằng một trong những chiếc khăn tắm xác xơ.

- Chúng ta là hai người được may mắn, phải thế không?
- Rawlins nói.
- Phải.
- Cậu sẽ tháo những mũi khâu đó bằng cách nào?
- Tôi nghĩ sẽ phải cần đến bác sĩ.
- Lấy ra đau hơn là khâu vào?

- Ừ.

- Cậu có biết vậy không?

- Có. Tôi biết.

Rawlins quấn cái khăn tắm vòng quanh người và ngồi trên chiếc giường đối diện. Phong bì đựng tiền đang nằm trên bàn.

- Còn bao nhiêu trong đó?

John Grady nhìn lên. Tôi không biết. - Cậu nói. - Ít hơn nhiều so với phỏng đoán của chúng ta, tôi cực đấy. Nào, đếm thử.

Cậu cầm lấy phong bì và đếm những tờ bạc trên giường.

- Chín trăm bảy mươi peso.

John Grady gật đầu.

- Là bao nhiêu?

- Khoảng một trăm hai mươi đôla.

Rawlins vỗ nhẹ xấp bạc phía trên mặt bàn bằng kính và bỏ chúng lại phong bì.

- Chia đôi đi. - John Grady nói.

- Tôi không cần tiền.

- Cậu cần đấy.

- Tôi đi về nhà mà.

- Không phân biệt gì cả. Một nửa là của cậu.

Rawlins đứng và treo cái khăn tắm lên trên khung giường bằng sắt và kéo lại những tấm ra. - Tôi nghĩ cậu sẽ cần, thậm chí là một hào trong đó đấy. - Anh ta nói.

Khi bước ra khỏi vò sen, John nghĩ Rawlins đã ngủ nhưng anh ấy vẫn chưa ngủ. Cậu bước ngang qua phòng, tắt đèn rồi quay trở lại và tự thả lỏng trên giường. Cậu nằm trong bóng tối, lắng nghe những âm thanh trên đường, tiếng mưa lách tách rơi xuống sân trong.

- Cậu có cầu nguyện không? - Rawlins hỏi.

- Có. Thỉnh thoảng. Tôi cho là mình đã đánh mất thói quen ấy rồi.

Rawlins thỉnh thoảng hồi lâu rồi lên tiếng: - Đầu là điều tồi tệ nhất mà cậu đã từng làm?

- Tôi không biết. Tôi cho rằng nếu tôi đã làm bất cứ chuyện gì thật sự tệ hại tôi sẽ không kể ra. Tại sao?

- Tôi không biết. Lúc ở trong bệnh viện tôi đã nghĩ rằng: Tôi sẽ không ở đây nếu tôi không được trù định sẽ ở đây. Cậu có bao giờ nghĩ vậy không?

- Có. Thỉnh thoảng.

Họ nằm trong bóng tối lắng nghe. Có người bước ngang qua cổng chào. Một cánh cửa mở và đóng lại.

- Cậu chưa bao giờ làm điều gì xấu. - John Grady nói.

- Tôi và Lamont có lần lái chiếc xe tải chở hàng chất đầy thức ăn gia súc đến Sterling City và bán nó cho một vài gã Mexico để lấy tiền.

- Đó không phải là điều tệ hại nhất mà tôi từng nghe.

- Tôi còn làm một vài chuyện khác nữa.

- Nếu cậu nói nữa tôi sẽ hút một điếu thuốc.

- Tôi không nói nữa.

Họ nằm thình lạng trong bóng tối.

- Cậu đã biết chuyện xảy ra rồi chứ? - John Grady nói.

- Ý cậu là ở phòng ăn tập thể chứ gì?

- Ừ.

- Biết.

John Grady với tay lấy mấy điều thuốc ở bàn và châm một điều rồi thổi tắt que diêm.

- Tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ làm điều đó.

- Cậu đâu có sự lựa chọn.

- Tôi vẫn không nghĩ đến điều đó.

- Gã đã làm điều đó với cậu.

Cậu kéo một hơi thuốc và thổi làn khói không nhìn thấy được vào trong bóng đêm. - Cậu không cần phải cố làm cho nó đúng. Đó là điều nó phải như vậy.

Rawlins không trả lời. Sau một hồi anh ta nói: Cậu lấy con dao ở đâu?

- Từ anh em Bautistas. Tôi mua nó với bốn mươi lăm peso còn lại.

- Tiền của Blevins.

- Ừ. Tiền của nó.

Rawlins nằm nghiêng trên cái khung giường sắt lò xo nhìn cậu trong bóng đêm. Điều thuốc lóe lên một màu đỏ đậm nơi John Grady đang ngậm nó và khuôn mặt cậu với những mũi khâu ở má lộ lộ trong bóng đêm giống như chiếc mặt nạ kịch tuồng màu đỏ mờ mờ được chỉnh sửa qua loa và rồi tan biến.

- Khi mua con dao, tôi đã biết phải mua nó vì mục đích gì.

- Tôi không thấy cậu sai ở đâu cả.

Điều thuốc lóe sáng, rồi mờ dần. - Tôi biết. - Cậu nói. - Nhưng cậu đã không làm điều đó.

Sáng hôm sau trời lại đổ mưa. Họ đứng ngoài quán cà phê hôm nọ, ngâm tằm xỉa răng trong miệng và nhìn mưa rơi ở khu họp chợ. Rawlins nhìn mũi của mình trong kính.

- Cậu biết tôi ghét điều gì không?

- Cái gì?

- Xuất hiện ở nhà mà trông như thế này.

John Grady nhìn anh ta và rối ngoảnh mặt đi. - Tôi không trách cậu. - Cậu nói.

- Trông cậu cũng không được khỏe lắm.

John Grady cười. - Đi nào. - Cậu nói.

Họ mua mũ và quần áo mới ở cửa hàng Victoria Street rồi mặc chúng dạo bước trên con đường. Trong cơn mưa lất phất, họ đi đến trạm xe buýt để mua cho Rawlins vé xe về Nuevo Laredo. Họ ngồi trong quán cà phê ở trạm xe trong những bộ quần áo mới cứng với hai chiếc mũ mới úp xuống bên cạnh trên hai chiếc ghế của họ. Họ uống cà phê cho đến khi chiếc xe được thông báo qua cái loa phóng thanh.

- Xe của cậu đấy. - John Grady nói.

Họ đứng dậy, đội mũ lên và bước ra ngoài đến những cái cổng.

- Ủ. - Rawlins nói. - Tôi nghĩ sẽ gặp lại cậu một ngày gần đây.

- Bảo trọng nhé.

- Ủ. Cậu cũng vậy nhé.

Anh ta quay người và đưa chiếc vé cho gã tài xế. Gã giúi một cái lỗ và trả lại cho anh ta rồi nặng nề bước lên xe. John Grady đứng nhìn trong lúc anh ta bước dọc theo lối đi giữa hai dãy ghế. Cậu nghĩ anh ấy sẽ chọn chỗ ngồi ở gần cửa sổ nhưng không phải. Anh ta ngồi ở bên kia xe và John Grady đứng một hồi rồi ngoảnh mặt bước đi qua trạm xe, ra ngoài đường và chậm rãi bước về khách sạn trong cơn mưa.

Những ngày sau đó, cậu kiệt sức, lần tìm danh sách bác sĩ phẫu thuật trong cái tủ phủ hiu quạnh nhỏ bé nhưng chẳng tìm ra ai làm công việc cậu cần nhờ. Cậu trải qua những ngày rảo bước lên xuống các con đường chật hẹp cho đến khi thuộc hết mọi góc ngách và ngõ cụt. Ngày cuối cùng trong tuần, những mũi khâu trên khuôn mặt cậu đã được tháo ra, ngồi trong một chiếc ghế thường bằng kim loại, vị bác sĩ ngậm nga hát khi ông dùng kéo cắt chỉ và kéo chúng bằng cái kẹp chuyên dụng. Ông nói rằng bề ngoài vết sẹo sẽ cải thiện. Ông dặn cậu đừng nhìn vào đó bởi vì theo thời gian, nó sẽ đỡ hơn. Rồi ông đặt miếng gạc lên đó và lấy cậu năm mươi peso, bảo cậu năm ngày sau quay lại và ông sẽ tháo những mũi khâu ở bụng.

Một tuần sau, cậu rời Saltillo trên boong xe tải mui trần đi về hướng bắc. Ngày hôm đó trời lạnh và u ám. Một động cơ diesel lớn được xích vào boong của chiếc xe tải. Cậu ngồi trên boong khi xe chạt vật chạy qua những con đường, cố

tự giữ lấy mình, hai bàn tay cậu chống xuống hai bên mặt sàn xe thô ráp. Sau một hồi cậu kéo mũ xuống gần sát đôi mắt và đứng đưa hai bàn tay duỗi thẳng lên mái của cabin và phóng đi theo kiểu như vậy. Như thế cậu là một nhân vật quan trọng nào đó mang tin tức về cho đất nước. Như thế cậu là một người theo phái Phúc Âm vừa mới xác lập được xuống núi và hướng về phương bắc, băng qua xứ sở âm đạm bằng phẳng tiến về Monclova.

IV

Tại trạm xe ở nút giao nhau tại đầu đó bên kia Paredon, xe ngừng lại đón năm công nhân nông trường. Họ leo lên boong xe, gật đầu và nói chuyện với cậu, hết sức nhã nhặn và cẩn trọng. Trời gần như đã tối và mưa lất phất. Họ bị ướt, những khuôn mặt thẫm đẫm trong ánh sáng màu vàng từ trạm xe. Họ dồn sát lại gần cái động cơ bị xích và cậu mời họ thuốc lá. Họ cầm thuốc lá và từng người nói lời cảm ơn với cậu và rồi họ khum bàn tay thành hình chén bao bọc một ngọn lửa bé nhỏ khỏi nước mưa đang rơi và rồi họ lại cảm ơn cậu.

- Anh từ đâu đến? - Họ hỏi.

- Từ Texas.

- Texas à. - Họ nói. - Và anh đang đi đâu đây?

Cậu kéo một hơi thuốc. Cậu nhìn khuôn mặt họ. Một trong số đó có vẻ già hơn những người còn lại gật đầu nhìn bộ quần áo mới rẻ tiền của cậu.

- Anh ta đi thăm cô dâu của mình. - Gã nói.

Họ nhìn cậu một cách nghiêm trang và cậu gật đầu nói rằng đó là sự thật.

- À. - Họ nói. - *Vậy thì tốt lắm.* Và một lúc lâu sau đó, cậu có lý do để gọi lên ký ức về những nụ cười đó. Cậu ngẫm nghĩ về thiện chí vốn đã thôi thúc họ bởi nó có sức mạnh để bảo vệ và mang lại vinh dự cũng như củng cố sự quyết tâm, và nó còn có sức mạnh để chữa trị con người và mang họ đến với sự an toàn sau khi tất cả những nguồn lực khác đã bị kiệt quệ.

Cuối cùng khi chiếc xe tải lăn bánh, họ thấy cậu vẫn đứng đó. Họ đưa những gói hàng của họ cho cậu ngồi lên và cậu ngồi, gật đầu và tất cả gật gù theo tiếng âm ừ của bánh xe trên mặt nhựa đường. Cơn mưa đã tạnh và bầu trời đêm trở nên quang đãng, mặt trăng cũng đã lên cao rượt đuổi nhau giữa những sợi dây điện chót vót bên cạnh con đường cao tốc giống như nốt nhạc bạc lẻ loi bùng cháy ở đằng xa, và trong đêm tối phóng khoáng, những cánh đồng băng ngang tươi tốt nhờ cơn mưa mang hương vị của đất, ngũ cốc, tiêu và có khi là mùi của ngựa. Lúc nửa đêm họ đến Monclova và cậu bắt tay với từng người rồi bước vòng qua chiếc xe cảm ơn anh tài xế và gật đầu với hai người khác đang ngồi trong cabin. Và rồi cậu nhìn ánh đèn hậu nhỏ màu đỏ đang xa dần xa dần trên con đường và hướng lên xa lộ để cậu một mình giữa cái thị trấn tối đen này.

Đêm đó trời âm áp, cậu ngủ trên một cái ghế dài ở khu công viên và thức dậy khi mặt trời đã lên cao rồi công việc trong ngày bắt đầu. Những em học sinh mặc đồng phục xanh băng ngang dọc theo lối đi. Cậu đứng dậy và băng qua

đường. Những chị phụ nữ đang lau chùi vỉa hè phía trước các cửa hiệu và những người bán dạo bày biện các mặt hàng của họ trên những cái kệ nhỏ hoặc những chiếc bàn và nhìn một ngày trôi qua.

Cậu ăn điểm tâm với bánh mì ngọt và cà phê ở một quầy cà phê nằm trên lề đường ngoài khuôn viên. Cậu bước vào một hiệu thuốc và mua một thời xà phòng và bỏ nó vào trong túi áo khoác cùng với lưỡi dao cạo và bàn chải đánh răng rồi tiếp tục bước đi dọc theo con đường về hướng tây.

Cậu đón một chuyến xe đến Frontera và một chuyến khác đến San Buenaventura. Đến giữa trưa cậu tắm trong một con mương tưới tiêu. Cậu cạo râu, rửa mặt và nằm ngủ trên chiếc áo khoác của mình giữa ánh nắng mặt trời cho đến khi quần áo khô. Dọc theo con mương là một cái ketxon bằng gỗ nhỏ. Khi cậu thức dậy có những đứa trẻ trần trụi vẩy nước tung tóe trong hồ. Cậu đứng dậy, quần chiếc áo khoác vòng quanh hông và bước đi dọc theo bờ mương, nơi cậu có thể ngồi và nhìn chúng. Hai cô gái băng ngang trên bờ mương mang theo một cái bình có nắp đậy bằng vải và tay kia cầm cái thùng được đậy kín. Họ đem bữa ăn tối cho những nông dân trên đồng và họ mỉm cười bên lên với cậu, người đang ngồi đó với tấm lưng trần, nước da tái nhợt và vết khâu tẩy đỏ lấm chấm ngang qua ngực và bụng. Cậu lặng lẽ hút thuốc, nhìn ngắm những đứa trẻ tắm trong con nước đầy bùn.

Suốt buổi chiều cậu đi bộ ra ngoài con đường nóng khô khốc về Cuatro Cienagas. Không ai cậu gặp mà không nói chuyện. Cậu bước dọc theo qua những cánh đồng nơi đàn ông và đàn bà đang cuốc đất, những người đang làm việc bên lề đường cũng dừng lại, gật đầu với cậu và cùng hớn hớ

với một ngày tốt đẹp. Cậu tán thành với tất cả những gì họ nói. Tối đến, cậu dùng bữa với những người nông dân bên trong trại của họ, năm hoặc sáu gia đình cùng ngồi với nhau quanh một chiếc bàn được làm từ những cây cột được cắt ra và buộc lại với nhau bởi những sợi dây gai dầu. Chiếc bàn được đặt phía dưới một túp lều vải bạt và ánh nắng buổi tối hòa vào không gian dưới ánh đèn màu cam sẫm nơi những đường chỉ và mũi khâu dịch chuyển tới lui trên khuôn mặt và quần áo họ khi họ cử động. Hai cô gái sắp những đĩa thức ăn lên trên những tấm pa lét nhỏ được làm từ mặt đáy của những cái sọt vốn chẳng thứ gì có thể đổ xuống trên bề mặt của chiếc bàn và một ông già ở cuối đầu bàn bên kia cầu nguyện cho tất cả mọi người. Ông nói rằng Chúa luôn nhớ đến những người đã chết và những người sống đang tụ họp nơi đây, nên nhớ rằng ngô bắp mọc lên là nhờ ý chỉ của Chúa và ngoài điều đó ra sẽ chẳng có ngô bắp, chẳng có sự phát triển, chẳng có ánh sáng, không khí, mưa hay bất cứ thứ gì ngoại trừ bóng tối. Rồi họ cùng ăn.

Họ chuẩn bị một cái giường cho cậu nhưng cậu cảm ơn họ và bước ra ngoài trong bóng đêm, dọc theo con đường cho đến khi đến một lùm cây và cậu ngủ ở đó. Sáng hôm sau bảy cừu xuất hiện trên đường. Hai chiếc xe tải chở những người nông dân chạy dọc theo phía sau đàn cừu và cậu bước đến con đường, xin anh tài xế cho đi nhờ. Anh tài xế gạt đầu mời cậu lên xe và cậu trượt chân dọc theo cái boong của chiếc xe tải đang chạy và cậu cố tự kéo mình lên. Cậu không thể và khi những nông dân nhìn thấy tình trạng của cậu, họ lập tức đứng dậy và kéo cậu lên. Qua hàng loạt những chuyến đi như vậy và nhiều lần đi bộ, cậu tiếp tục đi về hướng tây qua những ngọn núi thấp bên kia Nadadores và vào khu vực

đất bùn rồi bám theo con đường đất ra khỏi La Madrid. Xế chiều, một lần nữa cậu lại đi vào thị trấn La Vega.

Cậu mua một chai Coca-Cola trong cửa hiệu và đứng tựa người vào quầy trong lúc uống. Rồi cậu uống một chai nữa. Cô gái đứng ở quầy quan sát cậu với vẻ lưỡng lự. Cậu đưa mắt nhìn tấm lịch trên tường. Trong một tuần lễ cậu không biết ngày tháng gì cả và khi cậu hỏi, cô ta cũng không biết. Cậu đặt cái chai thứ hai lên quầy, bên cạnh chai thứ nhất và bước ra ngoài đến con đường đất và tiếp tục đi bộ theo con đường làng dẫn về La Purisima.

Cậu đi đã bảy tuần lễ và vùng đất thay đổi, mùa hè trôi qua. Cậu hầu như chẳng nhìn thấy ai trên đường và cậu đến trang trại sau khi trời tối

Khi gõ cửa phòng lão cai, qua ô cửa, cậu có thể nhìn thấy gia đình đang ăn tối. Người phụ nữ đến cánh cửa và khi bà thấy cậu, bà quay lại gọi Armando. Gã đến cánh cửa và đứng xĩa răng. Chẳng ai mời cậu vào nhà cả. Khi Antonio bước ra ngoài, họ ngồi dưới mái vòm và hút thuốc.

- Ai ở trong nhà vậy? - John Grady hỏi.

- Cô gái.

- Và cả ông Rocha nữa à?

- Ở Mexico.

John Grady gật đầu.

- Ông ấy và cô gái đi Mexico. Bằng máy bay. - Gã dùng một tay tạo hình ảnh chuyển động của chiếc máy bay.

- Khi nào họ trở lại?

- Ai mà biết được.

Họ hút thuốc.

- Mọi thứ của anh vẫn ở đây.

- Vậy à?

- Vâng. Khẩu súng. Tất cả những đồ đạc của anh. Và của bạn anh.

- Cám ơn.

- Không có gì.

Họ ngồi. Antonio nhìn cậu.

- Anh chẳng có gì, chàng trai à.

- Tôi biết.

- Hệ trọng.

- Không sao. Tôi có thể ngủ trong chuồng ngựa được không?

- Được. Nếu anh đừng nói về tôi.

- Những con ngựa cái thế nào rồi?

Antonio mỉm cười. - Những con ngựa cái. - Gã nói.

Gã mang đến những đồ đạc của cậu. Khẩu súng đã được tháo hết đạn và những viên đạn nằm trong túi sách cùng với những dụng cụ cạo râu của cậu, con dao săn Cẩm Thạch cũ kỹ của bố cậu. Cậu cám ơn Antonio và bước về nhà ngựa trong bóng đêm. Tấm nệm trên giường của cậu đã được cuộn lên và không còn gối hay khăn ngủ nào cả. Cậu trải tấm vải bọc, ngồi xuống và đá hai chiếc ủng ra rồi duỗi thẳng cẳng. Một vài con ngựa trong chuồng nháy cẳng lên khi cậu đi vào nhà ngựa và cậu có thể nghe tiếng chúng khịt khịt và lạo xạo. Cậu thích nghe tiếng chúng. Cậu thích ngửi mùi chúng và rồi cậu chìm vào giấc ngủ.

Lúc trời sáng già già giữ ngựa đẩy cánh cửa mở ra và đứng nhìn cậu. Rồi ông đóng cánh cửa lại. Khi ông đi, John Grady đứng dậy, lấy xà phòng và dao cạo của mình rồi bước đến vòi nước ở phía sau nhà ngựa.

Khi cậu bước đến ngôi nhà, lũ mèo nhảy ra từ chuồng ngựa và vườn cây ăn quả. Chúng đi dọc theo bức tường cao hoặc đợi đến lượt mình băng qua phía dưới phần gỗ bị ăn mòn của cánh cổng. Carlos giết thịt một con cừu và dọc theo mặt sàn lốm đốm của cánh cổng, những con mèo khác đang phơi mình dưới ánh nắng đầu tiên trong ngày chiếu xuống xuyên qua cây hoa đĩa. Carlos đeo tạp dề nhìn ra ngoài từ lối ra vào của bức thành ở cuối cánh cổng. John Grady chúc ông một buổi sáng tốt đẹp và ông gật đầu một cách nghiêm nghị rồi bỏ đi.

Maria dường như không ngạc nhiên khi nhìn thấy cậu. Bà ấy dọn bữa ăn sáng cho cậu và cậu nhìn bà rồi lắng nghe bà huyền thuyên. Bà đi chưa ra khỏi phòng trong một giờ đồng hồ nữa. Một chiếc xe đến đón bà vào lúc mười giờ. Bà sẽ đi suốt cả ngày viếng thăm khu làng Margarita. Bà sẽ trở về trước khi trời tối. Bà không thích đi đường vào ban đêm. Có lẽ bà ấy có thể gặp cậu trước khi cậu đi.

John Grady ngồi uống cà phê. Cậu xin bà ấy một điều thuốc và bà mang gói El Toros ở cửa sổ phía trên bốn rửa chén và đặt lên bàn cho cậu. Bà không hỏi cậu đã đến đâu hoặc mọi việc thế nào với cậu nhưng khi cậu đứng dậy đi bà đặt bàn tay lên vai cậu và chế thêm cà phê vào tách cậu.

- Cậu có thể đợi ở đây. - Bà nói. - Bà ấy sẽ đến ngay.

Cậu đợi. Carlos bước vào và đặt những con dao của ông vào chậu rửa chén rồi đi ra. Lúc bảy giờ bà đi ra ngoài cùng

với cái khay điểm tâm và khi trở lại, bà bảo rằng cậu được mời đến ngôi nhà đó vào lúc mười giờ tối đêm đó. Bà ấy muốn gặp cậu. Cậu đứng dậy đi.

- *Tôi cần một con ngựa.* - Cậu nói.

- *Con ngựa à?*

- *Vâng. Chỉ trong một ngày, không hơn.*

- *Đợi một chốc.* - Bà ấy nói.

Khi quay lại, bà gật đầu. - *Cậu sẽ có con ngựa. Đợi đã. Ngồi xuống đi.*

Cậu đợi trong lúc bà ấy chuẩn bị bữa ăn trưa cho cậu. Bà gói trong một tờ báo và dùng sợi dây bện cột lại và đưa cho cậu.

- *Cám ơn.* - Cậu nói.

- *Không có chi.*

Bà cầm mấy điều thuốc và hộp diêm quẹt trên bàn đưa cho cậu. Cậu cố đọc trong sắc mặt của bà điều bà đang nghĩ về cậu. Trong tất cả điều mà cậu thấy, cậu mong là đừng như vậy. Bà đẩy những điều thuốc về phía cậu và nói: *Nào, đi thôi.*

Có mấy con ngựa mới trong vài chuồng và khi đi qua nhà ngựa, cậu dừng lại để nhìn chúng. Trong căn phòng chứa dụng cụ, cậu kéo sợi dây bóng đèn, lấy một tấm lót và bộ cương mà cậu thường sử dụng và lấy xuống cái yên ngựa có vẻ tốt nhất trong số sáu cái trên giá treo. Cậu nhìn chiếc yên và thổi bụi, kiểm tra những sợi đai và cầm cái sừng yên hất mạnh lên vai. Cậu bước ra ngoài và đến chỗ bãi quây.

Con ngựa giống khi nhìn thấy cậu bước đến bắt đầu chạy lóc cóc. Cậu đứng ở cổng và nhìn nó. Nó băng ngang qua với cái đầu nghiêng nghiêng, đôi mắt tròn xoe và mũi hít hít cái không khí buổi sáng. Và rồi khi nhận ra cậu, nó quay lại và tiến đến chỗ cậu. Cậu đẩy cánh cổng mở ra. Con ngựa hí lên rồi lắc lắc cái đầu, thở khìt khìt và dúi cái mũi bóng mượt và dài của nó vào ngực cậu.

Khi cậu đi ngang qua nhà trại, Morales đang ngồi bên ngoài phía dưới mái vòm lộ hành. Ông vẫy vẫy vu vơ con dao trong tay và lớn tiếng gọi to. John Grady lên tiếng cảm ơn rồi mới hiểu ra người đàn ông không nói rằng ông ta vui sướng khi gặp lại cậu mà chính là con ngựa. Cậu lại vẫy tay và quất vào con ngựa. Con ngựa giậm chân và họ cùng phóng đi như thể con ngựa không thể tìm thấy kiểu đi nào trong vốn tiết mục của nó để phù hợp với ngày hôm đó cho đến khi cậu cười nó đi qua cánh cổng và biến mất khỏi tầm nhìn của ngôi nhà, kho thóc và nhà bếp. Cậu vỗ vỗ vào cạnh sườn bóng mượt đang run run phía dưới và họ chuyển sang nước đại và phóng lên con đường lấy lợi.

Cậu cười đi giữa bảy ngựa trên ngọn núi đỉnh bằng và cậu lừa chúng ra khỏi những vùng đất thấp và những khu tuyết tùng rậm rạp nơi chúng đến để núp, và cậu thúc con ngựa phi nước đại dọc theo những mép cỏ để ngọn gió làm mát nó. Cậu đuổi những con chim ó buteo bay khỏi một con mương nơi chúng bám vào một con ngựa non đã chết và cậu ngồi trên lưng ngựa nhìn xuống một hình thù đáng thương nằm sóng soài trên bãi cỏ bị vấy bẩn, hai con mắt bị mất và trần trụi.

Đến trưa cậu ngồi, hai chiếc ủng du đưa trên rìa đá, ăn món gà ngỗng và bánh mì mà bà giúp việc đã chuẩn bị cho

cậu trong lúc con ngựa đang gặm cỏ. Vùng đất cuốn xa về hướng tây qua ánh sáng và bóng râm gây khúc, những cơn bão mùa hè từ đằng xa cách một trăm dặm từ vùng đất đến nơi những dãy núi nhô lên và chìm vào sương mù. Cậu hút thuốc, thọc tay vào cái chóp mũ của mình và đặt một viên đá trong đó, nằm ngửa trên bãi cỏ rồi đặt chiếc mũ khá nặng lên mặt. Cậu nghĩ giấc mơ nào có thể mang lại cho cậu sự may mắn. Cậu trông thấy nàng đang cười ngựa với cái lưng thật thẳng và chiếc mũ đen trên đầu, mái tóc nàng bóng bẩy và cách nàng ngoảnh mặt lại, cách nàng mỉm cười và đôi mắt của nàng. Cậu nghĩ về Blevins. Cậu nghĩ về khuôn mặt và đôi mắt của nó khi cậu tạo những ảnh hưởng cuối cùng lên nó. Cậu mơ thấy Blevins một đêm nọ ở Saltillo, Blevins đến ngồi bên cạnh cậu. Họ nói về việc khi chết đi sẽ như thế nào và Blevins nói rằng nó chẳng giống gì cả và cậu tin vào nó. Cậu nghĩ có lẽ nếu cậu mơ về nó đủ nhiều, cậu sẽ ra đi mãi mãi và chết theo kiểu của nó. Tiếng cò được cất xén trong gió văng vẳng bên tai cậu và cậu chìm vào giấc ngủ mà chẳng mơ thấy gì nữa.

Khi cậu cười ngựa qua công viên vào buổi tối, đàn gia súc liên tục di chuyển ra ngoài những lùm cây trước mặt cậu nơi chúng đi đến để núp mát trong ngày. Cậu cười xuyên qua một lùm cây táo dại và nhiều gai. Cậu hái một trái và cắn vào. Trái táo cứng, xanh và đắng. Cậu thúc con ngựa đi xuyên qua đồng cỏ tìm kiếm những quả táo chín trên mặt đất nhưng gia súc đã ăn hết. Cậu cười ngang qua đồng đồ nát của một mái nhà cũ. Rầm dờ của cánh cửa ra vào đã mất và cậu dẫn con ngựa vào. Những thanh xà gỗ đã đổ xuống một phần, và những người đi săn hoặc chăn gia súc đốt lửa trên sàn nhà. Một tấm da bê cũ được đóng vào một bức tường,

không có khung cửa sổ nào có kính cả bởi vì cách đây đã lâu những khung cửa hay khung cửa trượt đã được tháo ra để làm củi đốt. Một bầu không khí kỳ lạ ở nơi này. Như một khu đất nào đó nơi cuộc sống không triển nở được. Con ngựa không thích khung cảnh này, cậu giật nhẹ sợi cương ở cổ nó rồi dùng gót ủng thúc vào sườn nó và họ cẩn trọng ngoảnh lại, đi ra ngoài rồi chạy xuyên qua khu vườn ăn quả cùng những vùng đầm lầy hướng về con đường. Những con chim bồ câu tụ về dưới ánh sáng mờ tối. Cậu lái con ngựa để nó khỏi giẫm liên tục vào cái bóng của nó, bởi như vậy dường như khó cưỡi được.

Cậu rửa mặt ở vòi thùng nước chỗ bãi quây và mặc vào chiếc áo khác và lau bụi hai chiếc ủng rồi bước về nhà trại. Trời đã tối. Những anh cao bồi đã ăn xong và đang ngồi với nhau phía dưới mái vòm hút thuốc.

- *Chào buổi tối.* - Cậu nói.

- *Anh đó à, John?*

- *Đúng vậy.*

Một khoảnh khắc thỉnh lặng. Rồi một người nào đó nói:
Mừng anh đã ở đây.

- *Cám ơn.* - Cậu nói.

Cậu ngồi hút thuốc cùng với họ rồi kể cho họ tất cả những chuyện đã xảy ra. Họ lo lắng cho Rawlins, một người bạn gần gũi với họ nhiều hơn là cậu. Họ buồn vì anh ấy không trở lại nhưng họ nói rằng một người đàn ông mất mát nhiều thứ khi anh ta rời bỏ quê hương mình. Họ nói rằng không phải ngẫu nhiên khi một người được sinh ra ở một đất nước nào đó, họ nói rằng thời tiết và mùa màng vốn tạo thành

một vùng đất cũng sẽ tạo thành những phẩm chất bên trong của con người trong những thế hệ của họ và được truyền lại cho thế hệ con cháu của họ, và ngược lại không dễ dàng gì mà có được. Họ nói về gia súc, ngựa và những con ngựa mái non hoang đã đến thời kỳ của chúng và nói về đám cưới ở La Vega và một vụ chết chóc ở Vibora. Không ai nói về ông chủ hoặc dì cả. Không ai nói về cô gái. Cuối cùng cậu chúc họ một buổi tối tốt lành rồi trở ngược về lại nhà ngựa, nằm trên võng nhưng cậu không có cách nào để biết giờ. Cậu đứng dậy và đi đến ngôi nhà, gõ cửa nhà bếp.

Cậu đợi và lại gõ cửa. Khi Maria mở cửa để cậu bước vào, cậu biết rằng Carlos vừa mới rời khỏi phòng. Bà nhìn vào chiếc đồng hồ trên tường phía trên bốn rửa chén.

- Cậu ăn gì chưa? - Bà ta nói.

- Chưa.

- Ngồi đi. Còn thời giờ mà.

Cậu ngồi ở bàn và bà ấy làm cho cậu một đĩa cừu nướng với nước chấm thịt ướp, đặt lên lò để hâm nóng rồi vài phút sau bà mang lại cho cậu cùng một tách cà phê. Bà rửa hết chén đĩa ở chậu rửa và còn một ít thời gian trước khi đến mười giờ, bà lau khô hai bàn tay trên chiếc tạp dề rồi đi ra ngoài. Khi quay lại, bà đứng ở cửa. Cậu đứng dậy.

- Bà ấy đang ở phòng khách đấy. - Bà nói.

- Cám ơn.

Cậu bước dọc theo hành lang đến phòng khách. Bà đang đứng một cách trang trọng trong bộ y phục lịch lãm khiến cho cậu phải lo sợ. Bà bước ngang qua phòng, ngồi xuống và gật đầu về cái ghế đối diện.

- Mời ngồi xuống.

Cậu bước chậm rãi qua mặt thảm hoa văn và ngồi xuống. Phía sau bà, trên bức tường là một bức thảm thêu lớn vẽ về cuộc trò chuyện giữa hai người cưỡi ngựa trên con đường trong một khung cảnh giờ đã không còn nữa. Phía bên trên cánh cửa đôi dẫn vào phòng đọc là cái đầu của một con bò đầu đã mất một tai.

- Hector nói rằng cậu sẽ không về lại đây. Ta quả quyết ông ấy sai.

- Khi nào ông ấy về lại?

- Ông ấy sẽ không trở lại trong một thời gian. Trong bất kỳ tình huống nào ông ấy sẽ không gặp cậu.

- Cháu nghĩ cháu còn nợ một lời giải thích.

- Ta nghĩ mọi chuyện đã được giải thích có lợi cho cậu. Cậu là một nỗi tuyệt vọng lớn cho cháu trai ta và là một khoản chi đáng kể cho ta.

- Không phản đối, thưa bà, nhưng bản thân cháu đã gặp một ít phiền toái.

- Các viên chức đã một lần đến đây, cậu biết đấy. Cháu trai ta đã không tiếp họ cho đến khi ông ấy có thể tiến hành một cuộc điều tra. Ông ấy hoàn toàn tin rằng sự thật không phải như vậy. Hoàn toàn tin tưởng.

- Tại sao ông ấy không nói gì với cháu.

- Ông ấy truyền lời đến vị cai ngục. Nếu không thì cậu sẽ bị tổng di ngay lập tức. Ông ấy muốn có cuộc điều tra riêng. Ta nghĩ cậu có thể hiểu rằng tên cai ngục sẽ lưỡng lự khi thông báo với mọi người trước khi bắt họ.

- Lẽ ra cháu phải được phép kể về vấn đề này.

- Cậu đã nói dối ông ấy hai lần. Tại sao ông ấy lại không chắc rằng cậu sẽ nói dối lần thứ ba?

- Cháu chưa bao giờ nói dối ông ấy.

- Chuyện con ngựa bị đánh cắp được biết ở đây thậm chí trước khi cậu đến. Những tên trộm là người Mỹ. Khi ông ấy hỏi cậu về chuyện này cậu lại chối mọi thứ. Vài tháng sau, bạn của cậu trở lại thị trấn Encantada và thực hiện vụ giết người. Nạn nhân là một sĩ quan của tiểu bang. Không ai có thể chối cãi sự thật này.

- Khi nào ông ấy trở lại?

- Ông ấy sẽ không gặp cậu.

- Bà nghĩ cháu là tội phạm.

- Ta sắp tin rằng một vài tình huống nào đó hẳn đã được dàn xếp chống lại cậu. Nhưng cái gì đã làm rồi thì không thể tháo gỡ được.

- Tại sao bà trả tiền để cháu được ra tù?

- Ta nghĩ cậu biết vì sao rồi.

- Bởi vì Alejandra.

- Phải.

- Và cô ấy có cái gì để đáp trả?

- Ta nghĩ cậu cũng biết điều đó.

- Và cô ấy cũng không muốn gặp cháu.

- Phải.

Cậu ngã người ra sau trên chiếc ghế và nhìn chăm chăm vào bức tường phía sau bà ấy. Vào thăm thăm thêu,

vào chiếc lọ trang trí màu xanh bên trên mặt tủ làm bằng gỗ óc chó được in hoa.

- Ta không thể nào có thể đếm trên hai bàn tay mình số phụ nữ trong gia đình này đã từng hứng chịu những cuộc tình bi thảm với những người đàn ông mang tai tiếng. Dĩ nhiên thời gian đã khiến vài người đàn ông này tự cải huấn thành những nhà cách mạng. Chị gái ta Matilde bị góa hai lần ở độ tuổi hai mươi mốt, hai người chồng đều bị bắn chết. Đại loại như vậy. Người phạm tội hai chồng. Họ không muốn giữ mãi ý niệm về dòng máu bị vấy bẩn. Một lời nguyện rửa cho gia đình. Nhưng không, nó sẽ không gặp cậu.

- Bà đã áp đặt cô ấy.

- Ta hài lòng vì ở trong một vị thế thuận lợi.

- Đừng bảo cháu phải cảm ơn bà.

- Ta sẽ không làm thế.

- Bà không có quyền. Lẽ ra bà nên để cháu lại đây.

- Cậu sẽ chết.

- Vậy thì cháu sẽ chết.

Họ ngồi trong thinh lặng. Tiếng đồng hồ trong gian phòng lớn gõ đều.

- Chúng ta nhất trí rằng cậu sẽ có một con ngựa. Ta sẽ giao Antonio giám sát việc chọn lựa. Cậu có tiến không?

Cậu nhìn bà ấy. Cháu nghĩ những thất vọng trong cuộc đời của bà lẽ ra sẽ khiến bà trở nên cảm thông hơn với những người khác.

- Có thể cậu đã nghĩ sai.

- Cháu đoán như vậy.

- Những khó khăn trong cuộc sống sẽ khiến cho con người trở nên khoan dung hơn không phải là trải nghiệm của ta.

- Cháu nghĩ điều đó phụ thuộc vào từng người.

- Cậu nghĩ cậu biết một điều gì đó về cuộc đời ta. Một bà già mà quá khứ có lẽ đã để lại nỗi đắng cay. Ghen tuông về hạnh phúc của những người khác. Đó là điều bình thường. Nhưng không phải là câu chuyện của ta. Ta đưa nguyên do của cậu ra bất chấp cơn thịnh nộ ác liệt nhất từ phía mẹ của Alejandra - người mà thật đáng tiếc cậu chưa bao giờ gặp. Điều đó có khiến cậu ngạc nhiên không?

- Có.

- Có. Nếu bà ấy là một người bình thường có lẽ ta sẽ không ủng hộ cậu. Ta không phải là người thuộc tầng lớp thượng lưu. Những xã hội mà ta sống dường như cũng chỉ là những cỗ máy đàn áp phụ nữ. Xã hội rất quan trọng ở Mexico. Nơi phụ nữ thậm chí không được quyền bỏ phiếu. Ở Mexico họ cuồng nhiệt với xã hội và chính trị nhưng lại rất tối ở hai thứ này. Gia đình ta được coi là thành phần cấp thấp ở đây, nhưng sự cuồng nhiệt của người Tây Ban Nha thì không khác lắm với sự cuồng nhiệt của người châu Âu sống ở châu Mỹ. Bi kịch chính trị ở Tây Ban Nha được kể lại đầy đủ hai mươi năm về trước trên mảnh đất Mexico. Cho những người có mắt để chứng kiến. Không có gì là giống nhau cả và rồi mọi thứ. Trong sâu thẳm của một người Tây Ban Nha là sự khao khát tự do, nhưng chỉ là riêng anh ta. Một lòng yêu mến sự thật và danh dự trong tất cả những hình thức của nó chứ không phải trong bản chất của nó. Và một niềm tin sâu sắc rằng không có gì có thể chứng minh ngoại trừ phải đổ

máu. Những trinh nữ, bò, đàn ông. Cuối cùng là chính Chúa. Khi nhìn vào cháu gái ta, ta thấy một đứa trẻ. Và rồi ta biết rất rõ ta là ai và như thế nào trong lứa tuổi của nó. Trong một cuộc đời khác có thể ta là một nữ chiến binh. Có thể nó cũng vậy. Và ta sẽ không bao giờ biết cuộc đời nó như thế nào. Nếu có một khuôn mẫu ở đó tự nó không định hình thành bất cứ thứ gì mà đôi mắt này có thể nhận ra. Bởi vì ta luôn phân vân rằng liệu hình thù mà chúng ta nhìn thấy trong cuộc đời của chúng ta đã hiện hữu ở đó ngay từ lúc ban đầu hay liệu những biến cố ngẫu nhiên này chỉ được gọi là một khuôn mẫu sau sự thật đó. Bởi vì ngược lại chúng ta chẳng là gì cả. Cậu có tin vào số phận không?

- Có, thưa bà. Cháu nghĩ là có.

- Cha ta có một cảm nhận rất mạnh về sự liên hệ giữa các sự vật. Ta không chắc là mình có thể chia sẻ điều đó. Ông cho rằng trách nhiệm về một quyết định không bao giờ có thể bỏ mặc cho một thế lực vô hình mà chỉ có thể là quyết định của chính con người vốn dĩ ngày một xa rời với những hậu quả của chúng. Một ví dụ mà ông đưa ra là về một đồng kẽm trong xưởng đúc và về người thợ cầm lấy đồng kẽm đó từ cái khay và đặt nó vào trong cái khuôn đúc rập theo một trong hai cách, và từ tác động đó tất cả, sắp hay ngửa. Cho dù có bao nhiêu lần tung đồng kẽm thì rốt cuộc cũng đến lượt chúng ta, và rồi sẽ qua đi.

Bà mỉm cười. Yếu ớt. Ngán ngùi.

- Đó là một kiểu lý lẽ ngớ ngẩn. Nhưng một người nhỏ bé ẩn khuất ở chiếc ghế dài đó vẫn còn ở trong ta. Ta nghĩ nếu đó là số phận vốn chế ngự dòng họ chúng ta, có lẽ nó được tăng bốc hoặc biện luận chặt chẽ. Nhưng người thợ đúc

không thể. Hướng đôi mắt đáng thương của ông qua cặp mắt kính xám xịt vào những thẻ kim loại ẩn khuất trước mặt ông. Đưa ra lựa chọn của mình. Có lẽ lưỡng lự một chốc. Trong khi đó số phận của những thế giới bí ẩn đi đến kết quả chung cuộc. Cha ta hẳn đã nhìn thấy trong câu chuyện ngụ ngôn này. Đối với ta, thế giới luôn chỉ là một màn múa rối. Nhưng khi người ta nhìn ra phía sau bức màn và lần theo những sợi dây hướng lên trên anh ta sẽ nhìn thấy chúng kết thúc trong tay của những con rối khác, chính chúng với những sợi dây kéo riêng của mình và lần lên trên nữa, cứ thế luân phiên. Trong cuộc đời ta, ta đã từng nhìn thấy những sợi dây có nguồn gốc vô tận tạo ra những cái chết của những con người vĩ đại trong bạo lực và điên loạn. Hủy hoại cả một quốc gia. Ta sẽ cho cậu biết về Mexico. Nó đã từng như thế nào và rồi sẽ ra sao. Cậu sẽ hiểu rằng những điều khiến ta thiên về phía cậu cuối cùng lại đưa ta đến quyết định chống lại cậu.

- Khi ta còn là thiếu nữ, đất nước này nghèo đói khủng khiếp lắm. Những gì cậu nhìn thấy hôm nay thậm chí không thể gọi lên được điều gì. Và ta đã bị ảnh hưởng bởi điều này. Trong những thị trấn có những cửa hiệu chuyên cho nông dân thuê quần áo để đi chợ. Bởi vì họ không có quần áo riêng, họ thuê chúng suốt cả ngày và trở về nhà lúc trời tối trong những tấm chăn cuộn lại hoặc quần áo rách. Họ chẳng có gì. Mọi đồng xu mà họ có thể cộp nhặt được đều đổ vào những nghi lễ an táng. Một gia đình bình thường chẳng sở hữu vật gì mà do máy móc làm ra ngoại trừ một con dao nhà bếp. Chẳng có gì cả. Không bao giờ. Trong những thị trấn đó cậu sẽ nhìn thấy họ bán những thứ vốn chẳng có giá trị gì. Một con bù loong rơi xuống đường từ chiếc xe tải hoặc một bộ phận bị ăn mòn nào đó của chiếc máy mà chẳng ai

biết được giá trị của nó. Những thứ đại loại như thế. Những điều thật lâm li. Họ tin rằng một ai đó hẳn có thể đang tìm đến những vật này và sẽ biết cách để định giá chúng chỉ khi người đó được tìm thấy. Đó là một niềm tin mà không có sự thất vọng nào có thể lay chuyển. Họ có được điều gì? Họ sẽ từ bỏ nó vì điều gì khác? Thế giới công nghiệp đối với họ là một điều không thể tưởng tượng được và những người cư ngụ trên đó hoàn toàn xa lạ với họ. Song họ không khờ khạo. Không bao giờ là khờ khạo cả. Cậu có thể nhìn thấy điều đó ở những đứa trẻ. Sự thông minh của chúng là đáng gờm. Và chúng có một sự tự do mà chúng ta phải ghen tị. Có một ít ràng buộc lên chúng. Và một vài mong mỏi. Rồi đến độ tuổi mười một hoặc mười hai chúng không còn là trẻ con nữa. Chúng đánh mất thời thơ ấu của chúng chỉ trong một đêm và chúng chẳng có tuổi trẻ. Chúng trở nên già dặn. Như thế một sự thật kinh khủng nào đó đến với chúng. Một tương lai khủng khiếp. Tại một thời điểm nào đó trong cuộc đời, chúng đã tỉnh hồn trong chốc lát và ta hoang mang bởi điều này nhưng dĩ nhiên ta không thể biết họ đã nhìn thấy điều gì. Họ đã biết được điều gì.

Đến lúc mười sáu tuổi, ta đã đọc qua nhiều cuốn sách và trở thành một người có tư tưởng độc lập. Trong tất cả các trường hợp, ta không tin vào một đấng Chúa có thể cho phép sự bất công mà ta đã nhìn thấy trong cái thế giới do chính Người dựng nên. Ta là người rất duy tâm. Rất thẳng thắn. Cha mẹ ta phải kinh khiếp. Rồi vào mùa hè khi lên mười bảy, cuộc đời ta thay đổi mãi mãi.

Trong gia đình của Francisco Madero có mười ba đứa trẻ và ta có nhiều bạn bè chung với họ. Rafaela hơn kém ta chỉ chừng ba ngày tuổi và chúng ta rất thân với nhau. Thân

hơn nhiều so với những đứa con gái của Carranza. Chúng ta thông cảm với gia đình họ. Cậu hiểu chứ? Không có từ để diễn đạt. Gia đình này đã tổ chức lễ sinh nhật lần thứ mười bảy của ta tại Rosario. Cũng trong năm đó, Don Evaristo đưa nhóm chúng ta đến California. Tất cả những cô gái trẻ ở những trang trại. Từ Parras và Torreon. Ông ấy khá lớn tuổi thậm chí vào thời kỳ đó và ta kinh ngạc trước dũng khí của ông ấy. Nhưng ông là một người thật kỳ diệu. Ông phục vụ một nhiệm kỳ thống đốc ở tiểu bang. Ông là một người giàu có và rất yêu mến ta và không hề phản bác kiểu triết lý của ta. Ta thích đi đến Rosario. Vào những ngày ấy, cuộc sống ở trang trại có vẻ thoáng hơn nhiều. Những bữa tiệc công phu được tổ chức với dàn nhạc và sâm banh và thường có những vị khách châu Âu, và những sự kiện như thế thường kéo dài đến tận hừng sáng. Một điều khiến ta ngạc nhiên là ta cảm thấy mình rất được yêu mến và rất có thể ta đã được chữa trị hồi tính đa cảm thái quá ngoại trừ hai điều. Điều đầu tiên là ệc trở lại của hai anh em cả, Francisco và Gustavo.

Họ học ở Pháp được năm năm. Trước đó họ học ở Mỹ. Ở California và Baltimore. Khi ta được giới thiệu đến họ, đối với những người bạn cũ, đó gần như là một gia đình. Song ký ức của ta về họ là ký ức của một đứa trẻ và đối với họ, ta hẳn là một điều gì đó hoàn toàn bí ẩn.

Francisco là người anh cả vốn có một vị trí đặc biệt trong nhà. Có một chiếc bàn phía dưới cánh cổng, nơi ông ngồi đàm luận với bạn bè. Vào mùa thu năm đó, ta nhiều lần được mời đến ngôi nhà này và chính trong ngôi nhà đó, lần đầu tiên ta nghe sự biểu lộ đầy đủ về những điều gần gũi nhất với cõi lòng ta. Ta bắt đầu nhìn thấy thế giới này phải trở nên ra sao nếu ta phải sống trong đó.

Francisco bắt đầu xây dựng trường học cho những trẻ em nghèo của địa hạt. Ông phân phối thuốc men. Sau đó ông nuôi hàng trăm người từ cái nhà bếp của mình. Thật không dễ để chuyển tải sự phấn khích trong thời kỳ đó cho những người hôm nay. Nhiều người bị cuốn hút mạnh mẽ về phía Francisco. Họ cảm thấy thú vị khi đồng hành cùng ông ấy. Vào lúc đó không ai nói về việc ông theo con đường chính trị. Đơn giản là ông chỉ cố thực thi những ý tưởng mà ông đã khám phá. Khiến cho chúng trở thành hiện thực trong cuộc sống hàng ngày. Những người từ Mexico bắt đầu đến gặp ông. Trong mọi cam kết, ông đều được Gustavo ủng hộ.

Ta không chắc cậu có thể hiểu điều ta đang nói không. Ta mười bảy tuổi và đối với ta, đất nước này chẳng khác một chiếc bình hiểm hoi được mang đây đó bởi một đứa trẻ. Có một dòng điện trong không khí. Mọi thứ dường như có thể. Ta nghĩ có hàng ngàn người như chúng ta. Còn với Francisco. Gustavo. Không có. Cuối cùng dường như chẳng có gì.

Gustavo mang một con mắt nhân tạo do hậu quả của một tai nạn khi ông còn là một đứa trẻ. Điều này vẫn không làm giảm đi sự hấp dẫn của ông đối với ta. Ta nghĩ có lẽ ngược lại. Chắc chắn không có người bạn nào ta thích bằng ông ấy. Ông cho ta sách để đọc. Chúng ta nói chuyện hàng giờ đồng hồ. Ông rất thực tế. Hơn nhiều so với Francisco. Ông không có sở thích về điều huyền bí như Francisco. Ông luôn nói về những điều hệ trọng. Rồi mùa thu năm đó ta cùng với cha và chú ta đến một trang trại ở San Luis Potosi và ở đó ta đã bị tai nạn ở bàn tay mà ta đã nói rồi đó.

Đối với một thằng bé đây sẽ là một hậu quả. Còn với một cô gái đó là một sự hủy hoại. Ta sẽ không xuất hiện trước nhiều người. Thậm chí ta tưởng tượng mình đã nhìn thấy

một sự thay đổi ở cha đối với ta. Rằng ông không thể giúp gì được mà chỉ nhìn ta như một cái gì đó bị biến dạng. Ta cho rằng lúc ấy ta không thể có được một cuộc hôn nhân tốt đẹp và có lẽ nó đã được thừa nhận như vậy. Thậm chí cũng chẳng còn nữa một ngón tay để đặt chiếc nhẫn vào. Ta được đối xử rất nhã nhặn. Có lẽ giống như một người trở về nhà từ một tổ chức nào đó. Ta mong sao với tất cả cõi lòng mình rằng thà ta được sinh ra giữa những người nghèo nơi những điều như vậy dễ dàng được chấp nhận hơn. Trong tình trạng này ta chỉ đợi chờ tuổi già và chết.

Vài tháng trôi qua. Rồi một ngày trước lễ Giáng Sinh, Gustavo đến thăm ta. Ta hoảng sợ. Ta bảo chị ta nài ông ấy đi khuất giùm. Nhưng ông ấy không đi. Khi cha ta trở về nhà rất muộn trong đêm đó, ông sững sốt thấy Gustavo ngồi trong phòng khách một mình với chiếc mũ trên đùi. Ông bước vào phòng ta để nói chuyện. Ta bịt tai lại. Ta không nhớ điều gì đã xảy ra. Chỉ biết rằng Gustavo vẫn còn ngồi đó. Ông ta ở lại đêm đó trong phòng khách như một người phụ việc. Ở đây. Trong ngôi nhà này.

Ngày hôm sau, cha ta rất giận ta. Ta không muốn kể cho cậu về cảnh tượng xảy ra sau đó. Ta chắc rằng tiếng gào thét giận dữ và đau khổ của ta đã đến tai của Gustavo. Nhưng tất nhiên ta không phản đối ý muốn của cha ta và cuối cùng ta đã xuất hiện. Nếu không lắm lúc ấy ta ăn mặc khá lịch sự. Ta cố đặt cái khăn tay lên bàn tay trái của ta làm sao để che điểm dị biệt của mình. Gustavo đứng dậy và nhìn ta mỉm cười. Chúng ta dạo bước trong khu vườn. Vào những ngày đó khu vườn được chăm sóc khá tốt. Ông nói với ta về những dự định của ông. Về công việc. Ông cho ta biết tin về Francisco và Rafaela. Những người bạn của ta. Ông cư xử với ta không

một chút khác biệt so với trước đây. Ông kể cho ta nghe cách ông bị mất một con mắt và về sự tàn nhẫn của những đứa trẻ ở trường học của ông, và ông kể cho ta nghe những điều mà ông chưa bao giờ kể cho bất cứ ai, kể cả Francisco. Bởi vì ông cho rằng ta hiểu được.

Ông kể về những chuyện mà chúng ta thường xuyên nói đến ở Rosario. Rất thường và xa đến tận đêm tối. Ông nói rằng những người đã hứng chịu một điều không may nào đó luôn luôn sẽ bị cô lập nhưng chính điều không may đó vốn dĩ là món quà của họ và là sức mạnh của họ, và họ phải vạch con đường của mình để quay trở về với sự táo bạo lẽ thường của con người mà không có nó họ sẽ chẳng hề tiến lên được và tự họ phải chết dần chết mòn trong sự đắng cay. Ông nói những điều đó một cách hết sức thiết tha và dịu dàng. Trong ánh sáng phát ra từ cửa cổng, ta thấy ông đang khóc và ta biết rằng ông khóc vì tâm hồn của ta. Ta chưa bao giờ được quý mến như vậy. Có một người tự đặt mình trong vị trí như thế. Ta không biết phải nói gì. Đêm đó ta suy nghĩ rất lâu và không một chút thất vọng về cái phải hình thành từ trong ta. Ta rất muốn là một người có giá trị và ta tự hỏi làm thế nào điều này có thể nếu không có một điều gì đó như linh hồn hoặc một tinh thần nào đó trong cuộc sống của một con người và nó có thể chịu đựng bất kỳ sự rủi ro hoặc dị dạng nào. Nếu họ là một người có giá trị mà giá trị không thể là một điều kiện phụ thuộc vào những rủi ro của số phận. Nó phải là một phẩm chất mà không thể thay đổi được. Dù là gì đi nữa. Rất lâu trước khi trời sáng ta biết rằng điều mà ta đang tìm kiếm để khám phá là một điều mà ta luôn biết đến. Rằng tất cả sự dũng khí là hình thức của sự kiên trì. Rằng chính ông ấy mà kẻ hèn nhát đã từ bỏ trước hết. Sau đó tất cả sự bội phản khác đều theo sau một cách dễ dàng.

Ta biết rằng dùng khí đến với một số người dễ dàng hơn đến với những kẻ khác nhưng ta tin rằng bất cứ ai khao khát đều có thể có được nó. Sự khao khát đó chính là một điều như vậy. Chính là điều đó. Ta không thể nghĩ về bất cứ thứ gì khác mà sự thật không đến từ đó.

Vẫn còn rất nhiều điều phụ thuộc vào vận may. Trong những năm sau đó ta đã hiểu Gustavo hẳn đã phải quyết tâm đến mức nào để nói chuyện với ta. Bước vào nhà của cha ta theo cách như vậy. Không bị nản lòng bởi bất kỳ suy nghĩ từ bỏ hoặc giễu cợt nào. Trên tất cả những gì mà ta hiểu là món quà của ông ấy dành cho ta thậm chí không phải là những lời nói. Cái tin mà ông đã mang lại ông không thể nói ra. Nhưng chính từ ngày đó ta bắt đầu yêu người đàn ông vốn đã mang cho ta cái tin đó và mặc dù ông qua đời đến nay đã gần bốn mươi năm rồi nhưng những cảm xúc đó vẫn không thay đổi.

Bà lấy chiếc khăn tay ra từ vạt tay áo và chấm chấm vào hàng mi dưới mắt. Bà ngược nhìn lên.

- Được rồi, cậu biết đấy. Dù sao cậu cũng khá kiên nhẫn. Phần còn lại của câu chuyện không khó tưởng tượng khi mà sự thật đã được biết đến. Trong những tháng tiếp theo, tinh thần cải cách trong ta đã được nhóm lại và những khía cạnh chính trị trong các hoạt động của Francisco Madero đã trở nên hiển nhiên hơn. Khi ông trở thành tâm điểm của sự chú ý, kẻ thù trỗi dậy và tên ông chẳng bao lâu đến tai của nhà độc tài Diaz. Francisco bị ép phải bán tài sản mà ông sở hữu ở Australia để bảo trợ cho những lời hứa của mình. Rất lâu trước khi ông bị bắt. Sau đó ông chạy trốn đến Mỹ. Sự quyết tâm của ông không bao giờ bị từ bỏ, và trong những năm đó rất ít người có thể đã đoán được rằng ông ấy sẽ trở thành

tổng thống Mexico. Khi ông và Gustavo trở về, họ đem theo súng. Cuộc cách mạng bắt đầu.

Trong thời gian đó, ta được gửi đi châu Âu và ta đã ở lại đó. Cha ta rất thẳng thắn trong quan điểm của ông liên quan đến trách nhiệm của giai cấp địa chủ. Nhưng cuộc cách mạng là một vấn đề hoàn toàn khác. Ông ấy không mang ta về nhà trừ khi ta hứa phải tách khỏi dòng họ Maderos và điều này ta không làm được. Gustavo và ta chưa bao giờ đính hôn. Những bức thư ông ấy gửi cho ta ngày càng thưa dần. Và rồi chúng dừng lại. Cuối cùng ta được biết ông ấy đã lập gia đình. Lúc ấy ta không trách ông ấy cũng như lúc này. Có những tháng trong cuộc cách mạng đó khi toàn bộ chiến dịch được tài trợ từ tiền túi của ông ấy. Từng viên đạn. Mỗi mẩu bánh mì. Khi Diaz cuối cùng buộc phải trốn chạy và một cuộc bầu cử tự do được tổ chức, và Francisco trở thành tổng thống đầu tiên của nước cộng hòa này lên nắm quyền. Và là người cuối cùng.

Ta sẽ kể cho cậu nghe về Mexico. Ta sẽ kể cho cậu nghe những gì đã xảy ra cho những người đàn ông dũng cảm, tốt bụng và danh giá này. Khoảng thời gian đó, ta đang dạy học ở London. Chị gái đến sống chung với ta cho đến mùa hè. Chị ấy nài nỉ ta trở về cùng chị ấy nhưng ta không chịu. Ta rất hãnh diện. Rất bướng bỉnh. Ta không thể tha thứ cha ta vì sự mù quáng chính trị của ông hoặc cách đối xử của ông đối với ta.

Quanh Francisco Madero toàn những kẻ bày mưu tính kế kể từ ngày đầu tiên nhận nhiệm sở. Sự tin cậy của ông vào lòng tốt cơ bản của con người đã trở thành sự hủy hoại của ông. Có lần Gustavo đã mang Tướng Huerta đến với ông trước mũi súng và tố cáo ông ta là kẻ phản bội nhưng

Francisco không nghe và phục hồi vị thế của ông. Huerta. Một tên giết người. Một con thú. Lúc ấy là vào tháng hai năm 1913. Một cuộc đấu tranh vũ trang nổi dậy. Dĩ nhiên Huerta là kẻ tòng phạm bí mật. Khi rời nhiệm sở, hắn đã đầu hàng quân phản loạn và lãnh đạo chúng chống lại chính quyền. Gustavo bị bắt. Rồi đến Francisco và Pino Suarez. Gustavo được trao trả cho đám đông ở sân trong nội thành. Họ bao quanh ông với đèn và đuốc. Họ lăng mạ và tra tấn ông, gọi ông là Ojo Parado. Khi ông xin được tha thứ vì vợ và con cái họ gọi ông là thằng hèn nhát. Gustavo, một thằng hèn. Họ xô, đẩy và đánh ông ấy. Họ thiêu sống ông. Khi ông van xin họ một lần nữa dừng tay, thì một người trong đám đông đó bước đến với cây cuốc chim và móc vào con mắt còn lại của ông; ông lão đảo rên rỉ trong bóng đêm và chẳng nói gì nữa. Một người nào đó bước đến với khẩu súng lục ổ quay, đặt vào đầu ông rồi bóp cò nhưng đám đông bầu vúi cánh tay ông và phát đạn xé rách cái hàm của ông. Ông ngã quỵ xuống chân bức tượng Morelos. Cuối cùng một loạt đạn súng trường tia vào ông. Ông được tuyên bố là đã chết. Một gã say rượu trong đám đông nhào tới và tiếp tục bắn vào ông. Họ đá vào cái xác và phun nước bọt lên đó. Một trong số họ móc con mắt giả của ông ra và chuyển cho nhau xem giữa đám đông như một sự hiếu kỳ.

Họ ngồi trong thỉnh lặng, chiếc đồng hồ gỗ tích tắc. Sau một hồi, bà ngược mắt nhìn lên.

- Thế đấy. Đây là cộng đồng mà ông ấy đã nói đến. Cậu bé đẹp trai này. Ai đã ban phát mọi thứ.

- Điều gì đã xảy đến cho Francisco?

- Ông ấy và Pino Suarez được đưa ra phía sau nhà lao và bắn. Không có kiểm chứng nào về lời nói cay độc của bọn giết người để khẳng định rằng họ bị bắn chết trong lúc cố đào tẩu. Mẹ của Francisco đã gửi một bức điện đến tổng thống Taft nhờ ông can thiệp để cứu mạng sống con trai bà. Dích thân Sara chuyển bức thư đến viên đại sứ tại Đại Sứ Quán Hoa Kỳ. Có khả năng là bức điện không bao giờ được chuyển. Cả gia đình phải lưu vong. Họ đến Cuba. Đến Mỹ. Đến Pháp. Người ta đồn rằng họ thuộc dòng giống Do Thái. Có thể là đúng. Họ rất thông minh. Đối với ta dường như vận mệnh của họ ít ra cũng như vận mệnh của người Do Thái. Một cộng đồng Do Thái hiện đại. Hy sinh vì đạo nghĩa. Sự ngược đãi. Lưu đày. Sara hiện đang sống ở Colonia Roma Bà ấy có cháu ngoại. Chúng ta hiếm khi gặp nhau như chúng ta luôn sẽ chia tình chị em một cách kín đáo. Tối đó trong khu vườn tại ngôi nhà của cha ta, Gustavo nói ta rằng những ai đã từng chịu đựng nhiều về sự mất mát hoặc đau thương sẽ được liên kết lại với nhau bằng sợi dây ràng buộc của một uy lực đặc biệt và điều đó đã thể hiện đúng như vậy. Những ràng buộc gần nhất mà chúng ta từng biết đến là những ràng buộc về nỗi thống khổ. Một sự ràng buộc cộng đồng sâu sắc nhất về sự buồn phiền. Ta không trở lại châu Âu cho đến khi cha ta qua đời. Lúc này ta hối tiếc là mình đã không hiểu ông nhiều hơn. Ta nghĩ theo nhiều cách rằng ông cũng không thích hợp với cuộc đời mà ông đã chọn. Hoặc cuộc đời đã chọn ông. Có thể tất cả chúng ta đều như vậy. Ông từng đọc sách về nghề làm vườn. Trong sa mạc này. Ông đã từng canh tác sợi bông ở đây và ông có lẽ đã rất hài lòng khi nhìn thấy sự thành công mà ông đã tạo dựng. Những năm sau ta mới nhận thấy giữa ông và Gustavo mới

giống nhau làm sao. Người không bao giờ là một người lính. Ta nghĩ họ không hiểu về Mexico. Cũng như cha ta, ông ấy ghét đổ máu và bạo lực. Nhưng có lẽ ông cũng không cay cú nó lắm. Francisco là người bị đánh lừa nghiệt ngã nhất trong tất cả. Ông không bao giờ thích hợp với chức vị tổng thống của Mexico. Ngay cả là một người Mexico. Cuối cùng tất cả chúng ta được giải thoát khỏi những quan điểm của mình. Những ai mà cuộc đời không cứu chữa sẽ đón nhận cái chết. Thế giới này thật tàn nhẫn trong việc lựa chọn giữa giấc mơ và hiện thực, ngay cả nơi chúng ta không hiện hữu. Giữa ước mơ và cái mà thế giới đang đợi. Ta nghĩ rất nhiều về cuộc đời ta và về đất nước ta. Ta nghĩ có rất ít sự thật được biết đến. Gia đình ta thật may mắn. Những gia đình khác khó mà được như thế.

Khi ở trường ta học môn sinh vật. Ta hiểu rằng để tiến hành những cuộc thí nghiệm, các nhà khoa học thường lấy nhóm mẫu nào đó - vi trùng, chuột, người - và đưa nhóm đó vào những điều kiện nào đó. Họ so sánh kết quả với nhóm thứ hai vốn chưa được xáo trộn. Nhóm thứ hai này được gọi là nhóm đối chứng. Nhờ nhóm đối chứng này mà giúp cho các nhà khoa học xác định được kết quả của cuộc thí nghiệm. Để đánh giá ý nghĩa của những gì đã xảy ra. Trong lịch sử thì chẳng có nhóm đối chứng nào. Chẳng có ai nói với chúng ta điều gì đã xảy ra. Chúng ta khóc than vì điều xảy ra đó nhưng nó chẳng hề xảy ra. Không bao giờ có cả. Sự thật có lẽ là những ai không biết lịch sử thì buộc phải lập lại nó. Ta không tin sự hiểu biết có thể cứu rỗi chúng ta. Cái gì kiên định trong lịch sử đều là sự tham lam, khờ khạo và thích đổ máu và đây là điều mà ngay cả Chúa - đáng hiểu hết mọi sự - dường như cũng không thể thay đổi được.

Cha ta được chôn cất cách chỗ ta ngồi đây chưa tới hai trăm mét. Ta thường đến đó và trò chuyện với ông ấy. Ta nói chuyện với ông ấy khi ta không thể làm gì cho cuộc đời. Ông ấy khiến ta trở thành kẻ lưu vong trong chính đất nước của ta đây. Đó cũng chẳng phải là ý định của ông ấy. Khi ta được sinh ra trong ngôi nhà này, ngôi nhà luôn đầy ắp những cuốn sách với năm ngôn ngữ. Và kể từ khi ta hiểu điều đó với tư cách là một phụ nữ thì thế giới đã hoàn toàn chối bỏ ta và ta đã chộp lấy một thế giới khác như thế này đây. Lúc ấy ta thường đọc sách. Ta đã đọc sách từ khi mới năm tuổi và không có ai lấy một cuốn sách khỏi tay ta. Không bao giờ cả. Rồi cha ta đưa ta đến hai trong những ngôi trường tốt nhất ở châu Âu. Với tất cả quyền bính và sự nghiêm nghị của mình, ông tỏ ra là một người tự do khỏi cái được coi là nguy hiểm nhất. Cậu nói về những thất vọng của ta. Nếu như vậy, chúng chỉ khiến cho ta trở nên liêu lĩnh. Cháu gái ta là tương lai duy nhất mà ta dự tính và ta có thể dốc hết sức mình vào nơi mà nó quan tâm. Có thể rằng cuộc đời mà ta mong muốn cho nó thậm chí không còn tồn tại nữa, song ta biết cái mà nó dừng đá động đến. Rằng chẳng có gì để mất. Vào tháng giêng tới đây ta sẽ bảy mươi ba tuổi. Lúc ấy ta đã biết rất nhiều người và rất ít trong số họ có được cuộc sống ưng ý. Ta mong cháu gái ta có được một cuộc hôn nhân khác với cuộc hôn nhân mà xã hội đòi hỏi nó. Ta sẽ không chấp nhận một cuộc hôn nhân thông thường. Một lần nữa, ta biết cái mà nó không thể. Rằng không có gì để mất cả. Ta không biết cái loại thế giới nào mà nó sẽ sống và ta không chắc chắn về việc nó sẽ sống như thế nào trong đó. Ta chỉ biết rằng nếu nó không đánh giá đầu là sự chân chính với đầu là thực dụng thì có khác gì mấy là liệu nó có sống được hay không. Và chính bởi

sự thật ta không ám chỉ thế nào là chính trực mà đơn giản là nó như vậy thôi. Cậu nghĩ ta từ chối sự đeo bám của cậu bởi vì cậu trẻ hoặc không có giáo dục hoặc đến từ một đất nước khác, nhưng không phải vậy. Ta không bao giờ chênh mảng trong việc đấu độc tâm trí của Alejandra để chống lại tính kiêu ngạo của những người đeo đuổi và cả hai chúng ta từ lâu luôn áp ủ ý niệm giải thoát cái bế ngoài mà nó đã lựa chọn. Nhưng ta cũng nói với cậu về một sự ngông cuồng nào đó trong dòng máu nữ giới thuộc gia đình này. Một điều gì đó ương ngạnh. Quá độ. Hiểu được điều này trong nó, lẽ ra ta đã cảnh giác hơn về thứ cậu để mắt đến. Lẽ ra ta nên hiểu cậu rõ hơn. Bây giờ ta mới biết.

- Bà không để cho cháu định đoạt trường hợp của cháu.

- Ta biết trường hợp của cậu. Một vài điều đã xảy ra mà cậu chẳng thể kiểm soát được.

- Đúng vậy.

- Ta chắc là như thế. Nhưng đó không phải là trường hợp. Ta không cảm thông với những người mà mọi sự xảy đến với họ. Có thể vận may của họ không tốt, nhưng điều đó có khi là có lợi cho họ?

- Cháu có ý định gặp cô ấy.

- Ta ngạc nhiên ư? Thậm chí ta còn cho phép cậu. Mặc dù đó dường như là điều mà cậu không bao giờ đòi hỏi. Nó sẽ không phá vỡ những cam kết của nó với ta. Cậu sẽ hiểu.

- Vâng, thưa bà.

Bà đứng dậy, vén chiếc váy ra phía sau và để nó rơi xuống và bà đưa bàn tay ra. Cậu đứng dậy và cầm lấy trong bàn tay của mình, rất nhanh, mảnh khảnh và ấn tượng.

- Rất tiếc là ta sẽ không gặp lại cậu. Ta cũng đã đau khổ khi kể cho cậu nghe về chính mình bởi vì trong những lý do khác, ta nghĩ chúng ta nên hiểu ai là kẻ thù của chúng ta. Ta đã từng biết nhiều người nuôi dưỡng cả đời sự thù hận về những ảo tưởng và họ không phải là những người hạnh phúc.

- Cháu không ghét bà.

- Cậu sẽ ghét ta.

- Để xem.

- Ừ. Chúng ta sẽ biết số phận nào dành sẵn cho chúng ta.

- Cháu tưởng bà không tin vào số phận.

Bà vẫy tay. - Không nhiều đến mức ta không tin vào nó. Ta không tin vào số phận. Nếu số phận là luật, vậy thì số phận cũng phụ thuộc vào luật đó? Tại một thời điểm nào đó chúng ta không thể thoát khỏi việc đặt tên cho trách nhiệm. Đó là bản chất của chúng ta. Thịnh thoảng ta nghĩ tất cả chúng ta giống như gã thợ đúc cận thị tại khuôn đúc của mình, lấy từng đồng kềm ra khỏi chiếc khay, tất cả chúng ta cúi đầu một cách ganh tị, định ninh rằng sự hỗn loạn thậm chí cũng không nằm ngoài hành động riêng của chúng ta.

Vào buổi sáng cậu đi bộ đến nhà trại, ăn sáng cùng với những gã cao bồi và nói lời tạm biệt. Rồi cậu đi xuống phòng lão cai. Cậu và Antonio bước ra ngoài đến nhà ngựa, thẳng yên và cưỡi ngựa qua bãi quây, quan sát bầy ngựa non. Cậu biết con mà cậu cần. Khi nó nhìn thấy họ, nó thở khìt khìt, ngoảnh mặt và bước nước kiệu. Đó là con grullo của Rawlins. Họ ném sợi thừng qua đầu nó và dẫn nó xuống bãi quây. Đến trưa cậu để con vật trong tình trạng khá tự do và dắt nó

vòng quanh rồi cột nó ở chỗ mát. Con ngựa đã không được cưỡi trong nhiều tuần qua và nó hầu như chẳng biết cách để ăn ngũ cốc. Cậu đi bộ xuống ngôi nhà và chào tạm biệt bà Maria. Bà gói bữa ăn trưa cho cậu và trao một phong bì màu hồng với biểu tượng La Purisima được khắc nổi ở góc trên bên trái. Khi bước ra ngoài cậu mở ra và lấy số tiền đó nhét vào túi mà chẳng buồn đếm. Cậu gấp bì thư lại và nhét vào túi áo. Rồi cậu đi bộ qua những cây hồ đào pecan phía trước ngôi nhà nơi Antonio đứng đợi cùng với mấy con ngựa. Họ ôm chào nhau không nói một lời. Rồi cậu phóng lên lưng ngựa rẽ về phía con đường.

Cậu đi qua La Vega mà không xuống ngựa, con ngựa phóng như bay và tròn xoe đôi mắt trước tất cả những gì nó nhìn thấy. Khi một chiếc xe tải bắt đầu nổ máy trên đường và tiến về phía họ, con vật rên rỉ tuyệt vọng và cố rẽ sang một bên. Cậu kéo nó nằm xuống, vỗ nhẹ vào nó, nói chuyện liên hồi với nó cho đến khi chiếc xe đi ngang qua và rồi họ tiếp tục đi. Vừa lúc ra khỏi thị trấn cậu rời bỏ hẳn con đường đó và khởi hành ngang qua vùng đất bằng phẳng. Cậu băng ngang qua bãi biển đá vôi trắng xóa nơi lớp muối bị đè bẹp dưới những móng ngựa trông như lớp thạch bị giẫm lên và cậu đi qua những ngọn đồi đá với những cây datil còi cọc, đi qua một sườn dốc nhọt nhọt mọc đầy những đóa hoa thạch giống như cửa hang động mở ra đón nhận tia nắng mặt trời. Từ khoảng cách lơ mơ, những ngọn cây và túp lều dọc theo những khúc uốn mỏng manh của đảo băng mờ mờ, san sát và như chỉ có trong không khí buổi sáng trong lành. Con ngựa bước đi tự nhiên. Khi cưỡi, cậu thường trò chuyện với nó và kể cho nó nghe những điều về thế giới vốn thật trong kinh nghiệm của cậu. Cậu kể về những điều mà cậu cho là

đúng. Cậu nói với con ngựa tại sao cậu yêu nó và tại sao cậu chọn nó là con ngựa của cậu và cậu nói rằng cậu sẽ không để bất cứ điều gì làm tổn hại đến nó.

Buổi trưa, cậu đi dọc theo con đường nông trại nơi những con kênh dẫn nước xuống theo bờ những cánh đồng in đầy dấu chân người. Cậu cho ngựa uống nước rồi dẫn nó lên và trở lại dưới bóng râm của lùm cây bông để làm mát cho nó. Cậu chia sẻ bữa trưa với những đứa trẻ chạy đến ngồi cạnh cậu. Một số chúng chưa bao giờ ăn bánh mì bột nở và chúng ngược mắt nhìn một gã già dặn hơn ở giữa chúng để hỏi về cách ăn như thế nào. Họ ngồi thành hàng dọc theo mép con đường, năm người trong số chúng, những phần sandwich với thịt heo xông khói từ trang trại được chuyển từ trái sang phải và chúng ăn rất trang nghiêm. Khi những mẫu sandwich đã hết, cậu dùng dao cắt những chiếc bánh tạc nhân táo và ôi.

- Anh ở đâu? - Thành lớn nhất hỏi.

Cậu trầm ngâm trước câu hỏi. Bọn trẻ đợi. -Anh từng sống ở một trang trại lớn. - Cậu kể cho bọn nhỏ. - Nhưng bây giờ anh không có nơi nào để đi về.

Bọn trẻ nhìn cậu với vẻ hết sức quan tâm. - *Sống với bọn em đi.* - Chúng nói. Cậu cảm ơn chúng và nói với chúng rằng cậu có người yêu đang sống ở một nơi khác và cậu trên đường đến đó để hỏi cưới nàng.

- *Cô ấy có đẹp không?* - Bọn chúng hỏi và cậu nói rằng nàng rất xinh đẹp và nàng có đôi mắt xanh mà chúng khó có thể tin được. Cậu còn cho chúng biết rằng cha nàng là một ông chủ giàu có, trong khi bản thân cậu rất nghèo và chúng lắng nghe trong thinh lặng và tỏ vẻ buồn bã vô cùng về sự

kỳ vọng của cậu. Cô gái lớn tuổi nhất nói rằng nếu người yêu của cậu thật sự yêu cậu, nàng sẽ kết hôn với cậu. Nhưng chàng trai lại không nghĩ vậy và cậu nói rằng ngay cả với những gia đình giàu có, một cô gái cũng không thể đi ngược với những mong muốn của người cha. Cô gái nói rằng nên trao đổi với bà ngoại bởi vì bà là người rất quan trọng trong vấn đề này và rằng cậu nên tặng quà cho bà và cố thuyết phục bà đứng về phía mình bởi vì không có sự trợ giúp của bà khó mà mong mỏi được điều gì. Cô ấy nói rằng tất cả thế giới này đều biết đây là sự thật.

John Grady gật đầu trước sự khôn ngoan của lời khuyên đó nhưng cậu nói rằng cậu đã tẩn công vào nơi mà bà già quan tâm và không thể mong chờ vào sự trợ giúp của bà. Lúc này một vài đứa trẻ dừng ăn và nhìn chăm chăm vào mặt đất trước mặt chúng.

- Đó là vấn đề. - Chàng trai nói.

- Đúng đấy.

Một trong những cô gái trẻ cúi người về trước. - Anh đã làm cho bà ấy khó chịu đến mức nào? - Cô ta nói.

- Đó là một câu chuyện dài. - Cậu nói.

- Còn thời gian mà. - Họ nói.

Cậu cười và nhìn chúng, và nếu thật sự có đủ thời gian, cậu sẽ kể cho chúng nghe về những điều đã xảy ra. Cậu kể cho chúng nghe cách họ đến đây từ một vùng đất khác, hai chàng trai trẻ, họ cưỡi ngựa của mình; và việc họ gặp một người thứ ba, anh ta chẳng có tiền cũng như thức ăn, ngay cả quần áo che thân cũng chỉ có một bộ và anh ta tham gia cùng với họ, sẽ chia cùng họ tất cả những gì họ có. Nó còn rất trẻ

và nó cưới một con ngựa tuyệt vời nhưng giữa những nỗi sợ hãi của nó là việc Chúa sẽ giết chết nó bằng tia chớp và chính từ sự sợ hãi đó nó đã đánh mất con ngựa trên vùng đất hoang sơ. Rồi cậu kể cho chúng nghe về những chuyện đã xảy ra liên quan đến con ngựa và việc nó lấy lại con ngựa từ khu làng Encantada, việc nó giết chết một người đàn ông, cảnh sát đến trang trại bắt nó và bạn nó, rồi việc bà cả nộp tiền chuộc cho đến việc bà ta cấm cháu gái mình gặp mặt cậu.

Họ ngồi im lặng và cuối cùng cô gái nói rằng điều cậu phải làm là mang cậu bé về cho bà nó và nói với bà rằng cậu sẵn sàng nhận trách nhiệm. John Grady nói rằng điều này chẳng thể được vì chàng trai đã chết. Khi bọn trẻ nghe điều này chúng liếc cầu trời và hôn vào những ngón tay chúng. Đứa lớn hơn nói rằng tình hình thật gay go nhưng cậu phải tìm một người trung gian để biện hộ cho cậu vì nếu bà có thể nhận ra rằng cậu không có gì đáng trách thì hẳn bà sẽ thay đổi suy nghĩ. Đứa con gái lớn hơn nói rằng nó đang quên mất vấn đề rằng gia đình kia thì giàu có và cậu thì nghèo. Cậu bé cãi rằng khi John đã có một con ngựa thì cậu không thể là quá nghèo và chúng nhìn John Grady để chờ một quyết định về vấn đề này. Cậu nói với chúng rằng trông bề ngoài vậy chứ cậu thật sự rất nghèo và chính con ngựa cậu có được cũng là do bà cho. Nghe vậy, vài đứa trong chúng thở dài sườn sượt và lắc đầu. Đứa con gái nói rằng cậu cần tìm một người khôn ngoan nào đó để có thể bàn luận về những khó khăn của mình hoặc có thể là một thầy phù thủy và đứa con gái nhỏ hơn nói rằng cậu nên cầu nguyện với Chúa.

Trời đã khuya và tối om khi cậu cưới ngựa vào Torreón. Cậu buộc dây vào cổ ngựa và cột nó trước một nhà nghỉ, đi

vào và hỏi thuê một chuồng ngựa nhưng gã giúp việc chẳng biết gì về những thứ như thế. Gã nhìn ra cửa sổ trước mặt con ngựa, rồi lại nhìn chòng chọc John Grady.

- *Anh có thể thả nó ra sân sau.* - Gã nói.

- *Ngoài kia?*

- *Vâng. Ngoài kia.* - Gã ra hiệu về phía sau.

John Grady nhìn về phía sau tòa nhà.

- *Qua đâu?* - Cậu hỏi.

Gã hầu phòng khách sạn nhún vai. Gã lướt tay qua bàn hướng về phía hành lang và nói: *Qua đây.*

Có một lão già ngồi trên chiếc ghế sofa trong hành lang đang nhìn ra ngoài cửa sổ, gã quay sang John Grady và bảo với cậu rằng chẳng hề gì, và rằng có những thứ tệ hại hơn bọn ngựa nhiều cũng đã đi qua hành lang đó. John Grady nhìn thẳng vào gã và đi ra ngoài tháo con ngựa dắt vào. Gã phụ việc dẫn cậu xuống hành lang và mở cánh cửa sau rồi đứng nhìn trong khi John Grady dẫn ngựa vào trong sân. Cậu mua một túi thóc nhỏ ở Tlahualilo và cho nước vào máng ngựa, dốc túi thóc vào cái nắp thùng rác lật ngược và tháo yên ngựa và nhúng ướt cái bao rỗng, lau mình ngựa, thắng yên vào và lấy chìa khóa phòng rồi đi ngủ.

Cậu thức dậy khi trời đã trưa. Cậu đã ngủ gần mười hai tiếng đồng hồ. Cậu đứng dậy, bước tới cửa sổ và nhìn ra khoảnh sân nhỏ đằng sau khách sạn. Con ngựa đang nhẩn nại thả bộ trong sân rào với ba đứa trẻ cưỡi lên, một đứa khác dắt nó và một đứa nữa nắm đuôi nó.

Cậu đứng xếp hàng gần hết buổi sáng tại tổng đài điện thoại chờ đến lượt mình tại một trong bốn máy và rút cuộc

cũng được gọi nhưng không gặp được nàng. Cậu ghi phiếu một lần nữa tại quầy thu tiền, cô gái đằng sau quầy kính đọc thấy nét mặt cậu và nói cậu sẽ may mắn hơn vào buổi chiều, và cậu đã chờ. Giọng một phụ nữ trả lời điện thoại và sai ai đó đi kiếm nàng. Cậu đợi. Khi đến bên điện thoại, nàng bảo nàng biết chắc hẳn là cậu gọi.

- Anh phải gặp em. - Cậu nói.

- Em không thể.

- Em phải gặp. Anh đang xuống đó.

- Không. Anh không thể.

- Anh ra đi hồi sáng. Anh đang ở Torreón.

- Anh có nói chuyện với dì em không?

- Có.

Nàng im lặng. Đoạn nàng nói: Em không thể gặp anh.

- Em có thể mà.

- Em sẽ không có ở đây. Em đến La Purísima trong hai ngày tới.

- Anh sẽ gặp em trên tàu.

- Đừng anh. Antonio đang đến đây gặp em.

Cậu nhắm mắt, nắm chặt ống nghe và nói rằng cậu yêu cô, và rằng cô không có quyền hứa hẹn lời mà cô đang hứa hẹn cho dù họ có giết hẳn, và rằng cậu sẽ không bỏ đi mà không gặp cô đâu có phải là lần cuối cùng đi nữa. Cô im lặng hồi lâu đoạn bảo rằng cô sẽ đi sớm hơn một ngày. Rằng cô sẽ nói dì cô bệnh, để cô sẽ ra đi vào sáng mai và gặp cậu ở Zacatecas. Đoạn cô gác máy.

Cậu cho con ngựa ăn trong một cái chuồng ngoài khu người Tây Ban Nha nằm về phía nam của đường hỏa xa và dặn chủ chuồng hãy chăm sóc chu đáo con ngựa của cậu. Người đàn ông gật đầu và gọi cậu bé giúp việc để John Grady có thể trực tiếp dặn dò cậu ta. John Grady lôi cái yên vào phòng và treo lên. Cậu bé khóa cửa lại sau lưng John Grady và John bước trở về văn phòng.



Cậu để nghị trả tiền trước nhưng lão chủ gạt đi bằng một cái phẩy tay nhẹ. Cậu rảo bước trong ánh mặt trời và xuống con đường nơi có thể đón xe buýt về thị trấn.

Cậu mua một túi xách nhỏ đi đường trong một cửa hiệu và mua hai cái sômi mới cùng một đôi giày ống. Cậu cuốc bộ tới ga tàu hỏa, mua vé, rồi đi ăn và uống cà phê. Cậu thơ thẩn một hồi trong đôi ủng và rồi trở về lại khách sạn. Cậu cuộn khẩu súng và con dao và quần áo cũ vào túi ngủ và sai gã hầu phòng cất túi vào kho và dặn gã đánh thức cậu dậy vào sáu giờ sáng, đoạn đi ngủ. Lúc ấy trời chỉ mới chạng vạng tối.

Trời mát mẻ và âm u khi cậu rời khách sạn vào buổi sáng và đến lúc cậu đã yên vị trên tàu thì có những đợt mưa tí tách trên cửa kính. Một thằng bé cùng chị gái ngồi hàng ghế đối diện cậu và sau khi đoàn tàu lăn bánh thì đứa bé hỏi cậu từ đâu đến và đang định đi đâu. Dường như họ không hề ngạc nhiên khi nghe nói cậu đến từ Texas. Khi người phục vụ toa gọi đi ăn điểm tâm, cậu mời họ cùng ăn với mình, nhưng thằng bé thấy ngượng và không chịu. Cậu cũng bối rối. Cậu ngồi trong toa ăn, ních một đĩa lớn *Trứng tráng kiểu nông thôn* và uống cà phê, và nhìn những cánh đồng xám xịt trôi

qua ô cửa sổ đầm nước. Trong đôi ủng và áo sơmi mới của mình, cậu bắt đầu cảm thấy dễ chịu hơn thời gian dài vừa qua và gánh nặng trên trái tim cậu đã bắt đầu cất khỏi và cậu lặp lại những lời cha cậu từng nói với cậu, rằng người sợ tiền thì không thể giàu và người hoang mang thì không thể yêu. Con tàu băng qua một vùng đồng bằng gồm ghiecs chỉ mọc toàn xương rồng và tiến vào một rừng cọ rộng lớn. Cậu mở bao thuốc lá đã mua tại quầy thuốc ở ga và đốt một điếu, thấy bao thuốc lên bàn có trải khăn và phà khói vào ô kính; và miền nông thôn đang trôi qua trong màn mưa.

Tàu đến Zacatecas trong chiều muộn. Cậu ra khỏi nhà ga, bước trên đường qua những cống cống nước bằng đá cũ kỹ và xuống thị trấn. Mưa nhảy nhót theo họ từ phương bắc, và những con đường đá hẹp sũng nước và các cửa hiệu đóng kín. Cậu cất bước trên Khu quý tộc qua thánh đường đến Quảng trường de Armas và vào khách sạn Reina Cristina. Đó là một khách sạn thuộc địa cũ, không khí vắng lặng và mát lạnh, và những viên đá lát sàn hành lang sẫm màu và bóng láng, và một con vệt đuôi dài trong lông đang ngó người ta đi ra đi vào. Trong phòng ăn giáp hành lang có người vẫn đang dùng bữa. Cậu lấy chìa khóa và lên phòng, một người hầu phòng xách cái túi nhỏ của cậu. Căn phòng rộng có trần cao và màn che có viền trên giường và một bình đựng nước khắc hoa văn trên bàn. Gã hầu phòng lướt tới vách rèm cửa sổ và đi vào phòng tắm để thấy mọi thứ đã ổn. John Grady tựa người trên chần song cửa sổ. Trong cái sân nhỏ bên dưới, một lão già đang quỳ lom khom giữa những chậu hoa phong lữ đỏ và trắng, lão ngâm nga một đoạn trong một khúc dân ca cổ khi chăm sóc những bông hoa.

Cậu cho tiền trà gã hầu phòng và đặt chiếc mũ lên tủ com-mốt rồi đóng cửa. Cậu duỗi dài trên giường và nhìn lên những hoa văn được chạm khắc của trần nhà. Đoạn cậu đứng dậy và lấy mũ đi xuống phòng ăn nhón một miếng sandwich.

Cậu đi bộ qua những con đường hẹp xoắn xít của thị trấn với những ngôi nhà cổ xưa và những quảng trường vắng vẻ của nó. Mọi người dường như ăn mặc với một nét tao nhã nào đó. Trời đã ngừng mưa và không khí tươi mát. Những cửa hiệu bắt đầu mở. Cậu ngồi trên chiếc ghế dài trong quảng trường với đôi ủng đã đánh bóng và cậu nhìn vào những tủ kính bày hàng để cố kiếm một cái gì cho nàng. Cuối cùng cậu mua một dây chuyền bạc rất đồi giản dị và trả tiền cho người phụ nữ, và cô ta gói nó trong hộp giấy với một dải ruy băng, cậu bỏ vào túi áo và trở về khách sạn.

Con tàu từ San Luis Potosí phải đến vào tám giờ. Cậu ngồi tại nhà ga lúc bảy giờ rưỡi. Nhưng mãi gần chín giờ nó mới đến. Cậu chờ trên sân ga giữa bao nhiêu người và nhìn những hành khách bước xuống. Khi nàng xuất hiện trên những bậc tam cấp, cậu gần như không nhận ra nàng. Nàng mặc áo xanh dương với chiếc váy gắn chấm gót và đội chiếc mũ xanh rộng vành, trông nàng không hề giống một nữ sinh, đối với cậu hay với bất kỳ người khác trên sân ga. Nàng mang một chiếc va li nhỏ bằng da và người trực toa xách nó khi nàng bước xuống và trao lại cho nàng và cầm lấy mũ mình. Khi nàng quay nhìn nơi cậu đang đứng, cậu nhận ra nàng đã thấy cậu từ cửa sổ toa tàu. Khi nàng bước về phía cậu, vẻ đẹp của nàng tựa hồ một cái gì hoàn toàn hư ảo với cậu. Một hiện hữu không thể lý giải ở giữa nơi này hoặc bất kỳ nơi nào khác. Nàng tiến về phía cậu và nàng mỉm cười với

cậu một cách buồn bã và những ngón tay nàng chạm vào vết sẹo trên má cậu và tựa người hôn lên nó và cậu hôn nàng và xách vali cho nàng.

- Anh gầy quá, nàng nói. Cậu nhìn vào đôi mắt xanh biếc như một người đang tìm kiếm một viễn cảnh tương lai nảy nở của vũ trụ. Cậu hầu như ngừng thở khi nói với nàng rằng nàng thật đẹp, nàng mỉm cười và trong đôi mắt nàng là nỗi sầu muộn mà cậu nhìn thấy lần đầu tiên nàng đến phòng cậu và cậu biết rằng mình chẳng phải là tất cả những gì tạo nên nỗi u sầu đó.

- Anh khỏe chứ? Nàng hỏi.

- Vâng. Anh khỏe.

- Còn Lacey?

- Anh ấy khỏe. Anh ấy đã về nhà.

Họ ra khỏi sân ga và nàng nắm tay hắn.

- Để anh đón taxi.

- Đi bộ đi.

- Được thôi.

Phố xá thật đông đúc, và tại Quảng trường de Armas những người thợ mộc đang lắp giàn cho một cái bục, nơi những diễn giả sẽ đứng diễn thuyết vào Ngày Quốc khánh. Cậu nắm tay nàng và họ băng qua đường về khách sạn. Cậu cố đọc trái tim nàng trong cái siết chặt tay, nhưng chẳng biết được gì.

Họ ăn tối trong phòng ăn khách sạn. Cậu không bao giờ cùng nàng đến chỗ đông người và cậu chưa hề sẵn sàng để chịu đựng những ánh nhìn soi mói lộ liễu từ những người

đàn ông lớn tuổi hơn ở những bàn bên cạnh cũng như thái độ qua đó nàng chấp nhận họ. Cậu mua một bao thuốc lá Mỹ tại quầy và khi người hầu bàn mang cà phê tới, cậu châm một điếu thuốc và đặt trên gạt tàn, rồi nói rằng cậu phải kể cho nàng nghe những gì đã xảy ra.

Cậu kể cho nàng về Blevins và về nhà tù Castelar và cậu kể về những gì đã xảy ra với Rawlins, và cuối cùng cậu kể về Cuchillero đã ngã chết trong tay cậu với con dao cắm phập vào tim. Cậu kể nàng nghe mọi thứ. Rồi họ ngồi lặng lẽ. Nàng ngược mắt lên khi đang khóc.

- Kể cho anh nghe. - Cậu nói.

- Em không thể.

- Nói đi em.

- Em làm sao biết anh là ai chứ? Em biết anh là loại người nào? Cha em là loại người nào chứ? Anh có rượu chè? Anh có đi điếm? Ông ấy có không? Đàn ông là cái gì vậy chứ?

- Anh đã nói với em những điều anh chưa bao giờ thổ lộ với ai. Anh đã nói với em tất cả những gì phải nói.

- Điều tốt là gì? Là gì vậy?

- Anh không biết. Anh đoán anh chỉ phải tin vào điều đó.

Họ ngồi rất lâu. Cuối cùng nàng ngược lên nhìn hắn. Em đã thú nhận với ông rằng chúng ta yêu nhau, nàng nói.

Cơn ớn lạnh thấm qua người cậu giá buốt. Căn phòng chìm trong im lặng. Nàng gần như chỉ thì thầm nhưng cậu cảm nhận một sự u tịch hoàn toàn vây quanh và cậu cơ hồ không thể nhìn lại nàng. Cậu nói lạc cả giọng.

- Tại sao?

Vì cô ấy đã dọa mách cha em. Cô em. Cô nói em không được gặp anh nữa bằng không cô sẽ mách với ông ấy.

Cô ta không có quyền.

Không. Em không biết. Em không thể để cô ấy có cái quyền đó. Chính em đã tự thú nhận.

- Tại sao?

- Em không biết. Em không biết.

- Thật sao? Em đã thú nhận?

- Vâng. Thật.

Cậu cúi xuống. Cậu áp đôi tay lên gương mặt nàng. Cậu nhìn thẳng nàng một lần nữa.

- Làm sao bà ấy phát hiện ra? Em không biết. Do nhiều cái. Có thể là Estéban. Bà ấy nghe em bỏ nhà đi. Nghe em trở về.

- Em đã không chối điều đó.

- Không.

- Cha em đã nói gì?

- Không. Ông không nói gì cả.

- Sao em không cho anh biết?

- Anh đang ở trên núi. Em hẳn đã nói. Nhưng anh quay lại thì bị bắt mất thôi.

- Ông ấy bắt anh ư?

- Vâng.

- Sao em có thể nói với ông ấy chứ?

- Em không biết. Em thật ngu ngốc. Chính là sự ngạo mạn của bà ấy. Em nói với bà ta là đừng hòng đe dọa em. Bà ta khiến em phát điên.

- Em có ghét bà ta?

- Không. Em không ghét bà ấy. Nhưng bà ấy bảo em phải là chính con người em, thế mà bằng tất cả hơi sức bà ta cố biến em thành con người bà ta. Em không ghét bà ta. Bà ta phải là vậy, không tránh được. Nhưng em làm tim cha em tan nát. Em làm tim ông tan nát.

- Ông không nói gì sao?

- Không.

- Ông ấy đã làm gì?

- Ông đứng dậy khỏi bàn. Ông đi về phòng mình.

- Em nói với ông ấy tại bàn sao?

- Vâng.

- Trước mặt bà ta?

- Vâng. Ông về phòng và sáng hôm sau bỏ đi trước hừng đông. Ông thẳng yên ngựa và ra đi. Ông dẫn theo mấy con chó. Ông lên núi một mình. Em nghĩ ông ấy sắp giết anh.

Nàng đang khóc. Người ta đang nhìn qua bàn họ. Nàng cúi mặt và ngồi thốn thức trong lặng lẽ, chỉ có đôi vai nàng run run và nước mắt lăn dài trên má nàng.

- Đừng khóc. Alejandra. Đừng khóc.

Nàng lắc đầu.

- Em đã phá hủy tất cả. Em chỉ muốn chết thôi.

- Đừng khóc. Anh sẽ giải quyết ổn cả.

- Anh không thể. - Nàng nói. Nàng ngược mắt lên nhìn cậu. Cậu chưa bao giờ thấy tuyệt vọng như vậy. Cậu nghĩ mình đã tuyệt vọng, nhưng không.

- Ông ấy đã lên núi. Nhưng tại sao ông ấy không giết anh?

- Em không biết. Em nghĩ ông sợ em sẽ liễu mạng.

- Em sẽ à?

- Em không biết.

- Anh sẽ xoay xở ổn cả. Em phải để anh.

Nàng lắc đầu. Anh không hiểu đầu.

- Anh không hiểu gì chứ?

- Em không biết rằng ông hẳn đã hết yêu em. Em không biết ông ấy có thể như thế. Giờ thì em đã biết.

Nàng rút khăn tay ra khỏi túi xách. Em xin lỗi, nàng nói. Mọi người đang nhìn chúng ta.



Đêm ấy trời mưa và màn cửa vẫn vén cao trong phòng và cậu có thể nghe thấy tiếng mưa tí tách trong sân và cậu ôm chặt hình hài xanh xao và trần trụi của nàng, và nàng khóc, nàng khóc và nói nàng yêu cậu, và cậu cầu hôn nàng. Cậu bảo với nàng rằng cậu có thể làm kiếm sống và rằng họ có thể đến sống ở quê hương cậu và không gì làm hại được họ. Nàng không ngủ và khi cậu thức dậy vào tinh mơ thì nàng đang đứng gần cửa sổ và đang mặc áo của cậu.

- Trời còn sớm. - Nàng nói.

- Ừ.

Nàng đến bên giường và ngồi xuống. Em đã thấy anh trong mơ. Em thấy anh chết trong mơ.

- Đêm qua?

- Không. Lâu rồi. Trước tất cả chuyện này. *Em đã hứa hẹn.*

- Một hứa hẹn.

- Vâng.

- Vì sinh mệnh anh.

- Vâng. Họ đưa anh qua những con đường của một thành phố mà em chưa từng nhìn thấy. Trời vừa hừng sáng. Bọn trẻ đang cầu nguyện. *Mẹ anh đang khóc suốt suốt. Vì sự hư hỏng của anh nhiều hơn.*

Cậu áp tay lên miệng nàng: Đừng nói điều đó. Em không thể nói điều đó.

Nàng nắm tay cậu và giữ trong tay mình và xoa trên những đường gân.

Họ ra ngoài trong bình minh của thành phố và đi bộ trên những con đường. Họ nói chuyện với những người quét đường và những phụ nữ đang mở những cửa hiệu nhỏ, quét những bậc cấp. Họ dùng bữa trong một quán cà phê và bước đi giữa những con hẻm nhỏ có những lão già bán hàng đang bày những thứ lật vạt ra trên mặt đường đá cuội. Cậu mua cho nàng những quả dầu từ một cậu bé đang đội trên đầu cái thau đồng một cách tài tình và xoắn một miếng giấy Alcatraz để trút chúng vào. Họ dạo bước trong công viên Jadin Independencia cũ nơi bên trên đầu họ từng sừng sững một thiên thần trắng bằng đá với một cánh gãy. Trên hai cổ tay đá

của nó lừng lảng những xiềng xích đứt đoạn. Cậu nhăm tính số giờ còn lại đến khi con tàu đến lần nữa từ phía nam mà khi nó rời ga đến Torreón sẽ mang nàng hoặc không mang nàng đi và cậu nói với nàng rằng nếu nàng phó thác đời nàng trong sự chăm sóc của cậu thì cậu sẽ không bao giờ xao lãng hoặc bỏ rơi nàng và cậu sẽ yêu nàng đến hơi thở cuối cùng; và nàng đáp rằng nàng tin cậu.

Trong buổi sáng, khi họ trở về khách sạn, nàng nắm tay cậu và kéo cậu qua đường.

- Đi nào. - Nàng nói. - Em sẽ cho anh xem thứ này.

Nàng dẫn cậu đi qua những bức tường của thánh đường và băng qua con đường có mái vòm dẫn vào một phố khác.

- Gì vậy? - Cậu nói.

- Một quảng trường.

Họ bước trên một con phố hẹp quanh co. Đi qua một xưởng thuộc da. Một xưởng thợ thiếc. Họ tiến vào một quảng trường nhỏ và tại đây nàng ngoảnh lại.

- Ông ngoại em đã chết ở đây. - Nàng nói.

- Ở đâu?

- Ở đây. Tại quảng trường này. Plazuela de Guadalajara.

- Trong cuộc cách mạng.

- Vâng. Vào năm 1914. Ngày hai mươi ba tháng sáu. Ông cùng với Zaragoza Brigade dưới thời Raúl Madero. Bấy giờ ông hai mươi bốn tuổi. Họ tiến xuống từ phía bắc thành phố. Cerro de Loreto. Tierra Negra. Xa hơn chỗ này lúc bấy giờ đều là lán trại cả. Ông đã chết tại quảng trường xa lạ này. *Ngay góc phố Khát Vọng, hệt như Pensador Mexicano.* Không

có mẹ để than khóc. Như trong những khúc ballad. Chẳng có con chim nhỏ nào bay nhảy. Chỉ có máu trên những viên đá. Em muốn chỉ cho anh thấy. Chúng ta có thể đi.

- *Pensador Mexicano là ai?*

- *Một nhà thơ.* Tên thật là Joaquín Fernández de Lizardi. Ông có một cuộc đời cực nhọc, vĩ đại và chết trẻ. Còn về phố Khát Vọng thì cũng giống như phố Calle de Noche Triste thôi. Chúng chỉ là những cái tên Mexico. Chúng ta đi được rồi.

Cô hầu phòng đang quét dọn và bỏ đi khi hai người về và họ đã khép màn cửa, và yêu đương và ngủ trong vòng tay nhau. Khi họ thức dậy thì trời đã tối. Nàng ra khỏi phòng tắm với một cái khăn quấn quanh người, nàng ngồi lên giường và nắm tay cậu và cúi nhìn cậu. Em không thể làm những gì anh bảo, nàng nói. Em yêu anh. Nhưng em không thể.

Cậu thấy rất rõ cả cuộc đời cậu đã chỉ hội tụ vào khoảnh khắc này như thế nào và sau đó thì hoàn toàn chẳng còn dẫn tới đâu cả. Cậu cảm thấy một cái gì giá lạnh và vô hồn thổi vào mình như thể một thực tại nào khác, cậu hình dung nó đã cười cợt một cách độc ác và cậu không có lý do nào để tin có lúc nó sẽ ra đi. Nàng đã mặc quần áo khi nàng bước ra khỏi phòng tắm một lần nữa, và nàng thấy mình ngồi trên giường và cậu nắm đôi tay nàng và nói với nàng nhưng nàng chỉ lắc đầu. Nàng quay tránh gương mặt đầm đìa và nói rằng đã đến lúc phải đi và nàng không thể lỡ chuyến tàu.

Họ đi qua những con phố và nàng cầm tay cậu và cậu xách giỏ cho nàng. Họ đi qua những khóm bạch dương phía trên trường đấu bò cũ và xuống những bậc thang qua cái bậc đàn nhạc bằng đá. Một cơn gió khô khốc thổi đến từ phương

nam và trên những tàng cây bạch đàn lũ sáo đá nhảy nhót và kêu lạnh lốt. Mặt trời đã lặn và khung cảnh chạng vạng u sầu phủ xuống công viên và những ngọn đèn khí đốt xuất hiện dọc thành cống dẫn nước và xuôi theo lối đi giữa các tàng cây.

Họ đứng trên sân ga, nàng áp mặt vào vai cậu và cậu nói nhưng nàng đã không đáp lời. Con tàu hỗn hển trở tới từ phía nam và vừa run rẩy vừa phả hơi khói với những ô cửa sổ toa uốn lượn dọc theo đường ray trông như những quân cờ đô mi nô khổng lồ đang vận vẹo trong bóng tối. Cậu không thể không so sánh cảm giác về lần tàu đến này với cách đây hai mươi bốn giờ, và nàng vịn về sợi dây bạc trên cổ và quay đi, xách lấy va li rồi tựa người hôn cậu lần cuối cùng với khuôn mặt đầm lệ rồi cất bước. Cậu nhìn nàng bước đi như thể mình đang trong một giấc mơ nào đó. Dọc trên sân ga những gia đình và những tình nhân đang đón mừng nhau. Cậu nhìn một cô gái nhỏ nhắn đang tươi cười, xoay tròn trong vòng tay của một người đàn ông, và khi cô trông thấy gương mặt cậu, nụ cười của cô vụt tắt. Cậu không hiểu sao mình có thể đứng đó đến khi đoàn tàu lăn bánh, nhưng cậu đã đứng như thế và khi tàu đi khuất, cậu quay lưng, bước trở lại con phố.

Cậu thanh toán hóa đơn khách sạn, thu xếp đồ đạc và ra đi. Cậu vào một quán rượu trên một con phố ngang nơi một giọng ca lai khàn khàn của miền bắc đang rống om sòm từ một cánh cửa mở toang và cậu uống đến say khướt, và đánh nhau một trận và tỉnh dậy trong một bình minh u ám trên chiếc giường sắt của một căn phòng màu xanh lục với những tấm màn cửa sổ bằng giấy, qua đó cậu có thể nghe tiếng gà đang gáy.

Cậu soi mặt mình trong một chiếc gương mờ đục. Cảm cậu thâm tím và sưng phù. Nếu cậu di động cái đầu trong gương đến một vị trí nào đó cậu có thể lấy lại một chút cân xứng của hai bên mặt và vết thương không đau lắm khi cậu ngậm miệng. Áo sơmi của cậu rách toạc và vấy máu và giẻ rách thì không còn. Cậu nhớ lại những chuyện từ cái đêm mà cậu không chắc chắn. Cậu nhớ một bóng người đứng dưới gốc cây như Rawlins đã đứng khi lần cuối cùng cậu nhìn thấy anh ta, nửa quay lưng từ biệt, một chiếc áo choàng buông lỏng trên vai. Cậu thấy ánh đèn của một ô cửa trong trên bức tường sắt nhẵn nhúm của một nhà kho chẳng có ai đến và chẳng có ai đi. Cậu thấy một cánh đồng trơ trụi trong một thành phố dưới màn mưa và trong cánh đồng là một cái thùng gỗ, và cậu thấy một con chó hiện ra trong thùng gỗ trong ánh sáng đèn yếu ớt vàng vọt như một chú chó lạc lỏng đáng thương đang run rẩy tìm đường về qua đồng gạch vụn của khu đất và đã lạng lẹ biến mất giữa những tòa nhà tăm tối.

Khi bước ra cửa cậu không biết mình đang ở đâu. Một cơn mưa bụi lất phất rơi. Cậu cố xác định phương hướng từ La Bufa bên trên thành phố hướng về tây nhưng cậu dễ dàng lạc lối trong những con phố quanh co. Cậu hỏi một phụ nữ đường đến khu trung tâm và bà chỉ đường rồi đứng trông theo khi cậu bước đi. Khi cậu đến Hidalgo, một bầy chó đang chạy lon ton trên đường, và khi chúng chạy qua trước mặt cậu thì một con trượt chân, quờ quạng trên nền đá ướt và té dúi. Mấy con còn lại nhe răng và xù lông gầm gừ, nhưng con chó bị ngã đã đứng dậy trước khi cậu kịp hoang mang và tất cả bọn chúng lại tiếp tục chạy. Cậu đi ra khỏi rìa thị trấn dọc quốc lộ phía bắc và vẫy xe. Cậu hầu như không còn tiền và còn một quãng đường dài phải đi.

Cậu đi cả ngày trên một chiếc xe ngựa bốn bánh LaSalle cũ kỹ điều khiển bởi một người đàn ông mặc đồ trắng. Ông ta nói rằng xe của ông là chiếc duy nhất thuộc loại này trên cả đất nước Mexico. Ông ta nói ông đã chu du khắp thế giới khi còn trẻ và đã từng nghiên cứu ôpêra ở Milan và ở Buenos Aires. Và khi họ băng qua vùng nông thôn ông ta hát vang những khúc Aria trong điệu bộ diễn cảm mãnh liệt.

Nhờ chuyến này và một chuyến xe nữa cậu đã đến Torreón vào khoảng trưa ngày hôm sau và đến quán trọ lấy chiếc túi ngủ của mình. Sau đó cậu đi lấy ngựa về. Cậu không cạo râu cũng chẳng tắm và cũng chẳng có quần áo khác để thay. Người coi chuồng ngựa gật đầu cảm thông khi nhìn thấy cậu và chẳng tỏ vẻ ngạc nhiên trước tình cảnh của cậu. Cậu cưỡi ngựa đi giữa dòng xe cộ đông đúc. Con ngựa ương bướng và hoảng sợ; nó nhảy lắc cắc trên đường và đá bay một cái đĩa lớn vào bên hông một chiếc xe buýt trong sự thích thú của những hành khách đang nhòai ra như tìm kiếm thách thức từ những khung cửa sổ an toàn.

Có một tiệm súng đạn trên đường Degollado, cậu xuống ngựa và buộc nó vào một cột điện, đi vào và mua một hộp đạn Long Colt 45. Cậu dừng tại một cửa hiệu trên vùng ngoại ô của thành phố, mua vài miếng bánh ngô, mấy hộp đậu, nước sốt cay và một ít phômai. Cậu cuộn chúng trong chăn và cột túi ngủ sau yên ngựa, đổ nước đầy bi đông và leo lên rồi quay ngựa về hướng bắc. Mưa đã làm chín cả vùng quê xung quanh và những đám cỏ bên đường um tùm tốt tươi, những bông hoa trở sắc khắp vùng nông thôn trải rộng. Đêm đó cậu ngủ trên một cánh đồng cách xa mọi thị trấn. Cậu không đốt lửa. Cậu nằm nghe tiếng ngựa gặm cỏ chỗ cọc buộc nó và cậu nghe gió thổi giữa không gian đìu hiu mông

quạnh, nhìn những ngôi sao băng vẽ những quãng lửa trên bầu trời và vệt tắt trong góc tối tăm nào đó của thế giới, và cậu nằm với nỗi đau như thiêu đốt trái tim. Cậu hình dung sự đau khổ của cuộc đời như một sinh vật ký sinh vô định hình nào đó đang tìm kiếm hơi ấm của linh hồn con người nơi nó trú mình và cậu nghĩ cậu biết điều gì khiến người ta dễ trở thành con mồi để nó ngẫu nhiên. Điều cậu không biết chính là nó phi lý trí và vì thế không cách nào biết được những giới hạn của những tấm linh hồn đó và điều cậu sợ hãi là việc có thể chẳng có giới hạn nào cả.

Chiều ngày tiếp theo cậu ở sâu trong vùng lòng chảo lớn, một ngày sau thì cậu đang tiến vào vùng đồng cỏ và một miền điều tàn trải trên những ngọn núi hoang vu chạy về phía bắc. Con ngựa không sẵn sàng để cưỡi như cậu đòi hỏi và cậu buộc phải cho nó nghỉ thường xuyên. Cậu đi ban đêm để có thể xoa dịu những chiếc móng của nó trong không khí ẩm ướt, và khi đi cậu thấy những ngôi làng nhỏ phía xa trên đồng bằng vệt lên thứ ánh sáng vàng vọt trong đêm đen lác lõng và cậu nghĩ cuộc đời đối với cậu thật không sao tưởng tượng được. Năm ngày sau cậu cưỡi ngựa ban đêm đến giao lộ một ngôi làng nhỏ xa lạ và cậu dừng ngựa trước giao lộ, và nhờ ánh sáng trăng tròn đọc tên những thị trấn được nung vào những tấm bảng gỗ bằng sắt nóng đỏ và đóng lên cột điện. San Jerónimo. Los Pintos. La Rosita. Dưới đây một tấm bảng với mũi tên chỉ đường khác đến La Encantada. Cậu ngồi rất lâu. Cậu nghiêng người khạc nhổ. Cậu nhìn vào màn đêm tối phía tây. Chết tiệt, cậu nói. Ta sẽ không dùng ngựa ở đây.

Cậu đi suốt đêm và trong ánh sáng xám ngắt đầu tiên cậu gò mạnh cương ngựa và đi lên một gò cao mà dưới đó

cậu có thể nhận ra hình dáng của thị trấn, những ô cửa sổ vàng vọt trên những bức tường trát bùn lâu năm nơi những ngọn đèn đầu tiên được thắp, những cột khói hẹp đứng thẳng yên trong một bình minh lặng gió đến độ dường như ngôi làng được treo bằng những sợi dây buông từ màn đêm. Cậu xuống ngựa và trái đồ, mở hộp đạn và dốc nửa số chúng vào túi, kiểm tra súng và nạp đầy sáu viên vào ổ quay, nhét súng vào thắt lưng và cuộn đồ đạc lại, cột nó đằng sau yên ngựa và lên ngựa cưỡi vào thị trấn.

Không có ai trên đường. Cậu cột ngựa trước một cửa hiệu và xuống ngựa đi vào đồn cũ, đứng trên hành lang và nhìn vào. Cậu kiểm tra cánh cửa. Cậu đi vòng ra sau, phá cửa kính và nhảy vào, mở chốt cửa và bước vào với khẩu súng trong tay. Cậu đi ngang qua căn phòng và nhìn ra đường qua cửa sổ. Đoạn cậu quay lại và bước tới bàn đại úy. Cậu mở ngăn kéo trên cùng và lôi ra những cái còng và đặt chúng lên bàn. Đoạn cậu ngồi xuống và gác chân lên.

Một giờ sau, cô hầu gái đến và mở cửa bằng chìa khóa của cô ta. Cô giật mình nhìn cậu ngồi đó, và cô đứng run rẩy.

- Vào đi. Vào đi. - Cậu nói. - Không sao đâu.

- Cảm ơn. - Cô nói.

Cô ta đi qua phòng và lẩn ra sau nhưng cậu chặn cô ta lại và bắt cô ta ngồi vào một trong những cái ghế gấp bằng sắt dựng sát tường. Cô lặng lẽ ngồi xuống. Cô không hỏi cậu bất kỳ điều gì. Họ chờ đợi.

Cậu nhìn gã đại úy qua đường. Cậu nghe tiếng ủng của gã trên lớp ván. Gã vào với tách cà phê trên một tay và chùm chìa khóa ở tay kia, lá thư kẹp dưới cánh tay. Gã trần trối

nhìn John Grady và nhìn vào khẩu súng cậu đang cầm với
báng súng tựa trên bàn.

- Đóng cửa lại. - John Grady nói.

Đôi mắt gã sĩ quan phóng nhìn về phía cửa. John Grady
đứng dậy. Cậu lên cò súng. Tiếng lách cách của cái hãm cò
và của ổ quay lắp vào trục nghe sắc gọn và rõ ràng trong buổi
sáng tĩnh lặng. Cô hầu gái giơ tay lên đầu và nhắm mắt. Gã sĩ
quan chậm chậm đóng cửa bằng khuỷu tay.

- Anh muốn gì? - Gã nói.

- Tôi đến lấy ngựa của tôi.

- Ngựa của anh?

- Vâng.

- Tôi không có ngựa của anh.

- Tốt hơn ông nên biết nó ở đâu.

Gã sĩ quan nhìn cô hầu. Cô ta vẫn giơ tay lên đầu nhưng
đã ngược nhìn lên.

- Đến đây và đặt cái đó xuống. - John Grady ra lệnh.

Gã bước tới, đặt cốc cà phê và lá thư xuống bàn, tay vẫn
giữ chùm chìa khóa.

- Bỏ chùm chìa khóa xuống.

Gã đặt chùm chìa khóa trên bàn.

- Quay lưng.

- Anh tự gây rắc rối ghê gớm cho mình.

- Tôi gặp những chuyện thậm chí ông còn chưa được
nghe kia. Quay lưng.

Gã quay bước. John Grady tựa về phía trước và tháo nắp bao súng mà cậu đang mang, hạ cò súng và đặt nó vào bao.

- Quay lại. - Cậu nói.

Gã kia quay lại. Gã không được bảo phải giơ tay lên nhưng dù sao vẫn cứ giơ lên. John Grady lấy những cái còng trên bàn và giắt vào thắt lưng.

- Ông muốn để cô gái ở đâu? - Cậu nói.

- Cái gì?

- Không hề gì. Đi thôi.

Cậu lấy chùm chìa khóa và đi quanh cái bàn rồi đẩy gã sĩ quan đi tới. Cậu ra hiệu cô gái bằng cảm.

- Đi nào! - Cậu gọi.

Cửa sau vẫn mở và họ bước xuống lối đi dẫn tới phòng giam. John Grady mở khóa móc và mở cửa. Trong ánh sáng nhợt nhạt hình tam giác có một lão già đang ngồi.

- Có đó không, lão già?

- Vâng. Anh muốn gì?

- Ra đây.

Lão chậm chạp đứng dậy. Lão lê bước về phía trước với một tay tựa trên vách và John Grady bảo lão được tự do đi. Cậu ra hiệu bảo cô quét dọn đi vào và cậu xin lỗi đã làm phiền cô. Cô đáp chẳng có gì phiền lòng và cậu đóng cửa rồi khóa lại.

Khi cậu quay lại, lão già vẫn đang đứng đó. John Grady bảo lão ta về nhà. Lão già nhìn gã sĩ quan.

- Đừng nhìn hần. - John Grady nói. - Tôi bảo ông đấy. Đi thôi.

Lão già nắm tay hắn và sắp sửa hôn lên thì John giật ra.

- Ra khỏi chỗ chết tiệt này. - Cậu nói. - Đừng có nhìn hắn. Đi thôi.

Lão già đi tập tễnh về phía cổng, mở chốt, bước ra đường và quay lưng đóng cổng lại rồi bước đi.

Khi cậu và gã sĩ quan đi trên đường thì John Grady cười ngựa với khẩu súng giắt trong thắt lưng và chiếc áo vét phủ lên đó. Đôi tay gã đại úy bị còng trước mặt cậu và gã đang dắt ngựa đi. Họ rẽ xuống ngôi nhà xanh nơi gã chăn ngựa sống và gã sĩ quan gõ cửa. Một phụ nữ ra mở cửa, nhìn gã sĩ quan và quay trở vào hành lang. Một lúc sau gã chăn ngựa đi ra, gật đầu và đứng xìa răng. Gã nhìn John Grady và nhìn gã sĩ quan. Đoạn gã nhìn John Grady lần nữa.

- Chúng ta gặp rắc rối. - Gã sĩ quan nói.

Gã chăn ngựa vẫn mút cây tằm. Gã không nhìn thấy khẩu súng trong thắt lưng John Grady và gã đang thắc mắc không hiểu thái độ của gã sĩ quan.

- Đến đây. - John Grady nói. - *Tao muốn ngựa của tao.*

Khi gã chăn ngựa ngược nhìn vào nòng súng, John Grady có thể thấy những bánh răng đang khớp vào trong đầu hắn và mọi thứ hóa ra rõ ràng đầu vào đó. Cậu với tay ra sau và kéo cửa đóng lại. Gã nhìn người cưỡi ngựa. Ánh mặt trời chiếu vào mắt gã và gã dịch nhẹ sang một bên và nhìn lên lần nữa.

- *Tao muốn ngựa của tao.* - John Grady nói.

Gã nhìn người cưỡi ngựa lần nữa, ánh mắt của gã né tránh cái nhìn trực diện và gã cúi nhìn xuống đất. John Grady nhìn qua hàng rào ocotillo nơi từ lưng ngựa cậu có

thể thấy vài nhà chuồng bằng bùn và mái tôn han rỉ của một ngôi nhà lớn hơn. Cậu nhảy xuống ngựa, chiếc còng lưng lẳng trên cổ tay.

- *Đi nào!* - Cậu kêu lên.

Con ngựa của Rawlins ở trong cái chuồng bùn trong khu đất đằng sau nhà. Cậu kêu nó và nó ngẩng đầu lên khi nghe tiếng cậu. Cậu bảo gã chẵn ngựa thắng dây cương và cậu đứng chia súng khi gã thắng cương ngựa, và cậu nắm lấy dây cương từ tay gã ta. Cậu hỏi gã những con ngựa kia ở đâu. Gã chẵn ngựa nuốt nước bọt và nhìn gã sĩ quan. John Grady tiến tới nắm cổ áo gã sĩ quan và kê súng vào đầu gã và cậu nói với gã chẵn ngựa rằng nếu gã còn nhìn tên kia thêm lần nào nữa cậu sẽ bắn y. Gã đứng nhìn xuống. John Grady bảo gã rằng cậu không còn đủ kiên nhẫn và thời gian nữa và rằng gã sĩ quan giá nào cũng phải chết nhưng gã chẵn ngựa thì có thể tự cứu mình. Cậu nói với họ rằng Blevins là em trai cậu và cậu thể độc là sẽ không quay về gặp cha nếu không xách theo đầu gã đại úy và rằng các em của cậu đang chờ làm thay cậu nếu cậu thất bại. Gã chẵn ngựa không kềm được ánh mắt và quay nhìn gã sĩ quan tức thì gã nhắm mắt ngay lại và quay đi và dùng một tay bấu lấy cái đầu nhỏ bé của gã. Nhưng John Grady đang quan sát tên đại úy và lần đầu tiên cậu thấy mặt gã sa sầm nét ngờ vực. Gã đại úy bắt đầu nói với tên chẵn ngựa nhưng cậu lòi cổ áo gã với khẩu súng kê trên đầu và nói nếu gã còn mở miệng nữa cậu sẽ bắn gã ngay tại chỗ.

- *Mày.* - Cậu nói. - *Những con ngựa khác ở đâu?*

Gã chẵn ngựa đứng nhìn ô chuồng ngựa. Trông gã như một vai phụ trên sân khấu đang lắp bắp những lời thoại độc nhất của mình.

- *Trong nhà của Don Rafael.*

Họ cưỡi ngựa qua thị trấn với tên đại úy và gã chăn ngựa cùng cưỡi chung trên con ngựa không yên của Rawlins và John Grady theo sau. Cậu giắt dây cương con ngựa kia qua vai. Họ lăm lì cưỡi ngựa qua trung tâm thị trấn. Những bà lão đang quét con phố lấy lợi trong không khí sớm mai ngẩng lên nhìn họ đi qua.

Họ đi chừng mười kilômét thì đến cái ấp đã nói. Họ đến đó vào giữa buổi sáng, qua cánh cổng mở rồi vượt qua ngôi nhà hướng tới những chuồng ngựa phía sau được canh chừng bởi những con chó vênh váo sủa ầm ĩ và chạy nhón nhác trước mặt mấy con ngựa.

Tại bãi quây ngựa, John Grady dừng lại, tháo còng cho vào túi và rút súng lục ở thắt lưng ra. Đoạn cậu xuống ngựa, mở cổng và vẫy họ vào.

Cậu dẫn con nâu xám qua, đóng cổng, ra lệnh hai gã xuống ngựa, và vẫy súng ra hiệu họ tiến về phía chuồng ngựa.

Ngôi nhà còn mới, xây bằng gạch và có mái tôn cao. Những cánh cửa ra vào nằm phía xa và những ngăn chuồng được lắp cửa chớp và có một bóng điện nhỏ trong mỗi ô chuồng. Cậu thúc tên đại úy và gã chăn ngựa đi trước hòng súng. Cậu có thể nghe những con ngựa đang hít ngửi trong các ô chuồng và cậu có thể nghe tiếng gù của lũ bồ câu trong tổ ở đâu đó.

- Redbo. - Cậu gọi.

Con ngựa hí vang với cậu từ cuối chuồng.

Cậu vẫy họ tiến tới. Đi. - Cậu kêu.

Khi cậu quay lại một người đàn ông bước vào ô cửa đằng sau họ và đứng lấp ló.

- Ai đó? - Cậu hỏi.

John Grady bước ra sau gã chặn ngựa và kê họng súng vào be sườn gã. *Trả lời đi.* - Cậu giục.

- Luis. - Gã chặn ngựa đáp.

- Luis?

- Vâng.

- Ai nữa?

- Raúl. Đại úy.

Gã đứng không vững. John bước ra sau lưng gã đại úy.

- Chúng tôi có một tù nhân. - Cậu nói.

- Chúng tôi có một tên tù. - Tên đại úy nói.

- Một thằng trộm. - John Grady thì thầm.

- Một thằng trộm.

- Chúng tôi đến để xem ngựa.

- Chúng tôi đến để xem ngựa. - Tên đại úy nói.

- Ngựa gì?

- Ngựa Mỹ.

Người đàn ông đứng đó. Đoạn y bước ra ngoài ánh sáng ô cửa. Không ai nói gì.

- Có việc gì thế, ông bạn? - Y hỏi.

Không ai trả lời. John Grady nhìn bãi đất ngập nắng phía ngoài cửa chuồng. Cậu có thể thấy bóng người đàn ông đứng cạnh cửa. Thế rồi cái bóng biến đi. Cậu lắng nghe. Cậu đẩy hai gã đi về phía sau chuồng. *Đi nào.* - Cậu nói.

Cậu gọi con ngựa một lần nữa, xác định vị trí ngăn chuồng và mở cửa rồi dắt ngựa ra. Con ngựa hích mũi và trán nó vào ngực John Grady. John Grady nói chuyện với nó và nó hí vang rồi quay người chạy lon ton về phía ánh sáng mặt trời trong cánh cửa mà không có dây cương. Khi họ trở lại ô chuồng ngựa thì hai con ngựa khác ghéch đầu chúng ra khỏi ô cửa ngăn. Con thứ hai là con ngựa hồng to lớn của Blevins.

Cậu dừng lại nhìn con vật. Cậu vẫn còn sợi dây cương thừa vắt qua vai. Cậu gọi gã chăn ngựa bằng tên và rún vai trao dây cương cho gã và bảo gã hãy thắt cương con ngựa rồi đưa nó ra ngoài. Cậu biết gã đàn ông đến gần chuồng hồi nãy đã từng thấy hai con ngựa đứng trong bãi quây, một con có đầy đủ yên cương còn con kia được thắt cương và không yên. Cậu suy tính gã kia có thể đi về nhà xách súng trường và rằng có thể gã sẽ quay trở lại trước khi tên chăn ngựa thậm chí kịp thắt cương cho ngựa của Blevins, và trong tất cả những chuyện này thì gã là người đúng. Khi gã đàn ông gọi với vào lần nữa từ ngoài chuồng ngựa là gã gọi tên đại úy. Tên đại úy nhìn John Grady. Gã chăn ngựa đứng sững với dây cương trong một tay và mũi con ngựa ghéch lên khuỷu tay gã.

- Đến đây. - John Grady gọi.

- Raúl. - Gã đàn ông kêu.

Tên chăn ngựa vắt dây cương qua hai tai con ngựa và đứng trong cửa ngăn giữ rít dây.

- Đi. - John Grady nói.

Có những cuộn thùng và những mẫu đinh bẹt đang treo trên lan can trong hành lang và cậu lấy một cuộn thùng đưa

cho tên chăn ngựa và bảo gã cột một đầu vào đai cổ con ngựa của Blevins. Cậu biết cậu chẳng cần kiểm tra mọi việc tên chăn ngựa làm vì gã không thể lén lút làm vậy. Con ngựa của cậu đang đứng ở lối cửa nhìn vào. Đoạn nó quay lại và nhìn người đàn ông đang đứng bên ngoài vách chuồng.

- *Ai ở trong đó với anh?* - Gã đàn ông hỏi.

John Grady lấy cái còng tay ra khỏi túi và bảo gã đại úy quay lưng và khóa quặt đôi tay gã ra phía sau. Gã đại úy lưỡng lự và nhìn ra phía cửa. John Grady giơ cao khẩu súng và lên cò.

- *Vâng, vâng* - Tên đại úy đáp.

John Grady khóa hai cổ tay gã bằng còng và đẩy gã tới và vẩy tên chăn ngựa đưa ngựa đi. Con ngựa của Rawlins xuất hiện ở cửa chuồng và đứng hít hít con Redbo. Nó ngẩng đầu lên và nó cùng con Redbo nhìn họ khi họ tới gần ô chuồng ngựa để dẫn con ngựa khác ra.

Tại góc khe thông gió nơi ánh sáng lọt vào chuồng, John Grady giật sợi thừng dẫn ngựa từ tay gã chăn.

- *Chờ ở đây.* - Cậu ra lệnh.

- *Vâng.*

Cậu đẩy gã đại úy đi trước.

- *Tao chỉ muốn ngựa của tao.* - Cậu nói. - *Không gì khác.*

Không ai trả lời.

Cậu thả sợi thừng và vỗ mông con ngựa và nó chạy nước kiệu ra khỏi chuồng hơi nghiêng đầu sang một bên để không giậm sợi thừng. Ra bên ngoài nó quay người thúc trán vào con ngựa của Rawlins đoạn đứng nhìn người đàn ông đang

lom khom sát bức tường. Người này hẳn đã làm một cử chỉ khó hiểu với con ngựa bởi vì nó giật đầu và nháy mắt nhưng không di chuyển. John Grady chụp lấy đầu thùng con ngựa đang kéo lê và vắt qua chiếc còng tay đang khóa tên đại úy và buộc hờ vào thanh gỗ treo trên cửa chuồng. Đoạn cậu bước ra ngoài qua lối cửa và chìa nòng súng lục vào giữa mặt gã đàn ông đang lom khom ở đó.

Gã đàn ông đang đeo súng trường ngang thắt lưng và y vút xuống đất và giơ hai tay lên trời. Gần như ngay lập tức đôi chân John Grady sụm xuống và cậu ngã quỵ. Cậu thậm chí chưa kịp nghe tiếng nổ giòn của súng trường nhưng con ngựa của Blevins thì nghe. Nó nhảy chồm trên hai chân sau trước mặt gã, bật mạnh người và giật phải đầu dây thùng và bị quật sang bên rồi ngã một cú như trời giáng trong đám bụi đất. Một bảy bố câu bay tung tóe ra khỏi cái chuồng trên đầu trong ánh nắng buổi sáng.

Hai con ngựa kia chạy nước kiệu và con nâu xám bắt đầu chạy dọc hàng rào. Cậu nắm chặt khẩu súng và cố gượng dậy.

Cậu biết mình đã bị bắn và đang cố xác định kẻ hạ thủ đang nấp ở đâu. Gã còn lại với tay chụp cây súng trường đang nằm trên đất, nhưng John Grady đã quay lại nện khẩu súng lục vào gã đoạn vươn tay giật cây súng trường và lăn mình che chắn cái đầu con ngựa đang ngã xuống vùng vẫy chưa đứng lên được. Đoạn cậu đứng dậy và thận trọng nhìn quanh.

- *Đừng hại con ngựa.* - Gã đàn ông đứng sau lưng cậu lên tiếng. Cậu thấy gã đã bắn mình đang đứng trên đệm một chiếc xe tải cách đó hơn ba mươi thước bên kia lô đất với nòng súng trường tựa trên đầu xe. Cậu chìa súng lục vào gã và gã khom người xuống và quan sát cậu qua cửa sau xe và

bắn qua kính chắn gió. Cậu lên cò và nhắm bắn thùng một lỗ kính chắn gió và lại lên cò và quay súng và chĩa vào gã đàn ông đang quỳ đằng sau cậu. Con ngựa rên rỉ dưới chân cậu. Cậu có thể cảm nhận nhịp thở chậm chạp và đều đều nơi lõm bụng của mình. Gã đàn ông giơ cao tay. *Đừng bắn tôi.* - Gã kêu lên. John Grady nhìn về phía chiếc xe tải. Cậu có thể thấy đôi ủng bên dưới trục xe nơi gã đứng sau xe và cậu chồm người qua con ngựa và lên cò và nổ súng vào chúng. Gã đàn ông nhảy trốn sau bánh xe sau và cậu đoàng một phát nĩa trúng lốp xe. Gã từ đằng sau xe tải chạy băng qua bãi đất trống về phía một nhà kho. Lốp xe rít lên một tiếng dài trong cái tĩnh lặng buổi sáng và chiếc xe tải bắt đầu lún xuống ở một góc.

Redbo và Junior đứng run rẩy trong bóng tối của vách chuồng với những cái chân hơi dẹt và ánh mắt sợ sệt. John Grady nằm che chắn con ngựa và chĩa súng lục vào gã đàn ông đằng sau cậu và gọi tên chân ngựa. Tên chân ngựa không đáp lời và cậu lại gọi lần nữa và bảo gã mang một cái yên và dây cương cho con ngựa kia cùng một sợi thừng bằng không cậu sẽ giết gã chủ trại. Rồi họ chờ đợi. Vài phút sau gã chặn ngựa tiến đến cửa. Gã kêu to tên gã lên như thể một thứ bùa che chờ gã.

- *Ra đây.* - John Grady gọi. - *Không ai được làm hại nó.*

Cậu nói với Redbo trong khi gã chặn ngựa thẳng yên cương cho nó. Con ngựa của Blevins đang chậm chạp thở đều và bụng nó ấm ấm và áo cậu ẩm ướt vì hơi thở con ngựa. Cậu thấy mình đang thở cùng một nhịp với con ngựa như thể một bộ phận nào đó của con ngựa đang thở trong cậu và cậu đã biến thành một kiểu thông đồng ngầm ngầm nào đó mà thậm chí cậu không gọi được tên. Cậu nhìn xuống chân

minh. Quần cậu thâm sẫm vì máu và máu dây cả trên đất. Cậu cảm thấy tê buốt và là lạ nhưng không thấy đau. Gã chặn ngựa đưa Redbo đã thắng yên ra cho cậu và nhờ nó cậu thấy khá hơn và cậu nhìn nó. Ánh mắt con ngựa lướt qua cậu, nhìn vào thảm xanh bao la bất tận ngoài kia. Cậu dựng cây súng trường trên đất và cố đứng dậy. Khi cậu dựa sức nặng lên cái chân trúng đạn thì một cơn đau nhói buốt dâng lên và cậu cố hít lấy tất cả không khí có được. Con ngựa của Blevins run rẩy, xiêu vẹo và giật căng dây thừng và có một tiếng thét trong chuồng ngựa và gã đại úy gặp người lão đảo bước ra với hai cánh tay bị khóa quặt ra sau theo sợi thừng run run trông như một cái gì bốc ra từ một cái lỗ. Gã đã rút mất mũ, mái tóc đen của gã lò xo, mặt gã xám ngắt, và gã gọi toáng họ tới giúp gã. Con ngựa vấp phải đầu sợi thừng bởi phát đạn đầu tiên đã giật ngược làm trật khớp vai gã và gã đang vô cùng đau đớn. John Grady đứng dậy nới nút thừng khỏi đai cổ con ngựa hồng và cột sợi thừng gã chặn ngựa đã đưa, rồi đưa đầu thừng cho gã chặn ngựa và bảo gã nói lỏng nó vào đai yên con Redbo và mang tới cho cậu hai con ngựa kia. Cậu nhìn gã đại úy. Gã đang ngồi hơi nghiêng sang một bên với đôi tay bị khóa sau lưng. Gã thứ hai vẫn đang quỳ gối tay lên trời cách đó vài thước. Khi nhìn gã, John Grady lắc đầu.

- *Gã điên rồi.* - Gã này nói.

- *Mày nói đúng.* - John Grady đáp.

Cậu bảo gã gọi tên bắn súng cacbin ra khỏi nhà chuồng và gã gọi hai lần nhưng tên kia không chịu ra. Cậu biết không khi nào cậu cưỡi ngựa ra khỏi đây mà bọn này không cố chặn cậu lại, và cậu biết mình phải làm cái gì đó với con ngựa của Blevins đang phát điên phát cuồng. Gã chặn ngựa đang đứng giữ lũ ngựa, và cậu nắm sợi thừng, đưa dây cương lại cho gã

và bảo gã tới xoắn tên đại úy lên con nâu xám. Cậu tựa người vào hông con ngựa của Blevins, lấy hơi và nhìn xuống chân mình. Khi nhìn gã chặn ngựa cậu đang đứng giữ con ngựa sau lưng gã đại úy nhưng gã ta chẳng có nhúc nhích đi đâu. Cậu giương súng và sắp sửa bắn đoàng một phát xuống đất trước mặt gã đại úy thì nhớ đến con ngựa của Blevins. Cậu lại ngó gã đang quỳ, đoạn dùng súng trường làm cái nạng, cậu dùng đưa dưới cổ con ngựa và chộp sợi cương trên đất của con Redbo, giắt khẩu súng vào thắt lưng, đặt chân lên bàn đạp ngựa và đứng dậy rồi đu cái chân đầy máu me qua yên. Cậu đu mạnh hơn mức cần thiết vì biết nếu thất bại lần đầu cậu sẽ không thể nào làm lại lần nữa và cậu suýt thét lên vì đau đớn. Cậu tháo sợi thừng khỏi đai yên và cưỡi con ngựa tới chỗ gã đại úy đang ngồi. Cậu cặp khẩu súng trường dưới cánh tay và quan sát nhà chuồng nơi gã mang súng trường kia đã núp. Cậu cưỡi ngựa ngang qua gã đại úy mà không cần biết gã sẽ có phản ứng gì. Cậu bảo tên chặn ngựa tháo sợi thừng khỏi thanh gỗ trên cửa chuồng và mang tới cho cậu. Cậu đã tính trước rằng phải có đổ máu giữa hai người. Khi gã chặn ngựa đưa đầu dây thừng, cậu ra lệnh cột vào công tay tên đại úy và gã làm theo rồi bước lùi lại.

- *Cảm ơn.* - John Grady kêu. Cậu cuộn sợi thừng và lừa con ngựa đi tới. Khi gã đại úy thấy tình cảnh của mình, gã đứng dậy.

- *Chờ chút.* - Gã gọi.

John Grady cưỡi ngựa đi trước, quan sát nhà chuồng. Gã đại úy khi nhìn thấy sợi thừng lủng thủng chạy dọc trên đất đã cất tiếng gọi to và bắt đầu chạy theo, đôi tay bị khóa quặt ra sau. *Chờ chút.* - Gã kêu lên.

Khi họ đi qua cổng, gã đại úy đang cưỡi con Redbo và cậu ngồi sau gã với cánh tay siết chặt quanh thắt lưng gã đại úy. Họ dẫn ngựa của Blevins bằng dây thừng và lừa hai con khác đi trước mặt. Cậu quyết định đưa bốn con ngựa ra khỏi đó nếu cậu có phải chết trên đường và ngoài chuyện đó cậu không nghĩ gì nhiều. Chân cậu tê buốt và chảy máu, cảm giác nặng nề như một bao bột và ủng của cậu ngập ngựa máu. Khi cậu đi ngang qua cổng, gã chặn ngựa đứng đó tay cầm mũ của cậu và cậu với xuống lấy nó từ tay gã, đội lên và gật đầu.

- *Tạm biệt.* - Cậu nói.

Gã chặn ngựa gật đầu và bước lùi. Cậu thúc con ngựa đi và họ đi xuống đường dành cho xe, cậu đang giữ chặt gã đại úy và hơi quay sang bên với khẩu súng trường ở thắt lưng, nhìn về phía bãi quây. Gã chặn ngựa vẫn đang ở cổng nhưng không có dấu vết của hai người kia. Gã đại úy trên yên trước mặt hần bốc mùi hôi thối và nhóp nhóp mồ hôi. Gã cựa quậy cho dễ chịu hơn trong cái áo nhà binh và đặt tay vào phía trong để tựa cánh tay cho đỡ mỏi. Khi họ đi qua ngôi nhà thì chẳng thấy ai lai vãng nhưng đến khi họ ra đường cái thì có hàng nửa tá đàn bà con gái từ bếp chiếu cái nhìn soi mói qua góc ngôi nhà.

Trên đường, cậu gặp Junior và con nâu xám đang chạy lon ton đằng trước và con ngựa của Blevins theo sau; chúng phi nước kiệu theo hướng trở về Encantada. Cậu không biết liệu con nâu xám có cố bỏ lại cả bọn không và cậu ước giá mà có một cái yên dư trên lưng con Junior nhưng chẳng có gì để làm cho nó. Gã đại úy rên rỉ vì cái vai đau và cố nắm lấy dây cương, đoạn nói gã cần bác sĩ và gã cần đi tè. John Grady nhìn con đường đằng sau. Tiến lên, cậu quát. Mùi của mỳ không thơm hơn được nữa đâu.

Họ chạy hơn mười phút thì bọn người cưỡi ngựa xuất hiện, bốn người trong đám đang phi nước đại, chồm về phía trước, giữ súng trường về một bên. John Grady thả lỏng dây cương, xoay người và lên nòng súng trường và, đoàng. Con ngựa của Blevins đứng phắt lại như con ngựa xiếc và gã đại úy ngã gập trên lưng con Redbo vì nó bỗng đứng khựng lại giữa đường và John Grady xô chúi vào gã và suýt đẩy gã văng khỏi yên. Đằng sau họ, bọn cưỡi ngựa đang vượt ngựa lên và nghiêng ngáu con đường. Cậu lấp loạt đạn mới vào súng trường và bắn lại. Ngay lúc này con Redbo ngoặt lại giữa đường và kéo căng cứng sợi thừng, và con ngựa của Blevins hoàn toàn mất kiểm soát. Cậu chao đảo và quất mạnh vào tay gã đại úy bằng nòng súng trường khiến gã thả rơi dây cương và cậu chụp dây cương, kéo mạnh con Redbo và dùng súng trường thúc nó và quay nhìn lại. Những tên cưỡi ngựa đã rời khỏi đường cái nhưng cậu kịp thấy con ngựa cuối cùng biến vào bụi rậm và cậu biết bọn kia đi bên nào. Cậu khom xuống, giữ chắc dây thừng và kéo cuộn dây thừng thu ngắn khoảng cách con ngựa lại, rồi thúc con Redbo cùng phi nước kiệu bắt kịp hai con đang phi trước mặt họ và xua chúng vào bụi rậm rồi phi ra đường làng uốn lượn về phía tây thị trấn. Gã đại úy nửa quay người với mấy lời rên rĩ nhưng cậu chỉ siết chặt hơn nữa cái bị thít ghê tởm đó, gã đại úy lấy bấy cứng dờ trên cái yên trước mặt cậu với nét nhăn nhó đau đớn như cái mặt được tô vẽ của một con bù nhìn.

Họ cưỡi ngựa xuống một con lạch nông và rộng, và cậu thúc ngựa nhảy căng lên, chân cậu quật khùng khiếp và gã đại úy thét lên đòi xuống. Con lạch chảy về hướng đông

dưới ánh mặt trời, họ đi dọc theo nó một khoảng khá xa đến khi nó bắt đầu hẹp lại và lởm chởm đá, và đám ngựa buông tuồng vội bước thận trọng lại, nhìn về phía những con đường dốc trước mặt chúng. Cậu thúc chúng; chúng trèo qua những khối đá trập rờn từ rìa đất phía trên và leo lên triển dốc hướng về phía bắc, đi dọc một dải đất khô cằn sỏi đá nơi cậu siết chặt gã đại úy lẫn ngựa và ngoái nhìn sau lưng. Những tên cười ngựa dẫn ra trên vùng quê thoáng đãng bên dưới cậu một dặm và cậu đếm không phải bốn mà đến sáu tên cả bọn trước khi chúng mất hút vào một cái cầu rút. Cậu thả lỏng bớt dây thừng từ đai yên trước gã đại úy.

- Mày nợ tiền bọn vô lại này chắc. - Cậu rủa.

Cậu lại thúc ngựa đi tới và bắt kịp những con ngựa kia đang đứng quay nhìn cách hơn ba mươi mét dọc dải đất. Không có chỗ nào để leo lên cầu và cũng không có chỗ ẩn nấp trong vùng đất rộng mở bên kia. Cậu cần mười lăm phút nhưng nào có được. Cậu trượt xuống, tóm con ngựa Purísima và tập tễnh theo nó bằng một chân; con ngựa lúc lắc đầu rồi bốn chồn nhìn cậu. Cậu tháo móc dây cương khỏi đai yên, đứng lên bàn đạp và đu mình một cách đau đớn lên lưng ngựa, đoạn quay nhìn gã đại úy.

- Tao muốn mày theo sau tao. - Cậu nói. - Và tao biết mày đang nghĩ gì. Nhưng nếu mày nghĩ tao không thể rượt được mày thì tốt hơn nên nghĩ cái gì khác đi. Và nếu để tao phải rượt bắt mày thì tao sẽ nện mày như một con chó. *Mày nghe rõ chứ?*

Gã đại úy không đáp. Gã nặn ra một nụ cười nhạo báng và John Grady gật gù.

- Mày cứ cười đi. Tao chết thì mày cũng đứt.

Cậu quay ngựa và cưỡi trở lại xuống con lạch. Gã đại úy theo sau. Tại dốc đá trượt, cậu xuống ngựa, cột ngựa và rút ra một điều thuốc, châm lửa, và đi tập tễnh quanh những tảng đá và hòn cuội lớn nhón và xách theo súng trường. Tại chỗ khuất của dốc trượt, cậu dừng lại, rút khẩu súng ngắn của gã đại úy khỏi thắt lưng và đặt trên đất, sau đó rút dao cắt một miếng vải hẹp dài từ áo của mình và bện nó thành một sợi dây. Đoạn cậu cắt sợi dây làm hai và buộc cò dính vào súng. Cậu buộc chặt để nó ép cứng lên báng súng và cậu chặt một cành khô, buộc vào sợi dây kia, đầu dây còn lại thì cột vào búa đánh lửa của khẩu súng. Cậu đề một tảng đá lớn lên cây gậy để giữ nó và kéo căng khẩu súng ra đến khi sợi dây kéo bật búa lửa lên, đoạn cậu đặt khẩu súng xuống và lăn một hòn đá lên trên. Và khi cậu từ từ thả tay ra, nó vẫn nằm yên vị. Cậu rút một điều thuốc lá tốt, đốt cháy, và cẩn thận đặt nó nằm ngang sợi dây rồi bước lùi lại, nhặt khẩu súng trường, sau đó quay lưng tập tễnh về chỗ mấy con ngựa đang đứng.

Cậu múc đầy mấy chai nước và trượt dây cương xuống khỏi đầu con nâu xám, bắt lấy và vuốt ve dưới hàm con nâu xám. Tao ghét phải bỏ mày lại, ông bạn già. - Cậu nói. - Mày là anh bạn tốt.

Cậu đưa mấy chai nước cho gã đại úy và vắt dây cương qua vai gã, một tay đưa lên và gã đại úy nhìn xuống cậu, đoạn với cái tay không đau xuống và cậu vạt vãi trèo lên lưng ngựa, ngồi sau gã đại úy, xoay trở và nắm dây cương rồi quành ngựa quay lên dài đất lần nữa.

Cậu bắt kịp bọn ngựa không cương và xua chúng xuống dài đất rồi chạy qua bên kia vùng rộng thoáng dang. Mặt đất toàn đá sỏi và không dễ để lẩn theo một con ngựa, nhưng

cũng không phải không thể. Cậu thúc ngựa một cách nặng nề. Có một ngọn núi mặt bàn thấp cách hai dặm bên kia cánh đồng lương thực và cậu có thể thấy những tàng cây cùng toàn cảnh của một vùng đất điêu tàn. Chưa bằng được nửa đường, cậu nghe tiếng nổ giòn chết chóc của khẩu súng lục mà cậu đang chờ nghe.

- Đại úy. - Cậu nói. - Ông vừa đoàng một phát vào người vô tội.

Những tàng cây cậu thấy từ đằng xa trở ra một con sông cạn, cậu thúc ngựa xuyên qua đám cây bụi, tiến vào một rừng dương và quay ngựa, đứng nhìn về bên kia đồng bằng họ vừa vượt qua. Chẳng có người ngựa nào trong tầm mắt. Cậu nhìn ánh mặt trời ở phương nam và ước định phải bốn giờ nữa trời mới tối. Con ngựa nóng bức, dấm dề mồ hôi và cậu nhìn về bên kia đồng rộng một lần nữa rồi thúc ngựa tới nơi hai con kia đang đứng ở phía thượng nguồn trong một lùm cây liễu đang uống nước từ một hốc trũng lòng sông. Cậu cưỡi bên cạnh chúng, trượt xuống đất, bắt con Junior và dùng dây cương mắc trên vai thắt cương cho nó rồi vẩy súng trường ra hiệu gã đại úy xuống ngựa. Cậu mở đai yên, kéo phăng cái yên và tẩm chăn xuống đất, sau đó nhặt chăn lên vắt qua con Junior và tựa người vào nó để lấy hơi. Chân cậu bắt đầu đau khủng khiếp. Cậu tựa súng trường vào con ngựa ngay đấy và vớ lấy yên, xoay sở để lắp nó. Cậu kéo đai yên và đứng nghỉ, con ngựa thở phì phì và cậu ghìm đai lần nữa rồi nịt lại.

Cậu chụp khẩu súng trường và quay sang gã đại úy.

- Mà muốn uống nước thì tốt nhất tự đi mà lấy. - Cậu nói.

Gã đại úy đi qua những con ngựa và khum tay lại, quỳ xuống uống và vốc nước lên gáy bằng bàn tay không đau. Khi đứng dậy trông gã thật nghiêm nghị.

- Sao không bỏ tao lại đây? - Gã nói.

- Tao không bỏ mày lại đây được. Mày là con tin.

- Giá bao nhiêu?

- Đi thôi.

Gã đại úy đứng ngập ngừng.

- Tại sao mày quay lại? - Gã hỏi.

- Tao quay lại vì con ngựa của tao. Đi.

Gã sĩ quan gật gù nhìn vết thương vẫn đang chảy máu nơi chân cậu.

Cả ống quần thâm đen vì máu.

- Mày sẽ chết mất thôi. - Gã nói.

- Chúng ta để Chúa quyết định chuyện đó. Đi.

- Mày không sợ Chúa sao?

- Tao chẳng có lý do gì để sợ Chúa. Tao thậm chí có một hai chuyện phải thanh toán với Ông ta.

- Lẽ ra mày nên sợ Chúa. - Gã sĩ quan nói. - Mày không phải sĩ quan cảnh sát. Mày không phải kẻ vô thần.

John Grady đứng tựa trên khẩu súng trường. Cậu quay người lạnh lùng nhổ nước bọt và trừng mắt gã đại úy.

- Leo lên con ngựa đó. - Cậu ra lệnh. - Mày đi trước tao. Mày lẩn khỏi tầm mắt tao là tao bắn.

Hoàng hôn phủ xuống họ trên những ngọn đồi thấp của dãy Sierra Encantada. Họ đi theo một lòng sông cạn dưới

một khoảnh đất bằng tăm tối giữa những tảng đá, và rẽ lối vượt qua một dãy chướng ngại của vô số những tảng đá cuội lẫn lóc lổn nhổn trên lớp phù sa và nổi lên trên một lòng chảo đá chính giữa nó chảy một vũng nước cạn, hoàn toàn tròn trịa, hoàn toàn tối đen, nơi những ngôi sao đêm được phản chiếu trong sự phẳng lặng tuyệt đối. Những con ngựa bước loạng choạng xuống mặt đá nghiêng cạn của lòng sông và thổi nước phì phì rồi uống.

Họ xuống ngựa, đi quanh phía kia của lòng chảo, áp bụng mình trên những phiến đá vẫn còn giữ lại cái nóng ban ngày và vục đầu vào dòng nước mát lạnh, mềm mại và tăm tối như nhung, và họ vốc nước lên mặt, lên gáy và nhìn những con ngựa uống và uống nữa.

Cậu bỏ mặc gã đại úy và tập tễnh đi lên con lạch với cây súng trường, gom những bụi cây khô rồi trở lại và nổi lửa tại đầu trên của lòng sông. Cậu quạt lửa bằng chiếc nón và chất thêm củi. Trong ánh lửa bập bùng phản chiếu trên mặt nước những con ngựa hong khô mõ hôi; chúng trông nhợt nhạt, ma quái và hấp háy đôi mắt đỏ của chúng. Cậu nhìn gã đại úy. Gã đang nằm trên phiến đá phẳng nghiêng của lòng sông.

Cậu đi khắp khiêng quanh những con ngựa, lấy dây thừng, ngồi xuống với con dao, cắt dây chằng cho tất cả những con ngựa và móc vào chân chúng. Sau đó cậu dốc tất cả đạn súng trường vào túi, lấy một chai nước và đi trở lại đóng lửa.

Cậu quạt lửa, lấy khẩu súng ngắn khỏi thắt lưng, kéo chốt ổ quay và rút ổ quay nặng nề rồi khóa an toàn bỏ vào túi cùng với những viên đạn súng trường. Đoạn cậu lấy dao ra và dùng mũi dao mở ốc báng súng, rồi bỏ báng súng và ốc

vít vào túi bên kia. Cậu quạt than giữa đồng lửa bằng nón và dùng một cành cây cào chúng thành đồng, đoạn cậu khom xuống chọc nòng súng lục vào đồng than.

Gã đại úy đã đứng dậy ngó cậu.

- Họ sẽ tìm thấy mày. - Gã nói. - Ở chỗ này.

- Chúng ta sẽ không ở chỗ này.

- Tao không đi nổi nữa.

- Mày sẽ ngạc nhiên bởi những gì mày có thể làm.

Cậu cởi áo, nhúng nó trong vũng đá và đến bên ngọn lửa, rồi cậu lại quạt lửa bằng nón, sau đó cậu cởi ủng, mở khóa thắt lưng và tuột quần dài xuống.

Viên đạn súng trường đã đâm vào phần trên đùi cậu ở lớp ngoài và vết đạn trở ra sau xoáy tròn; gập chân lại cậu có thể thấy hai vết thương rõ mồn một. Cậu lấy chiếc áo ướt và rất cẩn thận lau sạch máu cho đến khi các vết thương sạch sẽ và lộ hẳn ra như hai cái lỗ trên tấm mặt nạ. Vùng xung quanh vết thương bị đổi màu và trông xanh lét dưới ánh lửa, lớp da quanh đó thì vàng ệch. Cậu ngả người, di cây gậy qua lỗ cò và giật nó ra khỏi ngọn lửa vào trong bóng tối, và ngó nó rồi đút nó vào lại. Gã đại úy đang ngồi khum tay trong lòng, quan sát cậu.

Gã ngó cậu khi cậu quạt lửa. Rồi cậu lôi khẩu súng khỏi đồng than, đầu nòng súng nóng rực một màu đỏ mờ đục; cậu để nó trên những hòn đá và chụp nhanh lấy nó bằng cặp báng súng trong chiếc áo ướt rồi chọc nòng súng nóng đỏ vào lỗ vết thương trên chân cậu.

Gã đại úy hoặc không biết cậu đang làm gì, hoặc gã biết nhưng không tin nổi. Gã cố đứng dậy và ngã chúi về sau, suýt

lăn xuống vũng đá. John Grady đã bắt đầu thét lên ngay trước khi miếng sắt nung xèo xèo trong da thịt. Tiếng thét rùng rợn của cậu át mọi tiếng kêu của những sinh vật nhỏ hơn ở khắp xung quanh trong màn đêm, và lũ ngựa đứng cả dậy bơi bơi trong bóng tối bên kia đồng lửa rồi nằm bẹp xuống khiếp sợ. Và cậu lấy hơi, lại tru lên rồi thọc mạnh nòng súng vào vết thương thứ hai và giữ rịt nó cho đến khi khối sắt nguội đi, đoạn ngã vật xuống và thả rơi khẩu súng lục trên những tảng đá nơi nó kêu lách cách và đổi hướng, trượt biến xuống nước trong tiếng xèo xèo.

Cậu cắn chặt răng vào cườm tay, run rẩy trong đau đớn; bàn tay kia với lấy chai nước mở nắp đang đặt trên tảng đá và đổ nước lên chân, nghe thịt của cậu xì xèo như một cái gì đó trên que nướng; cậu thở hỗn hển và thả rơi cái chai. Cậu ngẩng dậy và dịu dàng gọi tên con ngựa của mình, nơi đó cậu quờ quạng và ngả dụi lên đám đá để có thể làm dịu bớt nỗi sợ trong tim con ngựa.

Khi cậu quay người với lấy chai nước vừa bị rơi thì gã đại úy vung chân đá phắt nó đi. Cậu ngược nhìn. Gã đang đứng trước mặt cậu với cây súng trường. Gã kẹp báng súng dưới nách và vẩy vẩy nó.

- Đứng dậy. - Gã nói.

Cậu ráng sức đứng dậy trên đám đá và nhìn qua vũng nước về phía những con ngựa. Cậu chỉ có thể nhìn thấy hai con, và cậu nghĩ con thứ ba hẳn đã chạy xuống con lạch; cậu không biết đang thiếu mất con nào nhưng đoán đó là con của Blevins. Cậu bợ lấy thất lưng và xoay sở mặc lại quần dài.

- Chìa khóa đâu? - Gã sĩ quan hỏi.

Cậu đứng thẳng, chồm tới và quay người, giật cây súng

khỏi gã sĩ quan. Búa đánh lửa gõ xuống với một tiếng cóc đùng đục của kim khí.

- Lại đằng kia và nằm xuống. - Cậu quát.

Gã đại úy trần trối. Cặp mắt tối tăm của gã nhìn qua đám lửa và cậu có thể thấy sự toan tính trong đó và cậu, đang trong cơn giận điên cuồng vì đau đớn đến độ nghĩ mình đã giết gã nếu khẩu súng có đạn. Cậu chụp sợi xích giữa hai còng tay của gã đại úy và giật mạnh qua người cậu; gã đại úy kêu lên một tiếng yếu ớt và gập người lao đảo.

Cậu lấy đạn ra và ngồi nấp lại khẩu súng trường. Cậu nấp từng viên mỗi lần trong nhịp thở khò khè và dăm đĩa mỡ hôi, gắng sức tập trung. Khi đã nấp xong, cậu vớ chiếc áo ướt như miếng giẻ rách và dùng nó cắm một khúc củi từ đồng lửa ra cạnh vũng nước; ở nơi đó, cậu đứng soi trên mặt nước. Mặt nước sáng tỏ môn một trong vũng đá và cậu có thể thấy khẩu súng; cậu lội ra và cúi xuống, lượm nó lên giắt ở thắt lưng. Cậu lội ra đến khi nước cao ngang đùi cậu, vốn là chỗ sâu nhất, và cậu đứng ngâm cho máu bong ra khỏi quần dài rồi rửa sạch vết thương và nói chuyện với con ngựa của mình. Con ngựa đi khắp khiêng tới bờ nước thì dừng lại, và cậu đứng trong lòng vũng tắm tối với khẩu súng trường trên vai và cầm thanh củi đến khi nó cháy hết, cậu cầm khúc củi than vụn vẹo cháy dở, vẫn nói chuyện với con ngựa.

Họ rời đồng lửa đang cháy, cưỡi ngựa xuống cầu rút và leo lên con ngựa của Blevins rồi thúc đi. Màn đêm giăng xuống phía nam đúng như cách nó phải đến và trời có mưa. Cậu cưỡi con Redbo không yên đi trước nhóm lũ hành nho nhỏ và liên tục căng tai nghe ngóng nhưng chẳng nghe thấy gì. Ngọn lửa trong vùng trũng đằng sau họ trở thành cái

bóng chấp chờn nhảy múa trên những phiến đá của khoảnh đất bằng, và nó lùi xa thành một đốm sáng yếu ớt trong bóng tối bao trùm của màn đêm u tịch rồi hoàn toàn biến mất.

Họ ra khỏi lòng sông và tiếp tục đi dọc sườn dốc hướng về nam của dải đất, vùng quê tăm tối, tĩnh lặng và không ranh giới, và từng bụi lô hội cao chạy dọc dải đất một cách ảm đạm. Cậu nghĩ chắc là đã quá nửa đêm. Cậu liên tục quay nhìn gã đại úy nhưng gã ngồi sùm sụp trong yên trên lưng con ngựa của Rawlins và dường như gầy rộc đi nhiều bởi những cuộc phiêu lưu của cậu. Họ cưỡi ngựa đi. Cậu cột cái giẻ áo sơmi ướt qua thắt lưng và mình trần đến eo. Cậu lạnh cóng, cậu nói với con ngựa rằng đêm nay sẽ là một đêm dài và quả vậy. Lúc nào đó trong đêm cậu đã ngủ gục. Tiếng lách cách của khẩu súng trường rớt trên nền đá đánh thức cậu tỉnh dậy và quay lại. Cậu ngồi nhìn xuống khẩu súng trường. Gã đại úy ngồi trên con ngựa của Rawlins ngó cậu. Gã không chắc gã lại có thể leo nổi lên lưng ngựa và gã nghĩ tới chuyện bỏ lại khẩu súng trường ở đó. Cuối cùng gã trượt xuống và lượm khẩu súng lên, và cậu dẫn con ngựa đi dọc bên phải con Junior, bảo gã đại úy bỏ chân ra khỏi bàn đạp và cậu giậm lên nó để leo lên con ngựa của mình và họ tiếp tục cưỡi.

Bình minh đã thấy cậu, ngồi một mình trên bề mặt lạo xạo đầy sỏi của sườn dốc với khẩu súng trường tựa lên vai cùng chai nước dưới chân, đang quan sát miễn nông thôn cô tịch hiện ra trong ánh sáng màu xám. Núi mặt bàn và đồng bằng, bóng dáng tăm tối của những dãy núi phía đông bên kia chúng, nơi mặt trời đang mọc lên.

Cậu vớ chai nước, vặn mở nút, uống và ngồi cầm cái chai. Đoạn cậu uống tiếp. Những tia nắng mặt trời đầu tiên

chiếu xuống những ụ đá của những dãy núi hướng về phía đông và trải ra năm mươi dặm bên kia đồng bằng. Không có gì lay động. Trên sườn dốc đối diện của thung lũng cách xa một dặm, bảy con hươu đang đứng nhìn cậu.

Cậu ngồi rất lâu. Khi cậu leo lên lại dải đất đến những cây tuyết tùng nơi cậu bỏ những con ngựa thì gã đại úy đang ngồi trên đất, và trông gã kiệt quệ một cách thảm hại.

- Đi thôi. - Cậu nói.

Gã đại úy ngược nhìn. Tkhông đi nổi nữa. - Gã nói.

- Đi nào. - Cậu nói. - *Chúng ta có thể nghỉ sau. Đi.*

Họ xuống rặng núi và đi lên một thung lũng hẹp dài tìm nước nhưng không có. Họ leo ra ngoài và băng qua thung lũng về phía đông, mặt trời đã lên cao và chiếu ấm áp trên lưng cậu và cậu cột cái áo sơmi quanh thắt lưng để hong khô nó. Đến lúc họ leo lên hết thung lũng thì đã giữa buổi sáng, lũ ngựa trông vô cùng tội nghiệp và cậu chợt thấy ra rằng gã đại úy có thể chết.

Nước họ tìm thấy nằm trong một hồ đá cho gia súc, họ xuống ngựa, uống từ ống nước; họ cho ngựa uống và ngồi dưới bóng râm của những cây sồi chết và rúm ró tại bể nước, và họ nhìn xuống vùng nông thôn trải rộng phía dưới. Vài con gia súc đứng có lẽ cách xa một dặm. Chúng đang nhìn về hướng đông, chứ không gặm cỏ. Cậu quay nhìn theo hướng chúng đang nhìn nhưng chẳng thấy gì ở đó. Cậu nhìn gã đại úy, cái dáng vẻ tàn tạ và quắt queo. Một chiếc ủng của gã đã rớt mất gót. Có những vết thâm đen và những vết tro trên hai ống quần gã, và đai lưng gã treo trên một cái móc ở cổ, chỗ gã móc vào để treo cánh tay.

- Tao sẽ không giết mày. - Cậu nói. - Tao không ưa mày.

Gã đại úy không đáp.

Cậu lấy sức đứng dậy và rút chìa khóa khỏi túi; chống súng trường xuống cho vững, cậu tập tễnh tiến lại, cúi xuống, tra chìa khóa vào hai cổ tay gã đại úy và mở khóa. Gã đại úy nhìn xuống hai cổ tay mình. Chúng biến màu và đau buốt vì cặp còng, và gã ngồi xoa xoa chúng nhẹ nhàng. John Grady đứng nhìn gã.

- Cởi áo ra. - Cậu nói. - Tao kéo lại vai cho.

- *Cái gì?* - Gã đại úy hỏi.

- *Cởi áo ra.*

Gã đại úy lắc đầu và rút tay lại như một đứa trẻ.

- Đừng bày trò với tao. Tao không yêu cầu, tao ra lệnh.

- *Cái gì?*

- *Không có cách nào khác.*

Cậu cởi áo gã đại úy, trải ra và đẩy gã nằm xuống. Vai gã biến màu tối tẻ, cả cánh tay xanh lét. Gã nhìn lên. Những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán gã. John Grady ngồi và đập bàn chân mang ủng của mình vào nách gã đại úy, đoạn nắm cổ tay và khuỷu tay gã vặn một chút. Gã đại úy nhìn cậu chòng chọc như ánh mắt một kẻ đang ngã xuống từ vách đá.

- Đừng lo. - Cậu nói. - Gia đình tao đã hành nghề thấy thuốc cho người Mexico cả trăm năm rồi.

Nếu gã đại úy đã quyết căn rằng không thét lên thì gã đã không thành công. Những con ngựa giật mình sợ hãi, chồm lên và cố nấp vào nhau. Gã chồm dậy và giật cánh tay như thể muốn giằng nó lại, nhưng John Grady đã cảm thấy chỗ khớp nối trượt đúng chỗ và cậu kẹp chặt vai

rồi vẫy cánh tay một lần nữa trong khi gã đại úy hất đầu, thở hổn hển. Đoạn cậu buông gã ra, vớ lấy súng trường và đứng dậy.

- *Năn xong rồi hả?* - Gã đại úy khò khè.

- Ừ. Xong rồi.

Gã giữ lấy cánh tay và nằm hấp háy mắt.

- Mặc áo vào và đi thôi. - John Grady nói. - Chúng ta sẽ không ở giữa trời thế này đến khi các bạn của mày chường mặt ra.

Đi lên những ngọn đồi thấp, vượt qua một thảo nguyên nhỏ, họ xuống ngựa và đi bộ qua một ruộng ngô héo tàn, và thấy mấy quả dưa, họ ngồi bệch trên luống cây bạc màu và ăn dưa. Cậu tập tễnh xuống những luống dưa và hái, và đi ngang qua cánh đồng đến chỗ những con ngựa đang đứng thì đập vỡ dưa dưới chân cho chúng ăn. Rồi cậu đứng tựa vào cây súng trường và nhìn về phía nhà chuồng. Vài con gà tây nhảy nhót trong sân và có một bãi quây có cọc bên kia chuồng trong đó vài con ngựa đang đứng. Cậu bước lại giục gã đại úy và họ lên ngựa. Khi quay nhìn từ rặng núi trên cao thảo nguyên, cậu có thể thấy nó trong tầm nhìn rộng hơn. Có một đám nhà lớn bên trên nhà chuồng và cậu có thể thấy những sân trong được bố trí bởi hàng rào, tường gạch và mương tưới. Một đàn gia súc đứng tùm tùm nơi bụi cây. Cậu nghe tiếng một con gà trống gáy giữa buổi trưa nóng bức. Cậu nghe tiếng quai búa đều đều từ xa cứ như ai đó đang rèn.

Họ lê những bước nặng nhọc lên đồi. Cậu tháo đạn ra khỏi súng trường để khỏi phải mang và cột nó theo vạt yên ngựa của gã đại úy, và cậu ráp lại khẩu súng lục đen thui, nạp

đạn rồi giắt vào thắt lưng. Cậu cưỡi con ngựa của Blevins và con vật có dáng đi nhẹ nhàng; chân cậu không ngót đau đớn nhưng đó là điều duy nhất giữ cho cậu còn tỉnh táo.

Đầu buổi chiều từ bờ phía đông của núi mặt bàn, cậu ngồi và nghiên cứu vùng đất trong khi những con ngựa nghỉ ngơi. Một con diều hâu và cái bóng của nó như một con chim giấy lướt qua sườn dốc bên dưới. Cậu xem xét địa hình từ đằng xa và một lúc sau cậu thấy những người cưỡi ngựa. Có lẽ họ cách xa năm dặm. Cậu quan sát họ và họ bỗng mất hút trong một lối đi tắt hoặc một bóng râm. Đoạn họ xuất hiện trở lại.

Cậu lên ngựa và họ đi tiếp. Gã đại úy ngủ gà gật trên yên với cánh tay vắt qua thắt lưng. Trên miền cao không khí mát mẻ và khi mặt trời lặn thì trời từ từ trở lạnh. Cậu thúc ngựa đi và trước khi trời tối, họ thấy một khe núi sâu trong sườn dốc phía bắc của rặng núi mà họ vừa đi qua. Họ xuống ngựa và tìm thấy nước đọng giữa những tảng đá; và những con ngựa trèo tới, quờ quạng đi xuống, đứng uống.

Cậu tháo yên con Junior và khóa cặp còng của gã đại úy qua bàn đạp ngựa, đoạn nói với gã rằng gã mặc sức đi xa chừng nào gã nghĩ có thể mang theo được cả chiếc yên. Cậu đốt một đồng lửa trên đám đá và dùng chân vệt một chỗ trên đất, nằm xuống, duỗi cái chân đau buốt và giắt khẩu súng lục vào thắt lưng rồi nhắm mắt lại.

Trong giấc ngủ, cậu có thể nghe tiếng bước đi của những con ngựa giữa đám đá và cậu có thể nghe chúng uống nước từ cái vũng cạn trong bóng tối, nơi những tảng đá xếp bằng phẳng và thẳng thớm như những viên đá trong một tàn tích cổ xưa, và nước từ mõm chúng nhỏ giọt, róc rách như thể

được múc ra từ một cái giếng. Và trong giấc ngủ, cậu mơ màng về những con ngựa; những con ngựa trong mơ nặng nề phi giữa những tảng đá khắc tên hiệu như những con ngựa đến từ một nơi cổ xưa nào đó mà trật tự thế giới đã không còn, và nếu có điều gì từng được viết trên chúng thì đã bị nắng mưa xóa mờ và những con ngựa cảnh giác bước đi với sự thận trọng trong dòng giống chúng như thể chúng đang hồi tưởng về những nơi chốn mà tổ tiên chúng từng xuất hiện và sẽ xuất hiện lần nữa. Cuối cùng, điều cậu thấy trong giấc mơ là mệnh lệnh ghi trong trái tim con ngựa vẫn tồn tại bền bỉ hơn vì nó được viết ở một nơi mà nắng mưa không thể xóa nhòa.

Khi cậu tỉnh dậy thì có ba người đàn ông đứng trước mặt cậu. Họ quấn khăn choàng trên vai và một trong ba người giữ lấy cây súng trường không đạn; cả ba đều mang súng ngắn. Ngọn lửa nhóm lên từ cây bụi đã được họ dẫn thành đống to nhưng cậu vẫn lạnh cóng và không làm sao biết được mình đã ngủ bao lâu rồi. Cậu ngồi dậy. Người đàn ông cầm súng trường chụp lấy những ngón tay cậu và chìa tay gã ra.

- *Đưa tôi chìa khóa.* - Gã nói.

Cậu cho tay vào túi, lôi ra chùm chìa khóa và đưa cho họ. Cậu và một trong ba người kia bước tới chỗ gã đại úy đang ngồi xích vào yên ngựa ở phía xa đống lửa. Người thứ ba đứng cạnh cậu. Họ thả gã đại úy ra và người cầm súng trường bước trở lại.

- *Con ngựa nào là của anh?* - Gã nói.

- *Tất cả.*

Gã đàn ông dò xét đôi mắt cậu trong ánh lửa. Gã bước lại chỗ hai người kia và họ nói chuyện. Họ đi qua cùng với gã đại úy mà đôi tay bị khóa quặt sau lưng. Gã mang súng trường phác một cử chỉ cời mở và khi thấy khẩu súng không có đạn, gã dựa nó vào một tảng đá. Gã nhìn chòng chọc vào John Grady.

- *Chăn của anh đâu?* - Gã hỏi.

- *Không có.*

Gã rút cái khăn choàng khỏi vai và dùng đưa vớ về kẻ cả chậm rãi rồi đưa cho cậu. Đoạn cậu quay người và họ đi qua khỏi ánh lửa nơi đàn ngựa của họ đang đứng trong bóng tối với những bạn hữu của chúng, những con ngựa.

- *Các ông là ai?* - Cậu gọi.

Người đưa cho cậu tấm khăn choàng quay nhìn vào góc xa đồng lửa và chạm tay lên vành nón. *Người miễn quê.*

- Gã nói.

Đoạn tất cả đi tiếp.

Những người dân dã. Cậu ngồi nghe tiếng họ cưỡi ngựa ra khỏi khe núi và đi khỏi. Cậu không bao giờ gặp lại họ nữa. Buổi sáng, cậu thắng yên con Redbo và lừa hai con kia đi trước; cậu cưỡi lên từ khe núi và quay về hướng bắc dọc núi mặt bàn.

Cậu đi cả ngày và ngày tối sẫm lại trước mặt; một cơn gió mát lạnh thổi lên từ đồng bằng phía dưới. Cậu nạp đạn lại cho súng trường và mang nó ngang qua cốt yên ngựa, cưỡi đi với tấm khăn choàng trên vai và lừa những con ngựa không người cưỡi đi trước. Đến chiều, cả miền nông thôn phía bắc tối sẫm và gió thổi lạnh buốt, cậu rẽ lối băng qua

bìa nông thôn xuyên qua những khóm cỏ lúa thưa và những tảng đá núi lửa vỡ vụn với súng trường dọc đầu gối trong khi lũ ngựa nhai cỏ đằng sau và trong ánh sáng yếu ớt cuối ngày đủ để kịp thấy quanh cảnh thích hợp cho cây súng trường là năm con hươu tiến vào chân núi, vểnh tai và đứng lại, cúi xuống gặm cỏ.

Cậu chọn con hươu nhỏ nhất trong đàn và bắn. Con ngựa của Blevins chồm dậy hí vang chỗ cậu cột nó và lũ hươu nhảy căng lên và biến mất trong bóng tối, và con hươu nhỏ nằm thẳng cẳng.

Khi cậu chạy đến, con hươu đã nằm trong vũng máu giữa đám cỏ và cậu quỳ xuống với khẩu súng trường, sờ tay lên cổ nó và nó nhìn trừng cậu với đôi mắt âm ẩm sưng nước, không còn nỗi sợ hãi trong đó, và nó đã chết. Cậu ngồi nhìn nó một lúc lâu. Cậu nghĩ về gã đại úy và tự hỏi không biết gã có còn sống không, và cậu nghĩ về Blevins. Cậu nghĩ về Alejandra và cậu nhớ lại lần đầu tiên nhìn thấy cô khi cô băng qua đường Ciéaga trong buổi tối với con ngựa còn ướt đầm vì cô đã cưỡi nó trong hồ. Cậu nhớ về đàn chim, về lũ gia súc đứng trong đám cỏ và những con ngựa trên núi mặt bàn. Bầu trời tối đen và một cơn gió lạnh thổi qua chân núi, và trong ánh sáng sắp tàn một màu xanh giá lạnh phủ lên đôi mắt con hươu và nó nằm giữa trời đất đang tối sầm lại. Cỏ và máu. Máu và đá. Đá và những huân chương đen đúa mà những giọt mưa lạnh lạnh đầu tiên phủ lên chúng. Cậu nhớ về Alejandra và nỗi buồn lần đầu tiên nhìn thấy trên đôi vai nghiêng nghiêng của nàng, và cậu đã muốn được hiểu nhưng hẳn cũng chẳng thể biết gì hơn và cậu cảm thấy hoàn toàn lạc lõng với cuộc đời mặc dù vẫn yêu nó. Cậu nghĩ rằng trong vẻ đẹp của cuộc đời ẩn giấu một bí mật. Cậu nghĩ trái

tim cuộc đời đập với một cái giá kinh khủng nào đó, và rằng sự đau khổ và vẻ đẹp của cuộc đời dao động trong một mối tương quan cân bằng, và rằng trong sự thiếu hụt trí mạng những giọt máu đổ xuống kia rồi cuộc sẽ nảy nở thành vẻ đẹp của một bông hoa duy nhất.

Buổi sáng trời trong, rất lạnh và có tuyết trên những dãy núi phía bắc. Khi thức dậy cậu biết cha mình đã chết. Cậu cào lại đồng than, thổi lửa cháy lên và quay những miếng thịt cắt từ đùi hươu, rồi trùm người trong chăn cậu ngồi ăn và nhìn miền nông thôn phía nam mà mình vừa đi khỏi.

Họ đi tiếp. Đến trưa, những con ngựa đang ở trong tuyết và tuyết phủ trên đèo. Những con ngựa giẫm đạp và phá tan những phiến băng mỏng trên đường đi, nơi tuyết tan chảy trên mặt đất ướt át đen đúa như mực. Chúng leo ì ạch qua những mảng tuyết sáng lên trong ánh mặt trời và qua một hành lang tăm tối của những cây linh sam, và đi xuống dọc sườn dốc phía bắc qua những mảng nắng, những mảng bóng râm, nơi không khí thơm mùi nhựa colophon, đá ẩm ướt và không có tiếng chim hót.

Chiều xuống, cậu nhìn thấy ánh sáng từ phía xa và cậu thúc ngựa tiến tới, không ngừng nghỉ. Trong màn đêm dày đặc cùng với sức cùng lực kiệt, cậu và lũ ngựa đã đặt chân tới thị trấn Los Picos.

Một con đường bụi bặm duy nhất trở nên lầy lội vì những cơn mưa gần đây. Một vùng có cây bạch dương bần thiu nơi có một nhà mát bằng cây bụi mục nát và một vài chiếc ghế dài bằng sắt cũ kỹ. Những cái cây trong khóm bạch dương vừa được sơn trắng và những thân trên bị mất hút trong bóng tối phía trên ánh sáng của vài ngọn đèn đang

cháy sáng nên trông chúng như những khúc cây bằng thạch cao vừa mới ra khuôn. Những con ngựa lê bước trong cái mệt nhọc khủng khiếp giữa những vệt bùn lầy đã khô trên đường và những con chó sủa chúng từ sau những cổng gỗ, những cánh cửa chúng đi qua.

Trời lạnh buốt khi cậu thức dậy vào buổi sáng và lại đang mưa. Cậu qua đêm ngoài trời trên mặt phía bắc của thị trấn và thức giấc trong ẩm ướt, giá lạnh và hơi hám; cậu thẳng yên ngựa và cưỡi vào thị trấn trong chiếc khăn choàng rồi lừa hai con ngựa đi trước.

Khóm bạch dương, vài chiếc bàn gấp nhỏ bằng thiếc đã được bày ra và những cô gái trẻ đang buộc những dải ruy băng giấy trên đầu. Họ ướt lướt thướt vì mưa và đang cười khúc khích. Họ giăng những cuộn giấy kếp qua những sợi thép và bắt lại chúng. Thuốc nhuộm bong ra khỏi giấy kếp khiến bàn tay họ xanh xanh đỏ đỏ. Cậu cột những con ngựa trước cửa hiệu mà cậu đã đi qua vào đêm trước và đi mua một bao yến mạch cho ngựa, rồi cậu mượn một cái thùng kẽm để cho chúng uống nước. Cậu đứng trong khóm bạch dương tựa lên khẩu súng trường và nhìn chúng uống. Cậu nghĩ mình là đối tượng của sự hiếu kỳ nào đó nhưng những người cậu nhìn thấy chỉ gật gù nghiêm nghị với cậu và bước đi. Cậu mang cái thùng trả lại trong kho và đi xuống con đường nơi có một quán cà phê nhỏ và cậu bước vào, ngồi vào một trong ba cái bàn gỗ nhỏ. Sàn quán đầy bùn vừa mới quét và cậu là người khách duy nhất. Cậu dựa cây súng trường vào tường và gọi món *trứng tráng kiểu thôn quê* cùng một cốc sôcôla, và cậu ngồi chờ, ăn rất chậm rãi. Thức ăn thật hợp khẩu vị và cậu uống sạch nước sôcôla được chế biến với cây quế, rồi gọi một cốc khác. Cậu cuộn một cái bánh ngô, ăn,

và quan sát những con ngựa đang đứng trong quảng trường bên kia đường và nhìn những cô gái. Họ treo đầy ban công những cuộn giấy kếp, và nó trông như một bụi cây gần đầy hoa. Chủ quán cư xử với cậu rất nhã nhặn rồi dọn ra những cái bánh ngô nóng hổi, đoạn nói với cậu rằng sắp có một đám cưới, và thật là đáng tiếc nếu trời mưa. Ông ta hỏi cậu từ đâu đến và tỏ ra ngạc nhiên khi biết cậu đã đi xa như vậy. Cậu đứng tại cửa sổ của quán cà phê vắng khách, quan sát những hoạt động trong quảng trường và nói rằng Thượng đế thật nhân từ khi ngăn tuổi trẻ khỏi những thực tế của cuộc đời giữa lúc họ đang xông xáo bắt đầu, nếu không họ chẳng có lòng dạ nào mà khởi sự tất cả.

Đến giữa buổi sáng, mưa ngừng rơi. Nước nhỏ giọt từ những tàng cây trong khóm bạch dương, và giấy nhiễu treo thành những chuỗi dây ẩm ướt. Cậu đứng với những con ngựa và nhìn đám cưới hiện ra từ nhà thờ. Chú rể mặc một bộ comple đen tẻ ngắt rộng thùng thình; trông anh ta không phải bút rút mà nửa như tuyệt vọng, như thể anh ta chưa bao giờ dùng đến quần áo vậy. Cô dâu ngượng ngùng đeo dính anh ta. Họ đứng chụp hình trên những bậc tam cấp và trong kiểu ăn mặc trang trọng cổ xưa trước giáo đường đó, họ thật trông như những người già. Trong bức họa toàn một màu nâu đỏ của một ngày mưa ở ngôi làng buồn tẻ đó, họ ngay lập tức trông trở nên già nua.

Trong khóm bạch dương, một bà lão mặc áo choàng rebozo nghiêng những chiếc bàn và ghế sắt để nước chảy xuống. Bà cùng những người khác bắt đầu dọn thức ăn từ những cái thùng và rổ ra; một nhóm tam tấu trong trang phục màu bạc lấm lấm đang đứng cùng những nhạc cụ của họ. Chú rể nắm tay cô dâu để giúp nàng vượt qua vũng nước

trước những bậc tam cấp nhà thờ. Một thằng nhỏ chạy ra, giậm lên vũng nước làm bắn tóe một mảng nước bùn đục ngầu lên họ, rồi tháo chạy với những đứa bạn của nó. Cô dâu nép chặt vào chú rể. Họ cau có nhìn theo lũ nhỏ nhưng chẳng làm gì được; cô dâu nhìn xuống y phục của mình rồi nhìn chú rể và phá lên cười. Chú rể cũng cười, những người dự lễ cũng cười, và họ băng qua đường, nhìn nhau cười rồi tiến vào khóm bạch dương giữa những chiếc bàn và các nhạc công bắt đầu chơi.

Với số tiền cuối cùng, cậu mua cà phê, đậu, bánh ngô và vài lon nước. Những cái lon ở trên giá lâu ngày đến độ đã xỉn màu và nhãn cũng bạc màu. Cậu qua đường, đi dọc bên những người khách dự tiệc đang ngồi ăn tại bàn; các nhạc công đã ngừng chơi và ngồi tụm vào nhau uống rượu từ những chiếc cốc bằng thiếc. Một người đàn ông ngồi đơn độc trên chiếc ghế dài có vẻ như chẳng can dự gì với đám cưới, ngược nhìn khi nghe tiếng móng lốc cốc chậm chạp trên đường và vẫy một tay với người cưỡi ngựa nhợt nhạt đang đi qua với khăn choàng và súng trường; cậu vẫy tay đáp trả rồi đi tiếp.

Cậu đi qua những ngôi nhà đất thấp cuối cùng và nhắm theo con đường hướng bắc, một đường mòn lầy lội hư hỏng qua những sườn đồi hoang vu sỏi đá đầy nhánh rẽ và đứt đoạn, và tận cùng là những phế phẩm của một khu mỏ bỏ hoang giữa những hình thù han rỉ của ống nước và trục máy bơm cùng những giàn giáo cũ kỹ. Cậu băng qua miền cao nguyên, và vào buổi chiều, cậu đi xuống sườn dốc phía bắc. Một đồng bằng trước mặt, nơi những cây ôliu ngập creozot từ những trận mưa đứng thành những khóm trang nghiêm như đã đứng hàng ngàn năm và hơn nữa

trong hoang mạc không người ở, trông già hơn bất kỳ sinh thể nào trên mặt đất.

Cậu đi tiếp, hai con ngựa theo sau, và đi sâu qua những vùng nước tù đọng và mặt trời lộ dạng khối tối đen u ám giăng về phía tây nơi màu đỏ của nó chạy xuống dải hẹp của bầu trời bên trên những dãy núi như thể máu chảy hòa vào nước. Vùng hoang mạc tinh khôi sau trận mưa hóa ra vàng óng trong ánh nắng chiều đoạn tối sẫm dần, một sự nhuộm màu chậm chạp trên vùng chân núi. Những ngọn đồi nhô cao và những tảng đá âm đạm của những dãy núi tối sẫm dần về hướng nam ở Mexico. Vùng ngập mà cậu vượt qua được vây quanh với những tảng đá trập nam la liệt và trong ánh chiều chạng vạng những con cáo nhỏ của hoang mạc đã nhảy ra ngồi một cách lặng lẽ và vương giả dọc những bức tường như những tượng thần ngồi nhìn đêm xuống. Những con chim bồ câu gọi bạn từ những cây keo và màn đêm rơi sẫm xuống như bầu trời Ai Cập, và chỉ còn là sự tĩnh lặng và cô tịch và tiếng thở của những con ngựa và âm thanh lộp cộp những cái móng của chúng trong bóng tối. Cậu rong ruổi ngựa theo hướng sao bắc đẩu và dưới ánh trăng tròn họ vượt khỏi vùng phía đông và những con sói đồng cỏ tru tréo khắp đồng bằng kéo dài đến phía nam từ đó họ vừa đi qua.

Cậu vượt qua con sông ngay phía tây của Langtry Texas trong một cơn mưa rào nhẹ nhẹ. Gió từ phía bắc thổi đến, ngày lạnh. Những con gia súc dọc những bờ rạn con sông đứng buồn bã và lặng lẽ. Hắn đi theo một đường mòn gia súc dẫn xuống những rặng liễu và vượt qua bãi sậy đến nơi dòng nước đục lờ chảy qua đám sỏi cuội.

Cậu quan sát những chỗ xoáy xám xịt lạnh giá của dòng chảy và xuống ngựa, nới lỏng đai yên, cởi quần áo và nhét đôi

ùng trong hai ống quần như cậu từng làm cách đây đã lâu và cậu để áo sơmi, áo choàng cùng súng lên sau và gập đôi dây lưng xỏ qua những đai quần để kéo siết lưng quần lại. Đoạn cậu vắt chiếc quần qua vai, trần truồng cưỡi ngựa với khẩu súng trường giơ cao và lừa hai con ngựa đi trước và thúc con Redbo vượt sông.

Cậu đặt chân lên đất Texas trong bộ dạng tái nhợt và run lẩy bẩy. Cậu ngồi một lúc trên lưng ngựa và nhìn bao quát đồng bằng về phía bắc nơi đàn gia súc đã bắt đầu hiện ra chậm chạp lừ đừ từ quang cảnh mờ mờ và cậu nghĩ về người cha đã chết trong xứ sở đó, và cậu ngồi trần truồng trên lưng ngựa trong mưa rào và ướt sũng.

Cậu cưỡi ngựa vào Langtry vào buổi đầu chiều và trời vẫn đang mưa. Cái đầu tiên cậu nhìn thấy là một chiếc xe tải nhỏ với mui xe dờ lên và hai người đàn ông đang cố khởi động nó. Một trong hai người ngẩng dậy và nhìn cậu. Với họ, cậu hẳn xuất hiện với cái vẻ của loài ma quái nào đó đã tuyệt diệt trong quá khứ vì gã này đã huých khuỷu tay gã kia và cả hai cùng nhìn.

- Xin chào. - John Grady nói. - Ông bạn có thể cho tôi biết hôm nay ngày gì không?

Họ nhìn nhau.

- Hôm nay thứ năm. - Người đầu tiên nói.

- Ý tôi là ngày gì cơ.

Gã nhìn chòng chọc cậu. Gã nhìn vào những con ngựa đứng sau lưng cậu. Ngày ư? - Gã hỏi.

- Vâng, thưa ông.

- Ngày lễ Tạ ơn. - Người thứ hai nói.

Cậu nhìn họ, rồi nhìn xuống đường.

- Quán cà phê đằng kia mở cửa chứ hả?

- Vâng.

Cậu nhắc bàn tay khỏi quả táo yên ngựa và chừng như sắp quất ngựa phóng đi thì bỗng dừng lại.

- Hai ông có muốn mua một khẩu súng trường không?

- Cậu hỏi.

Họ nhìn nhau.

- Bá tước có thể mua nó cho anh. - Người đầu tiên nói. - Ông ấy thường dùng.

- Ông ta là chủ quán cà phê?

- Vâng.

Cậu nắn vành mũ. Cảm ơn nhiều - cậu nói. Đoạn cậu thúc ngựa đi tới và cưỡi xuống con đường đất theo hai con ngựa đằng sau. Họ nhìn cậu đi. Không ai nói gì vì chẳng có gì để nói. Cả hai đứng nhìn theo đến khi cậu rẽ vào góc quán cà phê và chẳng thấy gì nữa.

Cậu đã đi khắp miền biên giới trong nhiều tuần để tìm kiếm chủ nhân con ngựa. Ở Ozona ngay trước lễ Giáng sinh, ba người đàn ông đã tuyên thệ trước pháp luật và cảnh sát hạt đã nhốt con vật. Phiên tòa được mở trong phòng xử của thẩm phán tại một trụ sở tòa án bằng đá cổ xưa và viên lục sự đọc cáo trạng và danh tánh; vị thẩm phán quay nhìn xuống John Grady.

- Chàng trai. - Ông nói. - Anh có luật sư biện hộ không?

- Không, thưa ông. - John Grady đáp. - Tôi không cần một luật sư. Tôi chỉ cần nói cho ông nghe về con ngựa này.

Thẩm phán gật đầu. Được rồi. - Ông nói. - Tiếp đi.

- Vâng, thưa ông. Nếu ông không phiền tôi xin kể mọi việc từ đầu. Từ lần đầu tiên tôi nhìn thấy con ngựa này.

- Vâng, nếu anh muốn kể thì tôi vui lòng nghe vì vậy hãy kể đi.

Cậu mất gần nửa giờ để kể. Khi nói xong cậu hỏi liệu có thể cho cậu một ly nước được không. Không ai trả lời. Vị thẩm phán quay qua viên lục sự.

- Emil, lấy cho chàng trai ly nước.

Ông ta nhìn xuống tập giấy và nhìn sang John Grady.

- Chàng trai, ta phải hỏi anh ba câu và nếu anh có thể trả lời hết thì con ngựa là của anh.

- Vâng, thưa ông. Tôi sẽ cố.

- Cho dù anh biết hay không biết chúng. Vấn đề với một kẻ nói dối là cậu không thể nhớ những gì cậu nói.

- Tôi không phải một kẻ nói láo.

- Tôi biết anh không phải. Chỉ là vì cần ghi lại. Tôi không tin ai lại có thể dựng lên một câu chuyện như anh vừa kể với tôi.

Ông sửa lại kính và hỏi John Grady rằng Trang Trại Của Đức Thánh Mẫu rộng bao nhiêu hecta. Đoạn ông hỏi tên chồng của người đầu bếp của chủ trại. Cuối cùng ông ta hạ bút ghi chép và hỏi John Grady rằng anh có mặc quần soọc không.

Một tràng cười khe khẽ vang lên trong phòng xử án nhưng vị thẩm phán lẫn chấp hành viên không hề cười.

- Vâng, thưa ông. Tôi có.

- Tốt, ở đây không có phụ nữ vậy nếu anh không lấy làm quá ngưỡng thì tôi muốn anh cho tòa xem những lỗ đạn trên chân anh. Nếu anh không muốn thì tôi sẽ hỏi anh câu khác.

- Vâng, thưa ông. - John Grady đáp. - Cậu cởi khóa thắt lưng, tuột quần dài xuống đầu gối và lật chân phải sang bên cho ngài thẩm phán coi.

- Được rồi chàng trai. Cảm ơn. Nước của anh kia.

Cậu kéo quần dài lên, cài nút và khóa thắt lưng rồi với tới lấy ly nước trên bàn mà viên lục sự đã để và uống.

- Mấy cái lỗ trông kinh khủng quá. - Ngài thẩm phán nói. - Anh không được chăm sóc thuốc men gì sao?

- Không, thưa ông. Ở đó đâu có cái gì để mà...

- Tôi đoán vậy. Anh thật may mắn khi không bị hoại thư.

- Vâng, thưa ông. Nhưng tôi đã đốt chúng khá kỹ.

- Đốt chúng?

- Vâng, thưa ông.

- Anh đốt bằng gì?

- Một cái nòng súng. Tôi đốt chúng bằng cái nòng súng nung đỏ.

Phòng xử án im phẳng phắc. Vị thẩm phán nghiêng người.

- Cảnh sát được chỉ thị trả tài sản bị tranh chấp cho ông Cole. Ông Smith, ông thấy rằng chàng trai này đã lấy con ngựa của ông ấy. Chàng trai, anh được tự do đi và tòa án cảm ơn vì lời chứng của anh. Tôi đã ngồi ghế quan tòa ở hạt này từ khi nó là một hạt và kể từ đó tôi đã nghe bao nhiêu chuyện

khiến tôi phải có những hoài nghi kinh khủng về loài người nhưng đây không phải một trong số chúng. Ba nguyên đơn trong vụ này tôi muốn thấy có mặt ở đây trong phòng xử của tôi sau bữa trưa. Nghĩa là một giờ trưa.

Luật sư của ba nguyên đơn đứng dậy.

- Thưa ngài, đây khá rõ là một vụ lầm lẫn.

Viên thẩm phán khẹp sổ ghi chép lại và đứng lên. Hân thể rồi. - Ông ta nói. - Sai lầm tệ hại. Bãi tòa.

Đêm đó cậu gõ cửa phòng thẩm phán trong khi đèn nhà dưới vẫn còn thấp sáng. Một cô gái Mexico ra mở cửa và hỏi cậu muốn gì; cậu nói muốn gặp ngài thẩm phán. Cậu nói bằng tiếng Tây Ban Nha và cô trả lời cậu bằng tiếng Anh với đôi chút lạnh lùng và bảo cậu đợi.

Khi cậu xuất hiện trước cửa ngài thẩm phán vẫn đang áo xống chỉnh tề nhưng đã khoác một cái áo choàng tằm bằng vải flannel cũ. Nếu ông kinh ngạc nhận thấy người thanh niên lại ở đây thì ông đã không thể hiện ra. Ông đẩy mở cánh cửa ngăn.

- Vào đi chàng trai. - Ông nói. - Vào đi.

- Tôi không muốn quấy rầy ông.

- Không sao.

John Grady nắm lấy mũ.

- Tôi không ra ngoài đó đâu. - Ngài thẩm phán nói. - Vậy nếu anh muốn gặp tôi thì tốt hơn nên vào đây.

- Vâng, thưa ông.

Cậu bước vào một hành lang dài. Một cầu thang gác có lan can bên tay phải cậu dẫn lên tầng trên. Căn nhà thơm

phức mùi thức ăn và đồ đạc bóng loáng. Ngài thẩm phán đang mang dép da và cậu lặng lẽ bước xuống hành lang trái thềm và bước vào một cánh cửa mở bên trái. Căn phòng đầy những sách, và ngọn lửa trong lò sưởi đang cháy.

- Chúng ta ở đây rồi - Thẩm phán nói. - Thưa mẹ Dixie, đây là John Cole.

Một phụ nữ tóc bạc đứng lên khi cậu bước vào và mỉm cười với cậu. Đoạn bà ta quay qua ngài thẩm phán.

- Mẹ lên phòng đây, Charles. - Bà nói.

- Được rồi, thưa mẹ.

Ông quay sang John Grady.

- Ngồi xuống, chàng trai.

John Grady ngồi và đặt nón trong lòng.

Họ ngồi.

- Nào nói đi. - Thẩm phán mở lời. Chẳng có lúc nào như lúc này đâu.

- Vâng, thưa ông. Tôi đoán điều tôi muốn nói trước hết là những điều ông nói tại phiên tòa làm tôi băn khoăn một chút. Cứ như thể là tôi đúng trong mọi chuyện và tôi thì không cảm nhận theo cách đó.

- Anh cảm nhận theo cách nào?

Cậu ngồi nhìn trần trần vào cái mũ. Cậu ngồi im rất lâu. Cuối cùng cậu nhìn lên. Tôi không cảm thấy là công bằng. - Cậu nói.

Thẩm phán gật gù.

- Anh không trình bày sai với tôi bất cứ điều gì về con ngựa đấy chứ?

- Không thưa ông. Không phải vậy.

- Vậy là cái gì?

- Vâng, thưa ông. Cô gái tôi muốn nói.

- Được rồi.

- Tôi đã làm việc cho người đàn ông đó và tôi tôn trọng ông ta, ông ta không bao giờ ngót than phiền về công việc tôi làm cho ông ta, và ông ta cực kỳ tốt với tôi. Và người đàn ông đó đã leo lên chỗ cao nơi tôi đang làm việc và tôi tin là ông ta có ý định giết tôi. Và tôi là người làm cho điều đó xảy ra. Không ai ngoài tôi.

- Anh không làm cho cô ta có thai đấy chứ?

- Không, thưa ông. Tôi yêu cô ấy.

Ngài thẩm phán nghiêm trang gật gù. Ừ. - Ông nói. - Anh có thể yêu cô ta và vẫn làm cô ta phình bụng lắm chứ.

- Vâng, thưa ông.

Vị thẩm phán nhìn cậu. Chàng trai. - Ông nói. - Anh làm tôi ngạc nhiên như một người có lẽ hay thường nghiêm khắc với bản thân. Từ những gì anh nói tôi nghĩ anh đã thật sự giỏi khi thoát ra khỏi đó với bộ da nguyên vẹn. Có lẽ điều tốt nhất phải làm chỉ là cuốn gói và bỏ tất cả lại sau lưng. Cha tôi thường dạy tôi rằng đừng dây dưa mãi với cái gì đang làm hại mình.

- Vâng, thưa ông.

- Còn có gì khác không?

- Vâng, thưa ông?

- Điều gì?

- Khi ở trong trại cải tạo tôi đã giết một chàng trai.

Viên thẩm phán ngồi thụt vào ghế bành. Nào. - Ông nói.

- Tôi rất tiếc phải nghe điều đó.

- Điều đó vẫn làm tôi ray rứt.

- Anh hẳn đã bị đôi chút khiêu khích.

- Tôi đã, nhưng không làm sao được. Anh ta muốn đâm chết tôi. Tôi chỉ cố thắng anh ta.

- Tại sao điều đó làm anh bận lòng?

- Tôi không biết. Tôi không biết gì về anh ta. Tôi thậm chí không biết cả tên anh ta. Anh ta có thể từng là một gã trai khá tốt. Tôi không biết. Tôi không biết anh ta cần phải chết.

Cậu ngược nhìn. Ánh mắt cậu long lanh trong ánh lửa. Viên thẩm phán ngồi nhìn cậu.

- Anh biết gã không phải là một gã trai khá tốt. Phải không?

- Vâng, thưa ông. Tôi đoán thế.

- Anh hẳn không muốn làm một quan tòa, đúng không?

- Không, thưa ông. Tôi chắc chắn không muốn.

- Tôi cũng không.

- Ông?

- Tôi không muốn làm một quan tòa. Tôi là một luật sư trẻ đang hành nghề ở San Antonio và tôi trở về đây khi cha tôi bệnh và tôi đi làm việc cho ủy viên công tố hạt. Tôi chắc chắn không muốn làm một quan tòa. Tôi cảm thấy khá nhiều cái cảm giác như của anh. Nhưng tôi vẫn làm.

- Điều gì làm ông thay đổi suy nghĩ?

- Tôi không biết là mình đã thay đổi. Tôi chỉ nhìn thấy quá nhiều sự bất công trong hệ thống tòa án và tôi thấy những người cùng độ tuổi tôi đã ở những vị thế quyền lực mà tôi đã lớn lên cùng, và đã chai lì với một thực tế khô cứng khiến lương tri phải tê liệt. Tôi nghĩ chỉ là tôi không có bất kỳ sự lựa chọn nào. Không có sự lựa chọn nào. Tôi đã đưa một chàng trai trong hạt này lên ghế điện ở Huntsville năm 1932. Tôi suy nghĩ về điều đó. Tôi không nghĩ hắn là một gã trai tốt. Nhưng tôi nghĩ về chuyện đó. Liệu tôi có làm thế nữa không? Vâng, tôi sẽ tiếp tục làm thế.

- Tôi gần như đã làm vậy lần nữa.

- Làm gì, giết ai đó nữa sao?

- Vâng, thưa ông.

- Gã đại úy người Mexico?

- Vâng thưa ông. Đại úy. Bất luận hắn là gì. Hắn là cái mà họ gọi là tên mặt thám. Thậm chí không phải là một cảnh sát chân chính.

- Nhưng anh cũng không.

- Không, thưa ngài. Tôi không.

Họ ngồi. Lửa trong lò đã cháy thành than. Bên ngoài gió đang gầm gào và chẳng mấy lúc nữa cậu sắp phải ra ngoài đó.

- Mặc dù không cố tâm làm chuyện đó, nhưng tôi tự nhủ là tôi có làm. Nhưng không. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ không đến và đưa gã đi. Dù sao tôi cũng mong gã chết phứt đi.

Cậu ngẩng lên khỏi ngọn lửa và nhìn viên thẩm phán.

- Tôi thậm chí đã không nổi điên với gã. Hoặc tôi không cảm thấy điều đó. Chàng trai mà gã bắn, tôi hầu như không biết về anh ta. Tôi cảm thấy tội tệ về chuyện đó. nhưng cậu ta chẳng là gì với tôi.

- Tại sao anh nghĩ là anh muốn giết gã ta?

- Tôi không biết.

- Ô. - Viên thẩm phán nói. - Tôi đoán đó là một chuyện gì giữa anh và ông trời. Anh có nghĩ vậy không?

- Vâng, thưa ông. Tôi không muốn nói tôi chờ đợi một câu trả lời. Có lẽ chẳng có câu trả lời nào hết. Tôi chỉ bút rút một nỗi ông có thể nghĩ tôi là thứ gì đó đặc biệt. Không đâu.

- Ô, sự bút rút đó không phải là một thái độ tệ hại đâu.

Cậu cầm lấy mũ và giữ nó bằng cả hai tay. Trông như cậu sắp đứng lên, nhưng không.

- Lý do tôi muốn giết gã là vì tôi đã đứng đó và để gã lôi chàng trai vào đám cây, rồi bắn cậu ta mà tôi chẳng nói gì cả.

- Điều đó hẳn đã có một tác dụng tốt?

- Không, thưa ông. Nhưng cũng chẳng làm cho nó đúng.

Viên thẩm phán nghiêng người từ ghế của mình và lấy que cời đang dựng trên lò sưởi để đẩy than vào và dựng que cời trở lại, khoanh tay lại, nhìn chàng trai.

- Anh sẽ làm gì nếu ngày hôm nay tôi tuyên án chống lại anh?

- Tôi không biết.

- Ô, tôi nghĩ đó là một câu trả lời thẳng thắn.
- Đó không phải ngựa của họ. Điều đó khiến tôi áy náy.
- Vâng. - Thẩm phán nói. - Tôi nghĩ vậy.
- Tôi cần phải tìm ra con ngựa thuộc về ai. Việc đó cứ như thế cái cối đá buộc cổ tôi vậy.
- Chẳng có gì sai về phía anh cả, chàng trai. Tôi nghĩ anh sẽ sớm cảm thấy nhẹ nhõm.

- Vâng thưa ông. Tôi đoán vậy. Nếu tôi còn sống.

Cậu đứng dậy.

- Cảm ơn vì ông đã dành thời gian mời tôi vào nhà. Và vì tất cả.

Viên thẩm phán đứng lên. Anh có thể trở lại thăm tôi bất kỳ lúc nào. - Ông nói.

- Vâng, thưa ông. Tôi cảm kích điều đó.

Bên ngoài trời lạnh nhưng viên thẩm phán đứng trên hành lang với áo choàng và dép lê trong khi cậu cỡi dây ngựa và dắt hai con ngựa kia rời lên ngựa. Cậu quàng ngựa, nhìn ông ta đang đứng trong ánh sáng cánh cửa, và cậu vẫy tay; viên thẩm phán vẫy tay đáp trả và cậu cưỡi ngựa xuống con phố qua những vùng sáng đèn cho đến khi cậu biến mất vào bóng đêm.



Sáng chủ nhật sau, cậu đang ngồi trong một quán cà phê ở Bracketville Texas uống cà phê. Chẳng có ai khác trong quán ngoại trừ người đứng quầy và anh ta ngồi trên chiếc ghế đầu sau cùng ở cuối quầy hàng phỉ phèo thuốc lá

và đọc báo. Có một cái radio đang mở đằng sau quầy và một lúc sau có một giọng nói rằng đây là *Giờ giảng phúc âm của Jimmy Blevins*.

John Grady ngược lên. Đài phát thanh đó ở đâu vậy? -
Cậu hỏi.

- Del Rio. - Người đứng quầy đáp.

Cậu đến Del Rio vào khoảng bốn giờ rưỡi chiều và đến lúc tìm thấy nhà của Blevins thì trời đã sắp tối. Mục sư sống trong một ngôi nhà toàn bằng gỗ màu trắng với một con đường rải sỏi và John Grady xuống ngựa tại hòm thư và dẫn những con ngựa đi dạo trên đường đến mặt sau nhà và gõ cửa bếp. Một phụ nữ tóc hoe, dáng người nhỏ nhắn nhìn ra. Bà ta mở cửa.

- Thưa? - Bà ta nói. - Tôi giúp gì được ông?

- Vâng, thưa bà. Mục sư có ở nhà không?

- Anh muốn gặp ngài vì việc gì?

- À. Tôi đoán tôi muốn gặp ngài vì một con ngựa.

- Một con ngựa?

- Vâng, thưa bà.

Bà ta nhìn qua cậu và những con vật đang đứng. Con nào? - Bà ta hỏi.

- Con hồng. Con lớn nhất ấy.

- Ngài sẽ ban phép lành cho nó, nhưng ngài sẽ không đặt tay lên nó đâu.

- Thưa bà?

- Ngài sẽ không đặt tay lên lũ súc vật.

- Ai ngoài ấy vậy, cưng? - Một người đàn ông trong bếp gọi với ra.

- Một chàng trai với một con ngựa. - Bà trả lời.

Mục sư bước ra trên hành lang. Ồi chà chà. - Ông nói và nhìn chòng chọc vào những con ngựa.

- Tôi xin lỗi đã quấy rầy thưa ngài, nhưng đó có phải ngựa của ông không?

- Ngựa của tôi? Tôi chưa bao giờ có con ngựa nào trong đời.

- Anh có muốn ngài ban phép lành cho con ngựa không?

- Người phụ nữ nói.

- Ngài có biết cậu bé nào chừng mười bốn tuổi tên là Jimmy Blevins không?

- Chúng tôi từng có một đứa. Đến là ương bướng. Và tai quái nữa. Cậu bé tên Jimmy Blevins? Anh muốn nói đơn giản là Jimmy Blevins?

- Vâng, thưa ngài.

- Không, không. Tôi nhớ không mà. Có bao nhiêu là Jimmy Blevins trên đời, nhưng là Jimmy Blevins Smith và Jimmy Blevins Jones kia. Không tuần nào trôi qua mà chúng tôi không nhận được một, hai lá thư kể về một Jimmy Blevins này Jimmy Blevins nọ. Đúng vậy không cưng?

- Thật vậy.

- Chúng tôi nhận chúng từ nước ngoài, anh biết đấy. Jimmy Blevins Chang. Đứa mà chúng tôi có gần đây. Cậu bé đáng yêu kêu gào luôn miệng. Họ đã gửi những tấm hình, anh biết đấy. Ảnh chụp nhanh. Tên anh là gì?

- Cole. John Grady Cole.

Mục sư chìa tay ra và họ bắt tay nhau. Mục sư trầm ngâm. Cole. - Ông nói. - Chúng tôi có thể có một Cole. Tôi không thích khi phải nói rằng chúng tôi không có. Anh ăn tối chưa?

- Chưa, thưa ngài.

- Chắc ơ, có thể anh Cole đây sẽ thích dùng bữa với chúng ta. Anh thích gà và bánh bao nhân táo chứ, anh Cole?

- Thưa ngài, tôi thích. Cả đời tôi luôn khoái chúng.

- Ô anh sẽ càng có lý do để thích hơn với bữa ăn ngon nhất mà anh từng ăn, do vợ tôi làm.

Họ ăn trong nhà bếp. Người phụ nữ nói: Chúng tôi chỉ ăn trong nhà bếp vì đằng nào cũng chỉ còn có hai chúng tôi.

Cậu không hỏi còn thiếu ai nữa. Mục sư đợi bà yên vị, rồi cúi đầu cầu nguyện ban phép lành cho bữa ăn và chiếc bàn cùng những người đang ngồi ở đó. Khá dài dòng ông tiếp tục chúc lành cho tất tần tật mọi thứ cho đến quốc gia và sau đó ông chúc lành cho vài quốc gia khác nữa. Rồi ông nói chuyện về chiến tranh và đói kém và sứ mệnh truyền giáo cùng những vấn đề khác trên thế giới với sự quan tâm đặc biệt đến nước Nga và người Do Thái và tục ăn thịt người và ông đọc lời nguyện nhân danh chúa Jesus và giờ tay với lấy miếng bánh ngô.

- Người ta luôn muốn biết tôi đã bắt đầu ra sao. - Ông nói. - Vâng, với tôi chẳng có gì bí mật cả. Hễ khi nghe đài tôi đều biết nó dành cho cái gì và cũng không phải không có những vấn đề về nó. Anh của mẹ tôi đã tậu một hệ thống máy thu thanh. Mua nó qua thư. Nó được gửi đến trong một hộp

và anh phải lắp ráp lại. Chúng tôi sống ở miền Nam Georgia và dĩ nhiên chúng tôi đã nghe radio. Chúng tôi chưa bao giờ thật sự được tận mắt xem một vở kịch. Đó là cả một thế giới khác. Vâng. Tôi biết nó dành cho cái gì. Vì không thể không có những lý do khác nữa, anh thấy đó. Một người có thể khiến trái tim mình chai sạn tới nỗi anh ta không còn có thể nghe lời Chúa nữa, nhưng khi anh vặn radio cho thật lớn? Vâng, sự chai sạn của trái tim sẽ chẳng còn là gì nữa. Ngoại trừ là anh ta thật sự điếc đặc. Có một mục đích cho mọi thứ trong đời này, anh thấy đó. Đôi khi có thể thật khó để thấy đó là gì. Nhưng còn radio? Ồ, vâng. Không còn gì đơn giản hơn. Ngay từ đầu radio đã nằm trong kế hoạch của tôi. Đó là cái đã đưa tôi đến địa vị mục sư.

Ông lấy thức ăn đẩy đĩa khi nói, đoạn ông dừng nói và ăn. Ông không phải một người to lớn nhưng ông ăn những hai đĩa to đầy to ụ, đoạn thêm một suất lớn bánh gatô nhân đào và ông uống vài cốc sữa.

Ăn xong, ông lau miệng và đẩy ghế. Ồ. - Ông nói. - Anh thứ lỗi cho. Tôi phải đi làm việc. *Có lúc Chúa cũng phải nghỉ ngơi.*

Ông đứng dậy và biến mất vào nhà. Người phụ nữ dọn ra cho John Grady một suất bánh gatô thứ hai và cậu cảm ơn bà, và bà ngồi lui lại, nhìn cậu ăn.

- Ông ấy là người đầu tiên khiến anh đặt tay trên radio anh biết đấy. - Bà ta nói.

- Thưa bà?

- Ông ấy bắt đầu như thế. Hãy đặt tay lên radio. Ông ấy cầu nguyện qua radio và chữa lành mọi người lắng nghe với bàn tay đặt trên radio.

- Vâng, thưa bà.

- Trước đó người ta gửi đến ông vô số thư và ông cầu nguyện trên chúng, nhưng rồi có nhiều vấn đề kéo theo chuyện đó. Người ta trông mong quá nhiều vào một người chăn chiên của Chúa. Ông đã chữa trị nhiều người và dĩ nhiên mọi người nghe điều đó qua đài phát thanh và tôi không muốn nói điều này nhưng sự việc đã tệ đi. Tôi nghĩ vậy.

Cậu ăn. Bà ta nhìn cậu.

- Họ gửi người chết đến. - Bà nói.

- Thưa bà?

- Họ gửi người chết đến. Đóng hòm họ và chở họ trên tàu hỏa tốc. Điều đó nằm ngoài tầm tay. Anh không thể làm được gì với một người chết. Chỉ có Chúa Jesus có thể làm điều đó.

- Vâng, thưa bà.

- Anh có muốn chút sữa nữa không?

- Vâng, cảm ơn bà. Nơi này tốt kinh khủng.

- Tôi vui vì anh thích nó.

Bà đổ sữa vào ly của cậu và ngồi lại.

- Ông ấy làm việc vất vả với địa vị mục sư của mình. Người ta không hình dung được đâu. Anh có biết rằng tiếng nói của ông truyền đi khắp thế giới không?

- Thật vậy sao?

- Chúng tôi nhận những lá thư từ Trung Quốc. Thật khó tưởng tượng. Những con người bé nhỏ thân mến quây quần quanh radio ở đó. Lắng nghe Jimmy.

- Tôi không nghĩ là họ biết ngài ấy đang nói gì.

- Những lá thư từ Pháp. Những lá thư từ Tây Ban Nha. Từ cả thế giới. Giọng ông nghe như tiếng nhạc vậy, anh thấy đó. Khi ông gơ tay lên ban phúc? Họ có thể đang ở Timbuctoo. Họ có thể đang ở Nam cực. Chẳng có gì khác biệt. Tiếng nói ông ở đó. Không có nơi nào anh đến được mà không có ông ở đó. Trong không trung. Mọi lúc. Anh chỉ cần bật radio.

- Dĩ nhiên họ đã cố đóng trạm phát thanh, nhưng nó vẫn vang khắp Mexico. Đó là lý do tiến sĩ Brinkley đã đến đây. Để nhìn thấy trạm phát thanh đó. Anh có biết rằng họ có thể nghe nó trên sao Hỏa?

- Không, thưa bà.

- Vâng, họ có thể. Khi tôi nghĩ về họ ở trên đó đang lần đầu tiên được nghe những lời của Chúa Jesus thì nước mắt tôi cứ muốn trào ra. Đúng vậy đó. và Jimmy Blevins đã làm điều đó. Chính ông ấy.

Từ bên trong nhà có tiếng ngáy dài nặng nề vang lên. Bà mỉm cười. Cục cưng tội nghiệp. - Bà nói. - Chắc ông ấy kiệt sức rồi. Người ta không tưởng tượng được đâu.

Cậu không bao giờ tìm được chủ nhân của con ngựa. Gần những ngày cuối tháng hai, cậu trôi dạt xuống miền Bắc lần nữa, gò ngựa đi trên những rãnh tháo nước dọc lề những con đường trải nhựa. Tuần đầu của tháng ba, cậu đã quay về San Angelo và vượt qua miền nông thôn quá đỗi thân quen với mình, và cậu đến hàng rào đồng cỏ nhà Rawlins vào lúc trời vừa tối một chút trong đêm ẩm áp và lạnh gió đầu tiên của năm. Và vạn vật hoàn toàn tĩnh mịch và rõ ràng trên những miền đồng bằng phía tây Texas. Cậu cưỡi ngựa tới

chuồng ngựa, xuống ngựa và bước đến ngôi nhà. Có ánh đèn trong phòng Rawlins và cậu đặt hai ngón tay lên miệng, huyết sáo.

Rawlins bước tới cửa sổ và nhìn ra. Trong vài phút anh ta xuất hiện từ nhà bếp và đi quanh hông nhà.

- Là anh đó hả?

- Ừ.

- Thật bất ngờ. - Anh ta nói. - Bất ngờ quá.

Anh ta tiến lại ôm cậu vào ánh sáng và nhìn chòng chọc vào cậu như thể nhìn một cái gì hiếm thấy.

- Tôi đoán là cậu có thể mong con ngựa cũ của mình quay về. - John Grady nói.

- Tôi không thể tin được. Anh dắt theo con Junior đấy à?

- Nó đang đứng trong chuồng ngựa đằng kia.

- Thật bất ngờ. - Rawlins nói. - Thật không thể tin được.

Họ cưỡi ngựa lên thảo nguyên và ngồi trên đất, để lũ ngựa đi nhẩn nha với dây cương thả xuống, và cậu kể với Rawlins tất cả những gì đã xảy ra. Họ ngồi rất lặng lẽ. Trăng vàng vọt treo trên bầu trời phía tây và những hình thù dài dẹt của những đám mây đêm trôi qua nó như một phi đội ma quái.

- Cậu đã gặp mẹ cậu chưa? - Rawlins nói.

- Chưa.

- Cậu có biết cha cậu đã qua đời?

- Có. Tôi đoán tôi biết điều đó.

- Bà ấy đã cố báo tin cho cậu ở Mexico.
- Vâng.
- Mẹ của Luisa bệnh thật rồi.
- Abuela?
- Ừ.
- Mọi người làm ăn ra sao?
- Tôi đoán là ổn cả. Tôi đã gặp Arturo trong thị trấn. Thatcher Cole tìm cho ông ta một công việc tại trường học. Quét dọn và những việc đại loại.
- Còn bà ấy?
- Tôi không biết. Bà ấy khá già rồi.
- Ừ.
- Sắp tới cậu định làm gì?
- Biến khỏi đây.
- Đi đâu?
- Tôi không biết.
- Cậu có thể phát tài với nghề khoan dầu. Lương cao lắm mà.
- Ừ. Tôi biết.
- Cậu có thể ở đây, trong nhà này.
- Tôi nghĩ tôi sắp phải đi.
- Đây vẫn là một xứ tốt lành.
- Ừ. Tôi biết điều đó. Nhưng đó không phải xứ sở của tôi. Cậu đứng dậy, quay lưng nhìn xa xăm về phía bắc nơi

những ánh điện của thành phố treo trên hoang mạc. Đoạn cậu bước đi và nắm lấy dây cương, lên ngựa, cưỡi đi, và nắm theo dây cương con ngựa của Blevins.

- Giữ lấy ngựa của cậu. - Billy nói. - Không thì nó đi theo tôi mất.

Rawlins bước tới, nắm dây cương con ngựa.

- Quê cậu ở đâu? - Anh ta hỏi.

- Tôi không biết. - John Grady nói. - Tôi không biết nó ở đâu. Tôi không biết điều gì đã xảy ra ở quê nhà.

Rawlins không trả lời.

- Sau này gặp lại, anh bạn già. - John Grady nói.

- Được rồi. Sau này gặp lại.

Anh ta giữ con ngựa của mình trong khi người cưỡi ngựa quay lưng và cưỡi đi và từ từ khuất sau đường chân trời. Anh ngồi trên gót chân, nhìn theo cậu ít lâu nữa, nhưng một lúc sau anh bỏ đi.



Ngày tang lễ diễn ra tại Knickerbocker trời mát lạnh và đầy gió. Cậu quay ngựa vào đồng cỏ về phía mặt xa con đường và ngồi rất lâu nhìn xuống con đường về phía bắc, nơi bầu trời lộ ra u ám và một lúc sau đám đưa tang xuất hiện. Một cỗ xe tang Packard cũ kỹ cùng với nhiều những chiếc xe hơi bụi bặm đủ loại và những chiếc xe tải theo sau. Chúng kéo lê trên con đường dẫn đến nghĩa trang nhỏ của người Mexico. Người ta tràn ra trên đường và những người hộ tang trong y phục đen bạc màu đứng phía sau xe tang và họ khiêng chiếc

quan tài của Abuela qua cổng vào nghĩa trang. Cậu đứng bên kia đường giữ lấy mũ. Không ai nhìn thấy cậu. Họ khiêng bà vào nghĩa trang, theo sau là một mục sư và một chàng trai trong áo choàng trắng đang rung chuông. Họ chôn bà, họ cầu nguyện, họ khóc lóc và kêu gào, rồi dắt díu nhau ra khỏi nghĩa trang, họ than khóc và lên những chiếc xe hơi, quay đầu từng chiếc trên con đường trải nhựa hẹp và ra về trên con đường đã đưa họ đến.

Xe tang đã đi khỏi. Có một chiếc xe tải nhỏ đỗ từ đằng xa con đường; cậu đội mũ và ngồi đó trên chỗ dốc của rãnh tháo nước. Một lúc sau, có hai người đàn ông đi xuống con đường dẫn ra khỏi nghĩa trang với những cái xẻng trên vai và họ bước xuống con đường, đặt những cái xẻng vào thùng xe tải rồi vào xe lái đi.

Cậu đứng, rồi bước qua đường và đi vào nghĩa trang qua những mộ phần bằng đá cũ kỹ và qua những tấm bia nhỏ cùng những dòng chữ nhỏ nhỏ khắc trên chúng, những bông hoa bằng giấy bạc màu vì ánh mặt trời, một bình sứ, một bức tượng Đức Mẹ bằng chất dẻo. Những cái tên cậu biết hoặc không biết. Villareal, Sosa, Reyes. Jesusita Holguín. Nació. Falleció. Một con sếu bằng sứ. Một bình thủy tinh đục sứt mẻ. Những vườn hoa dọn sóng đằng xa, gió thổi trên những cây tuyết tùng. Armendares. Ornelos. Tiodosa Tarín, Salomer Jáquez. Eпитacio Villareal Cuéllar.

Cậu đứng, mũ cầm tay trên mặt đất vô định. Người phụ nữ này đã làm việc cho gia đình cậu năm mươi năm. Bà đã chăm nom mẹ cậu khi còn bé và bà đã hiểu biết và chăm sóc những chàng trai hoang dã nhà Glady vốn là những chú bác của mẹ cậu và tất cả đã chết từ lâu. Cậu đứng đó, cầm chiếc

mũ và gọi tên bà, nói lời vĩnh biệt bà bằng tiếng Tây Ban Nha, đoạn quay lưng đội mũ và ngoảnh gương mặt đắm địa nước mắt vào trong gió lộng và trong một khoảnh khắc cậu đã dang rộng đôi tay như thể để giữ lấy thăng bằng hoặc để chúc phúc cho mặt đất hoặc có lẽ như để làm chậm lại thế giới đang quay cuồng và dường như chẳng màng gì đến những chuyện sinh lão hoặc giàu nghèo hoặc tăm tối hoặc xanh xao hoặc tươi hoặc anh. Chẳng còn lại gì cho những tranh đấu của họ, chẳng còn gì cho tên tuổi của họ. Chẳng còn lại gì cho kẻ sống cũng như kẻ chết.



Vào ngày thứ tư, cậu vượt qua sông Pecos tại Iraan Texas và cưỡi ngựa qua khỏi những nhánh sông đứt đoạn nơi những giàn khoan ở Yates Field nằm dọc theo đường chân trời nhô lên và lồm xướng như những con chim máy. Như những con chim nguyên thủy to lớn vươn mình từ sắt thép bởi tin đồn trong một xứ sở có lẽ là nơi từng tồn tại những con chim đó. Lúc bấy giờ vẫn còn có những người da đỏ cắm trại trên những bình nguyên phía tây và vào cuối ngày trên lưng ngựa cậu đã vượt qua một khóm lúa thừa những ngôi nhà của họ dựng trên cái hoang mạc tịch liêu và run rẩy đỏ. Chúng có lẽ cách một phần tư dặm về phía bắc, những túp lều tạm bợ làm từ những sào chống và bụi cây với vài tấm da dê phủ lên chúng. Những người da đỏ đứng nhìn cậu. Cậu có thể thấy chẳng ai trong họ nói gì với nhau hoặc bình luận về cái kẻ cưỡi ngựa là cậu hoặc có một cái vẫy tay hoặc gọi cậu. Họ hoàn toàn chẳng có chút hiếu kỳ về cậu. Như thế họ đã biết tất tột những gì cần biết. Họ đứng và nhìn cậu đi qua, đơn độc biến mất khỏi khung cảnh. Chỉ là vì cậu sẽ biến mất.

Hoang mạc nơi cậu đi qua rực đỏ một màu, bụi đất đỏ nhuộm chân con ngựa của cậu, con ngựa cậu dắt đi. Chiều đến một cơn gió thổi qua nhuộm đỏ cả bầu trời trước mặt cậu. Chẳng thấy có mấy con gia súc vì đây quả thật một vùng cằn cỗi tuy nhiên đến chiều tối cậu chợt gặp một con bò đơn độc gồng mình trong gió bụi dưới hoàng hôn đỏ thẫm như máu một con thú bị hạ sát. Bụi đỏ thẫm bay là là trong ánh mặt trời. Cậu kiễng gót chân nhảy lên con ngựa. Cậu cười đi dưới ánh mặt trời phủ màu đồng lên gương mặt và ngọn gió đỏ ối từ phía tây thổi qua khắp vùng đất u tối. Những chú chim hoang mạc nho nhỏ riu rít giữa những cây dương xỉ khô quắt, và người cưỡi ngựa cùng con ngựa đi qua, người trước ngựa sau, những chiếc bóng dài trôi đi như bóng của một sinh vật duy nhất. Đi qua và mịt mờ dần trong mảnh đất đang tối sẫm lại, thế giới mà họ phải đến.

Những Con Tuần Mã

CORMAC MCCARTHY

Nguyễn Quang dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Đỗ Thị Phần

Biên tập: Ngô Liêm Khoan

Sửa bản in: Xuân Các

Bìa: Phong Trần

Trình bày: Linh Chi

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

90 Kỳ Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84.8) 38216009 - 391424190 * Fax: (84.8) 39142890

E-mail: nxbsaigon@vnn.vn - bientappvhsg@yahoo.com

Liên kết xuất bản:

Công ty CPTM-DV MekongCom

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn, khổ 13 x 21cm, tại

Xí nghiệp In Fahasa - 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số đăng ký KHXB: 694-2009/CXB/19-17/VHSG.

Quyết định số: 25/QĐ-VHSG ngày 25 tháng 1 năm 2010

In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2010

BỘ BA TÁC PHẨM

VỀ VÙNG BIÊN GIỚI

Cormac McCarthy

NHỮNG CON TUẦN MÃ

ALL THE PRETTY HORSES



Cormac McCarthy

Truyện ngắn đầu tay của tác giả nổi tiếng nhất thế giới hiện đại

Được chuyển thể thành phim



VƯỢT LẤN RANH

THE ROAD

ĐƯỢC CHUYỂN THỂ THÀNH PHIM



Cormac McCarthy

THÀNH PHỐ
TUNG THẢO NGUYÊN



Những Con Tuần Mã

CORMAC MCCARTHY

Nguyễn Quang dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Đỗ Thị Phần

Biên tập: Ngô Liêm Khoan

Sửa bản in: Xuân Các

Bìa: Phong Trần

Trình bày: Linh Chi

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84.8) 38216009 - 391424190 * Fax: (84.8) 39142890

E-mail: nxbsaigon@vnn.vn - bientappvhsg@yahoo.com

Liên kết xuất bản:

Công ty CP TM-DV MekongCom

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn, khổ 13 x 21cm, tại

Xí nghiệp In Fahasa - 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số đăng ký KHXB: 694-2009/CXB/19-17/VHSG.

Quyết định số: 25/QĐ-VHSG ngày 25 tháng 1 năm 2010

In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2010